



CHIẾN CÔNG CỦA MỘT XÁC CHẾT

EWEN MONTAGU

Bản dịch
Nguyễn Quốc Trụ và Anh Bá

NHÀ XUẤT BẢN VÀNG SON - 1974

epub@vctvegroup
25-11-2017

Phần I

Chiến Dịch Thập Ba-Tê

Lời Tựa

(*Của Huân tước Ismay Tổng Thư ký Minh ước Bắc Đại Tây Dương từ năm 1940 đến 1946, Tham Mưu trưởng của Tổng trưởng Quốc Phòng Winston Churchill*)

Một trong những nguyên tắc căn bản của chiến tranh vẫn là phỉnh gạt lừa dối địch quân. Bởi vậy những “mưu mẹo quân sự” bất kể loại nào, đã từng đóng một vai trò trong hầu hết trận mạc khi có vụ *Con Ngựa Thành Troie*, và ngay cả trước đó. Trò này người ta diễn mãi từ lâu rồi, nên khó lòng nghĩ ra phương pháp mới để che dấu lực lượng hoặc mưu đồ của mình. Ngoài ra phải săn sóc tỉ mỉ để sửa soạn và tiến hành các kế hoạch đó, nếu không muốn bị nguy cơ chỉ vẽ cho địch quân biết tin tức thay vì đánh lạc hướng chúng.

Sau những trận đánh ở Tunisie, Đồng minh quyết định xâm lăng Ý qua đảo Sicile. Chúng tôi tin chắc quyết định này là một hệ luận hiển nhiên cho chiến tranh Bắc Phi, địch quân phải trông đợi và tập trung lực lượng để đương đầu. Vậy làm thế nào để phỉnh gạt chúng?

Tôi còn nhớ mãi một buổi chiều người ta đem đến cho tôi những nét đại cương một kế hoạch lừa địch sau đó đặt cho cái tên gồm ghiếc: *Chiến dịch thịt Ba-tê*. Phải thú nhận rằng tôi khá hoài nghi về kết quả, nhưng khi đệ trình lên, được các chỉ huy Tham mưu chấp thuận nguyên tắc. Sau đó Đại úy Hải quân Montagu, người đề xướng ra ý kiến, cùng với các bạn đồng nghiệp hăng hái bắt tay vào việc, để cho kế hoạch này được phong phú siêu phàm.

Chiến dịch thắng lợi vượt xa hy vọng lớn lao nhất của chúng tôi. Phân tán những cố gắng phòng thủ của Đức ra khắp Âu châu, đến chiến hạm của họ phải rời đảo, đó là một chiến công phi thường đáng để những người đổ bộ lên Sicile và gia đình họ phải đặc biệt tri ân.

Ít khi có thể công bố câu chuyện một *Chiến dịch Mật* do một người biết hết chi tiết thuật lại. Những học viên các trường quân sự sẽ thưởng thức cơ hội may mắn được biết một giai đoạn liên quan đến một ngành chuyên môn của nghệ thuật chiến tranh. Các độc giả khác sẽ thích coi “câu chuyện chấn động có thực”, một lần nữa chứng minh rằng sự thật còn quái đản hơn là giả tưởng.

Paris, ngày 7 tháng Sáu 1953

Lời Tác Giả

Chuyện này tường trình đúng sự thật một chiến dịch xảy ra trong những năm 1942-1943.

Tôi tự hạn chế đúng mức, chỉ thuật tại những sự kiện cá nhân riêng tôi biết, hoặc phát xuất từ những tài liệu và báo cáo hiện đại. Tôi cố gắng làm một tác giả truyện ký vô tư, loại trừ tất cả những nguồn tin ít nhiều không xác thực.

Chúng tôi phải kín đáo dè dặt cho tới ngay cả với một cuốn tiểu thuyết, một phần căn cứ vào chiến dịch và những ký ức của Đức viết ám chỉ đến tài liệu đã được sử dụng để tổ chức chiến dịch này, tất cả dĩ nhiên đã khiến cho không thể giữ hoàn toàn bí mật mãi được.

Các nhà đương cuộc hẳn xét thấy việc tiết lộ không đầy đủ, nguy hiểm và bất lợi nên chính thức cho phép tôi công bố tất cả câu chuyện.

Chiến dịch được hoàn thành do một nhóm người, tiếc thay phải giấu tên, vì một vài phần tử vẫn còn làm việc trong Chính phủ. Bởi vậy tên của anh Georges cũng là tên giả, cố nhiên tôi cũng phải giữ bí mật lý lịch Thiếu tá Martin. Khi tôi dẫn chứng những nhân vật khác, tôi ghi chức vụ và cấp bậc của họ về thời đó.

Nghiên cứu về chuyện này có bổ ích. Từ nay về sau, nếu người ta nói đến “sơ hở, tiết lộ”, trước khi chê trách các Sở An ninh chúng tôi, có lẽ công chúng sẽ tự hỏi: “Vụng dại hay xảo quyệt?”

Tôi phải cảm ơn Huân tước Ismay về bài tựa và việc ông nâng đỡ trong những năm 1942 và 1943, cảm ơn ông Jack Garbrutt trong báo *Sunday Express*, về hào ý và lời khuyên bảo sáng suốt ông đã cho tôi, nhân dịp lần đầu tiên tôi xâm nhập vào nghề viết.

Tôi cũng phải tri ân sâu xa tất cả các bạn đồng nghiệp của tôi, vì nếu không có sự giúp đỡ chân thành và sáng kiến xuất sắc của họ, *Chiến dịch*

thịt Ba-tê không thể phát hiện được.

Tôi còn muốn tỏ lòng biết ơn Huân tước Norwick đã cho phép tôi xuất bản cuốn sách này.

“Warren Bach”, Beaulieu, 1953

Ewen Montagu

Phát Sinh Một Ý Kiến

Một công dân người Anh hiện đang nằm dưới mộ phần trong nghĩa trang Huelva ở Tây Ban Nha. Cuối thu năm 1942, khi quá vắng trong một buổi chiều sương mù âm thấp tại Anh quốc, công dân này chắc không ngờ lại an giấc nghìn thu dưới bầu trời tươi sáng của xứ Tây Ban Nha sau khi được mai táng trọng thể với tất cả lễ nghi quan cách. Chắc ông ta cũng không ngờ sau khi chết đi lại được việc hơn lúc sống, giúp Đồng minh đỡ thiệt hại hàng ngàn sinh mạng quân sĩ. Thuở sinh thời ông ta không làm gì được cho Tổ quốc, nhưng chết đi lại có ích lợi cho quê hương hơn cả nhiều người suốt đời tận tâm với xứ sở.

Tất cả đều bắt nguồn từ một ý kiến kỳ cục của anh chàng Georges. Georges và tôi cùng làm việc trong một Ủy ban liên lạc mỗi tuần họp một lần, lo về các vấn đề liên quan đến an ninh các chiến dịch đang dự trù. Chúng tôi trao đổi, thảo luận tin tức từ mọi nguồn gốc (của cơ quan chúng tôi, của nước Anh cũng như của các quốc gia trung lập) đồng thời của các điệp viên từ đất địch gửi báo cáo về.

Ủy ban cũng nhận được cả những “dự tính” của Đồng minh dự tính thực hiện ngay hoặc có thể thi hành trong kỳ hạn lâu dài. Với các yếu tố đó, chúng tôi phải cố gắng khám phá những “tiết lộ” bất ngờ và những “biện pháp phòng ngừa” của đối phương.

Công việc không dễ dàng, nhưng chúng tôi là một tập đoàn hoàn hảo: trong Ủy ban không những có các sĩ quan nhà nghề với kinh nghiệm, hiểu biết đáng kể, còn có cả những sĩ quan động viên trong dân sự thuộc mọi giới tu nghiệp khác nhau. Chúng tôi chiết trung nghiên cứu cặn kẽ bất cứ

nguồn tin nào, và đủ sức hiểu biết các việc nên ít có vấn đề xa lạ đối với chúng tôi.

Georges đưa ra một sáng kiến khi chúng tôi thảo luận về bản báo cáo từ Âu châu bị chiếm đóng mới gửi tới. Như đôi khi đã xảy ra, chúng tôi đang tự hỏi báo cáo này có thực đúng hay do người Đức giả tạo đánh lừa Đồng minh.

Georges là một người tài tình, khéo léo, anh ta luôn luôn có những ý kiến kỳ quặc, tinh xảo đến nỗi không thể thực hiện, hoặc rắc rối quá nên khó có hiệu quả, nhưng đôi khi lại hết sức đơn giản.

Chúng tôi đương phân vân: bản báo cáo kia có thật chính xác hay người Đức đã tóm được điệp viên chúng tôi, rồi đội danh hoặc bắt buộc điệp viên đó gửi báo cáo về? Georges nhớ lại mới đây có chỉ thị cấm các sĩ quan không được mang tài liệu mật khi đi phi cơ vì có thể bị hạ trên đất địch, nên phát biểu ý kiến rằng phương pháp tốt nhất để phối kiểm loại tin tức này là làm thế nào để người Đức gửi trở lại sang Anh những tin mà chúng ta biết rằng sai lầm.

Nếu ta thả dù máy truyền tin sang cho kháng chiến Pháp, rồi khi bên Anh nhận được tin gửi về, làm sao biết được máy đó do Đức hay kháng chiến Pháp đánh đi? Nhưng nếu thả máy truyền tin với một xác chết xuống (do một chiếc dù cố tình bị rách), ta sẽ biết ngay máy đó có rơi vào tay địch và đối phương dùng để mạo nhận không? Vì nếu là kháng chiến Pháp họ sẽ cho biết người nhảy dù đã chết, còn Đức quốc xã sẽ sử dụng máy làm như nhân viên của ta còn sống gửi tin về.

Ý kiến này chẳng phải hoàn toàn, nhưng không mấy khó khăn khi thực hiện, vậy đáng đem thí nghiệm xem sao? Georges kết luận: “Tất cả chỉ là: làm sao kiếm được một xác chết?”

Chúng tôi lập tức chứng minh cho Georges thấy sáng kiến của anh ta dở ẹc. Điệp viên được thả dù thường không bao giờ mang mật ký, thời khóa biểu và phương pháp đánh tín hiệu, vậy người Đức làm thế nào đội lốt dùng máy đánh lừa chúng ta được? Ngoài ra, nếu chiếc dù bị rách hoặc không mở tung ra, tất cả những gì thả xuống đều tan rập dưới đất, nếu là thân thể con người chắc chắn sẽ gãy chân tay, da thịt quần áo bị cào xước

nát bết. Khám nghiệm một nạn nhân, Bác sĩ có thể biết thương tích xảy ra trước hay sau khi người đó tắt thở. Vậy đem thả một xác không hồn bằng dù rách xuống đất, khó lòng đánh lừa đối phương và người Đức sẽ thấy ngay xác đó chết từ lâu chứ không phải vì rớt bị thương mà thiệt mạng. Hơn nữa, việc đi tìm một xác người mới chết không phải chuyện dễ, công cuộc lựa chọn thật hết sức hạn chế vì phải kiếm cho được một người té từ trên cao xuống mà tắt thở. Không được, sáng kiến của anh chàng Georges dở ẹc!

Chúng tôi gạt đi để nghiên cứu lại bản báo cáo: đúng hay giả mạo? Nhưng vài tháng sau, ý kiến lỗ lã của Georges bắt đầu thành hình.

Mùa hạ năm 1942, ủy ban chúng tôi bắt tay vào một công tác đại qui mô đầu tiên. Hồi đó Đồng minh đang sửa soạn *Chiến dịch Torche*, đổ bộ Bắc Phi, và lần đầu tiên được chúng tôi đem ra thử lửa những kinh nghiệm từ trước đến nay thu lượm được trong công tác bảo vệ an ninh cho những chiến dịch phạm vi nhỏ hẹp với một số đơn vị tương đối ít ỏi.

Mặc dầu đã làm tất cả để giữ gìn an ninh, bảo mật phòng gian, người ta không thể ngăn cản kẻ thù hiểu biết rằng Đồng minh đang âm thầm tru liệu một hành động nào đó.

- Thứ nhất: Cả thế giới đều rõ Anh-Mỹ không thể đóng vô hạn định ở vị trí của họ: phải có một cuộc đổ bộ vào nơi nào đấy.

- Thứ nhì: Không thể “phong tỏa” các nhà ngoại giao quốc tế: họ di chuyển trong xứ, gặp gỡ trò chuyện với mọi người, không những với các người biết tin tức mật mà cả những người - số nay rất đông - dĩ nhiên phải trông thấy các tàu bè hoặc quân sĩ tập trung trước khi khởi hành, và mặc dầu một số nhân viên ngoại giao nói trên chính thức biểu lộ chính kiến, chúng ta vẫn không tin tưởng thái độ trung lập của họ được. Ngoài ra, một nhân vật ngoại giao dù có thân Anh quốc đi nữa, vẫn phải tường trình về Chính phủ họ những gì đã xảy ra, và khi báo cáo về đến nước họ, thế nào ít ra cũng có một nhà hữu trách hoặc một Tổng Trưởng bị Đức mua chuộc, hoặc vì lý tưởng sẵn sàng trao cho Quốc xã tin tức mật.

- Thứ ba: Lúc nào cũng có những thương gia những nhà doanh nghiệp, những thủy thủ trung lập đi lại thông thương giữa Anh quốc với Âu châu.

Bởi vậy, đừng tính đến chuyện ngăn cản người Đức không cho họ biết mình đang sửa soạn một chiến dịch. Chúng ta chỉ có thể hy vọng đừng để tiết lộ những tin tức thiết yếu: Khi nào đổ bộ và ở đâu?

Trước khi xâm lăng Bắc Phi. Đồng minh chưa đặt chân lên Âu châu, và chiến tranh ở Bắc Phi chỉ là những trận đánh từ phía Đông tiến về phía Tây, vì các đạo quân của chúng ta xuất phát từ căn cứ trong vùng kênh đào Suez. Như vậy Đồng minh có thể tấn công vào bất cứ đâu. Đối với người Đức, chúng ta có thể đổ bộ lên Na Uy, Hà Lan hay Pháp, hoặc vượt qua Tây Ban Nha, có thể chiếm các đảo Canaries hoặc Acore (Đại Tây Dương) để tăng cường chiến tranh chống tàu ngầm. Chúng ta có thể đổ bộ lên Lybie để tấn công hậu tuyến các đạo quân của Tướng Rommel. Chúng ta có thể tấn công vào Âu châu bị chiếm đóng cũng như vào các nước trung lập.

Vì thế, dù đánh lên Dieppe (Pháp) hay quần đảo Lodofen hoặc nơi khác, Ủy ban chúng tôi vẫn phải cố ngăn kẻ thù không cho chúng biết mục tiêu và ngày giờ tấn công thực sự. Nói một cách khác, nhiệm vụ chúng tôi là chuyển hướng kẻ thù về một mục tiêu sai lầm, đánh lạc chúng bằng những bản thông cáo, thí dụ loan tin phân phát cho binh sĩ mũ nón che nắng nếu quân đội sắp sửa thực sự phải đi chiến đấu trên các đảo Lodofen .v...v. Đoạn, phải tích cực gây xáo trộn, rối loạn đến mức tối đa những tin tức thế nào cũng lọt ra khỏi Anh quốc. Tóm lại, phận sự chúng tôi là cố gắng bảo vệ an ninh càng nhiều càng hay, đồng thời ngăn cản những nguồn tin do chúng tôi tung ra khỏi làm tiết lộ mục tiêu chính.

Khi phát động chiến dịch Torche xâm lăng Bắc Phi, chúng tôi vẫn còn hoạt động theo phương pháp nói trên. Sau khi nghiên cứu tường trình của các ban tình báo và biết được người Đức điều động quân sĩ ra sao, chúng tôi nhận thấy phương thức làm việc đó thành công, kết quả tốt đẹp, vì những mục tiêu giả tạo nhiều quá khiến phát xít Đức không thể đoán chắc Đồng minh sẽ tấn công nơi nào.

Thế nhưng, sau khi chiến dịch Torche chấm dứt, vấn đề của chúng tôi được đặt ra lại khác hẳn. Chiến tranh đến khúc rẽ, Đồng minh sắp làm chủ toàn thể miền duyên hải Bắc Phi và sẵn sàng đánh thẳng lên các vùng “trọng yếu, sinh tử” của Âu châu (lời của Thủ tướng Churchill).

Ủy ban chúng tôi được cho hay về khái niệm chiến lược của các vị chỉ huy tham mưu Anh và Mỹ, đôi bên có một vài bất đồng ý kiến, nhưng chắc chắn sẽ đánh lên Âu châu nên chúng tôi phải sẵn sàng đóng vai trò của mình lúc Đồng minh bước sang giai đoạn tấn công.

Khi tất cả bờ biển Bắc Phi đã lọt vào tay Đồng minh, dĩ nhiên không thể rút quân đội ở đó mang về Anh để vượt biển Manche tràn sang đất Pháp, ít ra cũng lưu lại một phần sử dụng tại Địa Trung Hải. Binh sĩ này có thể sát nhập đạo quân chinh phục nước Ý hoặc đổ bộ lên miền Nam nước Pháp hay lên đất Hy Lạp. Ủy Ban chúng tôi phải túc trực đối phó với các quyết định bất thần của Bộ Tham Mưu.

Tình hình chiến lược bắt buộc chúng tôi phải thay đổi phương pháp làm việc.

Nằm giữa Địa Trung Hải, đảo Sicile giống trái banh túc cầu nằm ngay trước mũi nước Ý hình thù y hệt một chiếc ủng. Chưa chiếm được đảo này, các đoàn tàu Đồng minh qua Địa Trung Hải vẫn còn bị thiệt hại nặng nề dù các phi trường ở Bắc Phi đã lọt vào tay chúng ta. Ủy Ban chúng tôi được biết đích xác việc chinh phục đảo Sicile gần như chắc chắn phải thực hiện trước khi mở chiến dịch khác.

Trước khi khởi sự tấn công, bao giờ cũng phải sửa soạn rất lâu, nên chúng tôi bắt tay nghiên cứu mục tiêu mới: phải lo liệu cho trận xâm lăng Sicile ngay trước khi chiến dịch Torche được đề ra. Nhưng, phiền một nỗi: sau khi chiếm hết Bắc Phi, nếu Đồng minh coi Sicile là miếng mồi ngon lành, phía người Đức họ cũng thừa hiểu như vậy. Do đó, theo lời Thủ Tướng Churchill, chẳng cần phải dấu diếm mục tiêu của chúng ta vì “một thằng ngốc đến đâu cũng biết Anh-Mỹ sẽ đổ lên Sicile”.

Vậy thì, lúc cần tới, làm thế nào để ngăn cản Đức-Ý đừng tăng cường phòng thủ ở đó, trong khi họ cũng lý luận chiến lược đúng như Đồng minh, tức là phải tấn công đảo này?

Chúng tôi vò đầu moi óc suy nghĩ thì một tia sáng nảy ra: ý kiến của Georges trước đây ít lâu có thể đem ra thi hành. Tôi nói: “Tại sao chúng ta không lấy một xác chết trá hình làm Sĩ quan Tham mưu mang theo tài liệu quan trọng chứng tỏ rõ rệt Đồng minh sắp đổ bộ lên một nơi khác. Chẳng

cần phải thả dù thây ma xuống mặt đất, vì phi cơ đi từ Anh sang Bắc Phi có thể rớt xuống biển, và thi thể cùng với tài liệu sẽ giạt vào bờ biển Pháp hoặc Tây Ban Nha chỗ nào cũng được nhưng vào Tây Ban Nha vẫn hơn, vì tránh cho thi thể khỏi bị người Đức khám nghiệm kỹ càng. Bề nào người Đức cũng lấy được tài liệu của mình hoặc ít ra cũng lấy được bản sao.”

Ý kiến của Georges vì thế thành hình. Chúng tôi thảo luận sôi nổi các vấn đề có thể xảy ra. Cần phải kiểm soát lại nhiều điểm: Sau một tai nạn phi cơ ngoài biển, tình trạng thi thể sẽ ra sao? Trong trường hợp này người ta thường thiệt mạng vì lý do nào? Mở khám tử thi sẽ thấy những gì? Liệu có kiếm được một xác chết thích nghi không? Và có chắc kiếm được không?

Đó là những câu hỏi đầu tiên cần phải trả lời. Nếu giải đáp được thỏa đáng, kế hoạch sẽ đáng bỏ công nghiên cứu kỹ lưỡng, vì tất cả bọn tôi đều đồng ý tin tưởng: Nếu có dịp, người Tây Ban Nha sẽ không ngần ngại đóng vai trò mà chúng tôi dành cho họ, và như thế thật là một cơ hội may mắn vô cùng.

Điều Tra Sơ Bộ

Kiểm ra một xác chết!? Nói thì dễ thực hiện mới thật khó khăn, chúng tôi biết như vậy nhưng không thể tưởng tượng khó khăn đến mức nào?

Thật ra, sáng kiến của Georges đối với chúng tôi không mấy hấp dẫn, vì ngay cả trong thời chiến tranh, sự tôn trọng tính chất thiêng liêng của thân thể con người vẫn là một lượng năng mạnh mẽ. Tuy nhiên, ý thức đó được chúng tôi cân nhắc chầm chước với suy tư sau đây: Có thể tiết kiệm nhân mạng bằng việc sử dụng nhất thời một xác chết, và xác đó chắc chắn sẽ được mai táng đàng hoàng.

Trong một cuốn tiểu thuyết, độc giả sẽ đoán rằng chúng tôi gặp thân nhân duy nhất của một người chết, đi đúng theo kế hoạch, thân nhân hiếm có này sẽ ửng thuận thân nhiên trao thi hài kẻ quá vãng mà không nêu lên câu hỏi nào. Trong tiểu thuyết, có lẽ đúng, nhưng trong đời... không bao giờ có cả.

Trước khi khởi sự tìm kiếm chúng tôi phải biết đích xác loại thi thể nào thích hợp với kế hoạch. Nếu người Đức chịu tin rằng họ đứng trước một nạn nhân của phi cơ rớt trên mặt biển, chúng tôi phải cung cấp cho họ một xác chết không để lộ dấu hiệu nào tương khắc với giả thuyết này.

Theo ý tôi, cần phải đề cập đến vấn đề y hết kẻ nào đó sau này sẽ tự hỏi khi mổ xác khám nghiệm. Trong cơ thể một người bị sóng biển đánh giạt vào sau tai nạn phi cơ, bác sĩ bệnh lý học sẽ tìm thấy cái gì, hoặc không tìm thấy những gì? Vì khi rớt xuống mặt biển, không cần thiết máy bay phải rập vỡ tan nát, hành khách không cần vỡ đầu gãy cổ, chỉ ngạt nước cũng đủ chết.

Tôi nghĩ ngay đến Sir Bernard Spilsbury, một nhà bệnh lý học kinh nghiệm và kín đáo không ai bằng, và chắc chắn tin tưởng được về sự kín đáo. Chắc chắn ông ta không bép xép và không thuật lại những điều tâm phúc bí mật của tôi với những người ông tin cậy. Sir Bernard là một người biết giữ mồm giữ miệng “câm như hến”, tôi tin ông sẽ chẳng nêu một câu hỏi nào không cần thiết cho vấn đề nhờ ông giải quyết. Với ông, chỉ cần nói chúng tôi đang muốn cho Đức Quốc xã và Tây Ban Nha yên chí chấp nhận thi hài trôi giạt vào bờ là của một nạn nhân phi cơ rớt xuống biển. Thế là đủ rồi, ông sẽ không hỏi tại sao, và cũng không tò mò tìm hiểu lý do nữa.

Tôi điện thoại cho Sir Bernard hẹn gặp gỡ tại câu lạc bộ Garlton Junior, uống rượu xérès rồi trình bày vấn đề của chúng tôi. Sau khi suy nghĩ một lát, ông cho tôi nghe một loại điều trần giản lược nhưng đầy đủ đã từng thuyết phục biết bao bồi thẩm đoàn và cả các quan tòa nữa. Nếu chỉ cần một xác chết trôi lênh bênh với chiếc phao ngang lưng, chúng tôi có thể sử dụng thi hài một người chết đuối hoặc chết vì bất cứ lý do thường nào. Nạn nhân phi cơ rớt xuống biển đôi khi thiệt mạng vì thương tích gây ra hoặc vì ngợp nước nghẹt thở, nhiều người còn chết vì lạnh cóng hoặc va chạm mạnh.

Đúng như tôi tin tưởng, Sir Bernard là con người kỳ lạ chỉ biết nghe và trả lời, không bao giờ lộ vẻ tò mò như đáng lẽ phải cảm thấy, về vấn đề bệnh lý học tôi đưa ra, ông có nêu một vài câu hỏi nhưng tuyệt nhiên không một lần nào chất vấn tại sao tôi lại muốn biết những điều này, và biết để làm gì?

Tuy nhiên, công cuộc tìm kiếm không phải dễ dàng. Chúng tôi không thể công khai hoạt động, bằng bất cứ mọi giá phải tránh để thiên hạ khỏi bàn tán xôn xao, không thể liêu lĩnh để rồi người ta nhớ ra có một kẻ đã đi tìm kiếm xác chết. Tìm kiếm như thế chắc chắn sẽ gây ra bép xép ngòi lê đôi mách: “Này, bạn biết chưa? Chuyện lạ lùng quá! Bữa trước có anh chàng hỏi bạn hẳn muốn tìm một xác chết .v...v...”

Bởi thế, phải thận trọng lắm. Năm đó, 1942, chúng tôi thiếu gì xác chết! Vậy mà không lấy được một thây ma nào! Đúng như bài thơ *Ancient Marinel* (người thủy thủ già) của Coleridge: Xác chết, chỗ nào cũng có xác

chết, không có được một cho chúng tôi. Hoặ nói như kiểu Pirandello: “Sáu vị sĩ quan đi tìm... một người chết”!

Đã có lúc chúng tôi lo ngại rồi đến phải đào mồ lấy một tử thi, hoặc bắt chước hai tên sát nhân Burke và Hare đầu thế kỷ 19, chuyên môn bóp ngạt thiên hạ lấy thi hài bán cho các nhà bác học giải phẫu. (Burke và Hare đều bị lên án tử hình năm 1829 vì tội ác kể trên).

Dĩ nhiên, chúng tôi đâu có làm những chuyện ấy được. Chúng tôi liên lạc với những sĩ quan tin cậy được trong ngành quân y, kín đáo điều tra, nhưng khi sắp vớ được một món, thế nào cũng xảy ra một vài khó khăn: hoặc thân nhân không ưng thuận, hoặc những người này có vẻ đa ngôn bép xép. Cũng có khi chúng tôi gặp phải phiền phức khác, thí dụ như nguyên nhân của cái chết.

Cuối cùng chẳng còn cách nào làm hơn là: hoặc theo gương hai tên sát nhân Burke và Hare, hoặc mở rộng phạm vi tìm kiếm, đánh liều gọi tò mò ngờ vực của thiên hạ. Thế rồi lúc đó chúng tôi được tin có một người vừa mới bị lạnh quá sưng phổi chết, về phương diện bệnh lý, hình như cái chết này được việc lắm. Chúng tôi vội vàng đi điều tra về quá khứ và gia đình người quá cố, được biết chắc chắn thân nhân ông ta kín đáo, không kể lại những điều chúng tôi sẽ nói với họ. Tuy nhiên vẫn có một vấn đề chủ yếu: liệu có được họ cho phép sử dụng thể xác mà không phải nói rõ định dùng làm gì, và lý do tại sao? Chúng tôi chỉ có thể cam kết với họ rằng mục đích đáng làm và mọi việc phải được sự chấp thuận của nhà đương cục tối cao, di hài sau này sẽ được chôn cất đàng hoàng mặc dầu dưới một danh xưng ngụy tạo.

Họ ưng thuận cho phép, với điều kiện không bao giờ được tiết lộ lý lịch người chết. Vậy tôi chỉ có thể nói: đó là một thanh niên chừng 30 tuổi. Nhưng ngay trước khi qua đời, sức khỏe ông ta không được tốt cho lắm, nhưng cái đó không hề gì, vì, như tôi đã nói với một sĩ quan cao cấp lo lắng về việc ấy: “Ông ta không cần có vẻ một sĩ quan chiến đấu, chỉ cần như một sĩ quan tham mưu là đủ rồi.”

Muốn cẩn thận, tôi đến gặp lại Sir Bernard. Ông tuyên bố hoàn toàn thỏa mãn, bệnh sưng phổi là một điều rất hay, vì trong phổi có lẽ có chất

nước như trường hợp một người chết đuối trong biển cả dậy sóng. Bác sĩ khám nghiệm nếu dự đoán nạn nhân thiệt mạng vì ngộp nước, lúc mổ xác sẽ khó lòng phân biệt được nước biển với chất lỏng trong buồng phổi đang bị thối rữa.

Chấm dứt cuộc thảo luận, Sir Beruard quả quyết nói: “Đừng lo ngại về sự khám xét ở Tây Ban Nha. Muốn khám phá xem anh chàng này chết không phải vì phi cơ rớt xuống biển, cần phải có một nhà bệnh lý học đủ kinh nghiệm như tôi, và bên Tây Ban Nha họ không có đâu!”

Bởi thế chúng tôi yên tâm thu xếp, đặt thi hài vào phòng lạnh cho tới lúc sẵn sàng sử dụng đến nó.

Chiến Dịch Thịt Ba-tê

Bây giờ tôi phải được sự tán đồng tổng quát về nguyên tắc của chiến dịch.

Trước hết như thường lệ cần phải đặt ám hiệu (tên mật cho chiến dịch). Trừ trường hợp một vài chiến dịch do chính Thủ tướng sáng tác danh xưng, các mật hiệu đều lựa chọn trong những ban do chúng tôi thành lập cho các cơ quan quân đội và các bộ chỉ huy.

Tôi bèn đi tra cứu các danh xưng dành riêng cho Hải quân và thấy tên mật “Thịt Ba-tê” vừa mới được trả về cho bản danh sách sau khi đem dùng cho một chiến dịch mới thành công ít lâu trước. Trong thời gian này, ý thức khôi hài của tôi biến thành góm ghiếc, tên mật đó hình như có triệu chứng tốt đẹp nên kế hoạch của chúng tôi trở thành *Chiến dịch thịt ba-tê!*

Cho thi hài trôi giạt vào nơi nào, hoàn toàn thuộc về phần tôi quyết định, tôi bèn lựa chọn Huelva, một nơi thuận tiện nhất nếu công việc trôi chảy vì ở vùng đó người Đức có một điệp viên rất mẫn cán giao du rất rộng trong giới chính quyền Tây Ban Nha. Nếu xác chết giạt vào bờ Huelva, có nhiều hy vọng người ta sẽ đưa cho điệp viên nợ tất cả giấy tờ và đồ vật tìm thấy trong thi thể. Dù gặp trường hợp cản trở, chắc chắn người ta vẫn đưa cho điệp viên những bản sao giấy tờ hoặc đầy đủ chi tiết để y báo cáo với thượng cấp ở Madrid (thủ đô Tây Ban Nha) - Chúng tôi quả quyết như vậy - rồi thượng cấp này sẽ tìm cách ngăn chặn để chiếm đoạt tài liệu ở một nấc bậc cao hơn.

Chúng tôi chỉ ngại xác chết và giấy tờ được trao thẳng cho vị phó lãnh sự Anh ngay lập tức, làm cho không một ai có thể chiếm đoạt được vật gì. Tuy nhiên, sự hợp tác giữa Tây Ban Nha và Đức chặt chẽ quá, nên chuyện

đó không thể xảy ra được. Nếu có một người dân Tây Ban Nha định làm như vậy, rất nhiều đồng bào anh ta sẽ can thiệp để ngăn cản.

Chọn lựa Huelva còn có một điểm lợi: tình này không gần quân cảng Gibraltar quá. Chúng tôi không muốn người Tây Ban Nha gửi ngay xác chết đến quân cảng để mai táng. Thi hài một sĩ quan vô hiệh hữu đưa đến Gibraltar sẽ gây ra bàn tán dị nghị, rồi thế nào cũng đến tai gián điệp Đức, do người Tây Ban Nha thường xuyên ra vào quân cảng cho biết tin.

Tôi đến Bộ Hải quân tìm nhà thủy đạo học để sưu tầm tài liệu về thời tiết và thủy triều ở nhiều vùng duyên hải Tây Ban Nha vào các thời gian khác nhau. May mắn vẫn tiếp tục. Dòng nước thủy triều không thuận lợi lắm, vì chạy theo bờ biển là những cơn gió Tây Nam, mạnh về tháng Tư, thổi thẳng vào đất liền. Tóm lại chuyên viên thủy đạo học nghĩ rằng một “vật” lênh đênh ngoài khơi sẽ giạt vào bờ. Một xác chết có phao nổi bao quanh lưng sẽ được gió thổi dạt mau hơn một “vật” như tôi đã trù liệu với nhà thủy đạo học.

Thế là Huelva được lựa chọn. Gần như chắc chắn xác chết sẽ trôi về bờ biển, nếu mọi việc diễn ra đúng thủ tục thường lệ, thi hài sẽ được trao cho phó lãnh sự Anh để đem chôn cất. Nhưng, như trên đã nói, chúng tôi tin tưởng điệp viên Đức với tài khéo léo nổi danh, sẽ làm đủ mọi cách để tất cả giấy tờ tài liệu - hoặc các bản sao - phải lọt vào tay mật vụ Quốc xã. Chúng tôi hoàn toàn đặt tin nhiệm vào anh ta.

Có địa điểm cho xác chết đến đúng chỗ rồi, chúng tôi còn phải tìm phương tiện chuyên chở nữa. Không thể đem thả dù vì sợ gây thương tích, chỉ còn lại ba cách đưa nó xuống biển: tàu ngầm, thủy phi cơ hoặc một tiểu hạm hộ tống các đoàn tàu chạy dọc theo duyên hải Tây Ban Nha để tạm bứt ra để làm việc ấy.

Dĩ nhiên chỉ có tàu ngầm mới tiến sát vào bờ biển mà không sợ lộ tung tích. Tôi bèn yêu cầu vị Tham mưu phó Hải quân cho phép được thảo luận vấn đề với Đô đốc Barry, Tổng chỉ huy các tàu ngầm, dĩ nhiên tôi nói dự án chỉ mới ở trong vòng nghiên cứu cho kế hoạch, khi được tổ chức hoàn toàn rồi mới đệ trình lên các vị tham mưu trưởng tối cao.

Đô đốc Barry hiểu ngay sáng kiến của Georges khả dĩ thực hiện, nên tôi được đàm thoại sơ bộ với vị Tham mưu trưởng của ông ta. Vị này cho rằng “Thịt Ba-tê” có thể chuyên chở trong một tàu ngầm trên đường đi Malte, vì các tàu này thường đem tới đảo đó những kiện hàng quan trọng nhưng không to lớn quá.

Chúng tôi bàn luận về chỗ đặt xác chết. Nên để ở phía trên hay bên trong tàu? Mặc dầu kích thước chiếc thùng hình ống (chừng hai thước bề dài và 60 phân đường kính) ông Tham mưu trưởng xét thấy có thể đặt trong hầm tàu rồi kéo lên qua chòi canh để vớt xuống biển. Như thế rất giản tiện cho công việc chúng tôi, vì chỉ cần có một chiếc thùng hình ống bằng kim khí thật kín không cần phải chịu đựng được sức nước ép, tức là loại thùng nhẹ và dễ kiếm. Còn phải biết rõ: xác chết chỉ có việc đặt trong một chiếc thùng loại thường suốt thời gian cần thiết sau khi rời phòng lạnh mà không bị thối rữa, hay phải để vào một thứ “bình thủy” vĩ đại?

Bởi thế, lại một lần nữa tôi đến hỏi ý kiến Sir Bernard. Theo ông, nhiệt độ trong thùng tương đối ít quan trọng nếu xác chết thực sự được đông lạnh khi đem đặt vào trong ống. Điều thiết yếu là tổng xuất ra khỏi thùng càng nhiều càng hay chất dưỡng khí làm thối rữa mau chóng. Theo lời ông khuyên, phương pháp tốt nhất là dựng đứng chiếc thùng và đổ đầy chất tuyết thán khí, khi chảy tan ra chất tuyết thán khí ngăn cản khí trời lọt vào. Như thế, có thể thận trọng nhét xác chết vào rồi phủ thêm một lượt tuyết thán khí nữa. Nếu làm kỹ lưỡng, trong thùng sẽ còn rất ít dưỡng khí, thi hài rữa nát chậm đi, lúc vớt lên chẳng khác chi như đã bị ngâm nước nhiều ngày sau một tai nạn phi cơ xảy ra gần bờ biển.

Chúng tôi kiếm được một thùng ống làm bằng hai tấm tôn dày đúc liền lại ở giữa chèn chất ma thạch (ami- ante) phía trên có nắp kín bưng, mép đệm cao su với 16 đinh gai ốc gắn chặt. Mỗi đầu chiếc thùng đều có tay nắm để tiện bề chuyển vận vì tổng trọng lượng, kể cả xác chết vượt quá 185 kilô.

Để bổ túc bản báo cáo về phần chuẩn bị này, tôi phải nói thêm là tôi đã đến thăm Đô Đốc Barby một lần nữa và cho ông hay kế hoạch tiến triển đều, và nếu được chấp thuận dứt khoát, chúng tôi muốn thực hiện chiến

dịch vào cuối tháng Tư. Như vậy có lợi cho tàu ngầm vì lúc đó không có trăng tức là ít bị lộ vị trí khi đi gần bờ biển. Đô đốc quyết định cho sử dụng tàu ngầm Seraph, tàu này có thể hoãn ngày khởi hành sang Malte chừng mười lăm hôm và sẽ dùng thời gian đó để công tác trong hải phận Anh quốc.

Thật là may mắn cho chúng tôi. Đại úy Jewel chỉ huy tàu ngầm, cùng với thủy thủ đoàn đã có nhiều kinh nghiệm về chiến dịch đặc biệt liên quan đến các vụ đổ bộ lên Bắc Phi. Trong các công tác, Đại úy đã có lần tiếp nhận tướng Mark Clark đổ bộ lên bờ biển Bắc Phi để Tướng đó mật đàm với người Pháp xong rồi lại đến đón về.

Tôi dự thảo một “chương trình hành quân” cho Đại úy Jewell. Đô đốc Barry chấp thuận, nhưng theo lời khuyên nhủ của Đô đốc, Đại úy đến văn phòng Bộ Tham mưu để cùng chúng tôi bàn luận cặn kẽ mọi vấn đề.

Tôi đưa cho Đại úy coi bản dự thảo sau đây:

CHIẾN DỊCH THỊT BA-TÊ

1) Mục tiêu: sắp đặt để một chiếc cặp đựng tài liệu trôi đến càng gần càng hay, tỉnh Huelva (Tây Ban Nha) trong tình trạng khiến người ta nghi ngờ cặp đó bị giạt vào bãi biển sau một tai nạn phi cơ ngoài biển, và chiếc cặp do một sĩ quan người Anh mang theo trên đường đi từ Tổng hành dinh của Đồng minh đến Bắc Phi.

2) Phương pháp: Một xác chết mặc đồng phục Thủy quân lục chiến đeo phao kiểu Mac West ngang lưng sẽ được tàu ngầm mang đến cùng với chiếc cặp và một xuống cao su. Thi hài mặc quần áo sẵn sàng (bọc trong chiếc mền để tránh sự cọ sát) đặt vào một thùng ống kín mít, ngoài ghi nhãn hiệu “dụng cụ quang học”. Thùng ống dài gần hai thước, đường kính sáu mươi phân bên trong phẳng nhẵn. Phía trên mở, đóng do một chiếc nắp dầy kín bưng nhờ có vành mép đệm cao su vắn định ốc và vòng đai xiết chặt. Hai đầu thùng ống đều có tay nắm gập xuống được. Có thể nâng nhắc chiếc thùng bằng hai quai đó hoặc chỉ dùng một chiếc phía nắp nhưng tốt

hơn dùng để quai năm phía dưới phải chịu đựng tất cả sức nặng, vì mặc dầu thùng làm thép nhẹ, tổng trọng lượng vẫn lên tới 170 kilô.

3) Địa điểm: Xác chết được thả xuống nước càng gần bờ càng hay, và hết sức kể tỉnh Huelva càng tốt, ưu tiên cho phía Tây Bắc của sông Guadiana. Theo các cơ quan thủy đạo học, trong vùng này thủy triều chạy gần như song hành với bờ biển, vậy cố gắng chọn lúc gió tạt vào đất liền, đó là gió Tây Nam thường thổi lạnh trong mùa này. Kèm theo đây, bản tin tức sau cùng về thủy triều do cơ quan thủy đạo cung cấp.

4) Giao hàng: Kiện hàng sẽ được chuyển vận bằng đường bộ đến chỗ bốc xuống tàu vào ngày tháng thích nghi hết sức kể cận giờ khởi hành càng tốt. Chiếc cặp sẽ được trao cùng một lúc cho vị Đại úy thuyền trưởng. Chiếc xuống cao su được đóng vào một bao riêng biệt.

5) Trù liệu về xác chết: Khi xác chết được đem ra khỏi ống chỉ cần luồn sợi dây “sên” của chiếc cặp vô thắt lưng áo mưa choàng ngoài thi hài. Dây “sên” thuộc loại mang sát người vòng quanh ngực thoát ra phía tay áo, hai đầu có khuy móc, một dính vào chiếc cặp, một để cài vào dây quần vòng quanh mình. Chiếc vòng dây này phải luồn qua thắt lưng áo mưa, làm như vị sĩ quan có lòng buông lỏng cho được thoải mái khi ngồi trong phi cơ nhưng vẫn buộc liền bên sườn để đừng quên hoặc làm rơi xuống. Thế rồi xác chết được thả xuống nước cùng một lúc với chiếc xuống cao su, xuống này phải lênh bênh trôi khác hẳn với tốc độ của xác, vậy đừng quan tâm lắm đến vị trí lúc đặt nó xuống biển. Phải đặt gần thi hài nhưng nếu có thể, đừng gần quá.

6) Nhân vật nào ở Gibraltar được biết vụ này: Sẽ chuẩn bị báo trước cho Đô đốc chỉ huy quân cảng Gibraltar và sĩ quan tham mưu Phòng mật của ông. Ngoài ra không một người nào được biết vụ bí mật.

7) Thông báo tin tức: Nếu chiến dịch hoàn thành, gửi điệp văn báo cáo “Thịt ba-tê đã làm xong”. Nếu bức điện đánh từ Gibraltar, yêu cầu sĩ quan Tham mưu Phòng mật gửi thẳng riêng cho vị Giám đốc Sở Tình báo Hải quân. Nếu điện tín có thể gửi đi trước khi tới Gibraltar, phải làm đúng với chỉ thị của Đô Đốc Barry, tổng chỉ huy đội tàu ngầm.

8) *Hủy bỏ công tác: Nếu chiến dịch phải triệt bỏ, gửi điệp văn “Hủy bỏ Thập Ba-tê”. Trong trường hợp này xác chết và thùng ống phải nhận chìm sâu dưới đáy biển. Thùng ống có thể nổi lên, vậy cần buộc chì nặng hoặc bơm nước đầy vào, và canh chừng kỹ lưỡng cho thi hài khỏi tuột thoát ra. Chiếc cặp phải trao cho sĩ quan Tham mưu Phòng Mật với chỉ thị đốt tài liệu mà không được mở ra coi, nếu không được thiêu hủy từ trước. Chiếc xuống cao su cũng trao cho sĩ quan Phòng Mật để tùy nghi sử dụng.*

9) *Dứt bỏ kế hoạch: Nếu kế hoạch phải dứt bỏ, gửi càng sớm càng hay điệp văn “Chúng tôi từ bỏ Thập Ba-tê” (xem mục 7 ở trên).*

10) *Che đậy: Điểm này rất quan trọng. Cho tới lúc chiến dịch hoàn tất thật sự, nhãn hiệu bên ngoài thùng ống “dụng cụ quang học” phải che đậy đầy đủ. Khi chiến dịch chấm dứt, nên giải thích như sau: Chúng ta muốn giương bẫy đánh lừa một điệp viên Đức rất mẫn cán trong vùng này và định lấy đủ bằng chứng có hại cho hắn rồi yêu cầu người Tây Ban Nha trục xuất hắn đi. Phải thuyết phục thủy thủ đoàn tin rằng việc giải quyết cho xong tên gián điệp nọ rất cần thiết, nếu khinh xuất không kín đáo về vụ đó, sau này gặp những trường hợp tương tự thì chẳng còn có thể yêu trách người Tây Ban Nha được nữa. Ngoài ra, không bao giờ biết mục đích của ta có đạt được chẳng, vì tất cả vụ này phải được giữ kín giữa chúng ta và người Tây Ban Nha, nếu không chẳng thể nào làm áp lực thúc bách họ được nữa.*

Thật vậy, chúng ta rất cần người Đức và người Tây Ban Nha giải đoán nhận xét những tài liệu trong cặp đúng theo với mục 1 kể trên. Nếu họ nghi ngờ tài liệu chỉ là mưu mô giả trá, sẽ có những hậu quả nghiêm trọng không thể lường được.

*KÝ TÊN: E.E.S. MONTAGU
ĐẠI ÚY HẢI QUÂN HOÀNG GIA
Ngày 31 Tháng 3 Năm 1943*

Đoạn chúng tôi thảo luận và hiệu chỉnh lại vài chi tiết của kế hoạch.

Đồng thời với mọi sự sắp đặt nói trên, chúng tôi còn phải lo về phần việc quan trọng nhất trong vụ này. Phải cung cấp cho người Đức những tài liệu nào để dự khi họ thay đổi chương trình bày binh bố trận? Làm thế nào để tài liệu đứng vững, đúng thực sự cho họ phải công nhận rằng chính xác?

Vì “những chi tiết bức thêu che đậy được toàn thể một tấm dệt” đúng như lời Pooch Bah nhân vật trong vở *The Mikadol* (Nhật Hoàng) của W. S. Gilbert. Tóm lại: *Nước chấm ngon làm trôi được món cá ươn!*

Tài Liệu Chính Yếu

Một việc rõ rệt như ban ngày: nếu mục đích chính của tài liệu là đánh lừa người Đức đến độ buộc họ đương nhiên hành động thể theo đúng như tin tức ta cung cấp cho họ; tài liệu đó phải phát xuất ra từ những giới chức thật cao cấp. Những sơ hở hoặc tiết lộ do sĩ quan tầm thường đưa ra không đủ, ngay cả trường hợp khinh xuất của Tướng lãnh cấp dưới cỡ Thiếu tướng hoặc Đô Đốc gửi cho nhau cũng không đủ quan trọng cho Đức phải tin.

Nếu muốn thuyết phục Bộ Tham mưu Đức rằng mục tiêu sắp tới của chúng ta không phải là đảo Sicile, cần phải đưa cho họ một tài liệu được trao đổi giữa các sĩ quan có trách nhiệm về những kế hoạch thực sự, kế hoạch chủ yếu, và không phải là một kế hoạch phụ thuộc tức là kế hoạch ngụy tạo đánh lừa đối phương hoặc bố túc hay che đậy kế hoạch chính.

Muốn chiến dịch đem lại kết quả mỹ mãn, tôi cần có một tài liệu do hai người nào đó viết cho nhau, cả hai đều được phe Đức biết tiếng tăm và biết có dự vào các việc cơ mật của Đồng minh.

Tôi bèn đề nghị với Tổng Tham mưu phó Hoàng gia, Đại tướng Sir Archibald Nye viết cho Đại tướng Alexander đang chỉ huy một lộ quân tại Tunisie dưới quyền Tướng Eisenhower ở Tổng hành dinh Thập bát lộ quân.

Thư viết theo giọng văn của “bạn già” gửi cho nhau, đại khái: “... *nè bồ, tụi này cũng hiểu bồ gặp khó khăn, nhưng chúng tớ cũng vậy. Lão Tổng Tham mưu trưởng bó buộc phải bỏ rơi một vài yêu sách của bồ, mặc dầu bồ tha thiết nài nỉ. Có nhiều lý do quan trọng nên không thể làm vừa lòng bồ lúc này .v...v...*” Tóm lại, loại thư riêng, thân mật trao đổi tin tức và giải thích cho nhau một vấn đề, không thể viết trong một công văn chính thức.

Chỉ có loại thư này mới làm người Đức tin tưởng mục tiêu sắp tới của chúng ta không phải là đảo Sicile, và do một sĩ quan mang theo, vì không thể gửi trong vali chứa đầy giấy tờ chính thức như thường lệ vẫn gửi từ Anh sang cho các đạo quân chúng ta đang tác chiến.

Tôi cần nhắm vào các quan to, đoán trước các ngài sẽ thịnh nộ, và quá nhiên như vậy. Đúng thế, phần lớn những người dù khả năng phi thường, tài ba lỗi lạc cũng không nhận thức được rằng loại công tác này được bao quát nhiều nỗ lực khác thường, họ không thông cảm cho công tác đã được thực hiện với một tâm cơ trí trí đặc biệt và cùng một lúc vấn đề phải được nghiên cứu dưới nhiều khía cạnh khác nhau.

Bạn là một sĩ quan tình báo Anh, bạn có một “đồng nghiệp” trong cơ sở Tình báo đối phương ở Berlin. Bên trên “đồng nghiệp” ấy còn có Bộ chỉ huy Đức. Nhưng điều mà người Anh, được đào luyện theo lối Anh, suy luận thế nào về một tài liệu, cái đó không quan trọng. Điều đáng kể là “đồng nghiệp” của bạn ở bên đối phương sẽ nghĩ ra sao với lối suy luận, với sự hiểu biết và theo lối đào tạo của họ khi nắm được tài liệu trong tay.

Bởi vậy nếu bạn muốn họ nghĩ thế này hay thế nọ, bạn phải đưa ra những dữ kiện để buộc họ phải suy nghĩ theo như ý họ (chứ không phải theo như ý bạn). Nhưng họ có thể nghi ngờ và tìm kiếm bằng chứng. Bạn phải tưởng tượng đoán xem họ điều tra thế nào (chứ không phải bạn sẽ điều tra) rồi cung cấp những câu trả lời tương xứng cho họ hài lòng.

Nói một cách khác nên nhớ một người Đức không suy luận và phản ứng như một người Anh, vậy bạn cần phải đặt mình vào địa vị họ.

Nhưng cũng đừng quên Bộ Tham mưu Hành quân Đức mà họ phải tường trình lên và thuyết phục nổi, thì kế hoạch của bạn mới thành tựu. Bộ Tham mưu Đức không biết hết nỗi khó khăn của Đồng minh, thí dụ họ không rõ chúng ta đang thiếu dụng cụ đồ bộ nên tưởng ta đủ lực mở một chiến dịch nào đó trong khi chính Bộ Tham mưu Đồng minh không bao giờ dự trù đến.

Tóm lại, phải nhớ rằng các kế hoạch đều nhằm đánh lừa kẻ thù chứ không phải đánh lừa Bộ Tham mưu chúng ta. Thế nhưng có phải tất cả mọi

người (nhất là mấy ông lớn) ai cũng biết nhớ điều ấy để hành động thích nghi cho đâu!

Do đó chúng tôi bắt đầu gặp những khó khăn. Trước khi kể những nỗi gian nan vất vả, xin có vài lời về “mục tiêu phụ” và “kế hoạch phụ” tức là mục tiêu kế hoạch nguy tạo để che lấp nơi mình sắp tấn công và để đánh lừa đối phương.

Nếu không muốn địch quân tập trung nỗ lực chống lại cuộc đổ bộ của ta lên một mục tiêu được dự trù, cần phải tìm cách nhử kẻ thù mang hết cố gắng phòng thủ đi chỗ khác, nếu có thể, phải làm cho kẻ thù tin rằng ta sắp tấn công một nơi khác, một nơi mà chúng tôi gọi là “mục tiêu lừa địch”.

Như tôi đã nói, khi một chiến dịch được tổ chức, gần như không thể tránh được những tiết lộ, sơ hở. Những biện pháp an ninh nhằm ngăn ngừa kẻ thù dùng tiết lộ sơ hở đó để đoán biết mục tiêu thực sự, đôi khi có thể trở thành phương tiện thích hợp với mục đích đánh lừa đối phương tin vào một mục tiêu giả tạo.

Thí dụ: Nếu có sự tiết lộ về một cuộc đổ bộ lên đảo Lodofen (Na Uy, Bắc Âu châu) và nếu ta phân phát cho binh sĩ nón cát che nắng, kẻ thù sẽ phải đoán mục tiêu chính ở về miền nhiệt đới. Nếu tàu bè chở quân lính nhận được những bản đồ và dụng cụ chứng tỏ mục tiêu giả tạo của ta là hải cảng Dakar (Tây Phi châu) cơ quan tình báo Đức khi nắm được một vài tiết lộ về việc đó sẽ suy luận đúng theo ý muốn của ta, tức là tưởng rằng Đồng minh sắp đổ bộ lên Phi châu chứ không phải lên đảo Lodofen.

Mục tiêu giả tạo lý tưởng nhất là một nơi rất xa mục tiêu thật để đối phương rút hết cơ cấu phòng thủ hải lục không quân ra khỏi địa điểm ta định tấn công. Xin lấy một thí dụ vô lý quá đáng: Nếu ta định xâm lăng Bắc Phi mà kiếm được cách làm cho người Đức tin rằng ta sẽ đánh lên Na Uy! Họ sẽ dồn hết lực lượng lên Bắc Âu và không thể can thiệp vào chiến dịch thật sự của ta nữa.

Trên thực tế, mục tiêu giả tạo nhiều khi bắt buộc phải ở cùng một vùng với mục tiêu thật nên không thể nhử toàn thể đối phương đi một nơi khác. Thí dụ như năm 1942, Đồng minh đổ bộ lên Alger, ta có thể lừa địch mang hết phi cơ sang một mục tiêu giả ở phía Đông Bắc Phi, nhưng chắc

chấn Hải quân Đức-Ý sẽ tiến về phía Tây để tấn công các đoàn tàu đổ bộ vì quân Anh-Mỹ chỉ có thể tiến vào Địa Trung Hải bằng lối Gibraltar (phía Tây) mà thôi. Do đó người ta thường phải sử dụng phương pháp thực hư cốt để kẻ thù lầm lẫn tin tưởng.

Áp dụng lý thuyết đó, chúng tôi có bốn phận cố gắng thuyết phục người Đức rằng Đồng minh sẽ không tấn công đảo Sicile để họ mang hết lực lượng tại nơi này đi tăng cường phòng thủ các địa điểm khác.

Nhận xét tình hình theo quan điểm Đồng minh, chúng tôi thấy có hai đạo quân kiểm soát toàn thể vùng Bắc Phi. Đạo thứ nhất dưới quyền Tướng Eisenhower đóng ở Algéri, cực Tây Địa Trung Hải. Đạo thứ nhì Thống chế Wilson chỉ huy, căn cứ ở Ai Cập, cực Đông Địa Trung Hải. Chúng tôi được biết Đồng minh có ý định dùng cả hai đạo quân này vào một chiến dịch mà thôi.

Tôi biết chắc như vậy vì nhiều lý do dài dòng không tiện kể ra đây, chỉ xin tóm tắt: Muốn tấn công lên đảo Sicile rồi đổ bộ vào đất Ý, cần phải có tất cả lực lượng Đồng minh hợp lại.

Ngoài vấn đề lục quân và không quân thực sự tham chiến, Đồng minh thiếu rất nhiều dụng cụ đổ bộ và còn phải dự trữ tàu bè chuyển vận, áp tải... để tiếp tế đạn dược thực phẩm, nên không thể nào mở hai chiến dịch một lúc.

Nhưng theo quan điểm người Đức, vấn đề đặt ra lại khác hẳn. Theo họ, Đồng minh có thể dùng đạo quân Eisenhower ở phía Tây để tấn công miền Nam nước Pháp mặc dầu trước đó có lẽ phải xâm chiếm các đảo Sicile, Sardaigne và Corse. Như thế rất nguy hiểm, vì nước Ý chưa bị xâm lăng, quân Đức sẽ dùng quốc gia này làm căn cứ phản công vào các đường tiếp tế Đồng minh. Ngoài ra, vẫn đạo quân ấy, hoặc đạo quân đóng ở Ai Cập cũng có thể dùng để đánh lên đất Ý, tuy nhiên nếu là đạo quân Eisenhower thì gần như bắt buộc phải chiếm đảo Sicile trước tiên đã. Sau hết rất có thể đạo quân phía Đông dùng vào việc xâm lăng Hy Lạp và tấn công miền Balkan.

Không có gì chứng tỏ người Đức đã biết chúng ta đang thiếu phương tiện đổ bộ, vậy dĩ nhiên họ dự trù chúng ta sắp mở hai cuộc tấn công: một ở

phía Tây với đạo quân Eisenhower, và một ở phía Đông với quân của Thống chế Wilson.

Khi nghiên cứu lừa địch bằng chiến dịch “Thịt Ba-tê” lý luận của chúng tôi như sau: Vì phần lớn lực lượng Đồng minh đóng trên đất Tunisie, đừng có hòng người Đức tin rằng chúng ta sẽ cho các đoàn tàu chạy qua eo biển ngay trước mặt các phi trường của họ trên đảo Sicile. Bởi vậy muốn lừa địch bằng một mục tiêu giả tạo mục tiêu này phải nằm về phía Tây nước Ý.

Người ta đã chọn đảo Sardaigne làm mục tiêu giả cốt ý cho Đức thấy Đồng minh bỏ rơi Sicile để chiếm hai đảo Sardaigne và Corse làm bàn đạp tấn công vào các miền duyên hải Pháp và Ý.

Chúng tôi không có nhiều phương cách “trao tiết lộ” cho người Đức, hơn nữa biết phương cách nào đưa tới đích? Chúng tôi chỉ có một tài liệu duy nhất, vậy thì tiện đây dùng nó làm “một công đôi ba việc”.

Theo ý tôi, người Đức phải tin rằng đạo quân Wilson dưới quyền Tướng Montgomery sẽ xâm lăng Hy Lạp và tấn công Balkan thay vì tham dự chiến dịch của Tướng Eisenhower.

Tại sao đối phương lại không tin rằng Đồng minh mở hai cuộc tấn công ở cả hai phía Đông, Tây Địa Trung Hải nhỉ? Chúng tôi phải cố gắng làm cho họ tin như vậy, để phân tán lực lượng tản mác nhiều nơi, hơn là dựa vào trò lừa địch ta chỉ có thể nhử họ đến mục tiêu giả tạo là hòn đảo Sardaigne mà thôi.

Tôi bèn đề nghị: lá thư gửi cho Tướng Alexander sẽ tiết lộ ra có hai chiến dịch; một của Alexander dưới quyền Eisenhower đánh vào Sardaigne và có lẽ vào cả đảo Corse, thứ nhì của Wilson đánh vào Hy Lạp. Tôi còn gợi ý để bức thư nói: Đồng minh đang cố gắng làm cho Đức tin rằng chúng ta sắp xâm lăng Sicile.

Theo ý tôi, cái khoái nhất trong vụ này là nếu chẳng may kế hoạch thực sự của ta bị tiết lộ, người Đức sẽ coi sự tiết lộ đó là một chiến dịch giả tạo như đã báo trong bức thư. Nếu họ “mắc bẫy cò ke” vì bức thư đó rồi, họ sẽ không thêm tin vào các tin mật thực sự nữa.

Đề nghị của chúng tôi trình lên các quan to trong Bộ Tham mưu, và khó khăn rắc rối bắt đầu. Rất ít người biết đến kế hoạch của chúng tôi, nhất là bản dự thảo lá thư cho ngài Tổng Tham mưu phó ký tên. Chúng tôi đã tránh việc đệ trình theo hệ thống quản giai, vậy mà vẫn có vài ông lớn xem qua, tưởng mình thành thạo tâm lý Đức lắm, nhún vai gạt phắt: “Cao vọng quá, không được đâu! Tốt hơn, viết một bức thư thường rồi đề sai ngày giờ hành quân... Không đánh lừa tụi Đức bằng vụ này được đâu, chỉ tổ làm chúng chú trọng đến Sicile. Mà không được dùng Sardaigne làm mục tiêu giả tạo, vì như vậy, khi lộ tẩy, bọn Đức sẽ biết ngay là đảo Sicile...”

Kỳ công của chiến dịch “Thịt Ba-tê” có lẽ là thuyết phục nổi các sếp tôi vũng bụng vào cơ hội ngàn năm một thuở, vậy cần phải cao vọng mới có kết quả. Thật là đánh lừa đối phương không khó khăn bằng làm cho các sếp tin tưởng vào thành công.

May thay, ít hôm sau, chính Đại tướng Tổng tham mưu phó Sir Archibald Nye thấy hay hay, tự ý xông vào, dựa theo bản dự thảo của tôi, viết một bức thư mà ông tưởng “đúng điệu” lắm nhưng than ôi, mặc dầu ngài cố gắng viết sát thực sự, bức thư của ngài khó làm cho địch tin nổi, vì đó là một thứ công văn thường gửi lối chính thức chứ không ai lại đưa cho một sĩ quan bỏ túi mang đi. Bị phê bình, Tướng Archibald tức khí viết lại, và sản xuất ra một lá thư tuyệt hảo. Muốn cho xôm trò lừa dối và phòng xa trường hợp đối phương nghe thấy chữ *Husky* (ký hiệu thực sự cho cuộc tấn công Sicile) ông dùng luôn biệt danh này để chỉ định trận đổ bộ lên Hy Lạp ở phía Đông và bịa ra tên Brimstono đặt cho chiến dịch phía Tây lên đảo Sardaigne.

Đây là mẫu thư của ông:

Bộ chiến tranh

Whitehall, London

Điện thoại Whitehall 9400

THƯ RIÊNG VÀ TỐI MẬT

Ngày 23 tháng 4 năm 1943

Tổng Tham mưu phó

kinh gửi: Đại tướng Harold Alexander, Tổng Hành Dinh Quân đoàn 18
Anh Alex thân mến,

Nhân dịp có một sĩ quan của Mountbatten sang bên đó tôi giải thích cho anh rõ nguyên nhân các bức điện văn của chúng tôi liên quan đến chiến dịch ở Địa Trung Hải và các kế hoạch phụ thuộc.

Có thể anh nhận thấy quyết định chúng tôi độc đoán, nhưng tôi đoán chắc với anh rằng Ủy ban Tham mưu trưởng đã cứu xét kỹ lưỡng các đề nghị của anh và của Jumbo (Jumbo là biệt danh của Henry Wilson, Tổng Tư lệnh Đồng minh ở Trung Đông).

Theo tin tức mới nhất, quân Đức đã tăng cường phòng thủ ở Hy Lạp và đảo Grète. Lão Tổng Tham mưu trưởng Hoàng Gia cho rằng lực lượng chúng ta không đủ để mở cuộc tấn công. Ủy Ban Tham mưu đã quyết định tăng cường cho sư đoàn 5 một lữ đoàn nhằm đổ bộ lên phía Nam mũi Araxos, và cho sư đoàn 56 cùng một lữ đoàn nữa để tấn công Kalamatas. Chúng tôi đang tập trung quân lính và dụng cụ cần thiết.

Jumbo có đề nghị lựa Sicile làm mục tiêu giả tạo cho Husky, nhưng chúng tôi đã dùng nó cho chiến dịch Brimstone rồi.

Ủy ban Tham mưu đã nghiên cứu lại cận kề vấn đề, vì đã có những sửa soạn ở Algérie, thao luyện hải quân ở bờ biển Tunisie và oanh tạc các phi trường Sicile, nên nhất định dùng Sicile làm mục tiêu lừa địch cho chiến dịch Brimstone.

Thực vậy, có nhiều hy vọng bọn Đức tưởng rằng ta sẽ tấn công Sicile, vì đối với chúng, đó là một mục tiêu dĩ nhiên, một căn cứ hiểm yếu. Ngoài ra rất khó lòng làm cho Đức tin rằng chúng ta sửa soạn gặt gao ở miền Đông Địa Trung Hải cũng để nhằm vào Sicile. Bởi thế nên tôi đã nói với Wilson: cần phải có một kế hoạch lừa địch gần hơn, như quần đảo Dodecanèse chẳng hạn. Bang giao giữa ta với Thổ Nhĩ Kỳ được cải thiện rõ rệt, chắc bọn Ý phải lo lắng về vấn đề quần đảo này.

Tôi nghĩ rằng anh cũng đồng ý như vậy. Tôi biết anh sắp bận lắm và ít có dịp bàn luận với Eisenhower về các chiến dịch sắp tới, nhưng nếu anh muốn ủng hộ đề nghị của Wilson, xin anh báo trước cho chúng tôi càng sớm càng hay, vì thời gian thúc bách lắm rồi.

Tôi rất tiếc ở đây không thỏa mãn anh về vấn đề bổ nhiệm vị chỉ huy Lữ đoàn vệ binh. Người của anh đang bị cúm có lẽ phải dưỡng bệnh hàng tuần. Chúng tôi thay thế bằng Porster mà anh cũng quen biết. Y đã từng chỉ huy xuất sắc một lữ đoàn ở bên Anh và tôi tin y rất xứng đáng.

Chắc anh đang ngán quá về vụ huy chương “Purple Hearts”, của Hoa Kỳ. Tất cả chúng tôi đồng ý không nên làm phật lòng các bạn Mỹ, nhưng vấn đề thật rắc rối. Nếu một vài đơn vị chúng ta được thưởng huy chương đó chỉ vì chiến đấu sát cánh với quân lính Hoa Kỳ, việc này sẽ gây ra bất mãn cho các đơn vị hành quân ở nơi khác vất vả cực nhọc không kém, có khi còn hơn.

Theo ý tôi, nên từ chối đề nghị của người Mỹ và giải thích rằng sẽ gây ra thiên vị. Vấn đề này sẽ được đem ra mổ xẻ trong phiên họp Tham mưu trưởng sắp tới và quyết định ra sao anh sẽ được biết ngay.

Chúc anh may mắn.

Thân gửi,

Archibald Nye

Không thể nào viết hay hơn! Chỉ có một người thông thạo các chương trình hành quân mới trình bày rõ ràng như thế. Nhờ lối viết bóng bẩy làm cho người Đức phải tin, bức thư này nói rõ sẽ có cuộc hành quân đổ bộ lên Hy Lạp ở phía Đông Địa Trung Hải. Thư còn chỉ rõ ta muốn cho bọn Đức tưởng chiến dịch phía Tây nhằm đảo Sicile (tức là đảo này không thể nào thành mục tiêu thực sự). Tất cả đều viết lối bán chính thức bạn cũ gửi cho nhau trong đó có vài điều riêng tư nên không thể chuyển bằng lối công văn thường lệ.

Có hai điều làm cho tôi băn khoăn:

- Thứ nhất, vì biết người Đức quá, tôi muốn chắc nịch họ phải đình ninh trong đầu óc về một mục tiêu rõ rệt liên quan đến kế hoạch chúng ta ở phía Tây. Nhưng các quan to trong Bộ Tham mưu phản đối không cho đi động đến tên đảo Sardinie trong bức thư. Các quan bảo: “Nếu mưu mô bại lộ thì lòi ngay ra tên đảo Sicile cho người Đức biết ngay.” Tuy nhiên nhờ có Thủ tướng đồng ý, tôi kiếm được cách nói xa xôi đến tên đảo này

trong một bức thư để Huân tước Louis Mountbatten ký. Câu bóng gió ám chỉ này độc giả sẽ thấy trong chương sau, có lợi vô chùng cho chiến dịch “Thịt Ba-tê”.

- Thứ nhì, ít quan trọng hơn. Tôi muốn gài vào trong thư một chi tiết hợp với lối suy tưởng của người Đức khi họ đọc thấy. Theo tôi, bình thường người ta sẵn sàng để tin một tài liệu trong đó đã biết một phần rồi. Vậy thì tốt hơn hết bức thư nên có một đoạn khôi hài chế diễu Tướng Montgomery, loại châm biếm thô kệch của người Đức! Tướng Archibald có thể hỏi Tướng Alexander: “Monty có điều gì trắc trở mà cả tuần nay không thấy ban nhật lệnh nữa?” Nguyên do, hồi gần đây Đại tướng Montgomery (gọi tắt thân mật là Monty) ban ra một lô nhật lệnh để cổ vũ quân sĩ, và bị nhiều người đùa cợt chế nhạo.

Thế nhưng, cho đến ngày nay tôi vẫn không hiểu vì sao các ông lớn trong Bộ Tham mưu cương quyết gạt bỏ đề nghị của tôi. Tôi công nhận đề nghị này không phải là tuyệt hảo, và bị từ chối cũng chẳng thiệt hại gì, nhưng nếu gài được nó vào trong thư, chắc người Đức sẽ thưởng thức khoái trá lắm!

Thư của Sir Archibald gửi cho “Anh Alex thân mến” và do ông ký tên được đánh máy trên giấy viết thư riêng của ông rồi cho vào hai phong bì đóng dấu xi theo thường lệ.

Thế là tài liệu chính yếu đã sẵn sàng.

Thiếu Tá William Martin, Thủy Quân Lục Chiến

Trong khi sửa soạn tài liệu chúng tôi gọi là “bức thư chính yếu”, còn phải lo lắng về “người” mang lá thư ấy đi.

Câu hỏi đầu tiên của đối thủ chúng tôi bên Berlin hiển nhiên là: “Làm sao bức thư lại tới Huelva được”? Đồng ý, đúng là một lá thư giao cho một sĩ quan mang đi chứ không gửi theo lối chính thức, nhưng sĩ quan tình báo Đức sẽ hỏi nữa: “Bức thư có thật do một sĩ quan mang đi? người đó có giống như một sĩ quan không?”

Bởi vậy, trước hết chúng tôi phải làm thế nào cho xác chết đúng là thi hài một sĩ quan. Người chết không có bộ quân phục nào khả dĩ cho chúng tôi sử dụng, hơn nữa muốn đề phòng cẩn thận và giữ lời hứa không tiết lộ lý lịch, chúng tôi cần phải kiếm cho ông ta một bộ đồ mới!

Chúng tôi căn cứ vào nguyên tắc “xác chết, trong vai trò mới này, phải là của một sĩ quan lục quân”, vì tôi dựa vào sự kiện ông ta mang bức thư của Tổng Tham mưu phó gửi cho Tổng Tư lệnh một đạo quân và cũng vì trong thời chiến bộ binh có nhiều quân số, khó lòng mà dò xét ra được. Tuy nhiên sau đó tôi phải gạt bỏ ý định này vì lý do sau đây: Khi xác chết giạt vào bờ biển Tây Ban Nha, tùy viên quân sự Anh ở Madrid sẽ trao đổi báo cáo, chỉ thị với các cơ quan tại London.

Theo thường lệ, thư từ giấy má các nơi gửi về do phòng Công văn cơ quan liên hệ nhận, rồi tùy theo công vụ, tự động phân phát ngay cho các sĩ quan hoặc Nha sở có trách nhiệm giải quyết. Văn thư được phân phối theo những bản danh sách đã định sẵn, nên tất cả điện văn báo tin khám phá ra một thi hài đều được gửi thẳng đến một sở chuyên môn phụ trách việc đó

và lập tức thông đạt cho nhiều người. Những công điện, giấy tờ bổ túc cho tin tức này cũng theo chu kỳ đó mà nhận rồi luân lưu đi!

Ngược lại, theo quy tắc hiện hành ở Bộ Hải quân, tôi có thể dàn xếp với ông Chánh Sở Mật trong bộ để tránh việc phân phối quá máy móc, và công văn giấy tờ liên quan tới chiến dịch “Thịt Ba-tê” sẽ giao thẳng cho một mình tôi. Việc dàn xếp này sẽ không gây ra bàn tán và cũng không cần giải thích lý do.

Với tổ chức của Bộ Lục quân, dễ gì người ta giao thẳng thư tín cho riêng tôi hoặc cho một đồng nghiệp của tôi trong bộ đó. Bởi thế, tôi quyết định xác chết thuộc về Hải quân chứ không ở Lục quân nữa, và lập tức một số vấn đề xảy ra. Vì việc chuyển cái xác đó không dễ dàng cho lắm. Một sĩ quan Bộ binh dùng phi cơ (như chúng tôi đã trù liệu) đi từ London đến Tổng hành dinh Bắc Phi, có thể mặc quần áo “dã chiến”, còn sĩ quan Hải quân phải bận đồng phục của binh chủng này. Nhưng nếu bộ đồ dã chiến không cần ăn khớp với tầm vóc người, thì trái lại đồng phục của Hải quân phải may theo đúng kích thước. Chúng tôi rùng mình nghĩ đến cảnh tượng anh chàng thợ may Gives được mời đến đo cắt, may khâu rồi thử quần áo cho một xác chết! Không được! Đành phải bỏ ý kiến này.

Chỉ còn mỗi một cách đặt ông “Sĩ quan” này dưới quyền kiểm soát của Bộ Hải quân, tức là cho ông ta vào binh chủng Thủy quân Lục chiến! Như thế giải quyết xong vấn đề đồng phục nhưng lại gây ra nhiều khó khăn khác. Trước đây chúng tôi đã nhắm vào việc Bộ binh trong thời chiến, quân số nhiều, các sĩ quan không thể biết nhau hết cả, trái lại Thủy quân Lục chiến là một binh chủng nhỏ, sĩ quan nếu không quen thì cũng biết tiếng nhau. Trở ngại thứ nhì: kiểm ra một tấm ảnh. Vì nhiều lý do không thể có được một tấm hình người chết để dán lên thẻ căn cước phù hợp với vai trò mới của ông ta. Các sĩ quan Bộ binh khi xuất ngoại không cần đem theo căn cước quân sự có dán hình, ngược lại sĩ quan Hải quân bắt buộc phải có.

Chúng tôi bàn cãi rất lâu về những vấn đề này. Sĩ quan Thủy quân Lục chiến không nhiều lắm, nếu người Tây Ban Nha bắt được thi hài rồi gửi về Gibraltar mai táng dọc đường để bị lộ tẩy hơn là một xác chết của sĩ quan Bộ binh. Đó là một mối lo nguy hại, nhưng không thể nào làm hơn được,

chúng tôi đành chấp nhận, hy vọng vào quãng đường từ Huelva đến Gibraltar không xa lắm nên cứ liều cho “sĩ quan” ở trong Hải quân.

Chúng tôi bèn cố vượt trở ngại để kiếm ra một tấm hình, nhưng không ngờ lại khó khăn quá sức. Thoạt tiên, đã tính giải quyết bằng cách chụp ngay xác chết: lấy tấm hình căn cước, nhưng kết quả hoàn toàn thất bại. Người ta thường nói: một tấm ảnh trông như hình người chết, chẳng biết có đúng hay không, nhưng tôi dám thách bất cứ ai chụp được một người chết có vẻ người sống!

Chúng tôi đành chia nhau đi tìm kiếm xem có ai giống như đúc hoặc khá giống ông ta để xin một tấm ảnh dùng vào việc cần thiết. Một điều hơi ngạc nhiên: vẻ mặt ông ta không có điểm nào đặc biệt khác hẳn với mọi người trong đám đông, vậy mà trong đám đông chúng tôi không tài nào kiếm ra lấy một người hao hao giống ông ta! Ngày nọ qua ngày kia, chúng tôi lê đều phố phường trở mắt nhìn khách bộ hành xem có ai mặt mũi phảng phất như người chết để rồi kiếm cố xin chụp ảnh, nhưng vô hiệu.

Cuối cùng tôi tìm một sĩ quan Hải quân trẻ tuổi - chẳng nhớ bịa ra lý do nào - yêu cầu anh ta khoác áo ngoài rồi chụp ảnh. Kết quả không tốt đẹp lắm, nhưng nghĩ rằng nhiếp ảnh gia của quân đội chụp cho binh sĩ, tấm hình bao giờ cũng thiếu nảo, nên nhất định cho là cũng tạm tạm được.

Thế rồi, trong một buổi họp về một công tác khác, tình cờ tôi ngồi đối diện với một chàng giống in hệt người chết, mới coi tưởng anh em song thai! Tôi yêu cầu chụp ảnh, anh ta vui lòng, thế là thoát được khó khăn thứ nhì.

Điểm sau cùng phải giải quyết là đặt cho “sĩ quan” của tôi một danh xưng và cấp bậc. Theo ý riêng, thật vô lý nếu ủy thác cho một sĩ quan cấp úy mang theo loại “thư tín chính yếu”. Và cũng không thể cho ông ta còn trẻ quá làm sao ở địa vị lớn mà các bạn đồng đội không biết rõ tiếng tăm? Tôi bèn cho ông làm Đại úy giữ nhiệm vụ Thiếu tá, rồi giở sổ danh bạ của Hải quân tra cứu tỉ mỉ tên tuổi các sĩ quan Thủy quân Lục chiến. Tới một trang gồm nhiều quân nhân cấp bậc sấp sĩ úy, tá và tất cả mang tên họ Martin (một họ rất thông thường ở bên Anh-Pháp như những họ Nguyễn, Trần bên Việt Nam), tôi mừng quá, thật là tuyệt: nếu trong những buổi mạn

đàm ở câu lạc bộ có nêu ra cái chết của “Thiếu tá Martin” hy vọng rằng các sĩ quan hiện diện không phải tất cả đều quen biết những ông Martin trong Thủy quân Lục chiến. Ngược lại, nếu có ai lơ mờ nhớ ra, còn có những chữ tên và đệm viết tắt, làm người ta nghi ngờ do dự chưa chắc đã gửi thư chia buồn. (Nên nhớ: trái với người Việt Nam, người Âu châu viết tên rồi mới đến họ, thí dụ William Martin hay Jean Dupont. William và Jean là tên còn Martin và Dupont là họ. Trừ những trường hợp thân mật như vợ chồng, bạn thân... người ta gọi nhau bằng họ chứ không bằng tên).

Tôi cho thêm biệt danh William cũng rất thông thường, thế là vị sĩ quan của chúng tôi trở thành Đại úy kiêm nhiệm chức vụ Thiếu tá William Martin trong Thủy quân Lục chiến, với sự chấp thuận của Tướng chỉ huy trưởng T. Q. L. G cho gia nhập binh chủng này. Đoạn tôi làm các việc cần thiết để phòng sau này có khi phải nhờ đến Sở quân lương của T. Q. L. G. Tôi kiếm một tấm thẻ căn cước mới nguyên, chưa điền tên và suốt ngày mài vào ống quần cho cũ và bóng như đã đem xài từ lâu. Hì hục như vậy trong nhiều ngày, tấm thẻ coi tạm tạm được thì nay thêm ra ý nghĩ: Tại sao Thiếu tá Martin lại không đánh mất bản chính rồi có một phó bản? Tôi bèn lấy một tấm khác dán ảnh vào, điền tên họ ngày, nơi sinh vào chỗ trống rồi ký thay Thiếu tá Martin, đoạn xin các chữ ký chính thức cần thiết và ghi rõ ngày cấp mồng hai tháng Hai năm 1943 cùng với hàng chữ: “*Bản sao thay thế cho bản chính số 09050 đã khai thất lạc*”.

Những con số đó lấy trong tấm căn cước của chính tôi nên tiện quá, tránh được rắc rối nếu sau này có ai điều tra. Sau hết, tôi dán con niêm đóng dấu hằn hoi và quyết định lấy “Tổng hành dinh Liên quân” làm “đơn vị gốc” cho Thiếu tá Martin, vì những lý do sẽ trình bày sau. Tôi đặt sinh quán cho ông ta ở Cardiff, và tiếp tục làm cho tấm thẻ già nua đúng tuổi bằng cách mài nó vào ống quần.

Lý lịch nhân vật Martin xong rồi, bất cứ người nào thấy xác chết, coi thẻ căn cước sẽ biết ông là ai. Nhưng tôi chắc điệp viên Đức ở Huelva, Madrid và Berlin đều muốn hiểu tại sao Thiếu tá Martin lại đi Bắc Phi? Nếu ta đưa thêm cho họ một yếu tố trả lời câu hỏi này, người Đức sẽ tin tưởng “lá thư chính yếu” nói trên hơn nữa.

Tại sao lại gửi một sĩ quan Thủy quân Lục chiến sang Bắc Phi bằng máy bay? Và trong trường hợp nào ông Tổng Tham mưu phó lại biết vụ đó để nhân cơ hội, ủy thác mang một lá thư quan trọng? Tại sao? Suy nghĩ mãi, mới tìm được một lý do tạm xuôi tai: Một chiến dịch đang được tổ chức để tấn công vào một bờ biển có đồn lũy phòng thủ kiên cố, cần phải biết cách sử dụng phương tiện đổ bộ. Rất có thể gặp khiếm khuyết, trở ngại trong lúc huấn luyện tập dượt nên bắt buộc phải kêu gọi đến kinh nghiệm của một chuyên viên lành nghề. Thiếu tá Martin sẽ là chuyên viên đó, và chúng tôi nhất định cấp cho ông ta một tài liệu chứng minh rõ rệt tài nghệ của ông ta.

Tôi bèn dự thảo một bức thư đề Huân tước Louis Mountbatten, chỉ huy các Chiến dịch Liên quân gửi cho Đô Đốc Andrew Cunningham Tổng Tư lệnh tại Địa Trung Hải.

Nội dung bức thư như sau:

Tổng Hành dinh

Các chiến dịch Liên quân.

Ngày 21 tháng 4 năm 1943

Kính gửi: Đô Đốc A.B. Cunningham, Tổng Tư lệnh tại Địa Trung Hải.

Tổng hành dinh Lực lượng Đồng minh, Alger

Đô Đốc thân hữu!

Tôi đã hứa với ông Tổng Tham mưu phó rằng Thiếu tá Martin sẽ thu xếp với Đô đốc để chuyển giao cho Tướng Alexander một bức thư do Thiếu tá mang theo. Bức mật thư này thuộc loại tối khẩn có nhiều đoạn không để người khác trong Bộ Chiến tranh coi được nên không thể gửi theo lối chính thức. Tôi trông cậy Đô đốc cho chuyển thư đó đi ngay bằng phương tiện nào chắc chắn nhất.

Tôi tin Thiếu tá Martin là người được việc cho Đô đốc. Mới thoạt trông, y có vẻ khiêm nhượng rụt rè, nhưng thực ra y rất lành nghề. Y có thị giác xét nghiệm còn đúng hơn vài người chúng ta về các biển chuyển trong trận đánh Dieppe, và y đã theo sát các cuộc thí nghiệm ở Ecosse với thuyền bè dụng cụ đổ bộ tân kỳ nhất.

Xin Đô đốc vui lòng cho y về với tôi ngay sau khi mở cuộc tấn công. Khi về, y có thể mang cho chúng tôi vài con cá mòi, ở đây muốn mua phải có thể tiếp tế!

Thân ái chào Đô đốc

Lonis Mountbatten

Tôi khá thỏa mãn về lá thư này vì đã giải thích được lý do tại sao “bức thư chính yếu” lại nằm trong tay Thiếu tá Martin, và tại sao không được gửi theo lối chính thức, đồng thời tại sao Martin phải đi bằng phi cơ?

Và cũng vì ngài Thủ tướng bảo rằng dù chiến dịch thất bại có làm tiết lộ đảo Sicile hay không cũng chẳng lấy gì làm quan trọng, tôi đã có dịp nói bóng gió đến đảo Sardaigne, nhờ lối dùng động từ ám chỉ để lưu ý bọn Đức. Lối “chơi chữ” này tuy hơi ép gượng nhưng người Đức sẽ nhận ra và hiểu ngay. Và câu khôi hài chỉ định đảo Sardaigne sau này sẽ đóng một vai trò trong sự thành công của chúng tôi. Ngoài ra, bức thư còn chứa đựng một mưu thâm nữa. Tôi chắc chắn người Đức sẽ nắm được “thư chính yếu” hoặc ít ra là một bản sao. Nhưng lỡ ra họ chỉ vớ được một bản tóm lược các tài liệu bổ túc thì làm thế nào? Tôi muốn họ chiếm được toàn vẹn bức thư thứ nhì, muốn Berlin biết đoạn khôi hài ám chỉ đảo Sardaigne và cả những lý do tại sao sẽ quan, trái hẳn với thường lệ, lại đi bằng phi cơ và mang theo “lá thư chính yếu”.

Bởi thế tôi mới cài thêm đoạn nói về cuộc đổ bộ lên Dieppe, tin tưởng không một điệp viên Đức nào lại quên thông báo lên cấp trên những điều mà họ cho là ông chỉ huy Chiến dịch Liên quân thú nhận trận đánh lên Dieppe không được tốt đẹp như ta mong đợi.

Dù sao đi nữa, sau khi chiến tranh kết liễu mở hồ sơ của phe bại trận, chúng tôi chỉ thấy, ngoài “bức thư chính yếu”, bản sao lá thư thứ nhì là tài liệu duy nhất của Martin mà thôi. Và được biết Sở Phán gián Đức ở Berlin đã nghiên cứu kỹ lưỡng tài liệu đó.

Bức thư được đánh máy ngay trong Bộ Tham mưu Chiến dịch Liên quân, do Huân tước Louis Mountballen ký tên, có vào sổ lấy số đảng hoàng. Sau cùng chúng tôi cho Thiếu tá Martin một bức thư bổ túc nữa,

cùng với các giấy tờ, thư tín riêng của ông ta. Tại sao phải bỏ túi? Vì có một điểm làm cho tôi băn khoăn: Một sĩ quan có thể bỏ hai phong bì cỡ thường vào túi áo hoặc vali riêng của mình, dù rằng thư mật. Nếu Thiếu tá Martin làm như vậy, rất có thể người Tây Ban Nha không tìm thấy trước khi trao trả xác chết. Chúng tôi không muốn rời đây điệp viên Đức nguyên rủa bọn đàn em Tây Ban Nha sao không lục soát kỹ càng các túi Martin.

Vậy phải làm thế nào tìm ra duyên cớ buộc Martin phải mang thư trong chiếc cặp. May thay, đúng thời gian đó có một cuốn sách nhỏ do Hillary Saunders viết về các toán quân xung kích, sắp xuất bản tại Anh quốc, một ấn bản Hoa Kỳ cũng được phát hành đồng thời. Suy nghĩ kỹ xét ra rất có lý nếu Louis Mountbatten viết thư yêu cầu Tướng Eisenhower viết cho cuốn này một bài tựa. Vậy còn ngần ngại gì không thảo một lá thư nói về vụ đó, kèm theo các bản in thử với hình ảnh định đăng trong cuốn sách? Lợi dụng dịp này, tôi đưa nhẹ vài đoạn chứng tỏ Thiếu tá Martin là một sĩ quan đáng tin nhiệm.

Đây là nội dung lá thư bỏ túi:

Bộ Tham mưu các Chiến dịch Liên quân

1A, Richémond Terrace.

Whitehall S.W.I

Ngày 22 tháng 4 năm 1913

Kính gửi: Đại tướng Dwight Eisenhower, Tổng Hành dinh lực lượng Đồng minh

Alger

Đại tướng thân hữu!

Tôi gửi theo đây hai ấn phẩm cuốn sách nói về hoạt động của những toán xung kích Anh-Mỹ, đính kèm một tập ảnh sẽ in vào trong đó.

Cuốn sách do Hillary St. Teorges Saunders viết. Hillary Saunders là người Anh tác giả cuốn “Chiến trận Anh quốc” và những cuốn khác từng vang danh ở nước Anh cũng như bên quý quốc. Ấn bản sắp phát hành bên Hoa Kỳ, trước khi in xong đã được mua trên 1.500.000 cuốn, và tôi biết nhà đương cục Mỹ sẽ cho phổ biến rộng rãi trong quân đội Hoa Kỳ.

Sở Thông tin Anh tại Washington cho hay đang muốn được Đại tướng viết cho một thông điệp để quảng cáo cuốn sách và hình như đã gửi lời thỉnh cầu Đại tướng việc đó qua trung gian chính quyền Mỹ.

Tôi gửi đến Đại tướng những bản in thử do một sĩ quan tham mưu của tôi mang đi, Thiếu tá Martin, trong Thủy quân Lục chiến.

Khỏi cần nói Đại tướng cũng hiểu chúng tôi rất cảm ơn ngài về lời tựa, tôi cũng biết lúc này Đại tướng bận rộn về những công việc quan trọng hơn, nhưng hy vọng Đại tướng bớt chút thì giờ để biểu thị tôn ý tán đồng cuốn nọ, cho sách được phổ biến rộng rãi, đó cũng là một cách dự phần vào sự hợp tác chặt chẽ giữa hai Quốc gia chúng ta.

Chúng tôi hân hoan khâm phục những thắng lợi vẻ vang của Đại tướng và tất cả đều mong mọi được góp sức với ngài.

Đại tướng có thể phóng tâm thảo luận, khỏi cần dè dặt với Thiếu tá Martin về mọi vấn đề, vì Martin được tôi hoàn toàn tin cậy.

Thân ái chào Đại tướng

Louis Mountbatten

Thư này cũng được huân tước Louis ký, cho vào phong bì lớn cùng với các ấn bản và hình ảnh liên hệ, thư đó chứng minh hoàn toàn lý do Martin sử dụng chiếc cặp để mang tất cả những tài liệu chính thức.

Nội vụ vẫn chưa được giải quyết đầy đủ. Chúng tôi đã tìm được cách trình bày tài liệu chính thức cho người Tây Ban Nha tin tưởng, và chắc chắn tài liệu sẽ bị khám phá, nhưng liệu chúng tôi có tinh khôn láu lỉnh quá không?

Đang tự mãn khen ngợi lẫn nhau khéo léo thì sức nhớ ra một điều đáng lo: Làm thế nào để chắc chắn xác chết và chiếc cặp sẽ cùng tới Huelva? Dĩ nhiên có thể đặt quai cặp vào trong bàn tay Thiếu tá Martin. Thế nhưng việc này quan trọng quá, vả lại nhiều hậu quả bất ngờ, tôi không dám liều lĩnh, lỡ các ngón tay duỗi ra, chiếc cặp rớt khỏi trôi đi xa hoặc chìm xuống biển thì sao?

Tôi đi dò hỏi cho biết tình trạng cứng rắn của một xác chết, nhưng một thi hài được ướp lạnh cứng rồi lại để tan giá có nhiều hậu quả không biết

thế nào lường được. Chúng tôi chỉ tìm ra được một phương pháp nhưng không hài lòng chút nào, và lại là điểm duy nhất nghe ra quá nguy tạo.

Chúng tôi độ chừng một sĩ quan mang giấy tờ tối mật và quan trọng có thể móc quai cặp vào loại giầy “sên” bằng kim khí bọc da như những thân ngân viên Ngân hàng vẫn dùng, luồn qua ống tay áo để bên ngoài thoát trông không thấy được và để ngăn ngừa kẻ gian cướp giật. Thật ra thì vô lý, khó tin vì tôi biết sĩ quan Anh không có thói quen như vậy. Nhưng làm thế nào được, đành liều may rủi, hy vọng bọn Đức khờ khạo nhắm mắt bỏ qua điểm này. Rất có thể họ không biết: chẳng bao giờ một sĩ quan Anh lại dùng phương pháp đó để bảo vệ an ninh cho tài liệu mật.

Vậy nhất định liều sử dụng sợi giầy “sên”. Như trên đã nói trong Huấn thị cho Đại úy Hải quân Je Weil, Thiếu tá Martin ngồi trên phi cơ không ôm chiếc cặp da kè kè bên nách suốt quãng đường trường, chỉ móc nó vào đầu giầy cho yên trí khỏi thất lạc hoặc bỏ quên, và chiếc giầy luồn vào thắt lưng áo mưa cho thoải mái. Như thế có lý hơn, và thực ra không còn cách nào khác nữa. Có lẽ chúng tôi lo lắng tỉ mỉ quá. Nhưng biết đâu người Đức ở Berlin lại chẳng nghi ngờ nếu có ai vạch ra chi tiết ấy? Tôi không dám tiên đoán rồi sẽ ra sao, nhưng chỉ biết một điều, tôi may mắn vô cùng vì chẳng có ai nêu vấn đề ấy lên cả.

Tuy nhiên, tôi vẫn muốn biết đánh liều như vậy có nguy hiểm quá không? Nhưng vẫn nhất quyết làm vì tin rằng người Tây Ban Nha trong bản báo cáo cho quân Đức sẽ nói rõ về điểm này, và người Đức thấy các tài liệu trong cặp quý báu và thực quả sẽ không nghi ngờ về chiếc giầy “sên” nữa, vì thích thú quá, tối mắt lên rồi.

Sau hết, vì Thiếu tá Martin thuộc Bộ Tham mưu hành binh Liên quân, cần phải cấp cho ông ta một giấy lưu thông kiểm soát đặc biệt. Đến đây chúng tôi có ý nghĩ không tiện để cho Thiếu tá Martin làm một cá nhân gương mẫu có đầy đủ các đức tính, mà ông cần phải có vài nhược điểm của con người, thí dụ sơ xuất đánh mất giấy căn cước. Vì thế chúng tôi tạo ra (như sẽ trình bày ở chương sau) một nhân vật đôi chút lơ đãng, chệnh mảng về chuyện riêng tư mặc dầu là một sĩ quan đầy khả năng. Ngoài ra còn phải

tránh để các đặc tính của ông ta khỏi khác biệt quá với những tính tốt trong binh nghiệp.

Như sau sẽ thấy, trong đời ông ta có một biến cố làm ông quên hẳn những việc nhỏ nhặt như đổi giấy lưu thông kiểm soát quá hạn. Bởi thế mới quyết định cho ông ta quen không xin giấy mới (cũng như chính chúng tôi đôi khi quên đi). Thẻ của ông hết hạn ngày 31 tháng Ba 1943. Chắc hẳn người Đức sẽ không ngạc nhiên (chúng tôi cũng vậy, nếu ở vào địa vị họ) khi thấy Thiếu tá Martin xài thẻ đó tới ngày lên đường tức là vào những tuần lễ cuối tháng Tư.

Còn phải kiếm cho ông một bộ đồng phục: một người trong bọn chúng tôi dáng dấp sấp sỉ như Martin, anh ta bèn lựa một bộ đồ dã chiến tươm tất nhất, gắn thêm phù hiệu Xung kích Thủy quân Lục chiến và một cấp hiệu Thiếu tá. Lại thêm một chiếc áo mưa đã cũ, trên cầu vai cũng gắn phù hiệu và cấp hiệu. Còn phải lo liệu cả những giày trận, ghệt vải, một sơ mi, áo thun như thường lệ. Áo lót, quần đùi được lột hết nhãn hiệu cũ rồi đưa cho thợ giặt để lấy cùng một loại dấu vết của tiệm ủi. Chúng tôi mua sơ mi ở tiệm Gieves và nhét hóa đơn vào túi áo mưa, vì cho rằng Bill Martin (Bill: tên gọi thân mật của William Martin) phải làm như vậy. Đó là vụng về duy nhất của chúng tôi. Sĩ quan đi mua sơ mi không thuộc Hải quân nên trả tiền mặt, thật là vô lý. Nhưng xét cho kỹ, Thiếu tá Martin, một người vô hình làm sao mua chịu ở tiệm Gieves được mà chẳng phải trả bằng tiền mặt. Khi xác chết lên đường rồi chúng tôi chợt nhớ ra mới hối tiếc đã nhầm lẫn vì từ trước đến nay có sĩ quan Hải quân nào mua hàng trả tiền mặt ở tiệm Gieves đâu? Nhất là một sĩ quan từng bị Ngân hàng gửi giấy thúc nợ. Tôi đành tự an ủi rằng vốn dĩ chúng tôi muốn xí gạt người Đức. Họ không thể biết chắc sĩ quan động viên có được nhà hàng nợ cho hưởng đặc ân như sĩ quan Hải quân dịch hay không? Dù sao đó cũng là một lỗi lầm vụng về.

Như vậy, thi hài của “một người không bao giờ có ở trên đời trở thành thể xác của một sĩ quan: Thiếu tá Martin trong binh chủng Thủy quân Lục chiến. Kẻ nào tìm thấy ông ta sẽ biết ngay là ai và vì sao lại tới đó, do những dấu hiệu vết tích trong và ngoài thân thể. Nhưng vẫn mới chỉ là một “sĩ quan”. Chúng tôi cần phải kiếm thêm những vật tùy thân riêng tư và

một “nhân chất cá biệt” để ai cũng phải thừa nhận Martin là một “thực thể”!

Sáng Tạo Một Nhân Vật

Ngay từ lúc đầu, Thiếu tá Martin đã trở thành “người quan trọng” với chúng tôi. Đương nhiên chúng tôi muốn những ai điều tra về ông ta cũng nhận thức như vậy. Càng bình thường vụ này càng buộc người ta phải tin. Ngoài ra tôi quả quyết: trong một vấn đề quan trọng cỡ này, người Đức sẽ nghiên cứu tỉ mỉ từng chi tiết nhỏ nhất để kiểm xem có gì trục trặc ngõ hầu yên chí tất cả đều xác thực chứ không phải là một trò sắp đặt. Mãi sau này khi hết chiến tranh tôi mới biết mình làm đúng, cẩn thận có hơn, vì người Đức đã chú ý đến cả hai cuống vé coi hát chúng tôi nhét vào túi Thiếu tá Martin.

Để xác định rõ rệt nhân vật Thiếu Tá Martin, phương pháp chúng tôi là luôn luôn thảo luận về ông ta gần như kiểu bói lông tìm vết nói xấu một người bạn thân thiết! Trên thực tế, nói đến mãi thế rồi cứ tưởng ông ta chính là bạn thân từ thuở nhỏ. Tuy vậy, phải thú nhận rằng mặc dầu Thiếu tá Martin đối với chúng tôi hoàn toàn có thật, chúng tôi vẫn cố gắng nhào nặn nhân sự và câu chuyện của ông chiếu theo nhu cầu công tác.

Như đã nói ở trên, chúng tôi đã ấn định Thiếu tá là một sĩ quan khá xuất sắc, được cấp trên tín nhiệm chỉ có một vài khinh xuất, sơ ý rất tầm thường như đánh mất giấy căn cước và để quá hạn không đem đổi thẻ công vụ. Căn cứ vào đó, chúng tôi nhét vào túi ông những đồ vật chứng tỏ các đặc điểm của ông: Không còn cách nào cho người Đức biết thêm nhân tính Thiếu tá Martin hơn nữa. Theo chúng tôi, ông thích mua vui, vậy ông phải nhận được thiệp mời đến hộp đêm. Ông phung phí quá trớn nên mới có chuyện ngân hàng biên thư về việc thanh toán công nợ. Ông đã đến trọ tại

Hội quán nhà binh khi ngang qua London, nên có biên lai tiền phòng chứng minh thời gian tạm trú sau cùng tại Thủ đô.

Tất cả những thứ đó làm cho hình hài của ông thoát ly khỏi trạng thái trừu tượng để có một phong dạng rõ rệt. Nhưng làm thế nào tạo cho ông ta một đời sống thực sự? Chỉ có một cách là nhét vào túi ông những bức thư có tính chất thật riêng tư, vả lại, nếu có thể giữ một người đi dạo vỉa hè và để khám xét, ít khi ta thấy trong mình người ấy một vật gì khác hơn là những giấy tờ vô giá trị.

Chúng tôi đi đến kết luận: muốn chắc chắn kiểm thấy trong một người những thư tín nhờ đó ta hình dung ra cuộc đời của y, cần phải vớ được một chàng mới đính hôn mang theo thư tình và đang dự tính đến hôn nhân. Bởi thế chúng tôi quyết định thu xếp một cuộc “hôn phối trong tương lai” giữa Thiếu tá Martin với một thiếu nữ quen biết đúng trước khi chàng xuất ngoại. Vậy thì, đầu tháng Tư Thiếu tá Martin làm quen rồi đính hôn ngay với một cô gái mỹ danh là Pam. Nàng đưa tặng một tấm hình kỷ niệm, chàng biểu chiếc cà rá đính hôn và nhận được hai bức thư nồng nàn, một viết trong ngày nghỉ cuối tuần, một tại văn phòng nàng làm việc lúc vắng mặt ông sếp, bức thư sau tràn ngập cảm xúc vì chàng cho biết sắp phải đi công tác ở ngoại quốc.

Chàng sẽ mang theo tấm hóa đơn chiếc nhẫn đính hôn, dĩ nhiên chưa trả tiền vì còn đang thiếu nợ nhà băng. Sau hết chàng còn có ông bố già không tán thành những cuộc hôn nhân thời chiến và khẩn khoản ép con trai phải làm chúc thư trước đã, nếu cứ khăng khăng quyết định lập gia đình một cách vội vàng cầu thả.

Với vài ba bức thư, không thể cao vọng dựng nên một nhân vật rõ rệt hơn được nữa, nhưng các thư đó phải có vẻ thật và phải... nhờ người viết.

Dĩ nhiên chúng tôi có thể tự tay thảo ra: phần lớn chúng tôi đã biết quá về giấy nhà băng thúc nợ, nhiều người đã làm chúc thư và ai chẳng nhận được thư tình? Nhưng tôi tưởng tốt hơn nên nhờ đến những kẻ có đủ điều kiện hoặc thành thạo để khỏi nhầm lẫn.

Một vài việc không khó khăn gì lắm, một người trong bọn chúng tôi vừa được giấy mời để trống tên đến dự khiêu vũ ở quán Club du Gabaret.

Thế là thiệp mời đi hộp đêm đã có sẵn. Thư đòi nợ của ngân hàng cũng dễ kiếm. Một bạn khác xoay xở được giấy của nhà băng Lloyds, đề ngày 14 tháng 4 nhắc nhở Thiếu tá Martin phải thanh toán món tiền chừng 79 livres (bảng Anh) về vụ này, có người nêu lên câu hỏi: thường thường thư đòi số tiền tương đối ít ỏi có bao giờ do ông Phó Tổng Giám đốc ở trụ sở Trung ương ký không? Tôi đã nghĩ đến điều ấy, vì rút kinh nghiệm cay đắng của bản thân, loại thư này thường do một Giám đốc chi nhánh vẫn ký loại thư này, nhưng trong trường hợp đặc biệt, rất nhiều khi giấy thúc nợ được gửi đi từ trụ sở Trung ương ngân hàng. Sĩ quan đi kiểm tài liệu này được ra vào trụ sở chính của Lloyds Bank, chúng tôi dùng ngay anh ta vào việc đó. Tôi nghĩ người Đức không có kinh nghiệm của chúng tôi về thiếu nợ nhà băng, và nếu món tiền 79 bảng không lớn lắm họ sẽ thấy ngay ông bố của Thiếu tá Martin là người thế nào rồi.

Lá thư do ông Whitley Jones Phó Tổng Giám đốc ngân hàng Lloyds đọc, đánh máy trong văn phòng nhà băng và ông ký tên, viết như sau:

LLOYDS BANK L.T.D.

TRỤ SỞ TRUNG ƯƠNG.

LUÂN ĐÔN E.C.3.

Ngày 14 tháng 4 năm 1943

Kính gửi: Thiếu tá WILLIAM MARTIN

Thưa ông!

Được biết, mặc dầu nhiều lần thúc dục, ông vẫn chưa thanh toán cho chúng tôi món tiền 79 livres.

Vậy xin báo tin nếu ông không gửi trả, chúng tôi bắt buộc phải thi hành những điều cần thiết để tự bảo vệ quyền lợi.

Kính chào ông.

(Ký tên) E. WHITLEY JONES

Phó Tổng Giám đốc

Bức thư này sẽ gửi qua bưu điện cho Thiếu tá Martin ở Hội quán Hải quân nhưng cố tình gửi lộn đến Câu lạc bộ Lục quân (để anh gác cổng tại

đây ghi vào: “Không có ở địa chỉ này” và biên thêm “thử coi ở Hội quán Hải quân số 94, Picadilly”. Như thế người ta sẽ phải tin đó là một bức thư có thật và Thiếu tá Martin mang theo cùng với phong bì cũng rất hợp lý.

Một người trong bọn chúng tôi đến thương lượng với Hội quán Hải quân xin một phiếu đề ngày mồng 2 tháng 4 làm biên lai tiền phòng chứng tỏ Thiếu tá đã tạm trú ở Hội quán trong những đêm từ 18 đến 23 tháng 4-1943. Ngoài vấn đề dựng đứng ra một nhân vật hữu hình, giấy này còn cho thấy hẳn hoi Thiếu tá Martin ngày 24-4-1943 vẫn còn ở London.

Lấy hóa đơn cho chiếc nhẫn đính hôn cũng dễ. Tôi quyết chọn tiệm S. J. Phillips, nhà buôn nữ trang châu báu ở Đại lộ Bond, vì biết họ thường giao thiệp thương mại với ngoại quốc, rất có thể bên Đức có người đã nhận được giấy tờ thư tín trên tiêu đề có in, tên và địa chỉ nhà hàng đó, nếu đem ra so sánh sẽ thấy ngay hóa đơn của Martin là chính xác. Hóa đơn đề 19-4-43, nhưng ghi rõ đã mua ngày 15 cùng tháng.

Kiểm được các giấy tờ nói trên không khó khăn gì nhưng cũng làm bận tâm không ít, vì dĩ nhiên chúng tôi chẳng thể nói xin về để làm gì, nếu bảo đó là công tác Mật, thiên hạ sẽ bàn tán bép xép đông dài. Ngược lại nếu đưa ra một duyên cớ nghe xuôi tai, chắc chắn những nơi cung cấp giấy tờ sẽ kín tiếng. Tôi bèn bịa ra một câu chuyện đánh lạc mọi người, nói rằng có kẻ khả nghi đang chú ý tới những quân nhân túng thiếu, vậy cần có tài liệu chứng tỏ sự quẫn bách của một vài sĩ quan, rồi giả bộ đánh rớt vương vãi gần chỗ kẻ khả nghi kia xem hẳn định làm trò gì, có thái độ nào? Câu chuyện bịa nghe chừng cũng lọt tai nên được mọi người vui lòng giúp đỡ và không hề có sự tò mò thọc mạch làm lộ bí mật.

Thế là trong công tác thu xếp lớp lang, đã tính xong các “vai phụ”, đến lượt tìm những “vai chính” cho tấu tuồng.

Trước hết, cần phải có một tấm hình của Pam, vị hôn thê của Thiếu tá Martin. Tôi yêu cầu tất cả các thiếu nữ trong văn phòng mỗi người cho mượn một tấm ảnh rồi treo lên “triển lãm” để bọn tôi ngắm nghía, theo đa số lựa lấy một vài tấm vừa ý nhất rồi gạn lọc để cuối cùng chọn một cô được toàn thể coi như đẹp và duyên dáng nhất. Đó là một thiếu nữ đang trông coi tài liệu tối mật của Bộ Chiến tranh, chúng tôi ngỏ lời muốn sử

dụng tấm hình cô làm ảnh một vị hôn thê tưởng tượng cho người nào đó, cô ưng thuận cho phép liền.

Trong bọn tôi không một ai đủ tài viết nổi một lá thư tình, kể ra cũng không phải là một lỗi, vì có là đàn bà đâu mà biết được tâm trạng phụ nữ? Cũng hơi tế nhị khi hỏi một thiếu nữ có viết nổi một tình thư, một “ca khúc yêu đương” thượng thặng. Chúng tôi bèn yêu cầu một nữ thư ký trong phòng tìm hộ một ban gái làm đùm việc đó. Cô này bằng lòng lo liệu nhưng chẳng bao giờ muốn tiết lộ danh tính tác giả hai lá thư bất hủ mà Thiếu tá Martin sẽ mang theo.

Bức thư thứ nhất được viết trên thứ giấy riêng của ông anh rể tôi. Nhất định như thế, vì tôi biết chắc không một người Đức nào lại cầm lòng nổi khi thấy một địa chỉ có tính chất đặc thù của cảnh sắc hoàn toàn Anh quốc như: Trang viên Ogbourne...v.v...

Đây là nguyên văn bức thư đó đề ngày Chủ nhật, 18:

TRANG VIÊN OGBOURNE

ST. GEORGE MARLBOROUGH, WILTSHIRE.

Chủ nhật, 18.

Anh Bill yêu quý!

Anh ơi, không gì buồn thảm bằng tiễn đưa người yêu ra tận bến tàu. Xe lửa đi rồi, lòng em trống rỗng phải cố nghĩ đến những tuần lễ chúng ta sung sướng bên nhau, nhưng vẫn không tan được mối sầu.

Em nhớ lại bữa qua chúng ta ở cạnh nhau, trời ơi tuyệt thú! Em biết nhiều người đã từng nói: vũ trụ, thời gian hay ngừng lại, dù rằng một phút! Nhưng thôi, nghĩ đến làm gì, em gạt nước mắt, cố mỉm cười.

Đọc thư anh, em khích lệ vô cùng! nhưng đừng ca tụng em nhiều quá, em trở nên kiêu căng tự đắc đấy. Em thật không xứng đáng chút nào, chỉ sợ rồi anh sẽ thấy ngay đó thôi.

Em nghỉ cuối tuần với má và chị Jane ở đây, một nơi kỳ thú, mọi người đều dễ thương, ân cần săn sóc em. Tuy nhiên em vẫn buồn nản quá sức mình, chỉ mong đến thứ Hai để lại lao đầu vào công vụ. Đời lối bịch quá phải không anh?

Anh Bill yêu dấu, khi nào thu xếp xong, nhớ cho em biết ngay đừng để phải đi công tác xa xôi như trước nữa nhé. Bây giờ chúng ta đã biết nhau, thật là có phước, xa anh em chịu không nổi đâu.

Yêu anh muôn vàn.

Em của anh

PAM

Tiếp theo là một lá thư khác viết trên hai tờ giấy loại thường, thứ giấy pelure mỏng dùng trong công sở để đánh máy bản sao. Mở đầu nàng viết: “Viết trong văn phòng, thứ Sáu, 21”. Đoạn đầu bức thư, chữ ngay ngắn, nhưng đoạn cuối viết nguệch ngoạc vì bất chợt nghe tiếng ông sếp trở về, nội dung như sau:

Tại văn phòng, thứ Sáu, 21.

Anh Bill yêu quý!

Lão khọm vừa ra khỏi, đi vắng chừng nửa tiếng, em lợi dụng cơ hội nguệch ngoạc vài lời điên rồ.

Thư của anh tới sáng hôm sau, đúng lúc em vội vàng đi làm, và đi làm trễ như thường lệ. Thư anh đáng yêu quá. Nhưng sao lại có đoạn ám chỉ anh sắp phải đi công tác nơi xa? Dĩ nhiên em không nói chuyện đó với ai, em không bao giờ nhắc lại những điều anh cho em biết, nhưng anh không đi ngoại quốc đấy chứ? Phải không anh? Vì em không muốn thế, em không muốn thế, anh bảo hộ em cho các sếp anh biết rằng em không muốn thế. Anh yêu, tại sao chúng ta lại gặp nhau trong thời chiến? Thực vô lý quá, anh nhỉ? Nếu không có chiến tranh chúng ta có thể sắp làm lễ thành hôn rồi: chúng ta dắt nhau đi dạo phố sắm sửa, mua đồ rồi. Và em khỏi phải ngồi thu lu trong căn phòng kinh khủng của Chính phủ suốt ngày đánh máy những báo cáo vớ vẩn. Em nhận thấy công việc của em thật vô tích sự, nhưng có rút ngắn chiến tranh được đâu?

Anh Bill yêu dấu, em sung sướng quá vì chiếc nhẫn anh cho, mua làm gì? Anh thật điên rồ! Anh biết em thích hột xoàn chừng nào! Em đang ngắm nghía nó đây.

Tối nay em sẽ cùng với Foe và Hazel đến dự một buổi dạ hội có khiêu vũ, chắc là buồn tẻ, hình như bọn họ sẽ dẫn một anh chàng nào nữa tới. Anh đã biết bạn bè của bọn này: anh chàng hẳn là lô hầu, đầu sói tròn vo! Em sẵn sàng bắt nhả quá phải không anh? Nhưng chắc anh hiểu vì sao em lại nói thế? Anh hiểu chứ?

Anh ơi lễ Phục sinh em được nghỉ Chủ nhật và thứ Hai, cố nhiên em sẽ về quê, nhớ đến thăm em nếu có thể được, nhưng nếu anh bó buộc phải ở lại London, em sẽ đến thăm rồi chúng ta cùng nhau hưởng một ngày êm dịu.

(À này, Dì Marianne dặn em lần sau đến thăm dẫn anh lại ăn cơm tối, nhưng không vội gì, phải không anh?)

Lão khọm đã trở về, em xin ngừng bút.

Tha thiết yêu anh và hôn anh.

PAM

Theo ý chúng tôi, thư viết tuyệt cú, đúng như mong đợi.

Để viết thay cho thân phụ Thiếu tá Martin, chúng tôi lựa được một sĩ quan trẻ tuổi thạo cho một tác phẩm hảo hạng. Đọc thư không ai dám bảo là bịa đặt vì nội dung đầy vẻ kiêu cách lối cổ xưa. Chỉ có một ông bà già tòng cổ mới viết nổi. Xin coi sẽ biết:

Khách sạn Lion Noir

Mold, Bắc Galles

ĐT. số 98

13 tháng 4 năm 1943

William con,

Khách sạn nơi ba tạm trú không còn đủ tiện nghi như thời tiền chiến, như thế chẳng đáng dừng, vì ba không muốn tới ngủ tại nhà bà cô con, hiện nay gần như không thể ở được, nhất là đối với người già vào tuổi ba, vì đây tớ con hầu ít ỏi và phải hạn chế than củi để sưởi.

Ba định đi London lưu lại đó những ngày 20 và 21 tháng Tư và muốn nhân dịp gặp con.

Trong thư này ba gửi cho con coi bản sao bức thư ba gửi cho luật sư Gwatkin thuộc Văn phòng luật sư Mc Kenna nói về chuyện riêng của con. Con sẽ thấy ba mời ông ta dùng cơm trưa ở nhà hàng Cariton (Ba nghe nói nhà hàng đó vẫn còn mở) vào 1 giờ kém 15 phút trưa ngày thứ Tư, 21.

Con hãy cố thu xếp đến cùng ăn. Không thể đợi con rồi mới bắt đầu, vậy nếu đến, phải đúng giờ.

Priscilla, chị họ con gửi lời hỏi thăm đấy. Nó đã khôn ngoan hơn trước, nhưng ba không thể nói rằng việc làm trong quân đội đã cải thiện thói nết kiêu cách của nó. Về điểm này, e rằng nó giống như ba nó...

Bản sao bức thư gửi cho luật sư:

Khách sạn LION NOIR

MOLD, BẮC GALLES

Ngày 10 tháng Tư

Kính gửi: Luật sư F. A. S. GWATKIN

Văn phòng L. S, MC KENNA & CTY, 14

Công trường WATERLOO

London S. W. 1

Thưa ông,

Tôi đã nghiên cứu kỹ càng thư của ông nói về tặng sản tôi định cho con trai tôi William nhân dịp nó kết hôn. Những điều khoản trong bản dự thảo của ông đều hợp lý trừ một điểm.

Trong cuộc hôn nhân này, người đàn bà không đem lại của hồi môn, tôi nhận thấy không công bằng nếu bắt buộc phải bảo đảm cho người vợ, sau khi William chết đi, một nguồn lợi của tài sản do tôi cung cấp. Tôi chỉ thỏa thuận về điều này trong trường hợp sẽ sinh con cái sau khi họ thành gia thất.

Bởi vậy, yêu cầu ông sửa đổi lại bản dự thảo để ấn định rõ ràng, nếu có con, lợi tức sẽ giao cho người mẹ tới khi người này tái giá (nếu có) hoặc tới lúc lũ nhỏ đến tuổi thành nhân. Sau đó, chỉ những đứa con mới được quyền thụ hưởng.

*Tôi định đến London hai ngày 20 và 21 tháng Tư. Tôi rất hân hạnh nếu ông thu xếp tới dùng cơm với tôi ở nhà hàng Carlton hồi 1 giờ thiếu 15 phút - ngày thứ Tư, 21. Nếu ông vui lòng mang bản chúc thư mới sửa lại, chúng ta sẽ cùng nghiên cứu kỹ càng một lần nữa, Tôi đã biên thư cho William, hy vọng nó sẽ cùng đến.
Chân thành kính chào
(Ký tên) J. G. Martin.*

Chúng tôi đã lựa khách sạn Lion Noir ở Mold, không những vì nó có địa chỉ đặc biệt Anh quốc làm cho người ta cảm thấy về thực, mà còn vì phù hợp với sinh quán của Thiếu tá Martin ở Cardiff. Hy vọng chủ nhân khách sạn thứ lỗi cho chúng tôi đã lấy và sử dụng giấy viết thư của nhà hàng và nhất là đã gièm pha sự tiện nghi của khách sạn thật ra lúc nào cũng được danh tiếng

Sau hết, tôi có người bạn cộng tác với Văn phòng Mc Kenna đã bổ túc cuộc dàn cảnh bằng lá thư sau đây viết trên giấy tờ riêng của văn phòng đó:

MC KENNA & CTY

Trạng sư đại tụng

Công trường WATERLOO

London S. W. L

Ngày 19 tháng 4-1943

Kính gửi: Thiếu tá W. Martin, Thủy quân Lục chiến

Hội quán Hải Quân, 94 Piccadilly, London

Thưa ông,

Trân trọng cảm ơn ông đã biên thư trả lời và chấp thuận bản dự thảo chúc thư của chúng tôi. Chúng tôi sẽ ghi thêm món tiền 50 livres ông tặng cho người hầu cận, và ông Gwatkin, cộng sự viên chúng tôi sẽ đem lại bản chính vào dịp gặp ông ngày 21, để ông ký tên.

Ông Thanh tra sở thuế có hỏi chúng tôi về chi tiết lương bổng phụ cấp của ông những năm 1941-42 để ấn định tiền miễn giảm thuế khóa trong thời

gian đó. Chúng tôi không có tài liệu về việc này, vậy xin ông vui lòng cho biết.

Kính chào ông,

MC KENNA & CÔNG TY

Khi đọc lại tất cả những tài liệu trên, chúng tôi thấy các giấy tờ đó cho ta cảm giác đứng trước một người sống, một người hiện hữu thật sự. Xét cho kỹ, với một vài tờ giấy tìm được trong túi áo của một người, ta không thể làm hơn được nữa.

Tuy vậy, vẫn cần đề phòng cẩn bị trước khi trao thư cho Thiếu tá Martin. Trừ những thư tình ra, tôi lấy hết giấy tờ mang theo bên mình cho có vẻ cũ đúng với thời gian. Nhưng với mấy bức thư của cô Pam, thật là rắc rối, nhất là hai tờ giấy pelure mỏng. Những thư này, đọc đi đọc lại nhiều lần, không thể còn ở tình trạng mới nguyên, nhưng không thể đem vò ra rồi vuốt thẳng như có người thiếu suy xét đã đề nghị với tôi.

Một tờ giấy bị vò nhàu đem mài nhẵn, đánh bóng thế nào cũng không hết vết nhăn, và có bao giờ Thiếu tá Martin lại vò nát loại thư quý báu đó? Kiên nhẫn làm như chính ông ta phải làm, tôi gỡ ra gấp lại nhiều lần, và cũng đánh bóng lên quần áo cho giấy có vẻ đã được giữ đến luôn, nên kết cục thư của nàng Pam giống hệt như những tấm giấy người tình đọc đi đọc lại không biết chán.

Sửa Soạn

Mặc dầu chưa được hoàn toàn chấp thuận để thi hành chiến dịch, chúng tôi vẫn không ngừng tiếp tục các cuộc sửa soạn.

Sau khi nghiên cứu bức thư của Sir Archibald Nye, các vị Tham Mưu trưởng đã ưng chuẩn trên nguyên tắc. Chúng tôi cố khẩn khoản xin được phép khởi sự ngay, nhưng tới giai đoạn này, xảy ra sự va chạm quyền lợi biết trước không tránh khỏi.

Các ông lớn trong Bộ Tham mưu dĩ nhiên không muốn để lọt cho Đức biết những tin tức mật viết trong thư, vì chiến lược của Đồng minh có thể thay đổi (Nếu có thực cũng chẳng phải là lần đầu tiên!). Mặt khác chúng tôi bắt buộc phải cho bức thư tới đất Tây Ban Nha vào đầu tháng Năm thì chiến dịch mới mang lại kết quả tốt đẹp. Phải để cơ quan điệp báo Đức có đủ thì giờ nhận được tin này, yên chí có thực sự bằng mọi phương pháp phối kiểm, tham định giá trị và báo cáo luận đoán đưa cho Bộ tham mưu hành quân. Bộ này cũng cần có thì giờ để chuẩn bị và gửi lực lượng đến những mục tiêu giả tạo, và nếu ta không muốn Sicile xây cất thêm thành lũy kiên cố thì đừng đợi đối phương hoàn tất các công sự phòng ngự trên đảo ấy.

Rốt cuộc, các quan to trong Bộ Tham mưu Đồng minh đành phải chịu, và thảo luận dứt khoát lần cuối cùng nhưng vẫn dè dặt để tùy ý ngài Thủ tướng do Đại tướng Ismay tường trình lên Nội vụ.

Khi người ta nói với Thủ tướng rằng nếu chiến dịch thất bại, địch quân có thể chú ý đến đảo Sicile, ngài trả lời (như tôi đã thuật ở đoạn trên): “Chẳng sao cả, thẳng góc đến đâu cũng phải biết chúng ta nhằm tấn công

đảo Sicile”. Cũng cần phải báo trước với ngài: tất cả cố gắng của chúng tôi có lẽ rồi uổng công vô hiệu, vì rất có thể xác chết được một người Tây Ban Nha tìm thấy nhưng không cộng tác với quân Đức, và trong trường hợp này giấy tờ sẽ được gửi trả cho chúng ta nguyên vẹn. Thủ tướng cho rằng nguy cơ này không lớn lắm và cười kết luận: “Cần gì! Ta sẽ làm lại một lần nữa.”

Thế là đầu đó đã sẵn sàng, chỉ còn phải thông báo kế hoạch cho Tướng Eisenhower nữa thôi. Nếu ông này phản đối hoặc có sự sửa đổi trong chiến lược toàn bộ trước khi khởi công, chiến dịch “Thịt Ba-tê” sẽ bãi bỏ theo điều kiện tôi đã dự trù trong mục 8 của chỉ thị hoạt động gửi cho Đại úy Jevell.

Trong những lúc sửa soạn, chúng tôi phải làm một việc khó chịu nhất, việc bố trí cho xác chết đi thi hành sứ mạng. Chúng tôi thấy công việc này gớm ghiếc quá chừng. Mặc dầu xác chết, theo nhãn quan chúng tôi, sẽ giúp ích cho xứ sở, nhưng quấy rối giấc ngủ ngàn thu của ông, chúng tôi vẫn cảm thấy chướng và trái ý thế nào!

Ngoài ra lại còn có phản ứng tâm lý lạ lùng mỗi lần nhìn vào thi hài cứng nhắc và lạnh cóng. Lúc này Thiếu tá Martin đối với chúng tôi đã thành một người bạn hoàn toàn có thực. Chúng tôi tưởng như biết ông từ lâu, như một bạn chí thân, và lại phải thân thiết lắm mới đọc thư tình và thư riêng bạn mình nhận của người yêu và cha mẹ. Thế rồi chúng tôi yên chí quen thuộc Bill Martin từ thời thơ ấu nên bạn tâm mật thiết đến tình ái và công nợ của ông ta.

Nói rằng vì sáng tạo ra Martin nên biết ông ta như cha biết con cũng không đúng hẳn, chúng tôi biết ông hơn cả nhiều bậc phụ mẫu biết con cái. Tác hợp ra Thiếu tá Martin chúng tôi phải tìm hiểu tất cả suy tư và phản ứng của ông mỗi khi gặp những chuyện bất ngờ xảy ra. Bởi vậy tuy không thích đến phòng lạnh nhìn thi hài Thiếu tá Martin, Georges và tôi ít ra cũng phải tới đó ba lần, Trước hết, chúng tôi đến quấy nhiễu ông ta để cố chụp một bức hình căn cước và nhân dịp đo lấy kích thước may quần áo và đo chân sắm giày vớ.

Đoạn đến thăm lần thứ nhì thì mặc y phục, xỏ giày vớ sẵn sàng cho ông lên đường, phòng xa phút cuối cùng có chuyện chi trực trực không kịp

sửa chữa chẳng? Lo xa như vậy rất đúng vì chúng tôi quên phức đi một điều: Trên đây có nói đến những chữ cứng nhắc và lạnh rần nhưng chưa từng có kinh nghiệm biết cứng rần nghĩa là gì? Cũng đã biết mặc y phục cho một thầy ma, kể cả quần đùi áo lót, khó khăn vô cùng, lần đến chụp ảnh đã biết trước như vậy, và kết luận dù khó khăn lắm nhưng vẫn có thể làm được. Tuy nhiên mặc quần áo không nói làm gì, về giày vớ mới thật nan giải.

Muốn biết khó khăn rắc rối ra sao, xin quý vị hãy xỏ đôi giày vào khi quý vị lấy gân giữ cho từ mắt cá trở xuống bàn chân, ngón chân cứng đờ như gỗ, bàn chân lại nằm thành hình thước thợ với bắp cẳng! Xin nói ngay không tài nào làm được đâu. Khó quá, rắc rối quá! Làm cho một xác chết lạnh cóng nóng lên rồi đem ướp lạnh trở lại chỉ tổ cho mau thối rữa khi cuối cùng lại để cho xác đó tan giá. Làm như thế sẽ hỏng bét, và sai hết dự đoán của Giáo sư Bernard Spilsbury. Vậy tính sao đây? Chợt nghĩ ra một biện pháp, chúng tôi lấy máy sưởi điện rồi phóng nhiệt riêng từ mắt cá tới bàn chân đoạn vôi vàng mang giày vớ cho Martin, đồng thời mặc áo thun, sơ mi, quần phục .v...v... đầy đủ rồi đặt thi thể trở vào phòng lạnh, thăm thì xin lỗi vì đã làm người chết vất vả.

Cuộc viếng thăm thứ ba vào ngày thứ Bảy 17 tháng Tư năm 1913, 8 giờ sáng, khi chúng tôi đến kiểm Thiếu tá Martin đưa đi.

Trước hết, tôi nhét vào túi áo những bức thư riêng và chiếc bóp với giấy tờ căn cước .v...v... Đoạn, thêm vào những giấy má, đồ vật “lộn xộn” một người thường mang trong mình hoặc vô tình ấn đại vào túi quần.

Tất cả cũng khá nhiều, xin coi thử:

— Hai miếng thẻ bài căn cước khắc tên “Thiếu tá Martin F. M. R/C”.

— Thánh giá bằng bạc có dây choàng quanh cổ.

— Đồng hồ đeo tay.

— Bóp da bên trong có:

+ Ảnh vị hôn thê.

+ Tập bưu hoa (đã dùng 2 chiếc).

+ Hai bức thư của vị hôn thê.

+ Huy hiệu Thánh Christopher.

- + Thiếp mời tại tiệm “Club du Cabaret”.
- + Giấy lưu thông kiểm soát ra vào Bộ Tham mưu Chiến dịch Liên quân (lồng kiếng nhựa).
- + Thẻ căn cước Bộ Hải quân (lồng kiếng nhựa).
- + Giấy viết thư có tiêu đề đã xé.
- + 1 giấy bạc 5 livres.
- + 3 giấy bạc 1 livres.
- + 1 đồng tiền 5 Shillings.
- + 2 đồng tiền 10 Shillings.
- + 2 đồng tiền 6 pence.
- + 4 pennles.
- + Thư của ông bố.
- + Thư của ông bố gửi cho văn phòng Luật sư MC Kenna.
- + Thư của nhà ngân hàng Lloyds.
- + Thư của văn phòng luật sư Mc Kenna
- + Phiếu của Hội quán Hải quân (đã trả tiền).
- + Hóa đơn (trả tiền mặt) của nhà may Gieves.
- + Hóa đơn mua nhẫn đính hôn.
- + 2 vé xe buýt.
- + 2 vé “sọt-ti” của hí viện Prince de Galles ngày 22-4-1943.
- Hộp quẹt.
- Bao thuốc lá.
- Chùm chìa khóa.
- Mẫu bút chì.

Tôi phải mở một dấu ngoặc ở đây để giải thích hai tấm vé phụ (vé “sọt-ti” cho khán giả đã vô rạp rồi, muốn ra ngoài trong chốc lát lúc đang diễn tuồng hoặc lúc tạm nghỉ) của hí viện Prince de Galles ngày 22-4-1943.

Như tôi đã nói, ngày 17 tháng Tư tôi đến đón Thiếu tá Martin để ông xuống tàu ngày 19. Phải thả ông xuống biển vào ngày 29 hoặc 30 tháng đó, vậy nếu dùng đường hàng không như đã định cho người Đức tưởng lầm, chuyến đi chỉ mất có đúng một ngày.

Suy nghĩ về sự sai biệt thời gian này, chúng tôi bèn tính toán thời khắc biểu ngược chiều lại. Trừ ngày tới Huelva vào khoảng 30 tháng 4, coi chừng 5 hoặc 6 ngày để xác chết lênh bênh bệnh giạt vào bờ biển sau tai nạn phi cơ ngoài khơi (chúng tôi đã tính toán mức độ rửa nát, lúc đó, sẽ chịu đựng ngâm nước được xấp xỉ thời gian này), tất cả chứng tỏ Thiếu tá Martin đã từ già London vào ngày 24-4. Chính vì thế mà phiếu trả tiền phòng của Hội quán Hải quân đề ngày 24 tháng 4.

Anh Georges lại có thêm một ý kiến rất hay. Bộ óc đa mưu của anh tính toán rằng khi thấy một cuống vé coi hát, người ta lập tức nghĩ vé đó đã được sử dụng rồi. Chẳng ai ngăn cấm chúng tôi mua vé hát cho một ngày nào đó sau khi xác chết đã thực sự rời khỏi London, rồi bứt rời cuống ra và vứt vé đi.

Vậy thì nhất định phải cho Bill Martin và nàng Pam gặp nhau để từ biệt trước giờ khởi hành của chàng. Chúng tôi cho rằng vở tuồng *Sids Fields* của rạp Prince de Galles làm cho họ vui thích khuây khỏa, nên đã mua bốn chỗ ngồi (xin coi ở chương 9 sẽ hiểu vì sao mua 4 chỗ). Tôi tách rời 2 cuống vé ra đút vào túi Thiếu tá Martin. Sau này chúng tôi mới biết chi tiết nhỏ nhất ấy được việc lắm trong tấn tuồng lừa dối và ý kiến giờ chót của Georges thật hữu hiệu, còn phiếu trả tiền phòng lại bị người Tây Ban Nha và bọn Đức bỏ qua không thèm lưu ý.

Sau hết, chúng tôi móc quai chiếc cặp đựng tài liệu quan trọng vào tay Martin, trái hẳn lại với những sắp đặt bố trí đã chỉ dẫn cho Đại úy Jewell. Trước đây chúng tôi định mang chiếc cặp đến tận Clyde, ngoài thung ống, và trao tận tay cho Đại úy Jewell nhưng tới phút cuối cùng, tôi nhận thấy có thể nhét nó vào trong thùng cùng một lúc với thi hài. Cố nhiên, tôi đã làm như vậy vì như thế còn đề phòng được mọi thiếu sót lãng quên khi thả xác xuống nước ở Huelva. Nhiệm vụ của Đại úy Jewell sẽ rất khó khăn, nhất là gặp trời xấu biến động, ông ta còn bao nhiêu việc phải giải quyết chưa kể đến việc lo lắng an ninh cho chiếc tàu ngầm. Nếu vì vội vàng hoặc bối rối, Đại úy quên khuấy đi, kết quả sẽ tai hại: Thiếu tá Martin trôi vào bãi cát trong khi chiếc ca táp quan trọng yên ổn nằm thu lu trong tủ sắt của Jewell!

Trong khi đã mặc quần áo giày vớ tươm tất cho xác chết, giấy tờ đồ vật đút vào các túi, móc quai ca táp xong, chúng tôi quấn chiếc mền phủ trùm Thiếu tá Martin để khỏi bị cọ xát trong khi đi đường.

Lúc tới phòng lạnh, chúng tôi dựng đứng chiếc thùng lên, đổ đầy bột tuyết carbone, đợi cho tan rồi mới kính cẩn nhắc ông Thiếu tá Martin đưa vào trong ống. Đoạn múc bột tuyết Carbone tưới phủ từ trên tới đáy một lần sau cùng rồi đập nắp vặn các đinh ốc.

Thiếu tá W. Martin đã sẵn sàng lên đường chiến đấu.

Đường Lên Phía Núi

Bọn chúng tôi có ba người: Georges, tôi và Jock Horsfall, tay đua xe hơi nổi danh hiện đang công tác đặc biệt trong Bộ Chiến tranh. Jock cho chúng tôi mượn một chiếc xe vận tải cỡ nhỏ hiệu Ford nặng 1500 kilô. (Thật ra phải nói bọn tôi gồm bốn người vì tính thêm Thiếu tá Martin nằm trong quan tài thép).

Chút xíu nữa chuyển đi của chúng tôi chấm dứt trước khi khởi hành, vì lúc ra khỏi phòng lạnh để đi đến nhà Georges ở London, chúng tôi thấy trước cửa một rạp chiếu bóng đầy người nối đuôi nhau mua giấy coi một cuốn phim gián điệp. Bọn chúng tôi cùng nghĩ: Không hiểu những khán giả kia phản ứng ra sao nếu chúng tôi ngưng xe lại bảo họ: “Đừng xem phim đó. Chúng tôi có vở tuồng hay hơn nhiều, và là truyện có thật. Hãy nhìn thử coi trong thùng sắt”.

Chúng tôi phá lên cười, nhất là Jock rũ rượi cười sảng sặc chút xíu nữa tông xe vào cột đèn. Nhưng rồi cũng tránh được, cả bọn nguyên vẹn, bình yên đến nơi cư ngụ của Georges. Tới đó, chúng tôi tự tay nấu lấy ăn uống và cắt lượt từng người xuống canh chừng chiếc xe đậu dưới đường. Nếu có chú trộm nào thối được chiếc xe này, thấy thùng sắt kiên cố tưởng bỏ, khai ra chắc hết hồn, thất vọng lắm, nhưng cũng chưa nghĩa lý gì so với thất vọng của chúng tôi: bao nhiêu công lao vất vả hàng tháng trời chỉ vì sơ ý giây lát, hóa ra công cốc, chưa kể bí mật bị phanh phui khó lòng tái diễn nữa. Bởi vậy chúng tôi sửa soạn lương thực, bánh mì, sandwich và đồ uống trong bình thủy, vì trên đường đi lên miền Bắc không thể rời chiếc xe ra một phút nào.

Mọi việc xong xuôi, khởi hành đi Greenock, Jock và tôi luân phiên cầm tay lái.

Hành trình thật dài và cực nhọc, vì trong thời chiến dĩ nhiên chúng tôi chỉ dám sử dụng ánh sáng tối thiểu của đèn pha hé mở, nên có lúc không trông rõ, vượt hàng rào lao xe vào mảnh vườn may thay không có cây to hoặc giếng sâu. Chưa kể tiếng động cơ máy bay âm âm trên đầu tăng thêm các mối lo âu, chỉ sợ tới nơi không kịp.

Thực thế, tàu ấn định ra khơi ngày 19 và chúng tôi có thừa thì giờ tới Greenock, căn cứ chính (tức là bến đi) của chiếc tàu ngầm, đó là tính cả thời gian phòng ngừa phải đi vòng vo tránh máy bay địch hoặc phải ngừng lại, vì oanh tạc làm hư đường xá. Nhưng Đại úy Jewell đã yêu cầu chúng tôi đến đó trước buổi trưa ngày 18, để phòng có sự khó khăn rắc rối vào phút cuối cùng về việc chuyển chiếc thùng lên tàu ngầm.

Rốt cuộc, mặc dầu gian nan sợ sệt, đường xá gập ghềnh, chiếc xe vẫn nguyên vẹn, phi cơ trên đầu hỏi ra là của bạn, nên chúng tôi ngon trớn tiếp tục đi trong đêm tối, cắt phiên nhau ra kẻ cầm tay lái, kẻ ngủ vùi bên cạnh Thiếu tá Martin.

Tờ mờ sáng ngày 18 chúng tôi đến hải cảng Greenock đi thẳng ra bến, nơi đã hẹn một chiếc xuồng máy đợi sẵn để đưa bọn tôi ra chiếc Forth, tàu tiếp tế các tàu ngầm căn cứ đóng tại Holy Loch.

Tới đây, chúng tôi ngạc nhiên gặp bực mình khó chịu. Tôi đồ chừng việc đem chiếc thùng xuống xuồng máy sẽ khó khăn nên đã cẩn thận, trong bức điện của Sở Mật vụ Hải quân gửi báo tin trước, nói rõ ràng khi đến tôi mang theo một - tôi ghi một - kiện hàng nặng trên 180 kilô và yêu cầu được giúp đỡ mang lên tàu. Mặc dầu quy định như vậy, người ta vẫn hiểu nhầm cho rằng hành lý chúng tôi gồm nhiều hòm tổng cộng 185 kilô!

Kết quả, chiếc xuồng sóng sánh đánh lắc lư trên mặt nước thấp hơn cầu tàu non hai thước, chỉ có một chú lính thủy duy nhất tiêu biểu cho sự giúp đỡ chúng tôi đã hỏi xin bằng công văn! Chú lính đầy thiện chí, sốt sắng lắm, nhưng tôi không có giầy thừng, và nếu chuyển tay nhau khiêng chiếc thùng xuống chắc chắn sẽ tuột và hỏng hết việc.

Trông thấy mất thì giờ phiền phức vô cùng, nhất là mình lại ở xa đến, không quen ai để nhờ vả, tôi vội lao đầu đến Bộ Tham mưu, thì may thay, vị sĩ quan gác trực hôm Chủ nhật đó lại là một bà Wren (Women's Royal Navy Service: nữ quân nhân Hải quân Hoàng gia) trước kia quen biết ở Sở Truyền tin khi tôi còn tòng sự tại tỉnh Hell. Bạn cũ gặp nhau mừng rỡ quá, và sau khi tự sự, tôi được bà này giúp cho 6 lính thủy và giầy nhợ đầy đủ đem ra bến, hạ chiếc thùng xuống xuống máy trong chốc lát. Chẳng bao lâu, xuống rẽ sóng tới tàu Forth, tôi “giao phó” Thiếu tá Martin cho Đại úy Jewell cùng với chiếc xuồng cao su để thả xuống biển đồng thời với xác chết.

Muốn cho có vẻ tai nạn phi cơ thực sự, mọi việc phải vội vàng xấp ngửa, xuồng cao su sẽ đặt lật úp và chỉ có một bơi chèo bằng nhôm thôi. Còn lại một chiếc tôi vẫn giữ làm kỷ niệm. Thật ra, thả chiếc xuồng đó cũng không lợi ích gì, vì đối với một ngư phủ Tây Ban Nha, xác chết hoàn toàn vô giá trị, trái lại chiếc xuồng cao su được việc vô cùng. Do đó chẳng bao giờ chúng tôi biết số phận xuồng nọ ra sao, mong rằng sẽ trở nên vật hữu ích cho ông bà nào vớt được nó.

Trước đây, người ta đã cho biết một thủy phi cơ loại Gatahna bị rớt xuống biển không chắc những mảnh vụn, hành lý có thể trôi vào bờ, vì vậy tôi không đưa cho Đại úy Jewell đồ vật nào khác để giả vờ một tai nạn. Tôi bàn với ông ta chỉ nên thả xác xuống nước trước mặt các sĩ quan mà thôi, đừng cho thủy thủ đoàn trông thấy, như vậy số người biết rõ bí mật và bép xép bất cần cũng giảm bớt đi nhiều. Cần nhất đừng để có tiết lộ, vì người kín đáo đến đâu cũng không tự kiểm chế nổi, phải bàn tán về chuyện thả một thi hài ngoài khơi Tây Ban Nha.

Nếu chỉ có sĩ quan chứng kiến, phải bịa ra một câu chuyện để gạt bọn thủy thủ đã trông thấy ông thuyền trưởng, khi tới duyên hải Tây Ban Nha, mang ra khỏi tàu ngằm một kiện hàng trước đây nói gửi đi đảo Mallo, mang ra rồi không thấy mang vào. Tôi đề nghị với Đại úy nên tuyên bố: Những “dụng cụ quang học” thực ra là một chiếc phao bí mật đo khí tượng, nếu người Tây Ban Nha biết đến sẽ lấy.

Trong trường hợp bắt buộc phải có thủy thủ trên boong tàu khi thả xác (vì biển động, hoặc vì lý do nào khác) Đại úy sẽ sử dụng “chuyện bịa” như tôi đã ghi ở mục số 10 trong bản chỉ thị trao cho ông từ trước.

Mọi việc xong xuôi, chúng tôi trở về London, làm báo cáo tặn cùng bằng mấy dòng: “Ngày 19-4-1943, hồi 18 giờ, giờ mùa hè, tàu ngầm *Seraph* đã rời căn cứ *Holy Roch*”.

Nghĩ đến món đồ gửi đi, tôi thấy tên chiếc tàu và tên căn cứ thích hợp quá nên mừng tượng ra kết quả mỹ mãn của chiến dịch.

Thả Xác Chết

Thế rồi tiếp đến thời kỳ lo âu, không bao giờ tôi áy náy về sự thành công của chiến dịch, nhưng lúc này việc thực hiện không còn tùy thuộc nơi tôi nữa, tôi vẫn không ngớt nghĩ đến những điều trục trặc có thể xảy ra.

Một điều lạ, tôi không sợ người Đức có thể phát giác ra đó là một âm mưu đánh lừa, tôi chắc nịch họ không làm nổi, chỉ bận tâm về vấn đề thả xác chết xuống biển mà thôi. Có chắc thi hài sẽ giạt vào bờ không? Hay bao nhiêu tâm cơ cố gắng vụ này hoàn toàn thất bại? Trong những lúc bi quan nhất, tôi hình dung ra chiếc tàu ngầm Seraph chỉ vì kế hoạch của tôi mà phải đến Huelva nên đang gặp khó khăn ngoài khơi.

May thay, nhiều công vụ khác làm tôi bù đầu, không có mấy thì giờ để lo nghĩ, và thời gian này chúng tôi cũng được một buổi du hí rất vui vẻ. Ngu dại gì mà chẳng sử dụng những vé đã xé cuống để nhét vào túi áo Thiếu tá Martin. Chúng tôi mua 4 tấm, bứt ra hai cuống ở giữa cho xác chết, còn giữ lại vé chính với hai tấm nguyên vẹn để sau này xài tới.

Georges và tôi bèn mời cô Pam và Jill, thiếu nữ đã nhờ viết hai bức thư tình, đi dự “cuộc vui buổi tối tiễn hành Thiếu tá Martin”. Trước hết, cả bọn đến hí viện Prince de Galles, nhân viên kiểm soát sau khi coi kỹ 4 tấm vé cho chúng tôi vào rạp: tôi giải thích với y rằng có ông bạn nghịch ngợm đã xé hai cuống vé ở giữa để “đùa dai phá quấy bọn này”. Dĩ nhiên không thể cho y biết bọn này đã “đùa dai” phá rối người Đức.

Văn hát, đến mục ăn nhậu, nhảy nhót ở tiệm Gargoyle. Chúng tôi chiếm một bàn sát tường, tôi mời hai cô gái ngồi trên chiếc ghế dài áp vách thoải mái hơn, còn Georges và tôi ngồi hai ghế tựa đối diện với hai nàng,

nhưng Jill bỗng quay về phía Georges cười nói: “Anh Bill chị Pam đã đính hôn, vậy mà chẳng bao giờ tôi thấy có một cặp kém “si” như thế. Buổi tối tiễn đưa Bill lên đường mà chàng với nàng không muốn ngồi bên nhau!”

Thấy Jill nói, một cặp khác ngồi gần bên quay ngoắt lại vểnh tai nghe. Tôi phân trần cho Jill biết Pam và tôi tuy đính hôn nhưng thực ra quen nhau mới có vài bữa nay (bàn bên cạnh có dấu hiệu xì xào không tán thành những cuộc hôn nhân thời chiến). Tôi lại làm ra bộ thản nhiên hững hờ nói thêm: “Pam và tôi sẽ hiểu nhau hơn vì mặc dầu mới thoạt trông tôi có vẻ khiêm nhường rụt rè nhưng thực ra tôi rất thạo” (đúng như trong lá thư của Louis Mountbatten gửi cho Đô Đốc Cunningham, nàng đã đọc). Bàn bên cạnh, cặp nọ phản đối ra mặt, đứng phắt dậy ra khiêu vũ.

Đóng vai Bill Martin như vậy còn đưa đến hậu quả khá tức cười. Pam “đùa dai” hơn nữa lấy tấm ảnh trước đây nhét vào túi Martin đem phóng ra cỡ lớn và đề tặng tôi:

“Yêu nhau tới chết, Pam của anh”

Viết như vậy cũng chẳng sợ xui xẻo, vì “tôi đã chết rồi”.

Thời gian đó, tôi ở chung với mẹ tôi, muốn biết bà cụ phản ứng ra sao tôi đem tấm hình của Pam đặt trên mặt bàn trong phòng rửa mặt. Thất vọng vô cùng vì không thấy bà nói năng gì. Non một năm sau, vợ tôi đi công tác cho Sở từ Hoa Kỳ trở về, tôi đưa cho nàng coi bức ảnh. Vợ tôi trả lời làm tôi sững sờ: “À, bây giờ mới hiểu tại sao thư nào mẹ cũng hối thúc em xong công tác phải trở về ngay.”

Trong khi tại London chúng tôi mong ngóng chờ đợi, tàu ngầm Seraph lướt sóng tiến về miền duyên hải Tây Ban Nha bình yên vô sự. Tin tức đầu tiên nhận được là bức điện cho hay ngày 30 tháng Tư, chiến dịch “Thịt Bate” đã hoàn tất. Tiếp theo đó, một bức thư của Đại úy Jawell từ Gibraltar gửi về:

Thư riêng và Tối mật.

Người gửi: Chỉ huy trưởng tàu ngầm Seraph

Ngày gửi: 30-4-1943

Kính gửi: Ông Giám đốc Tình báo Hải quân

Bản sao gửi: Bộ Ngoại giao

Người nhận thư: Đại úy Hải quân E.E.S, Montagu

Thư riêng.

Chiến Dịch Thệt Ba-tê

1. Thời tiết: Gió thay đổi, hướng từ Tây Nam sang Đông Nam. Sức thổi 2. Dự đoán đúng như ngày hôm qua: buổi sáng gió nhẹ dọc theo duyên hải. Biển và sóng cồn: 2.0. Trời u ám, mây rất thấp. Độ thấy tỏ không đều từ 2 đến 3 cây số rưỡi. Phong vũ biểu 1016.

2. Tàu đánh cá: nhiều tàu đánh cá cỡ nhỏ trong vịnh. Chiếc gần nhất ở bên trái chừng 2 cây số. Không tin rằng tàu ngầm có thể bị trông thấy.

3. Hoạt động công tác: Giờ lựa chọn; 4h30 gần lúc thủy triều xuống ở Lisbonne (07, 31), tàu ngầm có thể hoàn tất mọi việc trước rạng đông. Thùng ống được mở lúc 4 giờ 15. Dem xác ra. Gỡ chiếc mền cũ soát tại thi hài. Chiếc cặp móc chắc vào sợi dây... Phao bơm căng tốt độ. Xác thả xuống nước đúng 4 giờ 30. Vị trí 148 độ gần bờ vào khoảng một cây số 500 thước. Bắt đầu trôi vào bờ nhờ sức đẩy của chân vịt tàu quay mạnh cuộn xoáy nước. Xuồng cao su bơm căng vút úp xuống biển cách nơi này chừng 900 thước phía Nam.

4. Đoạn tàu ngầm tiến ra khơi, chiếc thùng ống đầy nước trong đựng chiếc mền, giầy nhợ và đồ bọc chiếc xuồng cao su, quăng xuống biển nhưng không chìm ngay. Phải dùng súng Vickers và súng 455 bắn rất gần, mới thấy chiếc xuồng lặn xuống biển dạng.

Một công điện báo tin mọi việc hoàn tất đã được gửi đi lúc 7 giờ 15.

Kèm theo đây một ít nước biển gần bờ, để làm mẫu.

(Ký tên) N.A. JEWELL

Đại úy Hải quân

Cùng với thư, đó một bản tả rõ tình trạng của thi hài xác đã rửa quá mức độ, chúng tôi dự đoán (có lẽ vì chất dưỡng khí còn vương ở quần áo và chiếc mền) nhưng không rửa nát quá hơn trong trường hợp xác bập bênh trên mặt biển nhiều ngày.

Sau này tôi được coi lời tự sự kể đầy đủ chi tiết của một nhân viên thủy thủ đoàn. Bài này tới tay tôi qua trung gian một ký giả hành nghề nên lời trần thuật linh động hơn tôi kể nhiều. Vậy xin chép lại nguyên văn đúng như tôi đã nhận được:

«Trong khi tàu ngầm Seraph tách khỏi bóng tàu tiếp tế lướt trên mặt nước ra khơi, ông Đại úy chỉ huy (mới có 29 tuổi) đứng trên chòi tàu giờ tay chào rồi bước xuống. Trong số 5 sĩ quan và 50 thủy thủ trên tàu, ông là người duy nhất biết rõ bí mật của kiện hàng lạ lùng kia - Chiếc thùng sắt hình ống đặt trong một căn phòng phía trước tàu ngầm.

Vì trọng lượng và hình dáng chiếc thùng nên sáu chàng thủy thủ khiêng vồ, bông lơn pha trò về “xác thặng cha John Brown!” và nhiều anh lại còn khôi hài nói diễu “ông Charlie, vị tân chỉ huy chúng ta!”

Mười năm đã qua, hôm nay, 50 thủy thủ của tàu Scraph đọc bài này chắc giật mình không ngờ lại đoán gần trúng như vậy.

Trước khi đi, họ được cho biết thùng sắt đựng một bộ máy bí mật đo khí tượng để đem thử ngoài khơi Tây Ban Nha. Bên ngoài thùng có đề: “Cẩn thận khi vận chuyển - Dụng cụ quang học”.

Trong mười ngày liền, tàu Seraph chạy ngầm dưới nước, thủy thủ không ai thấy mặt trời. Chỉ đêm tối mới nhoi lên mặt nước, tàu đi đến ngoài khơi Huelva, bờ biển Tây Ban Nha, không bị lộ tung tích, đúng như dự liệu ngày 30 tháng 4.

Nơi lựa chọn để thả Thiếu tá Martin vào bờ ở cách cửa sông Huelva chừng 1500 mét.

Chiều hôm đó, chiếc Seraph liền lĩnh đến gần bờ thám thính, qua tiềm vọng kính trông thấy một đoàn vào khoảng 50 tàu đánh cá. Nhưng sương mù và hải trình chênh lệch độ 2 cây số, khiến tàu ngầm không bị dò ra vị trí. Tàu lặn xuống cho đến hết ngày.

Bí Mật

Giờ H định vào 4 giờ 30 sáng. Khi chiếc Seraph lại trôi lên mặt nước, trời tối như mực. Không có trăng, thủy triều thấp, phẳng lặng. Năm ông sĩ quan cùng đến chòi tàu, và tàu ngầm đậu nổi sát mặt nước.

Chiếc thùng bí mật được kéo lên boong. Lúc đó tất cả thủy thủ ở dưới, Đại úy Jewell mới cho các sĩ quan biết rõ bí mật. Ông nói chiếc thùng ống trước mặt chứa đựng một xác chết. Chiến dịch này nằm trong kế hoạch của Đồng minh nhằm lừa địch để chúng rút lực lượng phòng thủ ra khỏi một nơi đã lựa cho một cuộc tấn công trọng yếu tại Địa Trung Hải. Thi hài người này, giả định như của “Thiếu tá Martin” nạn nhân phi cơ rớt xuống biển, được sử dụng để chuyển cho kẻ thù những kế hoạch xâm lăng giả tạo.

Người ta chọn Huelva vì điệp viên Đức ở tỉnh này nổi tiếng vì có nhiều cộng tác viên bản xứ thường cung cấp cho y tin tức quân sự.

Thật là một chuyện bất ngờ cho bốn ông sĩ quan hải quân giữa đêm tối đang bị sóng biển Đại Tây Dương nhẹ lướt qua giày.

Nhưng họ không để lộ vẻ xúc động khi ông thuyền trưởng cho biết chuyện gồm ghiếc đó.

Phản ứng duy nhất là câu hỏi của một sĩ quan:

“Liệu chở một xác chết có mang tai họa không?”

Xúc Động

Đoạn, lạnh lẽo và im lặng, năm sĩ quan bắt tay vào việc. Ba người đứng canh, còn người thứ

Tư phụ lực Đại úy Jewell dùng chiếc khóa buộc bên cạnh thùng, vặn hết các đinh ốc ra. Mất mười phút mới mở xong chiếc nắp. Thi hài bọc mền được nhẹ nhàng kéo ra khỏi thùng.

Các sĩ quan đứng thẳng thể nghiêm để chào người chết. Đại úy Jewell quỳ xuống thận trọng lột chiếc mền ra. Tiếp theo là cú soát lại một lần chót: quân phục và phù hiệu có còn nguyên vẹn không? Bàn tay có nắm vững quai chiếc cặp quý báu không? Chiếc cặp này móc vào dây có chắc không? Tất cả đều đúng điệu. Đại úy Jewell lại cúi xuống bơm chiếc phao Mac West của Thiếu tá Martin.

Chỉ còn mỗi một việc phải làm, mặc dầu không ghi trong chương trình. Bốn sĩ quan trẻ tuổi đầu trần nghiêng mình trong khi vị chỉ huy ôn lại trí nhớ lẩm nhẩm đọc kinh.

Đối với họ là những người được và phải giữ bí mật những câu cầu nguyện trong đoạn 39 của *Thi Thiên thơ Davit*, quyển nhất, có một ý nghĩa

đặc biệt:

*Tôi nói rằng: tôi sẽ giữ các đường lối tôi
Để không dùng lưỡi mình mà phạm tội
Đang khi kẻ ác ở trước mặt tôi
Tôi sẽ lấy khớp giữ miệng tôi lại
Tôi câm không lời nói
Đến đổi lời lành cũng không ra khỏi miệng
Còn nỗi đau đớn tôi bị chọc lên...*

Sĩ quan khê đây thi hài xuống, ngọn thủy triều đón lấy lõi cuốn tráng sĩ vô danh vào bờ, trong cuộc hành trình cuối cùng đáng ghi nhớ của ông ta. Thiếu tá Martin đã xuất trận.

Đại úy Jewell đến sát bờ biển như vậy thật là quá mạo hiểm, nhưng bảo đảm cho chúng tôi tất cả cơ hội may mắn đem tới kết quả. Chúng tôi chỉ còn có việc đợi Thiếu tá Martin làm tròn nhiệm vụ của ông ta.»

Thiếu Tá Martin Đổ Bộ Lên Tây Ban Nha

Ngày 3 tháng năm, chúng tôi nhận được điện văn của Tùy viên Hải quân Anh tại Madrid. Ông này được vị Phó Lãnh sự Anh ở Huelva cho biết ngày 30 tháng 4, một ngư phủ vớt được gần bờ biển, thi hài Thiếu tá Martin trong Thủy quân Lục chiến. Thi hài được trao lại cho vị Phó Lãnh sự và trưa hôm sau mai táng ở nghĩa trang Huelva với đầy đủ lễ nghi quan cách, có đại diện chính quyền và quân sự Tây Ban Nha tới dự.

Trong điện văn tuyệt nhiên không thấy nói đến chiếc cặp hoặc bất cứ tài liệu nào. Tiếp đó là chỉ thị, báo cáo trao đổi giữa Bộ Hải quân, và ông Tùy viên ở Madrid.

Nếu những tài liệu đúng sự thực như ta cố tình làm cho người Đức phải tin, tất nhiên Bộ Tham mưu Chiến dịch Liên quân nghe thấy nói Thiếu tá Martin thiệt mạng và xác trôi vào Tây Ban Nha, người ta phải nhớ ra một tài liệu loại tối mật đã biến mất. Tướng Archibald Nye phải lập tức cho biết tầm quan trọng trong vụ tiết lộ tin tức chiến lược này tai hại chừng nào. Và trong trường hợp đó, thông điệp, chỉ thị mỗi lúc một khẩn cấp phải gửi cho Tùy viên Hải quân, thúc bách cố thu hồi lấy tài liệu càng sớm càng hay bằng bất cứ giá nào, nhưng dặn trước ông phải hết sức cẩn thận đừng tỏ ra sốt ruột quá độ kêu gọi cho người Tây Ban Nha thấy tài liệu quan trọng, như thế không khác gì khuyến khích họ mở ra coi hoặc làm “thất lạc” đi chăng.

Phải hoạt động đúng như vụ này có thực, vì thế tất cả các chỉ thị, văn thư đều được viết theo tinh thần đó. Ngày 4 tháng 5, chúng tôi bắt đầu gửi một điện văn nói Thiếu tá Martin mang theo trong người một số tài liệu rất

quan trọng và tối mật, yêu cầu Tùy viên thẳng tay đòi lại. Nếu không thu hồi được, Tùy viên phải điều tra cặn kẽ nhưng rất kín đáo ở Huelva coi xem có trôi vào bờ không và nếu có, tài liệu hiện nay ra sao? Nếu lấy lại được, Tùy viên phải gửi tin ngay cho ông Giám đốc Sở Tình báo Hải quân (thư riêng), nhớ ghi rõ tên người nhận: không được mở phong bì ra coi, phải gửi trả về càng sớm càng tốt.

Một điện văn khác tiếp theo cho biết thêm tin bổ túc: Thiếu tá Martin mang ba bức thư hết sức quan trọng, hình như để trong chiếc cặp đen có khuôn dấu Hoàng gia. Chúng tôi lại dặn dò lần nữa: đừng cho người Tây Ban Nha chú trọng lưu ý đến các tài liệu này.

Trả lời bức điện văn thứ nhất, tùy viên cho biết: Sau văn thư chính thức yêu cầu, Bộ Hải quân Tây Ban Nha trả lời: “Các tài liệu đã được cơ quan trong Hải quân chuyển đến qua trung gian Bộ Tham mưu Hải quân Tây Ban Nha ở Cadix, và phải vài ngày nữa mới tới được”. Ngoài ra Tùy viên còn nói thêm: Ông Phó lãnh sự Anh ở Huelva không được trông thấy cả chiếc cặp lẫn tài liệu.

Thế rồi, ngày 13 tháng 5, Tùy viên báo tin vị Tham mưu trưởng Hải quân Tây Ban Nha, trong lúc ông Tổng trưởng Hải quân đi vắng, đã trao trả đồ vật của Thiếu tá Martin cùng với một chiếc cặp màu đen, cặp này mở nắp, có chìa khóa còn gài trong ổ. Vị Tham mưu trưởng nói rằng: “Tất cả đều ở trong” và Tùy viên Anh đã cảm ơn. Tùy viên có cảm tưởng rõ rệt vị Tham mưu trưởng đã biết qua về nội dung các bức thư, dĩ nhiên đừng hy vọng ông này để lộ ra về mặt có biết hoặc đã đọc những thư đó.

Chúng tôi không nghi ngờ lòng thành, thiện ý của vị Tướng này, nhưng nếu ông ta biết nội dung, nhiều kẻ khác ắt phải thông tỏ. Mọi việc tốt đẹp, bắt đầu đã có những sự “tiết lộ”.

Chúng tôi lạc quan thêm do những điện văn kế tiếp của ông Tùy viên. Chính ngài Tổng trưởng Hải quân Tây Ban Nha có đề cập đến những giấy tờ nợ với Tùy viên Anh trong một buổi gặp gỡ ngày thứ Bảy 15 tháng Năm. Khi xảy ra vụ này, hình như ông ta đang ở Valence, và lúc biết rằng các giấy tờ đã về tới Madrid, ông liền ra lệnh cho vị Tham mưu trưởng phải

trao trả tức thì. Ông nói thêm phải làm như vậy vì e rằng có kẻ lạm dụng mở ra coi, có thể có những hậu quả khôn lường.

Trước khi ông Tổng trưởng rời khỏi Madrid, không có ai nói thêm một điều gì khiến ông ta phải bận tâm áy náy về các tài liệu đó, bởi thế, không còn nghi ngờ nữa, các phong thư hẳn phải được mở ra rồi.

Cứ tình hình này, chắc chắn ít ra có một người Tây Ban Nha biết điều bí mật và sẽ trao cho người Đức. Mãi sau này chiến tranh kết thúc, chúng tôi mới thấy sự hợp tác giữa Đức và Tây Ban Nha mật thiết tới mức nào.

Trong những ngày đó, điều tra kín đáo ở Huelva cho biết chi tiết mọi việc đã xảy ra. Theo một nguồn tin hoàn toàn chắc chắn “một ngư phủ để ý đến một vật bập bênh trôi nổi liền gọi chiếc tàu nhỏ gần đó tới kéo lên. Vật này - tức là thi hài Thiếu tá Martin - được đem vào bãi biển kế cận giao cho một sĩ quan đúng lúc ấy đang cùng một toán binh lính tuần tiễu trong vùng này.

Một sĩ quan Cảnh bị Hải quân được kêu tới để đảm nhận tất cả các tài liệu và vật tùy thân của thi hài. Sau khi xác định danh tính, thi thể được đem lại nhà xác thành phố Huelva cho Bác sĩ y khoa khám nghiệm. Ông này chứng thực người nạn rơi xuống biển và mình mấy không có vết thâm tím, chết vì ngạt thở và ngâm dưới nước từ 5 đến 8 ngày.

Một phi công Hoa Kỳ ngày 27 tháng 4 trước đây cũng bị rơi xuống biển và đang ở trên đất Tây Ban Nha được yêu cầu đến quan sát thi hài coi xem có nhận ra ai chăng, nhưng vô hiệu (dĩ nhiên).

Điệp viên của Đức tại miền này phong phanh biết nội vụ, vội đi dò la hỏi các chi tiết, kể cả tên tuổi những người nhận đề trên bì thư trong chiếc cặp, cố tìm cách lấy bản sao tài liệu, nhưng vô ích, vì tình cờ có toán quân nhân tuần tiễu sẵn ở đó cáng đáng lo liệu xác chết, và sĩ quan Cảnh bị Hải quân cũng được mời tới. Thế nhưng điệp viên Đức cũng như tay sai của y không ai quen thuộc giao thiệp với sĩ quan nạn.

Chúng tôi tin tưởng mọi việc trôi chảy tốt đẹp, nhưng vẫn muốn có bằng cứ hẳn hoi, nên sốt ruột mong chờ các tài liệu do Thiếu tá Martin mang đi, được mau gửi trả về.

Ít lâu sau, giấy tờ đó tới London đầy đủ, và lập tức được đem ra kiểm soát lại bằng phương pháp Khoa học. Trước khi gửi đi, chúng tôi đã sắp đặt lo liệu để sau này giúp chúng tôi nghiệm chứng coi xem phong bì có bị mở ra không và mặc dầu ngâm nước khá lâu khó lòng dám quyết đoán, bây giờ chúng tôi gần như cam đoan: các bức thư - hoặc ít ra có 2 bức coi kỹ tình trạng, thấy ngay đã được lôi ra khỏi bì mặc dù dấu ấn niêm phong còn nguyên.

Việc này cùng với tin nhận được từ Huelva và của ông Tùy viên Hải quân ở Madrid làm chúng tôi thỏa mãn vô cùng. Không còn ngờ gì nữa, người Tây Ban Nha đã mở thư ra, biết hết nội dung và Cơ quan Điệp báo Đức cũng biết rõ những người nhận thư đều là nhân vật quan trọng. Vậy, có thể yên tâm vững dạ vào tài ba lỗi lạc của người Đức để hưởng hết lợi lộc trong dịp này. Chúng tôi chắc chắn không nhầm lẫn khi đặt hết lòng tin cậy vào các chi nhánh Tây Ban Nha của Sở Tình báo Đức. Và lòng tin đã đặt đúng chỗ.

Bây giờ đến lượt các ngài bên Berlin tiếp nối diễn vai tuồng của họ.

Trong khi chờ đợi, chúng tôi phải vĩnh biệt Thiếu tá Martin. Ông đã phụng sự tổ quốc, về phần chúng tôi phải lo liệu mộ phần của ông được xứng đáng, phải làm hết bốn phận đối với ông dù mọi việc đều tiến hành dưới một tên giả tạo.

Chúng tôi sung sướng được dịp tỏ lòng tôn kính mà không sợ nguy hại cho chiến dịch trong đó ông thủ một vai phi thường. Đúng thế, những việc chúng tôi làm theo lương tâm đòi hỏi đã khiến cho người Đức khó lòng kiểm soát lại lời tuyên bố của Bác sĩ Tây Ban Nha từng làm cho chúng tôi thỏa mãn: Luôn luôn có những sĩ quan Anh, hoặc đại diện đến thăm viếng để cản không cho người Tây Ban Nha và người Đức quật mồ lên giáo nghiệm lại trước khi chúng tôi xây cất mộ phần.

Trước hết, chúng tôi yêu cầu ông Tùy viên Anh cho đặt lên mộ một vòng hoa của cô Pam và một của gia đình Martin. Đoạn đặt làm một tấm bia mộ chí xây cất càng sớm càng hay. Sau hết, viết thư cho ông Tùy viên yêu cầu thay mặt gia đình Thiếu tá Martin cảm ơn ông Phó Lãnh sự ở

Huelva đã vất vả lo liệu và lưu tâm đến người quá vãng. Tôi lại yêu cầu chụp hình ngôi mộ cho gia đình Martin và cô Pam giữ làm di tích kỷ niệm.

Vòng hoa kết bằng những bông lily trong vườn cảnh một công ty mỏ của người Anh ở Huelva. Tấm “đan” bằng cẩm thạch trắng bên trên khắc mấy hàng chữ như sau:

William Martin

29-3-1907 — 24-4-1943

*Con trai của ông John Glyndwyr Martin và bà Antonia Martin ở Cardiff
(xứ Galles)*

Chết vì tổ quốc

Chúng tôi không thể làm hơn được nữa, mặc dầu còn mắc ông món nợ to tát, vì sắp sửa nhờ ông mà hàng ngàn đồng bào cũng như hàng ngàn quân Đồng minh Hoa Kỳ bảo toàn sinh mạng khi đổ bộ lên bờ biển đảo Sicile.

Lúc này các ông lớn đương cục đã cùng tôi tin tưởng điều ấy rồi. Tôi viết cho Đại úy Jewell vài dòng, cho biết công lao ông đóng góp vào chiến dịch đã hoàn toàn có kết quả. Để tránh tò mò bàn tán, tôi không dùng điện tín hy vọng Đại úy Jewell sẽ hiểu tôi định nói gì khi viết trên tấm bưu thiếp loại thông thường.

“Ông sẽ hân hoan được tin Thiếu tá nay đã yên vị”.

Các quan to trong Bộ Tham mưu còn khéo hơn thế nữa, gửi cho Thủ tướng Churchill lúc đó công du bên Washington mấy giòng dĩ nhiên phải bí ẩn:

“Tất cả Thệt Ba-tê đã bị nuốt chửng”.

Chờ Đợi

Tất cả trong tập đoàn chúng tôi về phía đồng minh đã làm xong nhiệm vụ được giao phó. Vậy chỉ còn có việc “ráng chịu đựng”, thủ thân cho đến hiệp cuối cùng của trận tỉ thí, nghĩa là đến ngày đổ bộ lên Sicile, mặc cho người Đức ở phe bên kia cứ việc thắng điếm. Bởi thế, chúng tôi yên lặng chờ đợi coi tình hình ra sao.

Ít lâu sau, sự nhớ ra nhật báo *Times* vẫn gửi bán ở Lisbonne (Thủ đô Bồ Đào Nha) và người Đức có thể đọc tới danh sách người chết thường được đăng lên. Tôi bèn thăm dò coi thời hạn giữa khi chết xảy ra và lúc đăng lên báo chí bao lâu. Thường lệ, không quá năm tuần lễ, vậy thì từ 24 tháng 4 phải đợi đến tuần lễ đầu tháng Sáu.

Có cần phải đăng tên Thiếu tá Martin vào một trong bản danh sách chiến sĩ tử nạn không? Có bỏ công không?

Cuộc đổ bộ lên đảo Sicile được dự trù vào tuần lễ thứ nhì tháng Bảy, và không chắc người Đức đã biết thời hạn loan tin tức về một tai nạn. Nếu vụ đánh lừa này làm họ tin tưởng phải đối phó thế nào đó, họ sẽ hành động trước tuần lễ đầu tháng Sáu, và khó lòng cứu vãn được tình hình (hoặc quyết định cứu vãn) trước khi chúng ta đổ bộ. Ngoài ra vẫn có thể cuộc tấn công Sicile phải lui lại vì một lý do bất ngờ.

Sau khi do dự, chúng tôi cho rằng nếu không đăng tên lên có lẽ không tốt. Thà cứ làm còn hơn ân hận về sau.

Tuy nhiên về sau này chúng tôi lại muốn, biết thế đừng vẽ rồng vẽ rắn nữa, vì có những rắc rối do vụ tô điểm đó gây ra. Còn việc đánh lừa quân địch vẫn tốt đẹp như thường. Chúng tôi may mắn phi thường.

Sở trông coi về thiệt hại nhân mạng thủy quân vui lòng chấp thuận lời ông Giám đốc Tình báo Hải quân yêu cầu cho đăng vào bảng danh sách sắp tới tên tuổi Đại úy kiêm nhiệm Thiếu tá William Martin Thủy quân Lục chiến, trong cột ghi tên các sĩ quan tử thương. Tôi chẳng còn nhớ đã giải thích ra sao để chống đỡ lời yêu cầu kỳ dị kia nữa.

Cáo phó đăng vào số báo *Times* đề ngày thứ Sáu mùng 4 tháng 6 năm 1943, có lẽ chẳng bao giờ chúng tôi biết người Đức dò ra tên Martin hay không, nhưng nếu có, chắc hẳn họ tìm thấy trong cùng một danh sách tên tuổi các vị P. J. Mack - Phó Đô đốc, Sir T. L. Beevor - Đại úy Nam tước, trong Hải quân Hoàng gia. Trước đó, báo chí London đã loan tin hai vị sĩ quan này, trong một tai nạn phi cơ giữa biển cả, đã thiệt mạng cùng với nhiều quân nhân khác không thấy kể tên ra

Còn gì hữu lý cho rằng việc Thiếu tá Martin tử nạn cùng với các sĩ quan nói trên? Hoàn toàn do tình báo trong này được đăng tải đúng lúc đó. Hy vọng người Đức lưu ý đến danh sách kia, vì có sự vô tình xảy ra đúng hệt như sắp đặt mà chẳng dùng được việc chi, thật đáng tiếc!

Ngược lại, ở London lại xảy ra nhiều việc trái ý bực mình. Danh sách thiệt hại nhân mạng được nhiều văn phòng kiểm tra xem xét, nhưng văn phòng này, tôi chẳng bao giờ biết đến hoặc có biết nhưng quên đi. Cho nên nếu trước đây tôi cứ để công văn, điện tín trao đổi giữa chúng tôi và Tùy viên ở Madrid được phân phối như thường lệ thì hôm nay sẽ gặp khó khăn gấp bội.

Ban coi về chúc thư của Hải quân muốn biết Thiếu tá Martin có để lại chúc thư không, và nếu có, hiện ở đâu? Nha Tổng Giám đốc Quân y muốn biết Thiếu tá Martin chết ở mặt trận, chết vì thương tích, chết trong lúc thi hành công vụ... hay chết ra sao để còn làm bảng thống kê.

May thay, trước đây tôi đã đề phòng chu đáo để mọi điều tra về Thiếu tá Martin (hoặc về một trong những tài liệu của ông ta) được chấm dứt trót lọt, và bây giờ thấy cần thận có kiến hiệu thực sự. Tôi biết được những yêu sách đó khá sớm để đủ thì giờ phương tiện ngăn chặn khỏi tiết lộ âm ỉ, nhưng vẫn phải giải quyết thành toàn vấn đề với các văn phòng liên hệ.

Tôi phải nặn óc ra tìm câu trả lời cho thỏa đáng. Dĩ nhiên tôi không thể bảo với Ban chúc thư của Hải quân đến văn phòng Mc Kenna để kiểm vị luật sư đã viết thư cho Thiếu tá Martin về vấn đề ông ta lập chúc thư trước khi khởi hành.

Thế mới biết, thiên hạ nói đúng: “Một lần nói dối, phải nói dối mãi”, tôi đã trải qua kinh nghiệm này. Tôi phải nói với vị chủ sự các văn phòng này đừng bận tâm về Thiếu tá Martin, khỏi để ý đến ông ta cũng như cái chết của ông. Tôi giải thích đó là một điệp viên đặc biệt được giao phó một công tác quan trọng sau khi ngụy danh mang cấp bậc sĩ quan trong Thủy quân Lục chiến với sự chấp thuận cho phép của ngài Tổng trưởng Hải quân.

Thực ra, chuyện đó vốn có thật. Tôi chỉ “quên” không nói rõ lúc đó điệp viên đã chết rồi!

Dựa vào thế lực Nha Tình báo Hải quân, tôi khẩn khoản yêu cầu các văn phòng nọ phải tuyệt đối giữ bí mật và phải tính toán làm sao thu xếp được ổn thỏa trong công vụ của họ. Thế là thoát khỏi hiểm nghèo lớn lao về những “sơ hở, tiết lộ”, chúng tôi có thể gặp phải.

Phải nói thêm rằng, nhiều năm sau, khi tôi đã giải ngũ người ta còn tiếp tục so sánh đối chiếu các bản danh sách, và bất chợt tôi nhận được giấy gọi thượng khẩn của các Sở Tình báo Hải quân. Nhiều cơ quan khác cũng hỏi tôi về vụ Thiếu tá Martin, họ muốn biết trước đây tôi làm thế nào thoát khỏi rắc rối để theo đó trả lời cho phù hợp.

Ngoài vụ lộn xộn về danh sách người chết, chiến dịch “Thịt Ba-tê” không thuộc phạm vi chúng tôi nữa rồi. Chúng tôi đã làm xong nhiệm vụ, Đại úy Jewell và Thiếu tá Martin cũng vậy.

Còn những người Đức, họ làm gì?

Quý Vị Người Đức, “Đến Lướt” Các Ngài

Cuối tháng Năm, tháng Sáu và tháng Bảy năm 1943, chúng tôi không có cách nào để vững bụng tin tưởng mưu mô thành công hơn là việc biết rõ người Đức đã trà trộn nhiều trong lãnh thổ Tây Ban Nha, và tính nhẹ dạ cả tin của họ.

Chúng tôi tự tin đã trao được tài liệu cho người Đức, Việc đó xong rồi, toàn bộ tài liệu đầy đủ và chính xác quá, không một cơ quan tình báo nào lại không yên chí đã thâm đoạt một thắng lợi ngoạn mục.

Chúng tôi hình dung ra các ông “sếp” tình báo Đức đang xoa tay khoái trí. Họ sẽ ưỡn ngực vênh vang nghĩ đến việc tổ chức hiệu nghiệm, chu đáo gây cơ sở bên Tây Ban Nha và liên lạc được với giới chức quan trọng trong xứ này (Đô đốc Canaris, “sếp” các cơ quan Quân báo Tình báo Đức, đặc biệt tự hào về việc này), ngày nay mới thấy thật có lợi.

Trong quá khứ, tổ chức này đã phải cung cấp cho Berlin rất nhiều tin tức về tàu bè chuyển vận qua eo biển Gibraltar, cũng như tin tức thâm lượm bên Anh quốc và Hoa Kỳ, do Madrid trao cho, điều ấy cũng thông thường đối với một cơ quan tình báo.

Mặt khác, rõ rệt tổ chức đó đã làm việc thiếu sót nên ngạc nhiên chững hững trước khi Đồng minh xâm lăng Bắc Phi. Cứ như chúng tôi xét đoán, người Đức không ngờ lại có vụ này.

Đến nay tổ chức nọ mới có cơ hội rửa hận.

Muốn cung cấp được cho Bộ Tổng Tham mưu bản sao đúng lá thư của một Tổng Tham mưu phó gửi cho một Tư lệnh lộ quân dã chiến (và một thư nữa trong loại này) nghe ra khó khăn quá, vượt cả những hy vọng điên

rồ của một sĩ quan tình báo lão luyện. Đó là mơ ước tham lam cao vọng của anh ta thời còn trẻ!

Tin tức mật thư loại viết trong thư, nếu Bộ Tham mưu biết sử dụng có hiệu quả, có thể gây tai biến hoặc kết cục giáng cho Đồng minh một trận đại bại giữa lúc chiến tranh tới hồi quyết định, và vì thế thay đổi cả lịch sử hoàn cầu.

Chính vì lý do này mà tôi cương quyết tranh đấu chống lại ý kiến; chỉ nên đánh ván bài khi chắc ăn và sử dụng kế hoạch nó để đưa toàn những tin tức giả tạo không quan trọng mấy, qua những tài liệu của sĩ quan cấp nhỏ hơn gửi cho nhau.

Nếu thư từ Thiếu tá Martin mang đi thuộc về loại này, không những người Đức có lẽ chẳng cố gắng lấy bản sao, mà dù có lấy đi chẳng nữa, chưa chắc họ đã để ý lưu tâm đến khi họ sắp đặt chiến lược. Ngược lại, những điều Đại tướng Sir Archibald Nye viết cho Đại tướng Alexander phải là đúng, ông Tổng Tham mưu phó Hoàng gia phải biết kế hoạch của Đồng minh, ông ta không thể để ý đến một “kế hoạch phụ thuộc”, cũng không thể kém thông thạo về tin tức.

Sau khi công nhận những thứ đó là xác thực, các cơ quan tình báo Đức bắt buộc phải đi tới cùng, và không một bộ Tổng Tham mưu nào nhận được những tin mật loại này lại không căn cứ vào đó để bày chiến lược, nhất là tin tức lại được tình báo của họ bảo đảm.

Vậy chúng tôi chỉ còn việc chờ đợi.

Ngày “J” của chiến dịch Husky tới và cuộc tấn công đạt kết quả mỹ mãn.

Đảo Sicile hình thể gần như một tam giác mồm chóp chong xuống. Từ mờ sáng ngày 10 tháng Bảy, Đồng minh đổ bộ lên hai bên mồm chóp đó và tiến nhanh về các phía cạnh tam giác đồng thời về trung tâm đảo này.

Nhiều yếu tố giúp cho hậu quả bất ngờ hoàn toàn, như thời tiết xấu, chọn đúng tuần trăng .v.v... nhưng không làm sút mẻ lòng tin của bọn chúng tôi đã thành công trong chiến dịch “Thịt Ba-tê” và đã đóng góp vào cuộc đổ bộ.

Các báo cáo và tài liệu lần lần từ Sicile tới chứng minh quan điểm nhận xét của chúng tôi, vì nhờ đó thấy rằng người Đức đã đình chỉ mọi sửa soạn phòng thủ phía Nam đảo Sicile (nơi có đổ bộ thực sự) để đem hết lên góc phía Tây tam giác và phía Bắc hòn đảo là những hiểm địa nếu chúng tôi dùng làm chỗ “dương Đông kích Tây” cho cuộc xâm lăng Sardaigne hoặc một cuộc tấn công sau khi chiếm được đảo này.

Không những phần lớn các bãi mìn và phòng thủ được đem lên đặt ở phía Bắc Sicile, mà tất cả cơ cấu chống đỡ cũng như pháo đài của đảo này đều kém quan trọng và thiếu sót rõ rệt ở mạn Đông và Nam.

Theo tin tức nhận được, các ông lớn Đồng minh chính thức nhận định chúng tôi đã thắng lợi.

Đô đốc Cunningham tóm tắt quan điểm của các nhà đương cuộc về tất cả chiến dịch trong câu này của bản báo cáo: <“Kế hoạch phụ thuộc rất hữu hiệu và những lộ trình lừa địch của các đoàn tàu đã đóng góp vào sự bất ngờ của cuộc đổ bộ”.

Mãi về sau này, chiến tranh kết thúc được vài tháng chúng tôi mới được biết kết quả chiến dịch “Thịt Ba-tê” quan trọng nhường nào.

Một buổi sáng, đang làm việc tại Bộ Hải quân tôi bỗng nhận được điện thoại của ông Phó Giám đốc Sở Tình báo. Ông cười sảng sặc nói không nên lời, khó khăn lắm mới biết ông mời tôi lại bàn giấy để coi một tập tài liệu.

Tập hồ sơ bên ngoài đề chữ Đức *Lieber Gross-admi-rai* (Đại Đô đốc thân mến), trong chứa đựng tất cả thư từ của chiến dịch “Thịt Ba-tê”, hay nói cho đúng những bản dịch ra tiếng Đức.

Ông Phó Giám đốc giải thích lý do tại sao ông cười nôn ruột: Một sĩ quan Anh có nhiệm vụ chọn lọc và dịch giấy tờ văn khố Hải quân Đức ta tịch thu được ở Tembach (Đức). Sáng hôm đó sĩ quan có vẻ đăm chiêu đến xin chỉ thị. Ông ta nghiên cứu hồ sơ nọ và khám phá ra “hai tài liệu này”: một bản sao bức thư tối mật của Tổng Tham mưu phó Hoàng gia gửi cho Tướng Alexander, và sĩ quan nói - trước đây hẳn đã có một vụ tiết lộ ghê gớm, đồng thời có cả sự vi phạm về nội quy. Bình thường sĩ quan phải đưa những bản sao có tính cách quân sự cho đồng nghiệp ông ta ở Bộ Chiến

tranh, nhưng vụ này coi bộ “rắc rối” và nhiều hậu quả trầm trọng nên phải đưa trình ông Giám đốc Sở Tình báo Hải quân lo liệu.

Nhận ra các bức thư, ông Phó Giám đốc đã trấn an sĩ quan nọ.

Sau khi thu thập hết giấy tờ liên quan đến vụ này, chúng tôi có đủ bằng chứng đã toàn thắng các cơ quan tình báo Đức. Như đã dự đoán, họ nhận ra ngay tầm quan trọng và đã trình lên các cấp trên và Bộ Tham mưu. Điệp viên Đức ở Madrid đã đánh điện về Berlin tường thuật nội dung và việc khám phá ra tài liệu, vào những ngày đầu tháng Năm, vì chúng tôi đã tìm thấy một báo cáo của Đức thời đó đề ngày 9 tháng 5, điệp viên trình bày ý kiến về mưu toan dự định của Đồng minh, trước khi “nguyên văn tài liệu” tới Berlin.

Khi Sở Tình báo Đức ở Berlin nhận được, họ phản ứng đúng như chúng tôi mong ước, và đòi hỏi đàn em phải đưa bằng cứ chính xác, vì từ Madrid gián điệp Đức lại phức tạp hơn lần nữa rõ ràng hơn lần thứ nhất, nói rằng sắp sửa điều tra lại. Nhưng thì giờ cấp bách Berlin đã nhận thấy tin tức quan trọng thực sự, nên cho rằng những chi tiết gửi về cũng đủ bắt buộc phải tin rồi. Và họ hùng hục lao đầu vào trông.

Tài liệu quan trọng thứ nhất là một báo cáo của điệp viên kèm theo bản dịch sang tiếng Đức lá thư của Archibald Nye cho Tướng Alexander. Báo cáo đề ngày 14 tháng Năm 1943 đóng dấu “tối mật” và “đưa tận tay, đừng vào sổ”, và ghi thêm đã được trình lên Đô đốc Doenitz, Tổng Tư lệnh Bộ Tham mưu Đức. Ngày 15 tháng Năm, vị Tham Mưu trưởng của Đô đốc này cũng đã ký tắt vào và đánh dấu chữ thập xanh chỉ rõ Đô đốc Doenitz phải đích thân đọc. Ông này coi rồi xóa chữ thập xanh đi, ký tên và viết con số “18” tức là ngày ông đọc, sau khi thăm viếng Mussolini và Hitler trở về bản doanh.

Ngoài ra còn có hai sĩ quan nữa cũng được coi bản báo cáo đó.

Dưới đây là nguyên văn báo cáo của điệp viên Đức từ Madrid gửi về Berlin.

Đề Mục: *Tài liệu bắt được của địch, liên quan tới chiến sự ở Địa Trung Hải.*

- Phần phụ thuộc:

a - Bản sao bức thư bắt được, của Bộ Tham mưu Hoàng Gia gửi cho Tướng Alexander

b - Báo cáo của Bộ Tổng Tham mưu (Đức).

Nội dung các tài liệu khác không quan trọng. Tham xét, nghiên cứu kỹ càng của 3.SKL, xác định như sau:

— Sự chính xác của các tài liệu bắt được không thể ai nghi ngờ được. Còn đang nghiên cứu xem những tài liệu này có phải cố tình để rơi vào tay ta? Và đối phương có biết rõ ta đã lấy được? Hay bị rớt xuống biển? Rất có thể kẻ thù không biết về vụ ta lấy được tài liệu. Ngược lại, chắc chắn kẻ thù biết rằng tài liệu không tới tay người nhận.

— Kẻ thù liệu có thay đổi kế hoạch hành quân hoặc thực hiện sớm hơn lên? Chưa chắc, nhưng đó là một điểm phải lưu ý đặc biệt.

— Ngày giờ các cuộc hành quân: Vụ này coi như khẩn cấp. Tuy nhiên, ngày 23 tháng 4 người ta vẫn còn đủ thì giờ dùng đường hàng không để báo cho Tướng Alexander biết đề nghị của Tướng Wilson nên dùng đảo Sicile làm mục tiêu giả cho trận tấn công ở miền Đông Địa Trung Hải. Và họ yêu cầu Alexander trả lời ngay lập tức nếu đồng ý với Wilson “vì thời giờ thúc bách”.

Trong trường hợp đó, Bộ Tham mưu Anh dự tính sửa đổi lại kế hoạch ở cả Đông lẫn Tây Địa Trung Hải, và họ có thể làm kịp.

— Dàn thế trận: Dự đoán hai cuộc tấn công sẽ xảy ra cùng một lúc, vì đảo Sicile không thể sử dụng làm mục tiêu giả cho cả hai cùng một lúc.

— Vùng Tobrouk là một điểm xuất phát rõ rệt quá, cho các trận đánh ở Đông Địa Trung Hải. Không nên bàn đến Alexandrie, vì trong trường hợp này, dùng Sicile làm mục tiêu giả thật là vô lý.

— Không nhận thấy họ chỉ dùng mục tiêu giả để lừa ta trong thời gian trước khi tấn công, hay thực ra lúc đó sẽ có một cuộc tấn công phụ cùng một lúc với trận đánh lớn thực sự?

— Tài liệu đính kèm theo đây không cho thấy rõ ràng họ sẽ chỉ cho đổ bộ có hai sư đoàn lên thôi: sư đoàn 5 và 56 tấn công Đông Địa Trung Hải và đổ bộ lên Araxos và Kalamata. Tuy nhiên chỉ có hai sư đoàn này được

nhận binh để mở trận tấn công. Rất có thể quân lính xung phong tấn công và mục tiêu của họ chỉ có vậy mà thôi.

— Cần phải nhấn mạnh rằng theo các tài liệu này ở phía Đông Địa Trung Hải cũng đang có những sửa soạn lớn lao. Điều này rất quan trọng vì tin tức liên can đến sửa soạn của địch quân ở vùng đó chúng tôi nhận được ít hơn tin tức từ Algérie gửi tới.»

Trước hết người ta phải ngạc nhiên về việc Tình báo Đức chưa chi đã liều lĩnh quả quyết rằng “Sự chính xác của các tài liệu bắt được không thể ai nghi ngờ được”, và mặc dầu họ đã giữ võ cẩn thận dè dặt nói sẽ điều tra xem có phải trò bịp không, đồng thời về tin tức trong các tài liệu, ngay từ lúc này họ đã dám tuyên bố không chắc đã là một âm mưu dối trá.

Ngay từ bấy giờ họ cũng đã dám quyết đoán chúng tôi không chắc đã thay đổi kế hoạch hoặc thực hiện sớm hơn. Những ai có kinh nghiệm biết về chương trình và khởi sự hành quân lớn lao phức tạp khó khăn rắc rối đến thế nào, sẽ phải đồng ý với họ, ít ra ở lối xét đoán này.

Nhận xét ghi trong mục 5 bản báo cáo một lần nữa cho thấy, rất cần phải đặt mình vào địa vị đối phương để nghiên cứu các tin tức nằm trong tay, mỗi khi chúng ta tổ chức một vụ lừa bịp loại này.

Người Đức nói rằng không thể dùng đảo Sicile làm mục tiêu phụ cho một cuộc tấn công xuất phát từ căn cứ Alexandrie (Ai cập), có lẽ vì đường xa quá, theo ý họ. Nếu Bộ Tham mưu của chúng ta đọc tài liệu này, phản ứng sẽ khác hẳn, vì Tướng lãnh của ta biết rằng đường xa dặm thẳng không phải là trở ngại, và binh sĩ ở Alexandrie vẫn có thể đem dùng trong trận tấn công vào Sicile (như đã xảy ra thực sự).

Rồi phải nghiên cứu tỉ mỉ phần còn lại của bản báo cáo vì trong chương sau tôi sẽ bàn tới những quyết nghị của Bộ Tham mưu hành quân Đức, nhưng công nhận rằng báo cáo đó cho thấy rõ người Đức đã nghiên cứu từng câu, từng chữ trong bức thư của ông Tổng Tham mưu phó Hoàng gia.

Tiếp theo còn có bản báo cáo thứ nhì, đề ngày 15 tháng 5 năm 1943, của Cơ quan Tình báo Đức. Nội dung như sau:

«Chủ đề: *Thư tín của Anh*

Giật vào bờ biển gần Huelva.

Ngày 10 tháng 5 năm 1943, trong cuộc đàm luận với viên chức liên hệ (một sĩ quan Tham mưu Tây Ban Nha liên lạc với chúng tôi từ nhiều năm nay) các điểm sau đây đã được xác định:

Trong bàn tay co quắp của xác chết có một chiếc cặp loại thường đựng những tài liệu sau đây:

— Một miếng giấy trắng loại thường cặp phủ những bức thư gửi cho Tướng Alexander và Đô đốc Cunningham. Miếng giấy trắng này không thấy ghi gì ở trên.

Ba bức thư này mỗi chiếc để ở trong một phong bì riêng biệt, trên có đề địa chỉ thường lệ và gửi riêng cho người nhận, niêm phong bằng ấn dấu cá nhân của người gửi (ấn dấu gắn trên nhẫn đeo tay). Các ấn dấu còn nguyên vẹn. Cả những bức thư nằm trong phong bì, và tôi đã cầm trong tay cũng vẫn còn tốt. Muốn chụp bản sao, người Tây Ban Nha đã dùng sức nóng nhân tạo làm cho khô, rồi lại ngâm vào nước biển trong 24 tiếng đồng hồ mà bề ngoài không phai mờ mấy chút.

— Trong chiếc cặp còn có những bản in thử cuốn sách nói về hoạt động các toán xung kích trong chiến dịch Liên quân cùng với hình ảnh đăng trong cuốn này. Trong bức thư đề ngày 22 tháng 4, Mountbatten có nói đến những bản in thử đó. Những bản in thử nguyên vẹn nhưng các tấm hình bị hư hỏng hoàn toàn.

— Trong túi ngực áo vét người mang thư còn có một chiếc ví đựng giấy tờ riêng, gồm có giấy tờ quân sự dán ảnh (theo thẻ quân sự, đây là Thiếu tá Martin như Mountbatten đã viết trong thư ngày 22 tháng 4), một thư của vị hôn thê gửi cho Martin, một thư của thân sinh Thiếu tá này, và một phiếu nhận tiền của hộp đêm ở London đề ngày 27 tháng 4. Như vậy Thiếu Tá Martin đã rời khỏi London ngày 28 tháng 4 cùng một ngày xảy ra tai nạn phi cơ trên biển gần Huelva.

— Phó Lãnh sự Anh chứng kiến và trông thấy hết, dĩ nhiên ông ta ngó ý muốn lấy những tài liệu, nhưng người ta từ chối lấy có rằng những gì tìm thấy trong xác chết, kể cả giấy tờ, phải nộp cho nhà đương cục địa phương Tây Ban Nha.

Sau khi sao lại bằng phóng ảnh, tất cả tài liệu được Bộ Tổng Tham mưu Tây Ban Nha đặt lại tình trạng cũ, coi có vẻ chưa ai mở ra, như chính tôi đã trông thấy. Tất cả sẽ trao cho người Anh hôm nay do Bộ Ngoại giao Tây Ban Nha đưa trả,

Bộ Tổng Tham mưu Tây Ban Nha còn điều tra về số phận phi công lái máy bay có lẽ bị thương trong tai nạn, để thăm vấn về những hành khách khác, nếu có.»

Với bọn tôi, báo cáo này thật là thú vị, vì nó chứng minh chúng tôi đã không uổng công nhào nặn ra một ông Thiếu tá Martin “rất thực”, nên lời cuốn người ta phải tin tưởng vào các giấy tờ mang theo. Ngoài ra nhờ có tình cờ may mắn nên một số chi tiết trở thành quan trọng làm cho người ta thờ ơ với những cái khác. Báo cáo này còn cho biết người Đức được thông báo ngay khi người Tây Ban Nha nắm được tài liệu, đúng như chúng tôi mong đợi trước kia.

Như đã nói, chúng tôi không bận tâm lo lắng về chuyện móc chiếc cặp vào Thiếu tá Martin bằng một sợi giây nghe có xuôi tai không? Vì người ta chỉ bảo với Đức rằng tay Martin co quắp nắm chiếc cặp chứ không động đến giây “sên”. Họ nói lời mờ như vậy, và sự cộng tác của họ với người Đức thật được việc cho chúng tôi.

Tôi vẫn không hiểu nổi một đoạn trong mục đầu tiên nói “một tờ giấy trắng loại thường cặp phủ những bức thư”. Chắc đây là một tờ giấy do một người Tây Ban Nha phủ lên để đề phòng dấu vết, hoặc một tờ giấy trong các bản in thử cuốn sách xung kích bị tuột ra. Dù sao, trước đây chúng tôi cũng không hề bọc những phong bì này, ngoài ra các phong thư đều được niêm phong bằng ấn dấu chính thức có huy hiệu Hoàng gia chứ không phải bằng ấn dấu cá nhân.

Sau nữa chúng tôi nhận thấy việc giấy má riêng để trong chiếc ví đã được lôi ra coi và thư của cô Pam cũng như của thân phụ Thiếu tá Martin đã được lưu ý xem xét. Chúng tôi tự mãn: cố gắng tỉ mỉ như vậy nay đã có kết quả. Nên nhớ, thư của Huân tước Mountbatten gửi cho Đô đốc Cunningham cũng được việc vì nó minh định Thiếu tá Martin là ai.

Báo cáo này còn làm nổi bật nỗi khó khăn lớn là cần phải khắc phục mỗi khi ta tổ chức một âm mưu. Người ta bắt buộc phải hạn chế chỉ được phép cung cấp những yếu tố căn bản để cho đối phương lấy đó suy luận ra. Bởi thế người ta phải đánh giá sự tế nhị và tài năng của người Đức khi họ nghiên cứu những yếu tố này.

Nhận xét về sự tế nhị của người Đức gần đúng nhưng chúng tôi đánh giá quá cao tài năng của họ, vì họ mắc phải hai lỗi lầm chứng tỏ lơ đãng, sao lãng quá đáng hai lỗi lầm đều về ngày tháng.

Như ta có thể trông thấy khi so sánh phóng ảnh những bức thư của Huân Tước Mountbatten gửi cho Đô đốc Cunningham với phóng ảnh bản dịch của Đức, họ đã sơ suất không lưu ý đến ngày tháng: bức thư đề ngày 21- 4 nhưng người Đức chép hoặc dịch ra lại thay đổi thành ngày 22-4.

Có thể việc đó không quan trọng lắm, nhưng lầm lỗi thứ nhì mới thật là tai hại. Báo cáo nói đến phiếu nhận tiền của một hộp đêm tại London đề ngày 27 tháng Tư. Có lẽ người ta sơ sót lúc coi đến hai cuống vé xem hát.

Thiệp mời đi hộp đêm không những không phải là một hóa đơn mà còn không đề ngày. Vậy thì có thể là tấm phiếu tiền phòng đề ngày 24-4 của Hội quán Hải quân, phiếu này không giống như phiếu của một hộp đêm, và chắc chắn ngay cả người Tây Ban Nha cũng không thể làm một Hội quán với một hộp đêm được.

Đúng như chúng tôi mong muốn, báo cáo cho rằng Thiếu tá Martin khởi hành từ Anh bằng phi cơ ngay hôm sau buổi tiễn đưa. Nhưng sự nhầm lẫn ngày tháng làm cho người ta viết khởi hành “ngày 28 tháng 4, cùng một ngày xảy ra tai nạn phi cơ trên biển gần Huelva.”

Nếu người Đức sực nhớ đến ý kiến của vị bác sĩ Tây Ban Nha (mà điệp viên của họ ở Huelva ít ra phải quen biết) về ngày giờ tử nạn rồi đem so sánh với ngày đi, tất nhiên họ sẽ phải ngờ vực. Bác sĩ Tây Ban Nha rất có lý khi chỉ rõ cái chết xảy ra nhiều ngày trước khi tìm thấy thi hài ngày 30 tháng 4, và nói thêm ít nhất cũng chết vào khoảng năm ngày. Như vậy tai nạn phi cơ làm cho Martin thiệt mạng bắt buộc phải xảy ra vào ngày 25 tháng 4.

Tôi không đủ tài về triết lý để suy luận việc này ra sao? Tóm lại chỉ có thể nói nhờ may mắn nên không ai nhận ra sự mâu thuẫn này, mâu thuẫn có thể cho thấy ngay mưu mô dối trá.

Dù sao đi nữa, báo cáo cho thấy Đức đã kết luận Thiếu tá Martin đi bằng phi cơ và tai nạn xảy ra vào ngày giờ phù hợp với lúc khởi hành và tình trạng thi thể ông ta lúc đến.

Đoạn thứ ba của báo cáo chứng tỏ sự hợp tác chặt chẽ giữa Đức và Tây Ban Nha, như chúng tôi đã đoán đúng. Họ kể lại việc bị một toán quân tình cờ ngang qua đó và một sĩ quan Cảnh bị Hải quân ngăn chặn không lấy được các tài liệu ngay khi ấy, và mọi cố gắng của Phó Lãnh sự Anh để thu hồi đã bị cản trở vì “người lấy từ chối”. Biết mà, chúng tôi có thể “tin cậy” vào người Tây Ban Nha lắm chứ!

Sau hết, báo cáo nói rõ các phong bì đựng thư cùng các giấy tờ khác chỉ được trao trả sau khi điệp viên Đức xem xét. Điệp viên này yên chí có cảm tưởng như “thư từ chưa có ai mở ra!” Tôi cũng không ngạc nhiên về điểm này, vì chính tôi cũng thấy thế, nếu không đề phòng đặc biệt từ trước.

Như vậy ngay đối với Sở Tình báo Đức, chúng tôi cũng đã thắng, vì họ công nhận vụ này có thật. Cả họ lẫn người Tây Ban Nha đều “nuốt chửng Thịt Ba-tê”.

Tuy nhiên, như đã nói, thắng lợi này sẽ vô ích nếu Bộ Tham mưu Hành quân Đức không đồng ý, cứ sửa soạn chống lại một cuộc xâm lăng đảo Sicile. Nhưng may thay, Bộ Tham mưu Đức cũng lại “nuốt chửng” tất cả, và đi tới cùng.

Biện Pháp Bỏ Phòng Của Bộ Tư Lệnh Tối Cao

Sau chiến tranh, tin tức lấy từ văn khố Hải quân Đức tại Tembach tiết lộ những phản ứng xảy ra trong Bộ Tư lệnh tối cao Đức về chiến dịch “Thịt Ba-tê”. Kết quả thu lượm được đã vượt quá hy vọng điên rồ nhất của chúng tôi.

Theo ý người Đức, Đồng minh sẽ làm gì sau khi Tunisie thất thủ? Tất cả ước đoán của chúng tôi trúng phóc, chúng tôi còn đánh giá quá thấp những khó khăn phải vượt qua.

Chúng tôi tìm thấy bản sao thông tri của Bộ Tư lệnh tối cao Đức gửi cho đạo quân của họ, tháng Hai 1943, cho rằng cuộc tấn công sắp tới của Đồng minh sẽ diễn ra tại Địa Trung Hải và nhằm vào những hòn đảo, có lẽ theo thứ tự như sau: trước hết Sicile, thứ nhì đảo Crète rồi tới Corse và Sardaigne. Vậy thì, khi thảo kế hoạch ở London, chúng tôi đã có ý nghĩ rằng: ngay từ lúc đầu, Đức phải đặt đảo Sicile lên hàng đầu trong các giả thuyết của họ tới khi Đồng minh lần lần gia tăng sửa soạn ở Tây Địa Trung Hải dĩ nhiên họ nhận thấy không phải để nhằm tấn công đảo Crète trong khi Sicile chưa bị chinh phục vẫn còn ngăn chặn lối đi. Và lại, thông tri kể trên cũng nói: “Theo báo cáo nhận được liên quan đến dự tính đổ bộ của Anh-Mỹ, có thể trông thấy ngay kẻ thù đang cố gắng đánh lừa chúng ta một cách đại quy mô”.

Tương lai cho thấy người Đức nhận xét đúng về phương diện này. Nhưng tôi tự hỏi: nếu các ông “sếp” trong Bộ Tham mưu Anh-Mỹ biết rằng người Đức giữ miếng thận trọng đến thế nào, liệu có bao giờ chúng tôi được phép khởi xướng chiến dịch “Thịt Ba-tê” không?

Tài liệu tịch thu được còn xác định người Đức nhất quyết cố giữ chiến lược ấy cho tới đầu tháng Năm 1943. Thế rồi đến ngày 9 tháng đó, tất cả đều thay đổi: tin tức khám phá ra trong các giấy tờ của Thiếu tá Martin đã tới tay Bộ Chỉ huy tối cao Đức. Vào ngày tháng này, tường trình của Tình báo hần đã tới Bộ đó, vì chúng tôi tìm thấy trong hồ sơ báo cáo dưới đây, gửi theo ngay báo cáo ngày 14 tháng Năm đã nêu lên trong chương XII:

«Tiếp theo báo cáo 2:744/4 của tôi đề ngày 9 tháng Năm 1943, sau khi nhận được các bản chính, tôi kết luận như sau:

1 - Phải trù tính đến một cuộc đổ bộ quan trọng ở Đông và Tây Địa Trung Hải.

a) Mục tiêu hành quân ở Đông Địa Trung Hải, dưới quyền tướng Wilson, là bờ biển gần Kalamata và miền duyên hải phía Nam mũi Araxos (cả hai đều ở phía tây Péloponèse). Sư đoàn 56 bộ binh tăng cường, được chỉ định đổ bộ lên Kalamata, và sư đoàn 5 bộ binh có tăng cường lên mũi Araxos. Không biết hai sư đoàn ấy đổ bộ tất cả hay chỉ một phần. Trong trường hợp thứ nhất, họ cần phải có một thời hạn ít ra từ hai đến ba tháng, vì hai lữ đoàn của sư đoàn 56 đã tham dự cuộc giao tranh ở Enfidaville ngày 9 tháng 5-1943 và sư đoàn này phải cải tổ lại trước khi xuống tàu. Như thế họ phải mất một thời gian trước khi đổ bộ xảy ra, và có lẽ đúng với tinh thần bức thư.

Tuy nhiên, nếu chỉ thực hiện với một vài đơn vị của hai sư đoàn này, cuộc đổ bộ có thể xảy ra bất cứ lúc nào vì một lữ đoàn của sư đoàn 56 và một hoặc hai lữ đoàn của sư đoàn 5, có lẽ đã sẵn sàng ở vùng xuất phát thực sự (Ai Cập-Lybie).

Mật ký của một cuộc đổ bộ lên Péloponèse là *Husky*.

Bộ Tổng Tham mưu Anh-Mỹ đã đề nghị với Tướng Wilson một chiến dịch phụ “dương Đông kích Tây” đánh lên Dodecanèse. Tới ngày 23 tháng 4-1943, Wilson chưa có quyết định về việc này.

b) Mục tiêu của hành quân dưới quyền Tướng Alexander ở Tây Địa Trung Hải không thấy nói rõ. Một câu khôi hài trong bức thư ám chỉ đảo Sakrdaigroe. Mật ký cho chiến dịch này là *Brimstone*, mục tiêu giả tạo cho chiến dịch Brimstone là đảo Sicile.

2 - Cần phải tuyệt đối giữ bí mật về sự khám phá này và hạn chế tối đa việc thông tri những tin tức đó.»

Báo cáo này có một chi tiết là tôi rất thích thú. Tôi mãi nguyện về điệp viên Đức ở Madrid đã chịu khó gửi bản sao bức thư có vẻ không quan trọng của Huân tước Mountbatten gửi cho Đô đốc Cunningham, ngược lại y sao lãng bức thư cũng vô giá trị của Tướng Eisenhower.

Phải chăng vì lý do thư đó có đoạn nói xa xôi đến vụ thất bại trong trận đổ bộ lên Dieppe? Dù sao, trong đoạn 1b của bản báo cáo cũng cho thấy lối chơi chữ của tôi nói bóng gió về cá mè, tuy không hay lắm nhưng đem lại hiệu quả: “một câu khôi hài trong bức thư ám chỉ đảo Sardinia!” Câu đó không viết trong thư của Archibald Nye, nhưng với loại báo cáo này, ta có thể tha thứ được. Ý thức khôi hài của giặc Đức là một điều may cho chúng tôi.

Tình báo Đức đã mắc mưu, bây giờ Bộ Tổng Tư lệnh Berlin lại tán thành quan điểm của họ. Có thể chính nhờ Hitler mà chúng tôi thành công, vì được biết, theo nhật ký của Đô đốc Doenitz viết sau cuộc hội đàm với Hitler, Quốc trưởng Đức, ngày 14 tháng Năm đã xác nhận nội dung tài liệu của Thiếu tá Martin là đúng. Thật vậy, Doenitz được cử sang Ý để khích lệ Mussolini sau trận thảm bại ở Bắc Phi, trên đường về bản doanh mình đã đến tường trình với Hitler trước khi đích thân xem những tài liệu đó. Trả lời câu hỏi của Hitler về ý kiến Mussolini đối với “mưu toan Anh-Mỹ”, ông ta tuyên bố Thủ tướng Ý yên chí, Đồng minh sẽ tấn công Sicile.

Đây là lời Hitler do Doenitz thuật lại:

“Quốc trưởng không đồng ý với Mussolini về việc địa điểm xâm lăng có thể xảy ra là đảo Sicile. Hơn nữa ngài tin rằng các mệnh lệnh Anh-Mỹ mới khám phá ra được đã xác nhận giả thuyết nói dự trù tấn công của Đồng minh chủ yếu nhằm đảo Sardinia và miền Pélouponèse.”

Rõ ràng Hitler đã say sưa khẳng định và bám chặt vào ý nghĩ: Đồng minh dự tính đổ bộ lên Hy Lạp! Đến nỗi, ngày 23 tháng Bảy, gần nửa tháng sau cuộc đổ bộ lên Sicile, ông ta vẫn tưởng chiến dịch chính yếu là cuộc xâm lăng Hy Lạp, nên ủy thác cho Rommel, tướng cứng nhất, làm Tư lệnh các lực lượng tập trung ở miền này. Ngày 25 tháng 7, Rommel bay đi Hy

Lạp, rồi lại được gấp rút gọi về nắm quyền chỉ huy ở Ý để tập hợp các lực lượng tập trung của quốc gia này sau khi Mussolini bị hạ bệ.

Nhưng đổ lỗi cả cho Hitler thì cũng bất công quá, ngay trong bữa ông ta phản đối ý kiến của Mussolini ngày 14 tháng Năm, nhật ký hành quân của Bộ Tổng Tư Lệnh Hải quân Đức thuật lại rằng Bộ Tham mưu Lục quân đã cả quyết: những tài liệu đều xác thực, sẽ tấn công lớn vào Sardaigne, nhưng có thể tập kích vào Sicile để đánh lừa.

Như vậy, ngày 14 tháng 5-1943, các Bộ Tham mưu Hành quân, Bộ Tư lệnh Tối cao và chính Quốc trưởng Đức, đều có tin thực: Chiến dịch “Thịt Ba-tê” hoàn toàn kết quả chỉ còn xem, sau đó hậu quả đối với lực lượng Anh-Mỹ ra sao?

Tôi không rõ chi tiết Lục quân và Không quân Đức sửa soạn sắp đặt ra sao, nhưng hẳn phải lớn lao vĩ đại nếu xét đoán qua việc Đệ nhất sư đoàn thiết giáp được lệnh băng qua toàn thể Âu châu. Sư đoàn này khởi hành từ Pháp đến đóng bản doanh ở Tripolis thành phố trong bán đảo Péloponèse, địa điểm lý tưởng để chỉ huy chống các cuộc đổ bộ lên Kalamata và Araxos.

Nếu để ý nghĩ đến sự cố gắng phi thường cho một hành trình đầy hậu quả như vậy, tức là việc tạm thời thoái triệt cả một sư đoàn thiết giáp ra khỏi vùng tác chiến, ta có thể nói riêng vụ đó cũng đủ đền bù khó nhọc công lao chúng tôi trong chiến dịch “Thịt Ba-tê”, dù chúng tôi không giúp ích một chút nào trong cuộc xâm lăng Sicile.

Trong văn khố Đức còn thấy một văn kiện yêu cầu Bộ Ngoại giao Đức thông báo cho Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ biết quân đội và tàu chiến đã chuyển sang Hy Lạp và nhấn mạnh không có ý định thù nghịch với nước Thổ. Lo xa như thế cũng không lấy gì ngạc nhiên, nếu ta thấy người Đức sửa soạn rộng lớn và rầm rộ chừng nào. Như đã nói ở trên, tôi không rõ chi tiết di chuyển quân đội và không quân Đức, nhưng chắc phải rất quan trọng, xét đoán theo hoạt động Hải quân đối phương ghi đầy đủ trong các tài liệu bắt được sau chiến tranh.

Ngay từ 20 tháng 5, Bộ Tư lệnh Tối cao Đức đã ra lệnh đặt và hoàn tất ba bãi mìn mới ở ngoài khơi Hy Lạp, trong đó có một ở ngay đằng trước

Kalamata. Đô Đốc chỉ huy trên biển Egée được lệnh lấy lại quyền kiểm soát những bãi mìn do người Ý đặt ngoài khơi bờ biển phía Tây Hy Lạp. Trọng pháo phòng thủ duyên hải Đức phải được đặt trong các địa hạt do Ý kiểm soát.

Đó chỉ là một phần trong những biện pháp dự trù hoặc đã chuẩn bị xong tới ngày đó, vì người Đức cho rằng tất cả miền duyên hải cũng như các đảo của Hy Lạp đều bị đe dọa, trong khi họ vẫn hy vọng đẩy lui các cuộc tấn công của Đồng minh, mặc dầu Đức yếu kém ở vùng này. Nhưng chỉ thị ấy được bổ túc bằng mệnh lệnh thiết lập căn cứ Hải quân cho chiến hạm phóng ngư lôi, các bản doanh, các cơ sở tuần duyên và phòng ngư bảo vệ. Tất cả đều vĩ đại.

Giá trị “Thịt Ba-tê” tăng lên, tài liệu mỗi lúc một chứng minh thêm cho tất cả thắng lợi thu lượm được do chiến dịch duy nhất này. Đúng thế, các chỉ thị, mệnh lệnh đều căn cứ theo nội dung những bức thư của Thiếu tá Martin (chi tiết này không thể đưa ra trong các lệnh hành quân vì lý do an ninh).

Còn có bằng cứ khác nữa về sự kiện này, trong các bản mệnh lệnh nói rõ: Đã xác định Đồng minh sẽ đổ bộ đại quy mô lên Đông cũng như Tây Địa Trung Hải mặc dầu “Chúng ta chỉ nhận được từ Tây Địa Trung Hải bằng chứng rõ rệt về những sửa soạn một số lớn tàu đổ bộ”. Người ta thấy ngay sự liên hệ giữa bức thư của “Thịt Ba-tê” với các bản mệnh lệnh này, nếu đem những tài liệu đó ra đối chứng.

Ít lâu sau, đầu tháng Sáu, cả một hạm đội phóng thủy lôi Đức được gửi từ Sicile sang biển Egée. Giá trị “Thịt Ba-tê” tăng lên thật không ngờ.

Trong thời gian này, ở phía Tây Địa Trung Hải, người Đức cũng cựa quậy. Tôi chỉ có thể tóm lược phản ứng chính của họ bằng cách dẫn chứng một mệnh lệnh của Đại tướng Keitel, nhân danh Hitler, Tổng Tư lệnh Tối cao Quân đội Đức gửi đi ngày 14 tháng Sáu.

Các chỉ thị này, căn cứ rõ rệt vào ý tưởng của Đức: việc dùng đảo Sicile làm mục tiêu lừa dối trong cuộc tấn công Sardaigne có thể đưa đến một trận tập kích lên đảo này làm cho đối phương sao lãng (Người Đức

cũng nghĩ rằng Đồng minh dùng Dodecanèse làm mục tiêu giả trong trận đánh ở Đông Địa trung Hải: coi báo cáo ngày 14-5).

Chính vì thế mà họ tập trung phòng thủ lên phía Bắc Sicile như đã kể ở trên. Ngoài ra một đơn vị lớn của thiết giáp Panzer với đầy đủ tiếp tế trong hai tháng cũng được đưa sang đảo Corse hồi tháng sáu, đúng theo lệnh của Hitler và bắt đầu từ thời kỳ này họ không ngớt tăng viện cho Sardaigne và Corse, rồi về sau mới dành ưu tiên cho Sicile.

Ngày 9 tháng 7, trước trận đổ bộ của Đồng minh lên Sicile một hôm, tướng Keitel còn gửi một báo cáo (của Đô đốc Doenitz) nói về miền Đông và Tây Địa Trung Hải và chiến lược sau này của Đồng minh căn cứ vào chiến trường hai nơi đó, rồi kết luận rất có thể Anh-Mỹ sẽ đánh vào ba đảo Corse, Sardaigne và Sicile (hoặc cùng một lúc, hoặc lần lượt), Đô đốc Doenitz còn cho rằng ở Bắc Phi có khá đủ quân sĩ Đồng minh để sử dụng cho cả hai mặt trận rồi khai thác mở rộng đầu cầu trên đất Hy Lạp. Theo ý ông, một cuộc đổ bộ quan trọng trên đất Ý (sau khi chiếm được các đảo) không chắc đã có, vì người Đức có thể phản ứng mau chóng ở Ý, còn ở Hy Lạp viện binh, tiếp tế của họ bó buộc phải chậm chạp. Từ đất Hy Lạp, Đồng minh có thể tấn công các mỏ dầu Rumani gây ảnh hưởng chính trị tai hại ghê gớm cho nước Hungary và nước Rumani.

Sau cùng, Doenitz kết luận “lực lượng phía Tây sẵn sàng tấn công ngay” và khởi sự bất cứ lúc nào (ông đoán đúng quá!) còn “lực lượng phía Đông hình như đang ở trong thời kỳ tập hợp” (ông đoán sai rồi: lực lượng có tham dự thực sự vào trận đánh Sicile).

Tờ mờ sáng ngày 10 tháng Bảy, Đồng minh đổ bộ lên Sicile, nhưng người Đức không tin là cuộc tấn công thực sự (và tài liệu của Thiếu tá Martin là trò lừa dối). Bộ chỉ huy Đức còn yêu cầu điệp viên của họ đặc biệt thám xét duyên hải eo biển Gibraltar để dò la các đoàn tàu Anh-Mỹ sắp đi tấn công Corse và Sardaigne. Có lẽ họ vẫn tưởng các cuộc đổ bộ lên Sicile (mặc dầu đổ bộ lên một phía mà họ không ngờ tới) chỉ là một trận “dương Đông kích Tây” để họ xao lãng không chú ý đến chiến trường chính yếu.

Nhưng, ngày 12 tháng 7, người Đức bắt đầu bốt tin tưởng vào tài liệu của “Thịt Ba-tê”. Ô, rõ ràng quá, xâm lăng Sicile đúng là sự thật, và vẫn cứ tiếp tục từ hai hôm rồi.

Chúng tôi tìm thấy hai điệp văn trao đổi giữa Tư lệnh Hải quân Đức ở nước Ý và Bộ Chỉ huy Hải quân của họ. Trong điệp văn thứ nhất, viên Tư lệnh chua chát than phiền rằng toán ngư lôi hạm gửi sang biển Egée để phòng thủ Hy Lạp đã phương hại các việc phòng thủ Sicile, vì tuần tiễu ngoài khơi thiếu tàu bè nên không công hiệu. Ông còn nói những ngư lôi hạm thiếu hụt “kinh niên” và theo lệnh trên gửi chiến hạm đi nơi khác, sẽ có ảnh hưởng tai hại cho công cuộc phòng thủ và hộ tống.

Bộ Chỉ huy Hải quân Đức trả lời: Theo nhiều vụ thám thính, Đồng minh đã đổ vào Sicile nhiều lực lượng quá, không chắc đã đánh lên Hy Lạp nữa trước khi chiến sự Sicile chấm dứt. Việc phòng thủ Hy Lạp có thể xuống hàng thứ yếu “trong lúc này” (Bộ chỉ huy cũng như Hitler vẫn còn bị ảnh hưởng của “Thịt Ba-tê” hay sao?), và lệnh gửi bảy chiếc ngư lôi hạm sang biển Egée được hủy bỏ. Các chiến hạm này có thể đặt dưới quyền Tướng Tư lệnh Đức trên đất Ý.

Hậu quả tức thời của chiến dịch “Thịt Ba-tê” đã chấm dứt, ngoại trừ những việc liên quan đến các lực lượng Đức phải ăn không ngồi rồi ở Hy Lạp. Tổng hợp kết quả thu lượm trong chiến dịch có thể tóm lược như sau:

Chúng tôi đánh lừa được những người Tây Ban Nha đã giúp đỡ người Đức, đánh lừa tình báo, gián điệp Đức ở Madrid cũng như ở Berlin, đánh lừa Bộ Tham mưu Hành quân và Bộ Chỉ huy Tối cao Đức, đánh lừa Đại tướng Keitel, và đánh lừa luôn cả Hitler cho tới cuối tháng Bảy.

Về phía Đông Địa Trung Hải, chúng tôi đã xúi bẩy, lừa họ phải tăng cường phòng thủ Hy Lạp, thiết lập những bãi mìn, những dàn trọng pháo phòng duyên .v.v... Đức đã tập trung nhiều binh sĩ ở Hy Lạp, gồm có một sư đoàn thiết giáp Panzer vượt qua toàn thể Âu châu, và Hitler đã phải cử Đại tướng Rommel sang Hy Lạp chỉ huy những binh sĩ này.

Tất cả mọi cố gắng của người Đức đều vô ích, và đã giảm thiểu tiềm lực phòng thủ ở Sicile và Ý.

Về phía Tây Địa trung hải: chúng tôi khiêu khích họ phải tăng cường xây nhiều pháo đài cho đảo Corse và Sardaigne, lơ là làm hại đảo Sicile, phải ngừng sửa soạn phòng thủ bờ biển Sicile nơi Đồng minh tấn công thực sự để đem lên miền duyên hải Anh-Mỹ không đổ bộ lên, phải đem ngư lôi hạm từ Sicile sang biển Egée “phương hại đến việc phòng thủ Sicile”, nên thiếu chiến hạm hộ tống.

Tất cả trên đây còn thấy dấu vết trong những tài liệu hiện đại, và tôi có lý do chính đáng thừa nhận thắng lợi của “Chiến dịch Thệt Ba-tê” quả thật là lớn lao, vĩ đại hơn cả chúng tôi mong ước trong những lúc lạc quan nhất.

Xin nhường người khác nhiệm vụ tìm kiếm, xác định có bao nhiêu sinh mạng Anh và Mỹ đã được “một người không bao giờ có” cứu thoát trong trận chinh phục Sicile, và ảnh hưởng “chiến công” của ông ta đối với diễn biến của chiến tranh.

Phần Kết

Thay vì kết luận một cách hoa mỹ để tưởng nhớ vong hồn một người có thực và trở thành “Thiếu tá Martin”, tôi nghĩ nên thêm vào một chi tiết đã đặt đúng việc tôi tham dự chiến dịch vào bối cảnh của nó.

Vì “Chiến dịch Thịt Ba-tê” cho kết quả mỹ mãn, tôi được ban tặng huy chương quân sự O.B.E (Order of the British Empire - Huân chương Đế quốc Anh). Khi gắn huy chương cho tôi, Nhà vua có hỏi chiến đấu ở đâu mà được huy chương này? Tôi trả lời:

— Tàu Bệ hạ, ở Bộ Hải quân.

Tôi thấy ngài nhướn lông mày lên, dấu hiệu ngạc nhiên. Ngài lại hỏi:

— Tại sao lại được thưởng?

Bị hỏi bất ngờ, tôi chỉ kịp trả lời:

— Tàu Bệ hạ, vì góp phần vào kế hoạch của chiến dịch Husky.

Câu trả lời ngẫu nhiên của tôi cho thấy “Chiến dịch Thịt Ba-tê” dù khổ tâm và tài tình đến đâu chăng nữa cũng chỉ là một phần nhỏ trong các kế hoạch của một cuộc hành quân tối tân.

Phần I

Chiến Dịch Dầu Hỏa

Lời Tựa

Nhà chức trách vừa cho vén màn bí mật liên quan tới một công tác phản gián lớn lao nhất trong thời kỳ chiến tranh vừa qua.

Lực lượng Đồng minh đã làm cách nào đánh lừa con cáo già Himmler, trùm mật vụ Gestapo của Đức Quốc xã, và nhân theo đó hàng ngày theo dõi tin tức liên quan tới việc chế tạo ét-xăng nhân tạo tại Đức quốc. Nhờ những tin tức này mà lực lượng Đồng minh đã oanh tạc thật đúng mức và kịp thời tất cả những xưởng chế tạo của đối phương.

“Trong công tác phản gián độc nhất vô nhị này Eric Erickson đã đóng một vai trò tuy thập phần nguy hiểm nhưng cũng rất là ngoạn mục. Ngoài ông ra chưa chắc đã có người nào đã trong hoàn cảnh, phương tiện và lòng can đảm để thực hành công tác phản gián kỳ lạ nhất trong lịch sử gián điệp đó.” - *Trích New York Thời báo, số ra ngày 3-6-1945.*

“Sự phá hoại những xưởng chế tạo ét-xăng nhân tạo của chúng ta do địch quân thực hiện đã gây một ảnh hưởng vô cùng tai hại liên quan tới vấn đề tiếp tế xăng nhớt cho quân đội...” - *Trích tờ trình của Đại tướng Heinx Guderian Tổng Tham mưu Quân đội Đức.*

“Những cuộc oanh tạc lớn lao do không lực thực hiện nhằm tiêu hủy tức khắc tất cả mọi nguồn tiếp tế nhiên liệu của địch quân... Chiến thuật này không những làm tê liệt tiềm năng chiến tranh của Đức quốc, ngoài ra còn đem đến một kết quả trực tiếp tại khắp các chiến trường...” - *Đại tướng D. Eisenhower.*

“Những cuộc oanh tạc tập trung vào những địa điểm chế tạo ét-xăng nhân tạo đã góp phần quan trọng đưa đến việc Đức quốc thất trận, cứu thoát rất nhiều nhân mạng. Đây là chiến công của một số người trong ngành tình báo phản gián.” - *Trích tờ trình của U.S Strategie Bombrig Survey.*

Đây là câu chuyện về một anh chàng gián điệp tài tử. Một gián điệp tình nguyện bởi vì không ai bắt buộc anh ta phải làm công việc vừa nguy hiểm vừa “tế nhị”, so với hoàn cảnh của anh ta: Một doanh thương quốc tế, có gia đình có địa vị.

Để hoàn thành công tác Eric Erickson, đã phải hy sinh tất cả từ danh dự cá nhân cho đến hoàn cảnh, địa vị giàu sang phú quý. Anh còn kéo theo một người bạn - Ông hoàng Charles Bernadotte, thuộc Hoàng gia Thụy Điển, cùng đóng vai những kẻ phản bội...

Tòa Đại sứ Hoa Kỳ Cần Tuyển Một Giám Điệp

Câu chuyện bắt đầu vào tháng chạp năm 1939, nhân chuyến đi Stockholm, nhằm thực hiện một công tác bí mật do Tổng thống Mỹ đặc biệt trao phó. Công tác thất bại. Tuy nhiên trong những ngày sống tại thủ đô xứ Thụy Điển, Steinhardt, ông Đại sứ đã tình cờ hoàn thành một công tác khác. Công tác này, lúc đầu coi bộ quả nhỏ bé so với nhiệm vụ ông được Tổng thống đích thân dặn dò.

Ba ngày sau, khi tới nơi, ông Đại sứ mời một người bạn cũ của ngài đến dùng bữa tại Đại khách sạn. Người bạn cũ tên là Eric Erickson, vốn gốc ở Brooklyn, cựu cầu thủ đá banh, hiện là doanh thương trong ngành dầu hỏa. Câu chuyện của hai người sau cùng đưa về tình hình quốc tế... Đại sứ Hoa Kỳ đưa ra nhận xét:

— Nước Mỹ chẳng sớm thì muộn, sẽ bị lôi kéo vào cuộc chiến hiện tại.

— Lẽ tự nhiên. Dù không nói tới vấn đề đạo đức luân lý, nước Mỹ vẫn không thể để yên cho tụi Quốc xã Nazi nắm hết toàn thế Âu châu, sau Âu châu, tới Mỹ châu...

Mặc dù trả lời như vậy nhưng danh từ Mỹ châu chẳng gây nên một ấn tượng nào trong đầu Eric Erickson, tuy sinh đẻ tại Brooklyn, nhưng anh ta đã rời nước Mỹ từ hồi còn nhỏ để di cư qua Âu châu và trở thành công dân Thụy Điển. Hiện anh ta đang trông coi công việc nhập cảng dầu hôi, một áp phe thật lớn lao và quan trọng.

Bỗng nhiên ông Đại sứ nói:

— Này Eric, có chuyện quan trọng cần bàn với bạn. Bạn có sẵn lòng giúp đỡ chúng tôi hay không?

—Ồ! Chuyện đó rất dễ! Nhưng với tuổi tôi hiện nay, xin ông bạn đừng bắt tôi xung vô đội pháo binh.

— Làm gì có chuyện đó! Câu chuyện này có dính dáng đến nghề nghiệp buôn bán dầu hôi của bạn. Chúng tôi cần những tin tức liên quan tới kỹ nghệ dầu hôi của Đức Quốc xã.

— Tôi sẽ cố gắng giúp đỡ các ông, trong phạm vi hiểu biết của tôi. Thật tình, ông bạn muốn gì?

— Phạm vi hiểu biết của ông quan trọng lắm, chính ông cũng không thể ngờ được chuyện này đâu! Ông bạn nói thạo tiếng Đức, cho tới nay, ông bạn lại có những giao hảo hết sức là tốt đẹp đối với một số tay doanh thương Đức. Ngoài ra ông bạn lại rất can đảm, có khả năng nhận xét thật mau lẹ và sắc bén. Chúng tôi đang cần một người như anh.

Erickson ngồi im lặng. Một lát sau ông Đại sứ nói tiếp:

— Nhiệm vụ của bạn, đó là làm cách nào móc nối với một số nhân vật người Đức, xin họ cho phép được đi lại trên toàn lãnh thổ nước Đức. Nhờ vậy, bạn sẽ thu thập những tin tức quan trọng liên quan tới công việc chế tạo, sản xuất dầu hôi của tụi Quốc xã. Lực lượng Đồng minh sẽ dựa trên những tài liệu này để phá phi cơ tới đội bom các nơi sản xuất, những xưởng máy lọc dầu. v.v...

Erickson nhấm nháp ly rượu:

— Tôi hiểu rồi. Nhưng hoàn cảnh của tôi thật tế nhị, tôi không phải dân Thụy Điển chính cống; từ xưa tới nay thái độ của tôi là không ưa Đức Quốc xã. Muốn làm công việc đó, phải thay đổi từ từ cách đối xử với tụi Đức, phải làm như chúng thẳng đến nơi rồi, chỉ có ngã theo chúng mới sống nổi...

— Đúng như thế. Bạn là dân áp phe, gió chiều nào ngã theo chiều đó. Bên nào có lợi thì ta theo. Bây giờ, việc trước tiên là làm cách nào cho tụi Đức biết mình muốn được hân hạnh làm bạn của tụi nó.

Bỗng Erickson cau mày nói:

— Làm như vậy là cắt bỏ những mối giao tình với bè bạn cũng như đối với anh em họ hàng ở đây cũng như ở Hoa Kỳ. Họ sẽ phỉ nhổ vào mặt tôi.

— Đúng như vậy. Việc đầu tiên bạn phải làm là từ bỏ gia đình bè bạn. Bạn không được quyền nói rõ bất cứ cho một ai hiểu được bí mật của bạn. Hở ra là chết. Nếu bạn nhận lời, ngay từ lúc này trở đi, bao nhiêu nỗi đau đớn nhục nhã cùng bao nhiêu điều nguy hiểm đang chờ đón bạn.

— Tôi cũng nghĩ như vậy.

— Nếu bạn là người có gia đình. Tôi không dám đưa ra đề nghị, và lại, ngoài bạn ra, chắc không còn người nào may mắn hội đủ điều kiện.

Erickson cười lớn:

— Phải nói là “không may mắn” thì đúng chớ!

Ông bạn Đại sứ của Erickson cũng mỉm cười:

— Như vậy là bạn bằng lòng rồi, phải không?

— Cứ tin tưởng ở nơi tôi đi!

— Hay lắm! Công tác coi như bắt đầu kể từ giờ này. Tôi sẽ báo tin cho Tòa Đại sứ ở đây liệu cách liên lạc và đưa ra những chỉ thị cần thiết tùy theo tình hình thay đổi sau này. Hiện giờ tôi cho bạn biết tên người liên lạc: Bradley. Nhưng cố gắng đừng tiếp xúc trực tiếp với hắn ta, chỉ trừ khi nào có việc cần kíp lắm hãy nói cho hắn ta hay. Bradley là sĩ quan Tùy viên Tòa Đại sứ Hoa Kỳ tại Thụy Điển.

— Tôi nhớ rồi.

— Nếu muốn gọi điện thoại cho hắn, phải dùng điện thoại công cộng. Khẩu hiệu là: Đây là X bạn của Laurance. Sau đó để yên cho hắn ta nói trước. Nếu cần, hắn ta sẽ cho bạn biết một nơi gặp gỡ kín đáo và chắc chắn.

— Xong rồi.

— Còn chuyện này nữa. Là vấn đề tiền bạc. Tôi biết bạn không cần lắm, nhưng giai đoạn đầu là phải tung tiền ra thật nhiều. Bạn cứ việc tha hồ xài tiền. Chúng tôi sẽ trả lại cho bạn sau.

Erickson cười nói:

— Chuyện đó khỏi lo. Cứ kể như tôi đầu tư vốn cho Chính phủ Hoa Kỳ.

— Hiện tại, không có chuyện gì xảy ra; chắc còn lâu lắm Bradley mới cần phải liên lạc với bạn. Hoa Kỳ chưa nhảy vào vòng chiến. Còn Anh quốc cũng chưa có chương trình oanh tạc nào liên quan tới những xưởng lọc dầu. Bạn cứ yên tâm ăn nhậu làm quen với các giới chức cao cấp của phe Quốc xã!

— Tôi hiểu rồi. Nhưng theo ý bạn, Bradley chỉ liên lạc với tôi khi nào Hoa Kỳ nhảy vô vòng chiến, phải vậy không?

— Không đâu! Hiện tại Sở Tình báo Hoa Kỳ và Anh quốc liên lạc với nhau thật chặt chẽ. Tất cả những tin tức của bạn sẽ được thông báo cho Tòa Đại sứ Grand Bretagne ở Stockholm.

— Xong rồi!

— Tuy nhiên, trước khi xin phép nhập cảnh Đức quốc, bạn hãy liên lạc với Bradley để biết những chi tiết đảm bảo an ninh cần thiết.

— Ô kê!

Sau đó cả hai cùng nâng ly uống mừng công tác thắng lợi. Trước khi ra về vị Đại sứ còn cố gắng dặn dò người bạn cũ:

— Cần thận nghe! Công tác nguy hiểm lắm! Chúc bạn may mắn!

Ông Đại sứ Hoa Kỳ hoàn toàn tin tưởng mình đã chọn đúng người. Erickson là một nhà doanh thương nổi danh trong kỹ nghệ buôn bán dầu hỏa. Anh đã đi nhiều nơi, đã phục vụ cho rất nhiều công ty dầu hỏa trước khi tách riêng ra tự mình làm chủ một xí nghiệp quan trọng. Thụy Điển là nơi anh đặt đại bản doanh, căn cứ xuất phát tất cả mọi hoạt động liên quan tới áp phe dầu. Chính vì vậy mà anh đã chọn quốc tịch Thụy Điển. Khi nhận lời làm việc của Hoa Kỳ, đó là vì lòng yêu mến quê hương đầu tiên của anh, nơi anh đã sinh ra đời, tuy nhiên anh nghĩ rằng quyết định đó không ảnh hưởng gì tới quê hương thứ hai của anh. Thụy Điển vốn là một xứ trung lập, đứng ngoài sự tranh chấp giữa hai phe Đồng minh và Đức Quốc xã.

Một tuần lễ sau đó, ông Đại sứ Hoa Kỳ trở lại Thủ đô Moskow. Erickson bắt đầu thi hành sứ mạng “ngã dần theo phe trục” của anh. Anh tự nhủ thầm, phải tiến hành công việc một cách thật là từ từ. Vội vàng nóng nảy chỉ gây nghi ngờ và đổ vỡ. Trước hết anh tạm ngưng những lời chế

diều, bài xích phe Đức Quốc xã Nazi. Lâu lâu anh lại làm ra vẻ ta đây thông thạo tình hình, tiên đoán thế nào sau cùng phe Đức quốc cũng thắng trận, cùng lúc đó, anh lân la làm quen mấy tay nhà buôn người Đức, trao đổi một vài vụ buôn bán với người này, người nọ. Trong mấy chuyến áp phe đó, anh có ý để cho đối phương hưởng lợi.

Chẳng bao lâu, anh được “hân hạnh” yết kiến ông Đại sứ Đức quốc tại Thụy Điển, và một vài tay chân bộ hạ của ông ta; trong số những người này phải kể tên vị cố vấn Wilhelm Kortner. Theo như lời mọi người xàm xì bàn tán, vị cố vấn này bề ngoài tuy chỉ đóng một vai trò hết sức phụ thuộc, nhưng bề trong, y là người đại diện của Himmler, trùm mật vụ Gestapo.

Trong thời gian đó, Erickson làm việc một thân một mình đã hơn ba tháng trời qua, vậy mà anh vẫn chưa nhận được tin tức gì từ tòa Đại sứ Hoa Kỳ. Hay là họ đã “quên” anh?

Sau cùng, cuối tháng 3 năm 1940, anh nhận được một bức điện văn do một kẻ lạ mặt mang tới:

Công việc mà ông đã bàn với Laurence tiến triển tốt đẹp. Mức tiền lời hoa hồng ông đòi hỏi cũng đã được chấp thuận: 5% phần ông và 2% về phần hai người hùn vốn. Xin cứ tiếp tục như thường.

Điện thoại cho tôi hay nếu có chuyện gì xảy ra.

Thân.

Richard

Bức điện do Richard Bradley cho người chuyển tới. Anh vẫn chưa gặp mặt ông ta, cho tới giờ phút này. Tuy nhiên anh thấy chuyện đó không cần thiết và tiếp tục con đường đã vạch sẵn. Thời kỳ này, quân đội Đức tiến từ chiến thắng này tới chiến thắng khác. Họ xâm chiếm Đan Mạch và Norvège tháng 4 năm 1940. Giữa tháng sáu, Hà Lan và Bỉ thất trận, cờ chữ vạn phát phối bay trên đỉnh tháp Eiffel tại Pháp.

Nước Ý dưới quyền chỉ huy của Mussolini, người bạn thân của Hitler cũng đã nhảy vô vòng chiến. Sáu tháng sau khi Erickson chấp nhận đóng

vai kẻ phản bội theo lời yêu cầu của ông Đại sứ Hoa Kỳ. Quân đội Đức như đang làm chủ toàn cõi Âu châu.

Tình hình nói chung, rất có lợi cho Erickson trong kế hoạch “ngả dần theo phe nào mạnh của một tay buôn thức thời”. Tuy nhiên thái độ sẵn sàng lâm trận chống lại phe Đức của nước Mỹ cũng gây nhiều khó khăn cho anh.

Trong giới Nazi đã bắt đầu có phong trào bài Mỹ. Đám viên chức ngoại giao của Đức luôn luôn nhìn ngó Erickson bằng một con mắt dè b惧, khinh khi.

Khổ một nỗi, tất cả bè bạn của Erickson đều chống Đức Quốc xã. Họ bắt đầu lảng xa dần con người phản bội. Một vài người còn cắt bỏ mọi giao thiệp cùng anh. Nhất là khi những tin tức về sự độc ác, dã man mà quân Đức gây ra tại nhiều nơi họ chiếm đóng, những tin tức này truyền tới tai dân chúng ở Thụy Điển, mọi người càng ghét những người theo Đức như Erickson.

Ngoài ra lại có tin quân Đức tính chiếm luôn xứ Thụy Điển để đảm bảo quyền sở hữu những mỏ sắt tại xứ này. Thành thử, Erickson lúc đầu chỉ bị coi như một kẻ quá thức thời, quá khôn ngoan nhưng lúc sau này, mọi người đã coi anh là một kẻ phản quốc như bần, đáng khinh bỉ.

Cho đến đầu năm 1941, hoàn cảnh của Erickson lại càng trở nên bi đát. Từ trước tới nay, chúng ta vẫn coi anh là một kẻ độc thân. Bây giờ, kẻ độc thân đó bỗng nhiên trở nên si tình. Anh chàng say mê nhan sắc diễm tuyệt của một cô gái người Thụy Điển, nàng Ingrid Iledstrom.

Gia đình nàng, tất cả đều thù ghét, ghê tởm bọn Đức Nazi. Đã nhiều phen, không chịu nổi cô đơn, ghẻ lạnh, Erickson tính nói thật cùng người yêu và gia đình nàng. Nhưng khi nghĩ đến những lời dận dò của ông bạn Đại sứ anh lại phải ngậm trái bồ hòn giả cam.

Thật Khó Quyết Định

Mùa hè năm 1941 cú điện thoại mà Erickson chờ đợi gần hai năm trời, sau cùng đã tới, giọng nói của Richard:

— Tôi muốn bàn với ông về áp phe Laurence. Chiều mai, khoảng 10 giờ chúng mình gặp nhau nghe!

Sau đó, vẫn bằng ngôn ngữ Thụy Điển Richard cho anh biết nơi hẹn.

Erickson trả lời:

— Được rồi! Tôi sẽ tới.

Cơ quan phản gián OSS của Hoa Kỳ chỉ mới được thành lập sau này, kể từ khi xảy ra trận đánh Trân Châu Cảng, Tuy nhiên, tại các tòa Đại sứ, một vài nhân viên, bề ngoài là nhân viên ngoại giao, tùy viên quân sự .v.v... nhưng bên trong, họ còn kiêm thêm nghề gián điệp, tình báo. Hai người mà Erickson gặp mặt bữa hôm sau, chúng ta tạm gọi họ bằng những tên: Thiếu tá Richard Bradley và Đại úy Thomas Mansfield.

Bradley nói trước:

— Đại sứ Steinhardt có nói cho chúng tôi hay về việc ông bằng lòng hợp tác với chúng tôi. Từ hồi đó chúng tôi vẫn thường xuyên theo dõi mọi hoạt động của ông. Thành thật khen ngợi ông, không có người nào có thể hành động một mình trong một thời gian khá lâu như vậy. Coi bộ ông hoàn toàn thành công trong công chuyện lấy lòng tụi Đức.

Erickson khó khăn nói:

— Cảm ơn ông! Nhưng đó chỉ là phương diện cá nhân. Về vấn đề tin tức: Zêrô!

— Đâu phải ông lấy tin ở Stockholm! Nhưng ở tại nước Đức.

Mansfield lúc đó mới chen vô:

— Khỏi phải nói ông cũng biết trước: có rất nhiều nguy hiểm đang chờ đợi ông ở trên phần đất địch. Tụi nó có thể khám phá ra hoạt động thực sự của ông và sau đó... Chúng tôi không thể giúp đỡ ông một việc gì ngoài việc ngồi bình an ăn nhậu ở đây trong khi ông bị nguy hiểm thường xuyên ở bên đó.

Bradley cũng thêm vô:

— Chúng tôi xin ông hãy suy nghĩ một cách cẩn thận. Ông không phải là một công dân nước Hoa Kỳ, không một lý do nào bắt buộc ông phải làm, kể cả lý do đạo đức. Nhận làm việc này tức là ông còn rước thêm bao nhiêu nỗi bực mình...

— Ô! Cái đó thì tôi đã được hưởng rồi. Mấy người bè bạn của họ đã bắt đầu phi nhổ sau lưng tôi. Chắc sau này, họ dám nhổ ngay vô mặt tôi lắm à!

— Đúng vậy! Khi ông đã hoàn toàn nhảy vào tròng rồi chắc chắn sẽ còn nhiều rắc rối khác nữa.

Trầm ngâm một lúc, sau cùng Erickson lên tiếng:

— Phiền nhất là tôi sắp lấy vợ. Thành thử tôi phải thú thật nếu không muốn mất nàng ngay từ bây giờ!

Mansfield và Bradley yên lặng.

Nhìn nhau. Một lát sau Mansfield mới nói:

— Chúng tôi hiểu hoàn cảnh của ông, nhưng tốt hơn tốt vẫn là không nên để cho cô ấy biết sự thật.

— Tôi hoàn toàn tin cậy ở nàng. Nếu nhận thấy tính mạng của tôi bị đe dọa, chắc chắn nàng không hờ môi, dù ngay với cha mẹ nàng.

— Nếu vậy xin tùy ông. Nhưng chớ cho cô ấy hay một chút tin tức nào liên quan tới vụ này. Ngay cả cuộc gặp gỡ của chúng ta bữa hôm nay.

Và Mansfield nói thêm:

— Đó là nguyên tắc căn bản của nghề nghiệp chúng ta! Chúng tôi sẽ điện thoại cho ông vào chiều mốt để hẹn ngày gặp nhau bàn định thêm mọi chi tiết. Xin ông nhớ kỹ cho điều này: Ngày gặp gỡ thực sự sẽ là ngày hôm

sau, ngày tôi nói trong điện thoại, và giờ gặp gỡ: một giờ chậm hơn giờ chỉ định.

Một Gã Tuy Viên Sứ Quán Hay Nghi Ngờ

Cuộc hôn lễ của Erickson và Ingrid cử hành một cách hết sức thân mật. Con số người có mặt thật ít ỏi. Sau khi đã cho người yêu biết rõ bí mật của đời mình, Erickson yêu cầu nàng dời ngày thành hôn, nhưng Ingrid vẫn khăng khăng không chịu. Nàng chấp nhận cùng hy sinh:

— Dời hôn lễ? Bộ anh tính chờ tới khi hết chiến tranh mới lấy nhau hả?

— Nhưng em có thể thành người vợ góa.

— Lấy em, anh càng dễ thành công hơn. Một người đàn ông vừa mới lấy vợ đâu dám hy sinh thân mình về lý tưởng mơ hồ?

Họ về một vùng nông trại để làm hôn lễ. Sau mười lăm ngày sống êm ả, hưởng tuần lễ trăng mật, họ trở lại Stockholm với tất cả tấm lòng hăng say “sẵn sàng tiếp tay với Đức Quốc xã chống lại Đồng minh”. Họ chọn những tiệm ăn có nhiều người Đức lui tới và trong khi bàn luận họ làm ra vẻ chỉ có cách theo người Đức mới bảo vệ nổi gia tài đồ sộ của họ, và chỉ có lý tưởng Nazi mới xứng đáng cho toàn thế giới noi theo. Không những nói không thôi, họ còn cậy cựa xin gia nhập Phòng thương mại Đức quốc tại Stockholm. Dưới con mắt của đám dân trưởng giả trong thành phố, cả hai đúng là những tay hoạt đầu dơ dáy đi tiên phong trong phong trào theo Đức.

Vào thời kỳ này, thành phố London bị oanh tạc hoài hoài. Những người dân Thụy Điển, mặc dù trung lập nhưng vẫn tỏ ra khoái chí trích người Đức. Họ sẵn sàng bênh vực đám dân Anh hàng ngày bị ăn bom. Thái độ chống đối của họ rõ rệt đến nỗi, một lần trong một bữa tiệc khoản đãi

các viên chức ngoại giao Đức quốc của các vị nhân sĩ trong thành phố, viên cố vấn tòa Đại sứ Đức. Wilhelm Kortner đã giận dữ la lên:

— Trời vừa mới bắt đầu mưa ở London, thế là dân chúng ở đây đã vội vàng mở lớn mấy cây dù ra rồi!

Muốn được phép qua Đức với tư cách một chuyên viên kiêm nghề nhập cảng dầu hỏa, Erickson phải làm sao tới gần được hai người có thể lực nhất trong tòa Đại sứ Đức quốc tại Stockholm, đó là Kortner, người của Himmler và Bruno Ulrich, tùy viên thương mại. Người thứ nhất coi bộ chịu Erickson, ngược lại Ulrich tỏ ra rất không có cảm tình với anh. Anh ta từ chối thẳng thừng:

— Tôi không tin tưởng một chút nào vào một thằng cha Hoa Kỳ.

— Nhưng tôi đâu phải dân Hoa Kỳ. Tôi người Thụy Điển mà!

— Đối với tôi, một thằng cha đã sinh đẻ ở Hoa Kỳ, thì luôn luôn suốt đời gã là dân Hoa Kỳ!

Sự từ chối của gã làm cho Erickson tức tối vô cùng. Vậy là sau bao nhiêu cố gắng, cuối cùng nước lã vẫn hoàn là nước lã. Chẳng lẽ anh đã đi tới ngưỡng cửa của sự thành công, vậy mà phải quay trở về, chỉ vì một con chó gác cổng quá thính mũi?

Anh nói với Ingrid:

— Phải tìm đủ mọi cách vượt qua thằng ngu đó! Phải làm sao chọc tức gã Kortner làm sao cho gã cảm thấy gã không có một kí lô nào trước thằng cha ngu đàn kia.

Vợ anh mỉm cười:

— Nhưng gã có ngu đàn đâu! Gã quá khôn ngoan, quá đa nghi là đằng khác!

Tình cờ một bữa, dịp may đã đến với anh. Bữa đó, Erickson đang ngồi ăn với một gã người Đức Nazi chuyên môn áp phe, bỗng nhiên có tiếng người gọi:

— Chào Eric, mạnh khỏe không?

Anh quay lại. Thì ra Paul Wallenberg, một trong những người bạn rất thân của anh. Anh ta là một tay mại bản khá quan trọng, gốc Do Thái. Mặc dù Eric cắt đứt mọi liên lạc với anh ta từ ít lâu nay. Nhưng ngược lại, Paul

Wallenberg coi như chẳng có chuyện xảy ra. Khi gặp nhau, anh ta vẫn niềm nở hỏi han như trước.

Thoáng nhìn thấy Kortner và Ulrich tại một chiếc bàn gần đó, Eric bèn nắm ngay lấy cơ hội quý báu. Anh đứng dậy, làm ra vẻ giận dữ vì bị quấy rầy, la lên khá lớn:

— Thưa ông Wallenberg, đã nhiều lần tôi yêu cầu ông đừng làm phiền tôi, nhất là tại những nơi lịch sự như nơi này. Tôi không có thói quen giao thiệp với những người Do Thái.

Wallenberg ngạc nhiên nhìn Eric. Sau đó, ông ta không nói một tiếng nào và rời khỏi căn phòng.

Ngày hôm sau, Eric nhận được một bức thư:

Tôi không tin rằng người bạn cũ của tôi có thể thay đổi nhanh chóng như vậy. Chắc chắn là người đó đang theo đuổi một mục đích gì rất là đặc biệt. Nếu tôi đoán trúng, tình trạng đoạn giao giữa chúng ta chỉ là tạm thời.

Cầu chúc bạn thành công.

W.

Eric đưa lá thư cho Ingrid coi. Nàng la lên:

— Trời đất! Anh ta hay thiệt!

— Anh ấy nhìn thấu tim đen của anh. Hy vọng tụi Đức không có thằng cha nào cừ khôi như anh ấy.

— Thì thằng cha Ulrich đó!

— Để coi.

Trong khi ngồi bàn đốt bỏ lá thư, Eric cũng sung sướng thầm nghĩ vậy là ít nhất còn có một người bạn thân hiểu rõ anh.

Ngón Tay Vương Giả

Ông Hoàng Charles Bernadotte là một người đàn ông cao lớn, đẹp trai khỏe mạnh, vừa tới tuổi ba mươi. Ông nổi tiếng là người giản dị bình dân, tính ưa thích mạo hiểm.

Erickson trình bày tất cả mọi diễn tiến câu chuyện sau cùng nhờ ông giúp đỡ. Anh nói:

— Nếu nhận lời, chắc chắn ngài sẽ gặp rất nhiều phiền nhiễu. Tôi chỉ là một thường dân, vậy mà nhiều lúc tôi đã tính bỏ cuộc...

— Tôi hiểu rõ những chuyện đó, nhưng không sao. Có điều không hiểu có đưa đến kết quả gì không?

— Tôi chắc chắn là sự giúp đỡ của ngài sẽ biến đổi tất cả bộ mặt câu chuyện.

— “Ngón tay vương giả” mà! Phải vậy không?

— Đúng thế! Trên thế gian hiện nay đâu còn nhiều ông Hoàng?

Ông Hoàng suy nghĩ một lúc lâu. Sau cùng ông nói:

— Tôi rất hân hạnh được giúp ông. Tuy nhiên còn một điều lo ngại, đó là về phía gia đình, nhất là ông chú Gustave của tôi. Sự thay đổi thái độ, tỏ ra thân Nazi sẽ làm cho ông ta gớm ghiếc. Tôi có quyền nói rõ bí mật cho ông ta hay, phải vậy không?

— Không những vậy mà ngài còn phải liệu lời ăn tiếng nói, ngay cả những lúc vắng vẻ, bởi vì chỉ một cử chỉ sơ xuất của ngài cũng đủ gây nên tai họa. Chung quanh Hoàng gia bây giờ đầy rẫy những thám tử của phe bên kia.

— Thật ra tôi cũng không có quyền kéo cả Hoàng gia vào vụ này. Thụy Điển vốn hiện là nước trung lập. Ông chú tôi có quyền trao tôi cho Mật vụ. Nhưng tôi nghĩ rằng, dù thế nào đi chăng nữa, tôi cũng phải giúp phe Đồng minh thâm nhập cuộc chiến hiện tại. Lương tâm của tôi bảo vậy.

— Đa tạ ngài.

Ngày hôm sau, Eric nói cho Kortner hay ông Hoàng Charles coi bộ bắt đầu ngã sang phe Nazi. Anh nói thêm:

— Chắc là những chiến thắng mới đây của nước Đức đã khiến cho ông Hoàng nhận thấy phải ngã dần thái độ trung lập sang bên phe sắp sửa chinh phục toàn thế giới, ông Hoàng tỏ ra thật thông minh thức thời, ông có muốn tôi yêu cầu ngài chuyển lời mời ông ta tới dùng bữa vào tuần tới hay không?

— Tôi rất hân hạnh được gặp gỡ ông Hoàng.

Kortner hân hoan trả lời. Trong trí tưởng tượng của anh Đức bình dân này, ông Hoàng là cửa ngõ để hẳn lọt về thế giới Hoàng gia cao quý lâu nay hẳn chưa hề được biết. Hơn nữa một ngày nào đó, ông Hoàng sẽ lên ngôi Vua trị vì xứ Thụy Điển và khi đó, chỉ một lời nói của ngài, chẳng hạn như ngài đích thân yêu cầu Quốc trưởng Hitler cho phép Kortner được quyền đại diện cho nước Đức bên cạnh Hoàng gia Thụy Điển. Thật còn hân hạnh, danh giá nào bằng?

Trong khi đó Eric bàn luận kỹ càng với ông Hoàng về việc phải làm.

— Chắc chắn là Kortner đã có một hồ sơ rất dày về tất cả những hoạt động của ngài từ trước tới nay. Nhất là về vụ ngài công du nước Mỹ và là khách danh dự của Tổng thống Hoa Kỳ tại tòa Nhà trắng. Cũng may là ngài chưa từng tuyên bố gì liên quan tới tình hình chính trị. Tuy nhiên chúng ta phải hết sức khôn khéo. Trước hết ngài hãy tỏ ra thân thiện với tụi Đức ở đây, đừng nên tuyên bố với những lời đặc biệt về Hitler cũng như chế độ Quốc xã vội.

— Tôi hiểu rồi. Ta chỉ nên mở rộng cánh cửa, sau đó, để mặc cho tụi chúng bước vô.

Vài ngày hôm sau, ông Hoàng làm một cuộc vi hành đầu tiên tới một địa điểm công cộng, nơi mà những người Đức vẫn hằng lui tới, đó là một

tiệm cà phê nổi danh ở tại Đại khách sạn của Stockholm. Vừa thấy bóng dáng ông Hoàng bước vô, bao nhiêu người trong tiệm đều quay đầu ra nhìn. Mọi người thì thầm nói chuyện. Họ đều quá sức ngạc nhiên.

Một người ngồi gần đó bỗng lên tiếng:

— Ê bồi! Cho tao một chiếc bàn khác. Nơi này hết sức khó thở.

Một vài người khác bắt chước, lục tục đứng lên. Ông Hoàng đỏ mặt định đứng dậy trả đũa. Nhưng Eric đã vội vàng ngăn ông ta.

Sực nhớ tới vai trò của mình, ông Hoàng bèn nói lớn:

— Tôi có quyền muốn đi đâu thì đi, muốn thân với ai cũng được.

Eric cũng nói:

— Xin ngài đừng để ý tới tụi ngu đần đó.

Kortner cũng chen vô:

— Một ngày nào đó, bọn chúng sẽ thay đổi thái độ, chúng sẽ quỳ xuống năn nỉ chúng ta hãy tha tội cho chúng.

Sau đó, mọi người kê đồ uống và Eric lái câu chuyện về đề tài dễ chịu, thoải mái như là cười ngựa, săn bắn, trượt nước, đàn bà con gái .v.v...

Trong bữa ăn, ông Hoàng tỏ ra rất chú ý đến Kortner. Thoạt đầu, Eric nghĩ mình nên thận trọng, không nên tỏ ra quá vội vàng. Nhưng một ý tưởng khác chợt nảy ra trong đầu anh: “Tại sao không nắm ngay lấy cơ hội? Chần chừ, ngần ngại có khi lại hỏng!”

Cho tới cuối bữa ăn, Erickson đã thành công trong việc ghi tên anh và Kortner vào trong số những thượng khách của bữa nghỉ ngơi cuối tuần tại Villa của ông Hoàng.

Kể từ đó, vốn tỏ ra ham thích săn bắn, câu cá, những trò tiêu khiển tại vùng quê, Kortner trở nên một vị khách thường xuyên của ông Hoàng, cùng với Eric và một vài nhân vật người Đức. Bruno Ulrich thỉnh thoảng cũng có tham dự, nhưng thái độ thù nghịch của hắn mỗi ngày một thêm rõ rệt.

Một bữa Ingrid bảo Eric:

— Mỗi khi hắn ta nhìn em, người em nổi hết cả gai ốc lên.

Eric phải an ủi vợ:

— Đừng lo ngại gì hết! Bằng đủ mọi cách chúng ta thế nào cũng vượt qua chướng ngại vật đó.

Tuy nhiên, Ulrich vẫn tỏ ra dửng dưng với tất cả mọi cảm dỗ. Eric cuối cùng phải tỏ ra nghi ngờ vai trò của hẳn ta “có lẽ hẳn ta có nhiệm vụ bí mật theo dõi Kortner, có thể chỉ có hẳn ta mới ảnh hưởng sự quyết định lại Berlin?”

Và Eric thay đổi chiến thuật, anh tỏ thái độ hết sức chân thành, cộng thêm một chút nâng niu tâm bực Ulrich. Một bữa anh bảo hẳn ta.

— Những công việc mà tôi đề nghị với ông rất ích lợi cho nước Đức. Tại sao ông ta lại từ chối?

— Tôi biết. Nhưng tôi đã nói rồi, ông là người Mỹ. Tôi tránh mọi chuyện nguy hiểm xảy ra.

— Nguy hiểm gì chứ? Tôi nghĩ ông không tin tưởng vào con người của tôi.

— Đúng như vậy!

Vậy là hết nói, hy vọng của Eric lại là Kortner.

Anh bàn luận cùng ông Hoàng, làm sao đánh thẳng vào tính tự ái của gã.

Một bữa sau khi đã cho con mồi hưởng thụ mọi lạc thú, Eric đến bàn giấy Kortner xin phép nhập nội Đức quốc.

Gã trả lời:

— Về phía tôi thì không sao. Nhưng còn Ulrich...

— Tôi biết. Nhưng tôi có cảm tưởng ông ta muốn tỏ ra là người có quyền uy hơn ngài, có lẽ vì vậy mà ông ta từ chối, hay là ngài làm ơn xin chỉ thị của Berlin để quyết định vụ này.

— Berlin? Tại sao phải xin chỉ thị tại Berlin? Chỉ thị là ở đây, do tôi chứ không phải do Ulrich quyết định.

Eric cười thầm. Anh thấy phải tố thêm một chút nữa:

— Tôi không dám để cho ngài bị rắc rối vì việc của tôi.

— Đừng nói bậy, ông bạn Eric! Chính tôi là người quyết định. Bao giờ ông xin đi?

— Càng sớm càng tốt, thưa ngài!

— Vậy là coi như xong!

— Cảm ơn ngài nhiều lắm, ngài Wilhelm.

Ngạc Nhiên Vào Phút Chót

Một buổi sáng cuối tháng Chín năm 1941 Ingrid đưa Erickson và ông Hoàng Charles ra phi trường Bromma. Trời bữa đó thật là đẹp. Tuy nhiên ai nấy đều bồi hồi, lo lắng, không hiểu chuyến đi này có trót lọt hay không.

Hai mươi phút sau đó, Eric vừa mới ngồi xuống ghế phi cơ, bỗng nhiên có hai người đàn ông bước lên phi cơ và nói với cô chiêu đãi viên hàng không:

— Chúng tôi muốn gặp ông Eric Erickson.

Người thiếu nữ tiếp viên đưa mắt nhìn viên đại diện hãng hàng không, đứng kế bên. Ông này gật đầu tỏ dấu bằng lòng.

Eric đứng dậy:

— Tôi đây. Có chuyện chi?

— Xin ông theo chúng tôi.

— Theo các ông? Các ông là ai?

— Cảnh sát!

Vừa nói một người vừa chia tấm thẻ hình sự. Eric la lên:

— Chuyện này là sao?

— Chúng tôi cần hỏi ông một vài chuyện.

— Nhưng chỉ còn 5 phút là máy bay cất cánh.

— Họ sẽ đợi ông.

— Nếu ông được phép đi sau đó. - Người cảnh sát đứng bên cạnh nói thêm.

Eric tức giận đi ra cửa:

— Chuyện gì mà kỳ cục quá vậy!

Người cảnh sát nói:

— Chờ một chút!

Eric quay lại, anh nhìn thấy viên cảnh sát đang xem xét chiếc ghế phi cơ anh vừa ngồi; trong khi người bạn của gã cầm lấy chiếc cặp của Eric.

Anh la to:

— Đưa cái đó cho tôi.

— Nếu ông muốn. - Gã lịch sự trả lời rồi đưa chiếc cặp da cho Eric.

Anh vừa tức giận lẫn lo sợ. Không hiểu tại sao cảnh sát Thụy Điển lại dính vô chuyện này? Hay là có nhân viên Mật vụ của Đức trà trộn vào trong đó. Biết đâu đây chẳng là *Coup de grace* (phát súng ân huệ) mà Ulrich dành cho anh vào phút chót?

Sau đó, Eric được dẫn vô một căn phòng. Hai người cảnh sát bắt đầu lục soát tất cả mọi vật trong cặp da và trên người anh. Thấy họ tìm đi tìm lại, hình như muốn kiếm một vật gì đó, Eric bực tức la lên:

— Các anh tìm gì? Bộ cảnh sát Thụy Điển nghĩ tôi buôn lậu hay sao? Tôi qua Đức vì những áp phe buôn bán quan trọng hợp pháp. Tại sao các anh lại nghi ngờ tôi?

Hai viên cảnh sát vẫn lặng thinh lục soát. Sau cùng không thấy gì họ đành bỏ ý định tìm kiếm. Một người nói:

— Xin lỗi ông! Chúng tôi bắt buộc phải thi hành lệnh trên.

Ra tới phi cơ, Eric vẫn chưa hiểu rõ vụ vừa rồi ra sao. Anh chỉ kịp đưa tay vẫy Ingrid và ông Hoàng. Cả hai đều tỏ vẻ lo lắng. Các hành khách kế bên cũng tò mò nhìn anh.

Trong lúc phi cơ rờ máy, Eric kín đáo quan sát từng hành khách. Không hiểu có người nào là nhân viên của Gestapo hay không. Anh nhận thấy có hai người khách người Ý và Thổ Nhĩ Kỳ. Còn lại đều là người Đức.

Phi cơ cất cánh. Eric nhìn ra ngoài cửa kính, anh đã qua lại phi trường này rất nhiều lần nhưng lần này bỗng dưng anh thấy giống như lần đầu tiên. Hay là lần cuối cùng?... Tất cả thành phố đang trải ra phía dưới, với những hòn đảo nhấp nhô, mặt hồ Malar lấp lánh dưới, ánh mặt trời, biển Baltique... Eric nhủ thầm, kể từ phút này cuộc chiến đấu của anh chống lại đế quốc Đức mới thật sự bắt đầu. Anh ngả đầu ra sau ghế thở dài: “Nghĩ cho cùng,

anh chỉ là một người buôn bán, du hành qua một nước láng giềng để tính công chuyện làm ăn. Có gì đâu mà phải sợ?”

Phi cơ bay là là trên mặt biển Baltique. Chẳng mấy chốc những cánh đồng màu xám của nước Đức hiện ra tại phía chân trời. Tiếng cô nữ tiếp viên vang lên: “Xin hành khách hãy buộc chặt dây nịt”. Sau đó, Eric cảm thấy phi cơ chao nghiêng xuống và lao nhẹ trên mặt đất, rồi ngưng lại, và cửa phi cơ mở rộng ra. Erickson biết chắc những ai đang chờ đón anh ở phía dưới.

Những nhân viên Gestapo.

Một Cuộc Hỏi Thăm Sức Khỏe Sơ Sơ

Eric biết rõ phi trường Tempelhof. Anh đã từng qua lại nơi đây. Nhưng biết bao nhiêu thay đổi kể từ ngày đó.

Anh có cảm tưởng quá nhiều cây cối mọc lên che lấp toàn thể phi trường. Phía dưới đám lá cây dày đặc là hàng đoàn phi cơ đậu dài dài. Một phi công Đồng minh chưa từng bay qua chốn này chắc không thể nào nhận ra. Trên mái tôn những kho hàng cũng vẽ hình cây cối. Những khẩu súng phòng không nằm giữa một đám dây sắt treo lủng lẳng cành lá.

Eric chú ý nhìn mấy nhân viên quan thuế. Họ đều lầm lì, cầm cúi lục soát. Người nào cũng đeo trên cánh tay một băng vải nhỏ, trên đề chữ SD. À phải rồi! Đó là những Sicherheitsdienst một loại Gestapo đặc biệt trong nước của Himmler, trùm mật vụ. Họ có phận sự tìm kiếm những kẻ phản bội Đức Quốc trưởng Hitler ở ngay trong đám dân chúng Đức, và những tên gián điệp ở trong đám dân ngoại quốc.

Hành lý đều được mở tung ra. Những tờ giấy visa được chuyển từ tay SD này qua tay SD khác. Danh sách hành khách được đem ra so lại cùng với một danh sách riêng, trong đó ghi tên những kẻ đáng nghi ngờ.

Đến lượt Eric. Mấy người SD đẩy anh vào một căn phòng nhỏ cạnh đó.

— Sẽ có xe hơi tới rước ngài. - Viên sĩ quan SD “mím cười” bảo anh.
Riêng Eric không sao cười nổi.

Năm phút sau, Eric cùng với hai người khách khác nữa ngồi phía đằng sau một chiếc xe Opel màu đen. Ghế trước có hai cảnh sát. Chiếc xe tiến về tổng hành dinh của Gestapo. Trên đường xe cộ ít ỏi. Chắc là tại thiếu ét-

xăng. Tất cả ét-xăng đều dành cho nhu cầu quân đội. Thành phố Berlin không được đẹp đẽ như xưa. Những dãy nhà trắng trẻo trước chiến tranh, nay trở nên đen đui, thô kệch vì những trò ngụy trang chống máy bay, những khẩu hiệu... Nhiều chỗ còn rõ rệt dấu vết bom đạn phi cơ Anh. Chỗ nào cũng có lính gác, dây kẽm gai...

— Xe ngừng trước một ngôi nhà màu xám: Prinz Albrechtstrasse. Nơi đây, xưa là một ngôi trường mỹ nghệ nổi tiếng. Khi Hitler lên cầm quyền, nơi này càng nổi tiếng hơn cùng với vai trò mật vụ Gestapo. Tất cả những trò tra tấn dã man đã xuất phát từ căn nhà lăm lì, đồ sộ màu xám đó.

Không phải chỉ những nạn nhân của chế độ Quốc xã bị tra tấn đến chết. Nơi đây còn chứng kiến những tên Nazi đầu não vì tranh dành quyền lợi mà giết hại lẫn nhau.

Eric sửa soạn tinh thần chịu đựng những giờ phút sắp tới. Những viên sĩ quan SD xem xét giấy tờ của anh. Họ chăm chú quan sát từng cử chỉ, điệu bộ của Eric: Sau đó, Eric được dẫn vô văn phòng Bá tước Franz Von Nordhog. Ông này sẽ hỏi cung và sau đó cho phép anh đi lại trong nước Đức.

Viên Bá tước Von Nordhog này chức vị ngang với một Trung tá. Nhiệm vụ của ông ta là kiểm soát tất cả những du khách ngoại quốc và đồng thời phái những nhân viên mật vụ như Kortner tới những Tòa Đại sứ của Đức khắp các quốc gia trên thế giới. Theo lời Kortner nhiệm vụ và chức phận của ông này còn quan trọng hơn thế nhiều. Được coi như cánh tay mặt của Himmler, mỗi một lời nói của ông Bá tước có một giá trị thật là quan trọng.

Đó là một người đàn ông cao lớn, tóc hung gọn gàng trong bộ quân phục màu xám. Ông ta lịch sự cúi người mời Erickson ngồi xuống một chiếc ghế da. Dáng điệu của ông ta thật là quan trọng, quan cách, nhưng cũng thật điệu với cặp mắt xanh xám, đầy vẻ thông minh chăm chú nhìn Erickson.

Hai người đàn ông khác đang ngồi đợi tại một tấm ghế dài, phía bên trên là bức hình to lớn của Hitler. Nhìn họ, Eric thấy quen quen hình như đã gặp ở đâu rồi.

Von Nordhog nói:

— Mấy ông này có cho tôi hay về vụ cảnh sát Thụy Điển làm phiền ông ở phi trường Bromma. Chắc là họ làm việc cho Mật vụ Anh.

Eric bấy giờ mới nhớ ra hai người đó là hành khách cùng chuyến bay với anh. Anh trả lời.

— Tuy nhiên họ không có lý do gì để giữ tôi lại.

— Ông đã được hộ vệ quá chu đáo, ông Eric.

Anh biết rõ Von Nordhog đã được báo cáo đầy đủ về chuyện xảy ra. Những cử chỉ tức giận của anh lúc đó xét ra rất có lợi. Tuy nhiên, Von Nordhog vẫn không chịu bỏ qua một cuộc tra hỏi hết sức cặn kẽ, về nguồn gốc, dòng dõi cũng như nghề nghiệp của anh. Bỗng nhiên ông ta hỏi anh:

— Tại sao một người Mỹ như ông lại muốn giao thiệp buôn bán với chúng tôi?

Và sau đó ông ta trải ra trước mặt Eric một tờ báo *Del' Angeiff*, trên đó có những hàng chữ đậm: *Tổng thống Rossevelt mong muốn nước Đức bị hủy diệt.*

Erick hùng hồn trả lời ngay:

— Chuyện này không liên quan gì đến tôi. Tôi là dân Thụy Điển, và là người buôn bán, không để ý gì tới chính trị. Công việc làm nào xét ra có lợi là tôi làm. Tại tôi muốn buôn bán với người Đức. Xin ông cứ nhìn những thành công liên tiếp của Đức Quốc xã là tìm thấy lý do. Chỉ người ngu si mới không biết nắm thời cơ.

— Tôi hiểu. - Von Nordhog nói bằng một giọng thật bình thản.

Ông đã đọc Mein Kampf chưa? Ông nghĩ gì về cuốn sách đó? Nếu Đức chiếm Thụy Điển ông có hài lòng không? Ông có chịu về Mỹ vì sứ mệnh do Đức quốc gia phó hay không? .v.v... Trong óc Eric nảy ra bao nhiêu câu hỏi tương tự như vậy. Anh nhận thấy khó mà trả lời một cách hoàn toàn suôn sẻ những câu hỏi đó. Điều cốt yếu là không đi quá giới hạn của một nhà buôn muốn giao thiệp với phe đang mạnh: có tương lai làm chủ cả thế giới. Phải làm sao ra vẻ thành thật, rất tin cậy vào chế độ Quốc xã. Đi quá giới hạn chỉ gây những nghi ngờ ở nơi con cáo già Von Nordhog.

Trong suốt buổi hỏi cung, Erick cố gắng giữ vẻ bình thản, nhưng vẫn làm cho Von Nordhog cảm thấy nổi nóng lòng của một kẻ chuyên môn áp phe nhìn thấy món lợi lớn nếu được làm việc cho phe Nazi

— Cuộc hỏi cung chấm dứt. - Bá tước Von Nordhog nói với Eric.

Họ đã dành sẵn cho anh một căn phòng tại khách sạn Eden và yêu cầu anh tới đó nghỉ ngơi trong khi chờ đợi quyết định chính thức.

Ngủ Cũng Là Cả Một Vấn Đề

Tại khách sạn, sau khi làm mọi thủ tục giấy tờ cảnh sát, công an, Eric được người bồi dẫn vô một căn phòng sau khi căn dặn anh đọc kỹ những chỉ thị liên quan tới báo động phòng không để trên mặt bàn ngủ. Anh dúm vào tay gã, số tiền bo và nói:

— *Danke!* Mà ở đây có xà bông và khăn tắm không?

— Thưa ông có! Nhưng chúng tôi chỉ phát cho mỗi khách hàng một khăn tắm và nửa cục xà bông. Thường thường, các khách hàng đều có thói quen mang luôn cả cục xà bông mỗi khi rời khách sạn.

Eric hiểu ngay Đức quốc đang bị những khó khăn về kinh tế, vật chất.

Sau khi tắm rửa, anh tính ra quán cà phê Unter dan Linden; một nơi anh quen biết đã từ lâu. Trong khi đi đường anh nhận thấy rất nhiều nhà cửa dinh thự bị bom đạn tàn phá. Không ngờ phi cơ Anh hoạt động hữu hiệu như vậy.

Tiệm cà phê cũng thay đổi hẳn. Bàn ghế rất nhiều cái bị hư hỏng. Eric gọi một ly cognac, nhưng người bồi mang tới ly Ersatz. Anh vừa nhăn mặt vừa uống. Eric tự nhủ, lần sau anh sẽ mang rượu của mình đi theo.

Đồ ăn cũng chẳng ngon hơn gì. Người chủ khuyên anh nên dùng một bữa *Kabeljan, Senftunke* - cá sốt mù tạt, anh gần như không nuốt nổi món ăn đó. Cuối cùng anh phải kêu khoai tây để cho đỡ đói.

Tất cả các tờ báo Đức đều loan tin về cuộc tấn công vĩ đại vào nước Nga của Đức, thành phố Leningrad đã bị chiếm đóng. Ngay tàn của Hồng quân Nga Sô coi như gần kề. Có cả những mục nhắn tin lăm lăm trên mặt báo chẳng hạn như: “Hai binh sĩ tiền tuyến cần trao đổi thư từ hẹn đi chơi

với hai thiếu nữ tính tình vui vẻ...” có một vài tin khác cũng làm cho Eric dễ tâm, đó là: Tám người Đức bị hành quyết vì tội “phá rối trị an”. Năm người khác vì tội phản quốc, gián điệp. Tất cả đều bị kết án kín, do Tòa án nhân dân. Eric nghĩ thầm: những nạn nhân đó chắc là đã vô tình hay đại dột lén nghe đài BBC hoặc bàn tán những chuyện bất lợi. Eric bỗng nhiên đưa mắt nhìn những người thực khách ngồi cạnh. Phần nhiều đều là dân ci-vin, người nào mặt mũi cũng khó đăm đăm. Chỉ có mấy người quân nhân là vui tươi, khoẻ mạnh! Lẽ tự nhiên, họ đâu có bị hạn chế khẩu phần ẩm thực. Eric nghĩ thầm lần, tới chắc anh phải mang theo mấy món đồ hộp. Cẩn thận vẫn hơn.

Anh trở lại phòng, khi đi qua những khu phố tối om, Eric lại cảm thấy dễ chịu. Anh đang làm quen với nhiệm vụ gián điệp của mình.

Người bồi bảo anh:

— Tôi khuyên ngài nên đi ngủ sớm. Tôi có cảm tưởng đêm nay máy bay của tụi Anh sẽ không để cho chúng ta ngủ yên đâu.

— Cảm ơn anh! Lời khuyên của anh coi bộ được lắm.

Trước khi đi ngủ, Eric chợt nhớ tới lời khuyên của anh chàng người Mỹ Mansfield: “Cẩn thận! Ông có thể nói làm nhảm trong giấc ngủ”. Từ trước tới nay, anh chưa hề bao giờ ngủ mê nói làm nhảm. Nhưng biết đâu lần này vì tình trạng thần kinh căng thẳng, anh sẽ buột miệng thốt ra vài lời nguy hiểm? Mấy người bồi khách sạn chắc đã được lệnh theo dõi từng cử chỉ nhỏ nhặt của những khách hàng như Eric.

Trước khi bắt đầu khởi hành mấy đêm liền Ingrid đã phải thức để canh anh ngủ, coi anh có nói năng gì trong lúc ngủ không. Kết quả tốt đẹp. Nhưng biết đâu đấy!

Sau cùng, anh làm 2 viên thuốc ngủ. Cho nó chắc ăn.

Berlin Trong Thời Kỳ Chiến Tranh

Giấy phép di chuyển không thể một hai ngày mà có được. Bá tước Von Nordhog bảo anh như vậy. Eric nhủ thầm, trong thời gian đó anh không nên làm gì vội. Anh bèn quyết định lợi dụng thời gian nhàn rỗi đi viếng thăm thành phố Berlin.

Anh đi bộ hoặc dùng xe điện đi từ phố này qua phố khác. Anh rất lấy làm ngạc nhiên vì rất nhiều nơi bị bom đạn tàn phá. Những hoang tàn đổ nát của khu Opéra khiến cho anh nhận ra một điều, không lực Đức đã quả yếu ớt không sao ngăn chặn nổi phi đội Anh dội bom. Thủ đô Đức quốc, Thư viện Quốc gia cũng bị trúng bom nặng nề. Đâu đâu cũng có những dàn ngụy trang cố gắng đánh lừa phi cơ Anh dội bom xuống những khu vực, dinh cơ quan trọng. Trên nóc nhà tại nhiều nơi có đặt súng phòng không. Những khu đất trống đều được che phủ để tránh phi cơ địch khởi căn cứ vào đó mà dội bom các nơi khác.

Trong đám đông qua lại, Eric nhận ra nhiều quân nhân trong bộ binh phục xám, xanh hoặc đen. Y phục của Đảng viên Quốc xã mang màu xanh nhạt, viền vàng. Cảm động nhất vẫn là những ngôi sao in hình David gắn trên ngực áo mấy người Do Thái, họ bắt buộc phải mang huy hiệu đó.

Khi đi ngang một tiệm tạp hóa, anh bước vô mua một bao thuốc. Bao thuốc mang nhãn hiệu của Mỹ: American Bridge. Anh hơi ngạc nhiên, nhưng khi hút thử, hóa ra thuốc nội hóa làm tại Đức. Tới một rạp chiếu bóng, Eric mua vé vô coi. Anh quá mệt mỏi nên cần một chỗ nghỉ chân. Chẳng cần biết phim hay dở ra sao, anh kiếm một góc yên tĩnh rồi lim dim

ngủ. Bỗng có tiếng động lớn làm anh giật mình, thì ra đến đoạn phim thời sự: tiếng súng nổ, bom rơi... khi hết đoạn phim, anh ngủ trở lại.

Đến khi giật mình tỉnh dậy lần thứ hai, anh bỏ ra ngoài, cảm thấy mệt mỏi hơn cả lúc bước vô.

Bên ngoài trời đã tối. Anh quay trở về khách sạn. Vẫn không có một tin tức gì mới mẻ. Herr Schoeff tên một người Đức ở chung phòng với anh cũng đi ra ngoài chưa về. Eric tắm rửa thay quần áo đi xuống quầy bar. Khi trở lên, gã người Đức đã có mặt, cả hai chưa kịp nói chuyện gì bỗng có tiếng còi báo động vang lên. Gã Đức vội vàng chạy ra phía cửa, tay vẫn cầm chiếc áo ngoài vừa mới cởi ra. Gã la to:

— Tại sao anh còn đứng đó?

— Ô! Vội vàng mà làm chi? Còn lâu máy bay địch mới bay tới.

Anh ở lại căn phòng một lúc rồi mới chạy ra. Không phải vì muốn tỏ ra can đảm, không sợ hãi, nhưng Eric muốn tìm thấy cái cảm giác mình đang sống và đang phải đương đầu với những cơn nguy hiểm, sau những giờ phút mệt mỏi, chán ngán.

Thoạt đầu anh nghĩ nghe thấy tiếng còi báo động réo lên thật khủng khiếp, đèn điện tắt ngấm. Tất cả thành phố chìm vào trong bóng đêm. Rồi những lần ánh sáng đèn dọi chiếu lên bầu trời, chéo đi chéo lại. Và tiếng súng phòng không bắt đầu xen lẫn tiếng bom nổ. Trần nhà rung chuyển. Qua khung cửa, anh nhìn thấy một chiếc phi cơ trúng đạn đang bốc cháy rồi lao xuống mặt đất. Eric lấy tay bịt chặt hai tai, và chạy vội xuống thang lầu.

Hầm trú ẩn tuy khá rộng nhưng đây chật người. Người ta đặt ghế ngồi, gối nằm cho từng người một. Eric ngồi ngay bên cạnh cửa hầm. Một người bên cạnh lên tiếng hỏi anh.

— Coi bộ anh chưa quen phải không?

— Đúng thế! Đối với tôi đây là lần thứ nhất...

— Vậy hả.

Người đó bèn giải thích cùng khuyên nhủ những điều anh nên làm. Anh nghe như cái máy trong khi đưa mắt nhìn những khuôn mặt phờ phạc, chán nản, xen lẫn vẻ lo sợ, nhẫn nhục chung quanh anh. Hình như tất cả

mọi người đều bận tâm về chuyện: Nếu chẳng may một trái bom rớt trúng căn hầm, bịt chặt mọi lối ra?

Khi hết báo động, Eric lên phòng cùng Herr Schoeff và không dùng thuốc ngủ như mọi lần trước, anh cứ thế thức suốt đêm, chờ đợi tiếng còi báo động bất thần réo lên.

Buổi sáng hôm sau, viên thư ký của Von Nordhog gọi điện thoại yêu cầu anh trình diện tại văn phòng Gestapo lúc 11 giờ. Viên Bá tước coi bộ rất vui vẻ.

— Herr Erickson, giấy phép của ông coi như đã được chấp thuận. Ông có thể tiếp xúc với những người ông cần gặp tại Berlin, Hambourg và tại hai thành phố khác nữa, tùy ông chọn, nhưng với điều kiện phải báo cho chúng tôi hay.

— Cảm ơn ngài!

— Tất cả những áp phe mà ông tính thực hiện sẽ phải qua trung gian văn phòng chúng tôi.

— Vâng! Lẽ tự nhiên là như vậy.

— Mấy người nhân viên của tôi sẽ lo liệu tất cả những giấy tờ cần thiết cho ông.

Đúng Rồi! Tôi Là Gián Điệp Đây

Cũng ngày hôm đó, Eric điện thoại tới nhiều dân áp phe tại thành phố Berlin, sau đó là những việc phải làm: Đi viếng thăm xã giao, dự những bữa ăn thân mật, tiệc tùng .v.v... Anh chưa thực hiện được một dự án nào nhưng tự nhủ trước hết phải kết giao với một số nhân vật mà anh nghĩ họ có thể giúp ích cho anh rất nhiều sau này.

Người đầu tiên Eric định kết nạp vào mạng lưới gián điệp của anh là Bá tước Gerhard Von Oldenburg, một tay junker có cổ phần hùn hạp tại một cơ sở dầu hỏa khá lớn và được cử làm nhân viên đại diện cho cơ sở này tại Ủy ban Dầu hỏa Quốc gia. Lẽ tất nhiên ông này không phải là một tay Quốc xã. Trước khi chiến tranh xảy ra, anh đã từng gặp ông này nhiều lần và được nghe những ý kiến chán nản của ông đối với những phương pháp của chế độ hiện tại đem ra áp dụng hồi đó, cũng là những mục đích của nhóm Quốc xã. Nhưng không hiểu bây giờ quan niệm của ông ta ra sao? Tuy nhiên cứ thử gặp ông ta xem.

Von Oldenburg tiếp đãi Eric thân mật nhưng chừng mực, ông ta luôn luôn tỏ ra sẵn sàng thủ thế trước mọi tấn công của anh, luôn luôn tránh né những vấn đề chính trị. Dưới mắt ông ta Eric tượng trưng một anh chàng Thụy Điển trung lập, một tay áp phe luôn luôn tính cách kiểm sao có được nhiều tiền. Thoạt đầu Eric cũng chỉ muốn chứng tỏ với ông ta anh đúng là một con người như vậy. Tuy nhiên, một buổi chiều, cả hai đang chuyện trò lãng nhãng tại bàn giấy của Von Oldenburg, lợi dụng khi bà vợ của ông ta rút lui khỏi phòng, Eric bèn quyết định thử thời vận của mình.

Vừa nhắm nháp ly rượu, Eric vừa thông thả nói:

— Lần tới, tôi sẽ mang biếu bạn một chai để thay thế chai này.

— Cảm ơn bạn! Nếu vậy thì hay lắm. Thứ rượu này hiện nay quá hiếm ở đây.

— Ông bạn chắc muốn nhớ lại những ngày vàng son xưa kia, khi hầm rượu chứa đầy những loại rượu còn hiếm hơn thứ này nữa.

— Dù sao, cũng thành thật nhận rằng tình hình ngày nay không tốt đẹp như mọi người đã hy vọng.

— Bạn nói thế nào chứ hiện nay quân Đức đang làm chủ toàn thể Âu châu.

— Chuyện đó cũng đúng nữa. Đúng như chuyện tôi đang nói hiện giờ.

— Tôi muốn thành thật cho bạn hay câu này. Hiện nay tôi làm áp phe với tụi Quốc xã chỉ vì... Ngoài họ ra đâu biết làm với ai? Tuy nhiên tôi không tin sau cùng họ là kẻ thắng trận.

— Còn tùy thuộc vào hai chữ “thắng trận”. Thắng trận nghĩa là làm bá chủ Âu châu, rồi thế giới? Không đâu! Tuy nhiên, nước Đức sẽ bành trướng, lớn mạnh hơn nữa, chắc như vậy.

— Tôi không hoàn toàn đồng ý. Nước Mỹ thế nào cũng nhảy vô vòng chiến, bên cạnh các nước Đồng minh. Và theo tôi, chuyện nước Đức chiến thắng cả Hoa Kỳ lẫn Đồng minh là một chuyện mơ hồ.

— Này anh bạn Eric! Nếu tôi là bạn, tôi sẽ cẩn thận lời ăn tiếng nói hơn thế nhiều.

— Bạn đừng lo cho tôi, Gerhard. Phải tùy hoàn cảnh, tùy người đối thoại. Tôi có cảm tưởng bạn không nói hết những gì ở trong đầu?

Von Oldenburg tỏ vẻ nghiêm trang, đề phòng:

— Tôi biết rõ nhiệm vụ cùng công việc của tôi. Ông bạn khỏi lo dùm.

— Theo tôi, nhiệm vụ của những người ý thức như ông là cố gắng chấm dứt cuộc chiến tranh này càng sớm càng tốt.

Von Oldenburg ngần ngừ một hồi lâu, sau cùng ông nói:

— Đúng như vậy. Anh bạn nói có lý. Một cuộc chiến tranh quá kéo dài chỉ đem lại thiệt hại cho nước Đức.

Ông ta tỏ vẻ thận trọng. Có thể ông ta nghi ngờ Eric là một tay sai của Gestapo cũng nên. Eric tính chơi sát ván:

— Này Gerhard! Bạn khỏi lo gìn giữ đối với tôi. Chúng ta quen biết đã lâu, từ trước khi chiến tranh xảy ra. Trước khi có chế độ Quốc xã này. Tôi tin chắc rằng, bạn không chấp nhận những mục đích mà Hitler đang theo đuổi? Chinh phục toàn thế giới! Để làm gì? Chính vì tin tưởng như vậy cho nên tôi mới tiếp xúc với bạn.

— Thật vậy sao? - Von Oldenburg vội vàng hỏi.

Tuy cảm thấy chắc ăn nhưng Eric thấy ruột thắt lại khi lật cây bài tẩy của mình lên:

— Gerhard! Tôi có câu chuyện thật quan trọng tính bàn với bạn. Có lẽ bạn cũng đoán ra một phần rồi: Tôi hiện đang làm việc cho phe Đồng minh.

— Bạn nói sao?

— Đúng như mọi người vẫn thường nói: tôi là một gián điệp. - Và anh giải thích thêm. - Tuy nhiên tôi chỉ là một người tự nguyện. Vì lòng yêu nước, một nước Đức chân thật không phải của riêng Hitler, tôi yêu cầu bạn hãy giúp tôi. Xin bạn hãy cố gắng giúp cho tôi được phép đi lại trên lãnh thổ nước Đức, đồng thời cho tôi biết những tin tức bạn tình cờ thu lượm được trong khi giao thiệp với các giới chức Quốc xã cao cấp. Nếu Đồng minh thắng trận - chắc chắn là vậy - Bạn sẽ được tưởng thưởng xứng đáng. Ngược lại nếu phe Quốc xã thắng trận bạn cũng không mất mát gì! Không ai biết chuyện này ngoài tôi và bạn ra.

Von Nordhog ngồi chết sững, chắc là ông không thể ngờ Eric dám liều lĩnh đường đột đưa ra đề nghị táo bạo như vậy.

Liệu ông ta có còn nghi ngờ Eric đang tìm cách “chơi” ông ta? Eric lo lắng chờ đợi. Dù sao thái độ yên lặng đối với anh là một hy vọng.

Sau cùng Von Nordhog từ từ đưa tay cầm ly rượu nhắm nháp, vài ngụm. Sau đó ông ta quay sang nhìn thẳng vào mặt Eric:

— Anh làm tôi quá kinh ngạc! Thật tình tôi không ngờ. Tuy nhiên, đề nghị của anh coi bộ rất hay. Trước khi chấp nhận hợp tác, tôi cần biết thêm một vài chi tiết quan trọng.

— Vâng, chắc chắn phải như vậy.

Trong thâm tâm, Eric mong muốn càng phải giải thích ít chùng nào đỡ nguy hiểm chùng đó. Tuy nhiên Von Nordhog không thể khinh xuất đến nỗi

chấp nhận ngay lập tức đề nghị nguy hiểm của anh: Làm sao thu thập càng nhiều càng tốt những tin tức liên quan tới công cuộc sản xuất dầu hỏa, chế biến nguyên liệu dùng cho máy bay, xe tăng... Đặc biệt là địa điểm những nhà máy lọc dầu, cách thức ngụy trang mức độ sản xuất. Đồng minh sẽ phải phi cơ oanh tạc tiêu hủy tiềm năng chiến tranh của quân Đức. Đó là cách rút ngắn chiến tranh hay nhất, đỡ hao tổn nhân mạng của cả hai bên.

Và Eric kết luận:

— Nếu tôi ký kết được những hợp đồng cho phép đích thân đi thăm những địa điểm lọc dầu, tôi sẽ nhân đó thu hoạch một số tin tức. Tuy nhiên tôi rất mong có được đa số tin tức nhờ nơi bạn và một số cộng sự viên khác nữa.

— Những người khác?

Von Nordhog giật bản người, giống như một con cọp bỗng nhiên cảm thấy nguy hiểm đang tới gần.

— Gerhard, bạn đừng ngại! Không một cộng sự viên nào của tôi được biết tên những người khác. Họ chỉ biết có tôi.

— Tuy nhiên, ông bạn vẫn phải lâu lâu lui tới gặp mặt tôi, mấy người kia sẽ suy luận ra. Nguy hiểm lắm.

— Tôi gặp cả lô người, làm sao họ biết được, và lại tôi chỉ lựa chọn thiếu số cao cấp.

— Nhưng bạn làm tờ trình về bên ấy ra sao? Trong tờ trình bạn phải nhắc tới tên tôi. Những tờ trình như vậy sẽ chạy từ Stockholm tới London và những nơi khác. Tội phản gián Nazi chắc sẽ truy ra.

— Tôi đâu có đề tên ông bạn. Thay vì tên tôi chỉ đề những bí số. Hơn nữa tôi đâu cần nhắc đến tên những cộng sự viên. Ngoài tôi ra, không ai biết ông bạn làm việc cho Đồng minh. Hơn nữa tôi đâu có đòi hỏi ông bạn phải đôn đáo đi tìm tin tức, ông bạn chỉ làm có một việc: đó là đóng tai nghe ngóng những lời bàn tán mỗi khi gặp gỡ những nhân vật Quốc xã này nọ. Phần vụ của tôi sẽ là kiểm chứng và bổ túc những tin tức đó.

— Tôi hiểu rồi.

— Lẽ tự nhiên, công việc này cũng đòi hỏi một chút can đảm, và cũng có những bất ngờ không ai tính trước được. Ông bạn có thể lắc đầu từ chối,

và im lặng chịu đựng, nhưng đó đâu phải là cách tốt nhất để giúp ích nước Đức.

Anh ngừng nói. Kinh nghiệm một người chuyên môn làm áp phe bảo anh nên kết thúc tại nơi đây. Cách tốt nhất vẫn là coi như món hàng đã được thuận vừa bán. Bây giờ chỉ còn vấn đề trình bày mẫu hàng:

— Này Gerhard, bạn có thể giúp tôi những tin tức về loại nào? Chúng ta nên bắt đầu bằng món hàng gì đây?

— Theo tôi, bạn nên chú ý đến những chất Lubrifianls (dầu nhờn cho vô máy).

Và sau đó ông ta hăng say trình bày những chi tiết. Vậy là xong. Eric vừa mới tuyến được cộng sự viên thứ nhất của anh.

Cả hai bàn luận thật lâu. Tới hai giờ sáng, Eric tính đứng dậy ra về, nhưng Oidenburg ngăn anh lại.

— Còn chuyện này.

— Gì nữa?

Giọng nói của Von Nordhog chứng tỏ đây là một vấn đề rất quan trọng, nhưng lại rất khó nói.

— Này Eric, công việc chúng ta đang theo đuổi rất nguy hiểm. Tôi không muốn tỏ ra bi quan nhưng anh bạn biết, chúng ta phải tính trước tất cả mọi chuyện nguy hiểm có thể xảy ra. Ông bạn có nghĩ đến trường hợp, một ngày nào đó, ông bạn bị...

Ông ta ngừng lại về chờ đợi. Eric bèn lên tiếng:

— Có thể như vậy lắm chứ! Nhưng nếu ông bạn đòi hỏi đảm bảo, chuyện đó lại càng nguy hiểm hơn nữa.

— Đúng thế! Nếu ông bạn chẳng may biến mất, lấy gì đảm bảo tôi đã hoạt động cho Đồng minh? Theo ý tôi, ông bạn nên viết một giấy chứng nhận tôi đã giúp đỡ ông bạn trong công tác này. Tôi sẽ cất dấu tờ giấy tại một nơi thật an toàn.

Eric lặng thinh suy nghĩ. Một tờ giấy quan trọng như thế có khác nào một án tử hình đối với anh, một khi tờ giấy bị khám phá? Hơn nữa, dù có nằm trong tay tờ giấy đó, Von Nordhog vẫn có thể đốt đi hay cất thật kỹ rồi

đi tố cáo anh sau đó? Tuy nhiên vấn đề Von Nordhog đòi hỏi rất hợp lý, phải chấp nhận nguy hiểm không còn cách nào khác.

— Này Gerhard, tôi bằng lòng thỏa mãn đòi hỏi của bạn. Tuy nhiên, bạn phải hứa với tôi một điều: Không ai ngoài bạn, được biết đến tờ giấy đó. Kể cả vợ con bạn.

— Được rồi! Tôi hứa chắc chắn với bạn.

Và Eric cảm cúi viết:

Tôi ký tên dưới đây, chứng nhận Bá tước Gerhard Von Nordhog, tại Berlin, đã giúp tôi những tin tức thuộc loại tối quan trọng. Thay mặt giới hữu trách Hoa Kỳ tại tòa Đại sứ Thụy Điển, tôi cam đoan với Bá tước Von Nordhog: Đồng minh sẽ tưởng thưởng xứng đáng cho ông ta sau này, khi cuộc chiến đã kết thúc. Tờ bảo đảm này được thành lập phòng hồ trường hợp tôi không may gặp nguy hiểm hoặc bỏ mạng, hay mất tích vì nhiệm vụ

Ký tên
ERIC ERICKSON.

— Xong rồi!

Von Nordhog chăm chú đọc tờ giấy. Cuối cùng ông ta nói:

— Cảm ơn anh bạn, Eric.

Hành Động

Trong lúc đi về khách sạn, Eric nghĩ thầm, giờ này, nếu Gerhard sau khi kiểm chỗ cất kỹ tờ giấy chứng nhận, ông ta liền gọi điện thoại tố cáo hành vi của anh với Gestapo, chắc là có người đang chờ anh tại phòng ngủ khách sạn. Anh bỗng mỉm cười khi nghĩ lại lời nói của anh lúc này với Von Nordhog: “Công việc nào cũng có nguy hiểm...”

Tới khách sạn, vô phòng, bật đèn, mọi vật vẫn như cũ, Eric thở hắt ra tỏ dấu dễ chịu. Anh càng thấy dễ chịu hơn nữa, khi biết tin gã Đức Herr Schoeff, ở chung phòng với anh, đã rời khách sạn. Căn phòng hoàn toàn thuộc về Eric. Đêm nay coi bộ phi cơ Anh nghỉ mệt, anh có thể yên tâm làm một giấc. Eric uống một viên thuốc ngủ, lấy chiếc khăn mùi soa buộc nhẹ quanh miệng để phòng những chiếc máy ghi âm có thể được gắn ở trong phòng. Một lúc sau anh ngủ lúc nào không hay.

Sáng hôm sau, Eric cảm thấy khỏe mạnh hơn bao giờ hết. Tuy nhiên, trong khi đi thăm viếng mấy nhân viên đại diện hãng dầu anh vẫn không ngừng băn khoăn về Von Nordhog. Ông ta đang tính toán gì đây?

Nhưng khi gặp lại Von Oldenburg vào buổi tối, ông ta đã dành sẵn cho anh một vài tin tức đáng giá. Erickson chắc chắn sẽ có được một vài kế ước cho phép anh nhập cảng dầu nhớt vào Thụy Điển.

Tuần lễ tiếp theo Eric gặp gỡ thêm một vài nhân vật người Đức trước chiến tranh đã có giao thiệp với anh. Trong số đó, Eric đã kiếm thêm được một hai người cộng sự, đặc biệt là Anton Reissner. Ông này hiện giữ một chức vụ phó Giám đốc trong một khu kỹ nghệ dầu hỏa. Một người khác, Rudolt Von Linden, một chủ nhà băng sáng giá đầu tư rất nhiều trong khu

kỹ nghệ trên. Những cộng sự viên của anh, một số hành động vì ghét chế độ Quốc xã, một số vì quyền lợi, hy vọng một ngày kia sẽ ở cùng phía với những kẻ thắng trận. Đó là một đảm bảo cần thiết đối với sự giàu có hiện thời của họ.

Ngoài ra anh cũng còn phải ký thêm hai bản án tử hình “chậm”, nghĩa là hai tờ chứng minh thư, cho hai cộng sự viên giống như trường hợp Oldenburg. Dù sao thì anh cũng đã quen với sự nguy hiểm rồi. Bây giờ mỗi khi đi đường, anh vẫn thỉnh thoảng ngoái lại về phía sau coi có bị theo dõi hay không. Khi muốn tới một địa điểm nào, anh thường hoặc đi qua luôn rồi sau đó rón rén trở lại, hoặc đứng trước cửa kính căn nhà đối diện, ngắm nghía đồ đạc trưng bày ở bên trong cửa hàng, để dòm chừng phía bên kia đường.

Đó là những phản ứng tự nhiên của một kẻ luôn luôn sống trong hiểm nguy. Sau hết anh có cảm tưởng chưa hề bị theo dõi. Có lẽ vì anh quá mới mẻ ở trong nghề cũng nên. Mặc dù vậy, Eric nghĩ thầm, chỉ khi nào anh bình yên xuống đất Thụy Điển khi đó những nghi ngờ, sợ sệt mới thực sự kết thúc.

Trong thời gian đó, anh thu xếp, ghi chú tất cả những tin tức, tài liệu liên quan tới vụ gián điệp Dầu hỏa này: nhất là địa điểm những xưởng lọc dầu, chế biến nguyên liệu. Sau mỗi lần ghi chú, anh học thuộc lòng mảnh giấy rồi đốt bỏ. Suốt ngày anh lăm nhăm những tin tức quan trọng, giống như một kẻ học trò học bài học thuộc lòng.

Một sự kiện tối quan trọng, đó là: vấn đề tiếp vận ét-xăng của quân đội Đức, tất cả đều tùy thuộc công tác sản xuất dầu hỏa hợp chế. Nếu Đồng minh sau khi đã kiểm soát, ngăn chặn những nguồn dầu hỏa thiên nhiên từ các xứ như Rumani nhập cảng vào Đức; trong trường hợp đó, sứ mạng của Eric lại càng trở nên quan trọng hơn: Giúp cho Đồng minh tiêu hủy những kho dầu hỏa hợp chế (Synthetique), nguồn tiếp vận sau cùng còn lại của nước Đức.

Nhờ những áp phe hợp pháp như: Mua dầu hỏa của Đức, trả tiền tại Thụy Điển; và tụi Đức sẽ dùng những số vốn đó để mua lại dụng cụ chiến tranh từ Thụy Điển, Erickson đã có dịp liên lạc trực tiếp với một số nhân

vật bự của chế độ Quốc xã. Thành công này thật là bất ngờ. Một vài người anh cũng đã có dịp gặp họ trước khi chiến tranh xảy ra. Thật khó đóng vai anh là một trong những kẻ ái mộ Hitler trước mặt họ. Cuối cùng Eric phải lựa chọn cho mình bộ mặt một kẻ chuyên môn áp phe, thấy chỗ nào có lợi thì mò tới. Thành thử da mặt của anh hình như mỗi ngày một dày thêm ra.

Otto, Klara & Hans

Eric ở lại Berlin vài ngày rồi đi Hambourg, một hải cảng có vị trí chiến thuật rất quan trọng, ngoài ra còn là một trung tâm kỹ nghệ với những nhà máy lọc dầu và xưởng sản xuất hóa phẩm chiến tranh. Nhiều nơi trong thành phố Hambourg vẫn còn giữ được những vẻ đẹp trước khi xảy ra chiến tranh.

Eric đi viếng thăm rất nhiều xưởng lọc dầu, những nơi chứa hàng. Anh mời những tay Giám đốc đi ăn tiệc, không ai tỏ vẻ nghi ngờ anh. Trong khi viếng thăm, Eric cố gắng nhận xét và ghi vào trí nhớ những chi tiết quan trọng. Trong khi đó, anh còn tìm kiếm thêm một số cộng sự viên. Một trong những người này đã Otto Holtz. Anh quen biết gã từ nhiều năm nay, một số lớn bạn thân của gã ngày trước là người Do Thái. Holtz là một tay có học thức, tính tình kín đáo. Khó mà yêu cầu gã đóng vai phản quốc. Tuy nhiên anh đã thuyết phục gã, giống như trong trường hợp Bá tước Von Oldenburg. Và sau cùng gã chấp nhận. Đối với Holtz, Hitler chính là kẻ thù của nước Đức. Trong bữa ăn chỉ có hai người, Holtz bảo Eric:

— Anh có thể hoàn toàn tin cậy ở tôi. Tuy nhiên, có chuyện này: Klara, vợ tôi chắc anh chưa gặp nàng bao giờ?

— Đúng vậy.

— Đây là bà vợ thứ nhì của tôi. Tôi mới lấy nàng sau khi ly dị bà thứ nhất.

Và hẳn ta đưa hình vợ cho Eric coi. Hình chụp ở bãi biển. Một người đàn bà thân hình nẩy nở, cân xứng trong bộ đồ tắm. Khuôn mặt trông khá

xinh. Chắc bà ta kém Holtz chừng hai chục tuổi. Gã tỏ ra rất hãnh diện vì chinh phục được nàng.

Eric nói:

— Thành thực khen ngợi anh. Nàng đẹp thật!

— Cảm ơn anh. Điều tôi muốn nói là Klara, nàng không biết gì về những tư tưởng chính trị của tôi.

— Anh muốn nói chúng ta không nên để cho nàng biết những chuyện này phải không?

— Cần nhất là nàng không biết. Nếu nàng biết là hư bọt hư đường hết trơn. Nàng là đảng viên đảng Xã hội Quốc gia cuồng tín, như đứa con của tụi tôi vậy. Thăng Hans được nàng nhét đầy những tư tưởng yêu nước theo kiểu Hitler. Nàng vẫn bắt tôi phải vào đảng nhưng tôi cương quyết từ chối. Nếu chúng ta để hở ra một chút là nàng sẽ báo Gestapo biết liền.

— Đừng sợ! Đối với người ngoài chúng ta chỉ là những kẻ hợp tác buôn bán đảng hoang, hợp pháp.

— Vậy là được.

Sau đó Holtz cho Eric biết những tin tức về những xưởng lọc dầu mà gã từng làm việc hoặc lui tới nhiều lần. Khi đứng dậy ra về, Holtz bảo Eric:

— Bữa nào anh tới nhà tôi chơi. Chiều mai nghe?

— Xong rồi!

Căn nhà của gia đình Holtz khá sang trọng. Đồ đạc bày biện trong nhà thuộc loại đắt tiền. Trong số những món đồ đắt tiền đó, vợ Holtz thuộc loại đắt nhất. Từ cách ăn mặc, quần áo cho tới dáng điệu cao kỳ của nàng, lâu lâu lại ngừng lại trước tấm gương trang điểm; tất cả những sự kiện đó làm Eric nghĩ rằng, nàng không phải là một người đàn bà trung thành với chồng.

Klara tiếp đãi Eric một cách niềm nở. Nàng hỏi anh rất nhiều chuyện về xứ Thụy Điển. Và tỏ ý mong mỗi khi chiến tranh kết thúc - nghĩa là khi Hitler đã đạt được thắng lợi trên toàn thế giới - nàng sẽ tới Thụy Điển du lịch.

Thằng nhỏ Hans trở về nhà đúng lúc ăn cơm. Tuy chưa tới 9 tuổi, nhưng thằng bé đã tỏ ra đúng là một thanh niên tương lai của nước Đức

ngày mai. Trong khi chào “*Heil Hitler*”, nó đưa mắt nhìn Eric tỏ vẻ khinh miệt, đúng là cái nhìn của giống dân cao quý đối với những người hạ tiện. Trong bữa ăn, thằng bé kể chuyện tại lớp học, nó đang đặc biệt theo dõi một thằng nhỏ khác mà nó nghi ngờ phản quốc.

Holtz la lên:

— Mà nói chi vậy?

Hans trả lời:

— Thưa ba, kể từ khi tụi Anh ném bom thủ đô Berlin, sáng nào thầy giáo tụi con cũng hô lớn trước khi ngồi xuống học: “*Gott Trafe England*”, tụi con phải hô theo. Nhưng thằng Klauss không chịu hô. Có lẽ cha mẹ nó thích người Anh hoặc làm gián điệp.

— Vô lý! Biết đâu nó đang còn ngái ngủ.

— Không đâu! Con chắc chắn nó không chịu hô. Nó chỉ mấp máy cái miệng nhưng không chịu hô to như tụi con. Bữa nào con sẽ báo cho nhà cầm quyền theo dõi gia đình nhà thằng Klauss.

— Tao cấm mày làm vậy.

Bà mẹ Hans xen vô:

— Otto! Anh không nên làm nản chí thằng Hans. - Và Klara quay sang đứa con,

— Hans! Nếu con chắc chắn thằng Klauss nào đó đã có những cử chỉ đáng nghi ngờ, bốn phận của con là phải báo cho thầy giáo hoặc nhà chức trách hay. Nếu con lầm, Gestapo cũng sẽ chứng tỏ thằng bé vô tội, và nó sẽ không sao cả.

Holtz la to:

— Tôi không muốn con tôi trở thành một tên chó săn.

Và gã tức tối đứng dậy đi lại trong phòng, Eric cảm thấy không nên xía vô. Anh ngồi yên lặng.

Sau cùng Holtz nói:

— Tôi cũng yêu nước như mẹ con các người vậy. Nhưng tố cáo một người bạn, làm phiền nhiễu cho người vô tội, chuyện đó thật xấu xa, vô lý.

— Nếu họ vô tội, họ đâu phải sợ hãi gì? - Bà vợ nói. - Hơn nữa, có rất nhiều người bề ngoài vô tội nhưng bên trong lại phản phúc. Báo bữa nay

loan tin sáu người Đức bị bắt vì tội phản quốc. Anh không đọc báo hả?

— Đúng, tôi có đọc. Có những người Đức phản quốc, đồng ý nhưng đâu phải nhà nào, nơi nào cũng có. - Holtz vừa nói vừa lắc đầu, ra dáng thất vọng.

Bà vợ Klara lên tiếng:

— *Ach*, Otto. Tôi nghĩ anh có nhiều tư tưởng quá lạc hậu. Nhưng thôi! Đổi qua chuyện khác. Ngày Herr Erickson, anh có biết chuyện thằng Hans được Fuhrer đãi tiệc? Không hiểu Otto có kể cho anh nghe chuyện này chưa?

—Ồ! Chưa.

— Thiệt đó! Cách đây vài tháng chúng tôi đến Berlin nghe mọi người nói chuyện, Fuhrer thỉnh thoảng vẫn cho mời thiếu nhi vô dinh đãi tiệc, tôi bèn cho Hans đi theo một toán. Nó là đứa trẻ nhất trong bọn.

Thằng Hans reo to:

— Bữa đó vui ghê! Fuhrer bắt tay từng đứa một. Người chơi đùa với tụi này. Người bảo nước Đức cần tới tôi, và tôi phải làm việc thật nhiều để tỏ ra có ích. Người hỏi tôi sau này lớn lên sẽ làm gì? Tôi trả lời: Làm phi công lái máy bay giết giặc. Người xoa đầu tôi nói: “Phi công hả? Tốt lắm!”

Eric đưa ý kiến:

— Đó mới thật là một kỷ niệm đáng nhớ.

Bà vợ Holtz cũng lên tiếng:

— Trong lúc chiến tranh như vậy mà Fuhrer vẫn còn thì giờ nghĩ đến thiếu nhi! Người hay thiệt.

— Đúng vậy! Thật là tuyệt diệu.

Tuyệt diệu nhất vẫn là bữa ăn. Đó là lần đầu tiên anh được ăn uống ngon lành như vậy, kể từ khi rời khỏi Stockholm. Trong khi ăn, Holtz và Eric kể lại những chuyện cũ trước khi xảy ra chiến tranh, cả Klara lẫn Hans đều chăm chú ngồi nghe, tỏ vẻ thích thú. Không khí trở nên dễ chịu nhưng Eric nghĩ thầm, cứ nói chuyện nhiều như vậy, có một lúc anh sẽ sơ hở để lộ một chi tiết không nên nói ra. May mắn, vừa tới đó, Klara đứng dậy đi sửa soạn giường ngủ cho Hans. Bà vợ cười với khách thật tươi trước khi rời khỏi phòng. Sau đó, Holtz và Eric cũng rời qua phòng làm việc của Holtz.

Gã nói:

— Ở đây, chúng mình có thể nói chuyện thả cửa.

— Theo tôi, khi hai người đó ở nhà, chúng ta không nên bàn chuyện gì hết. Tôi hiểu tại sao bạn cần dặn tôi phải đề phòng bà vợ Klara và đứa con Hans của bạn.

— Bạn nói đúng lắm!

Holtz than thở về tình trạng thiếu kém thực phẩm. Nhân câu chuyện gã nói cho Eric hay nguồn tin nhà chức trách Đức hiện đang áp dụng biện pháp tiêu diệt không những dân Do Thái mà luôn cả những người già yếu không còn khả năng sản xuất.

Eric ngạc nhiên:

— Mấy người già cả dân Đức cũng bị thủ tiêu? Gia đình của họ không phản ứng?

— Ô! Biết gì đâu mà phản ứng? Trừ những người già cả, bệnh tật thuộc giới quan trọng, những người thuộc giai cấp bình dân bị đưa tới những bệnh viện, những trại nuôi dưỡng dành riêng cho họ. Ít lâu sau, gia đình họ nhận được giấy báo tử, nhưng không nhận được xác. Theo tôi họ bị đem vô phòng hơi ngạt. Chung quanh những trại dưỡng lão thường có những xưởng hóa chất, những cơ sở quân sự chuyên môn. Mấy người nhân viên ở đó bị cấm giao thiệp với thế giới bên ngoài. Chắc là ngoài công việc chuyên môn, họ còn phải phụ trách việc thiêu hủy, biến xác chết thành phân bón.

— Khủng khiếp quá!

— Chưa ghê lắm đâu, mấy người dân bị bắt quả tang nghe đài ngoại quốc, nhất là đài BBC của Anh, còn chịu những hình phạt dã man hơn nhiều. Họ bị tử hình chậm, nghĩa là chịu những trò tra tấn, những hình phạt đưa đến một cái chết rất từ từ.

— Trời đất!

Holtz kể tiếp:

— Một gia đình người quen của tôi, có đứa con làm phi công. Một bữa gia đình họ nhận được giấy báo tin của đứa con: Phi cơ của gã bị bắn rơi, bốc cháy, không một ai nhảy ra ngoài, tất cả phi hành đoàn đều chết. Gia

đình họ bèn tổ chức đám tang nhưng không có xác chết. Bất ngờ họ lên nghe đài BBC, thấy loan tin con của họ bị thương xoàng và hiện đang bị bắt làm tù binh. Cả nhà mừng quá, nhưng biết tính sao bây giờ? Nếu hủy bỏ đám tang, tức công khai thú nhận đã nghe đài ngoại quốc. Họ bèn cứ tổ chức đám tang như thường, nhưng tối hôm đó, họ làm lễ ăn mừng kín đáo tại nhà, giữa mấy người thân.

— Hay thiệt!

— Còn chuyện này nữa. Bạn có nghe dân chúng kể chuyện câu đố: Phi cơ Hitler và ba tay tùy tùng Goering, Himmler và Gobbels bị rớt. Bốn người đều chết hết. Vậy ai là kẻ sống sót?

— Chết cả bốn thì còn ai là kẻ sống sót nữa?

— Có chứ! Kẻ sống sót chính là dân tộc Đức!

— Hà hà! Câu đố này vui thật.

— Công việc chúng ta đang theo đuổi chính là biến câu chuyện tức cười đó trở thành sự thực.

— Đúng vậy!

Và Eric cười đứng dậy:

— Thôi hẹn gặp lại ngày mai. Câu chuyện vui vừa rồi giúp chúng ta đêm nay ngủ ngon.

Tuy nhiên trước khi ra về, Holtz kịp nhớ ra và đòi hỏi Eric phải viết một tờ giấy chứng nhận giống như tờ anh đã viết cho mấy người kia. Eric cùng không nghĩ cách từ chối. Anh nghĩ thầm dù có thêm một cây gươm treo lủng lẳng trên đầu anh nữa cũng chẳng sao.

Trở lại Berlin, anh tới gặp Von Nordhog trình bày tất cả những công việc cũng như những kế ước anh đã đạt được. Gestapo bắt buộc anh phải thông báo tất cả những hoạt động của anh trên đất Đức. Sau đó, khi người thư ký đã ra khỏi phòng, Von Nordhog nhìn anh tỏ dấu khâm phục.

— Vậy là ông đã thành công quá sức tưởng tượng.

— Theo ý ngài, bao giờ thì những kế ước đó mới được áp dụng. Khi nào tôi và ông Hoàng Charles, người hùn vốn của tôi, có thể đặt tiền giao hàng?

—Ồ! Chắc chỉ vài tuần lễ sau. Trừ khi có những biến chuyển chính trị quan trọng. Tôi nghĩ là không có gì rắc rối nữa đâu. Chắc ông muốn trở về Stockholm bây giờ?

—Vâng! Tôi đã xin vé máy bay sẵn rồi.

—Được rồi! Để tôi lo một vài giấy tờ cần thiết cho ông.

Trước khi rời khỏi Đức, Eric gọi điện thoại tới những nhân vật đã ký kết giao kèo buôn bán với anh. Tất cả mọi chuyện đều êm đẹp. Tuy nhiên Eric có cảm tưởng anh đang bước lên trên một quả trứng. Liệu Gestapo có biết những hoạt động bí mật của anh hay không? Trong mạng lưới gián điệp của anh có chỗ nào “mỏng” quá, sắp sửa đứt lúc nào không hay?

Khi phi cơ cất cánh, Eric thở phào một cái. Dù sao cũng qua được một giai đoạn đầu.

Ngồi trên phi cơ, Eric có cảm tưởng anh vừa thoát ra khỏi địa ngục, trong khi lũ quỷ sứ vẫn còn nguyên, chưa kịp tỉnh giấc.

Kẻ Bị Ruồng Bỏ

Tờ trình đầu tiên của Erickson tới Hoa Kỳ được Sở Phán gián và Mật vụ nghiên cứu rất cẩn thận mọi chi tiết, rồi chuyển đi mọi cơ quan Đồng minh, lẽ tự nhiên là không có tên Erickson ký dưới bản tường trình. Khi tờ trình tới Bomber Command (nơi chỉ huy và ra lệnh đội bom) mọi chi tiết lập tức được ghi chú, làm thành từng phiếu, mỗi phiếu là một địa điểm cần oanh tạc. Nhà chức trách Anh quốc cũng có một bản liệt kê riêng của họ những nơi cần oanh tạc trước tiên. Theo lời Mansfield, nhân viên Mật vụ tòa Đại sứ Hoa Kỳ tại Stockholm, có thể những vụ oanh tạc xưởng lọc dầu sẽ chậm lại. Nhưng càng chậm bao nhiêu càng tốt cho Eric bấy nhiêu. Như vậy, người Đức càng bớt nghi ngờ anh hơn. Trong suốt mùa thu và mùa đông 1941 không có một cuộc oanh tạc nào nhắm vào các xưởng dầu, như thế là cuộc du hành của Eric qua Đức lần 2 chưa hề xảy ra.

Trong thời gian nghỉ xả hơi đó, Eric và vợ cùng ông Hoàng Charles vẫn tiếp tục đóng vai những kẻ chạy theo Đức. Họ chỉ còn một số bạn bè là những nhân vật người Đức hoặc những kẻ Mỹ theo Đức như họ. Cả ba trở thành mục tiêu phi nhõ của một số người quen thuộc. Nhiều khi họ cũng tức giận nhưng trong thâm tâm họ cảm thấy hãnh diện. Một ngày nào đó, mọi người sẽ hiểu và lúc đó, họ sẽ được đối xử như những người anh hùng.

Ngay khi Eric và ông Hoàng thực hiện những kế ước thương mại đối với người Đức, dầu hỏa bắt đầu chảy về Thụy Điển, và ngược lại người Đức cũng sử dụng số tiền hai người trả mở những trương mục mua các quặng kim khí. Những sản phẩm chiến tranh cần thiết và chuyên chở về Đức quốc. Đối với những loại dầu nhớt hảo hạng, Eric và ông Hoàng tìm

cách lén lút đưa lại cho người Anh sử dụng trong những mục tiêu quân sự. Thật đúng là lấy giáo Tàu để đâm Chệt! Gậy ông đập lưng ông! Tuy nhiên, bề ngoài người Anh vẫn ghi tên Eric và ông Hoàng lên trên đầu danh sách những kẻ chuyên môn buôn bán với địch.

Rồi xảy ra trận Trân Châu Cảng. Eric vẫn tin chắc rồi thế nào Hoa Kỳ cũng phải nhảy vào vòng chiến nhưng anh không thể ngờ được sự tham chiến đã khởi đầu bằng một cuộc thảm bại như vậy. Hơn một nửa chiến thuyền bị đánh chìm tại Trân Châu Cảng. Dù lấy quốc tịch Thụy Điển nhưng Hoa Kỳ chính là nơi anh đã mở mắt chào đời. Thế là từ nay dưới mắt những người Hoa Kỳ, anh đúng là một kẻ phản bội đáng khinh bỉ.

Cuộc tấn công Trân Châu Cảng của Nhật cũng gây cho anh một số vấn đề. Thái độ của anh phải ra sao đối với những người bạn Quốc xã hiện tại? Đám người đó tỏ ra hoàn toàn sung sướng về tin trên, nhưng còn anh, chẳng lẽ lại vỗ tay hoan hô những đồng bào đã chết dưới làn bom đạn của Nhật?

Eric bèn tìm cách trút hết tội lên đầu Tổng thống Rossevelt, thái độ quá hăng say hiếu chiến của ông bèn cạnh người Anh đã gây nên vụ thiệt hại đó. Đáng lẽ ông ta nên giữ thái độ trung lập.

Sự tham chiến của Hoa Kỳ làm cho Eric mất thêm một số bạn bè ở Mỹ quốc. Một người anh của anh viết thư yêu cầu Eric từ bỏ tất cả mọi liên lạc với Đức Quốc xã. Eric không trả lời. Và sau cùng anh nhận được lá thư thứ nhì, trong đó người anh của anh coi như không có anh ở trong gia đình nữa.

Sau lá thư đó, Eric càng cảm thấy mình cô đơn hơn. Anh, Ingrid và ông Hoàng Charles cả ba đều sống trong một thế giới thù hằn. Gần như không còn một người bạn thân nào muốn gặp gỡ họ. Có lẽ chỉ có một người trên đời nhờ trực giác mà hiểu anh đó là người bạn người Do Thái Paul Wallenberg, kẻ bị anh mắng mỏ từ chối quen biết ngay trước mặt mọi người. Eric chỉ mong một ngày nào lại có dịp xin lỗi anh ta.

Cuộc du hành qua nước Đức lần thứ nhì của Eric được thực hiện vào đầu năm 1942. Lần này anh chỉ ở Đức đúng năm ngày. Tuy nhiên tinh thần của anh căng thẳng hơn lần trước nhiều, hậu quả việc Hoa Kỳ tham chiến. Đó là bản án tử hình chậm cho anh, bởi vì dù muốn dù không, anh vẫn là

người sinh trưởng tại Hoa Kỳ. Có lẽ họ chưa loại anh vì anh là một kẻ có ích cho họ. Nhờ những kế ước buôn bán của Eric, Đức quốc đã mua được một số dụng cụ chiến tranh lớn lao tại Thụy Điển, đó là một cửa ngõ mở ra phần thế giới chưa bị họ thôn tính. Ngoài ra còn một yếu tố tâm lý: Người xưa vẫn thường nói “Thánh nhân đãi kẻ khù khờ”. Lần trước anh được may mắn là vì mới lờ ngó gia nhập vô làng gián điệp. Lần này chắc vì còn số đó đó nữa?

Anh không thu thập được tin tức quan trọng nào cả, và chỉ kén thêm được một cộng sự viên. Eric trở về Thụy Điển, trong lòng cảm thấy chán ngán vô cùng. Mất mát quá nhiều, thành quả chẳng bao nhiêu.

Nhưng các cuộc du hành của Eric sau đó (được thực hiện đều đặn) coi bộ khả quan hơn. Những cộng sự viên cho anh một số tin tức rất tốt. Phần nhiều là những tài liệu thật chính xác liên quan đến vấn đề dầu hỏa. Riêng anh cũng nói rộng thêm vùng hoạt động. Tất cả những thành phố kỹ nghệ quan trọng Eric đều đến ghé thăm. Anh còn muốn ghé viếng thăm Ploeshti ở Rumani, xứ hiện bị Đức quốc chiếm giữ và đang cung cấp cho họ một số dầu hỏa thiên nhiên quan trọng. Cho tới nay, chưa có cuộc oanh tạc những địa điểm sản xuất, lọc dầu do phi cơ Đồng minh thực hiện. Eric cảm thấy yên tâm hơn khi thu thập tin tức. Thỉnh thoảng ông Hoàng Charles cùng đi với anh qua Đức. Nhờ sự hiện diện của ông, anh có thêm một số liên lạc “bình phong” với một số yếu nhân đại diện cho Gestapo, những nhà kỹ nghệ lọc dầu... Hơn nữa những cuộc viếng thăm của ông Hoàng Thụy Điển là một thắng lợi ngoại giao đáng kể đối với chế độ Quốc xã; ngoài ra, còn đánh tan một số nghi ngờ nhằm vào Eric: Nếu là một gián điệp, không khi nào anh đại dột kéo thêm một đồng bạn vào miệng sư tử. Một con mồi cũng đủ rồi.

Ingrid cũng đòi đi theo qua Đức, nhưng anh từ chối. Cho tới giờ phút này, Gestapo vẫn chưa động đậy, như vậy không có nghĩa là họ không biết gì. Biết đâu họ cũng đang chờ đợi để chăng một mẻ lưới lớn? Biết đâu anh và ông Hoàng Charles đang chui đầu vào trong chiếc thòng lọng cũng nên?

Đúng như anh phỏng đoán, chiếc thòng lọng thắt lại: ông Hoàng Charles bị bắt giữ tại Berlin. Lúc đó Eric đang ở Hambourg, khi anh trở lại

Berlin thì được Von Nordhog cho biết tin. Sợ quá Eric kêu to:

— Bị bắt? Vì lý do gì?

— Nghe đài phát thanh BBC. Ông Hoàng tới thăm hai người bạn. Hai người này mở đài BBC, một người lảng giềng nghe thấy và báo cho Gestapo biết. Vài phút sau cả ba người đều bị bắt, hiện đang bị giam ở nhà tù Moabit.

Eric thở phào, tuy nhiên, anh nghĩ thầm, biết đâu sự thực không phải như vậy? Von Nordhog có thể bịa đặt để bắt luôn anh?

— Thật vô lý! Những luật lệ trong nước Đức chỉ có thể áp dụng cho dân chúng Đức mà thôi, ông Hoàng là một nhân vật ngoại quốc. Làm vậy gây rắc rối ngoại giao...

— Tôi hiểu! Nhưng nhập gia tùy tục. Chuyện thả tự do cho ông Hoàng rất khó, trừ phi có nhân vật nào quan trọng bảo đảm.

May mắn sao, Eric nhớ đến một người bà con của Goering, vốn là bạn thân của ông Hoàng. Anh bèn điện thoại cho ông ta. Ông này trình bày cho Goering hay những rắc rối ngoại giao có thể xảy ra nhân vụ bắt giữ ông Hoàng. Goering thấy có lý, bèn nghe theo và sau đó ông Hoàng được trả tự do cùng hai người bạn,

Khi gặp lại ông Hoàng, Eric cười nói:

— Ông làm tôi sợ hết hồn! Tưởng là cả bọn bị lộ rồi chứ.

— Xin lỗi! Tuy nhiên không phải tôi là người đề nghị hai ông bạn mở máy nghe đài BBC.

B24 Xuất Hiện

Ngày 12-6-1942 là một ngày đáng nhớ đối với Eric. Đài phát thanh loan tin một đoàn phi cơ B24 của Mỹ, cỡ chừng mười hai chiếc, xuất phát từ một phi trường ở Ai Cập tới oanh tạc các xưởng lọc dầu ở Ploeshti thuộc Rumani. Những địa điểm này là do Eric báo cáo vài tháng trước đây.

Các phi cơ đều mang bí danh HALPRO, gồm 23 chiếc, dưới quyền chỉ huy của đại tá Harry A. Halverston. Trước đó, họ có nhiệm vụ oanh tạc Nhật Bản, sau khi cất cánh từ những phi trường thuộc Trung Hoa. Nhưng đại tá chỉ huy sau đó được lệnh di chuyển phi hành đoàn qua Trung Đông để oanh tạc các xưởng lọc dầu. Các trái bom đều thả từ cao độ 250 tới 300 mét. Tuy nhiên, báo chí Đức mô tả thiệt hại rất nhẹ. Sau đó, Eric do các cộng sự báo cáo đúng như vậy. Nhưng đối với không lực Hoa Kỳ, cuộc oanh tạc trên kể như quan trọng, bởi đó là phi vụ chiến thuật đầu tiên kể từ khi xảy ra vụ Trân Châu Cảng. Eric tiên đoán sẽ còn có những phi vụ khác nữa. Anh chờ đợi những phi vụ oanh tạc các xưởng chế tạo dầu hỏa tổng hợp (pétrole synthétique) ngay tại Đức quốc.

Trong thời gian đó, Eric vẫn qua lại nước Đức thu thập tin tức. Ngoài hai chuyên viên gián điệp Mansfield và Bradley ở Tòa Đại sứ Hoa Kỳ ra, hiện giờ anh được biết có thêm một nhân viên OSS khác, bí danh là Philip Bowman cùng nhảy vô nội vụ. Người này, kể từ 1943 trở thành sếp liên lạc của Eric. Mỗi tháng anh gặp gỡ ông ta một lần, nơi gặp thường là vùng Grev Magnegatan hay Arsenalgatan. Tất cả các tờ trình của anh được bỏ vô những chiếc ống dài, rồi chuyển qua Anh quốc.

Cho tới nay xưởng dầu vẫn chưa là mục tiêu oanh tạc quan trọng. Đồng minh còn đang chú ý đến các căn cứ tàu ngầm, những căn cứ chế tạo bom bay VI, V2... Cho tới năm 1943, phi cơ Đồng minh chỉ chú ý đến việc oanh tạc các thành phố, cốt phá hoại các nhà máy kỹ nghệ và gieo ảnh hưởng hoang mang lo sợ vào đám dân chúng Đức.

Trong thời gian đó, Eric vẫn còn cảm thấy anh đang ở về phía những kẻ thua trận: Mùa thu 1941, khi Eric tới Đức lần đầu, quân Đức khi đó đã gần như làm chủ toàn cõi Âu châu, Thụy Điển coi như một trái chín vừa tầm tay nhưng chưa cần phải hái. Nước Anh hoàn toàn bị cô lập và nước Nga thì sắp sửa tan rã dưới gót giày Đức Quốc xã. Cứ theo đà đó, Eric nghĩ thầm, chẳng bao lâu, chính anh sẽ cảm thấy may mắn vì đóng vai phản bội cũng nên.

Tới mùa Đông, ngọn gió bắt đầu xoay chiều, thổi ngược lại phía quân Đức. Tại mặt trận Nga, quân Đức bị cầm chân tại bên ngoài Moscow và Leningrad.

Trong khi đi lại trên đất Đức, anh đã bắt đầu nghe thấy nhiều lời than vãn vì cuộc chiến kéo dài và những thất bại mỗi lúc một tăng. Tuy nhiên, sự nhảy vô vòng chiến của Nhật Bản đã làm cho “Khối Trục” vững mạnh thêm lên. Trong suốt năm 1942, quân Nhật tạo nhiều chiến thắng trên mặt trận Đông phương. Tại Phi châu, Tướng Rommel của Đức chiếm được Tobrouk và uy hiếp Alexandrie. Tại Nga Xô, quân Nga bắt đầu nao núng trước sức mạnh của chiến xa Đức. Nhưng đó chỉ là những ngọn lửa cháy bùng của một ngọn đèn gần tàn. Tokyo ăn bom hằng ngày. Trên mặt biển San hô chiến thuyền Nhật là mồi ngon cho phi cơ Mỹ. Tháng 11-1942, quân Nga bắt đầu phản công sau chính sách tiêu thổ kháng chiến, tạo cảnh vườn không nhà trống mặc tình cho quân Đức tiến sâu vô nội địa. Mùa đông ở Nga Xô thật không hợp với quân đội Đức, Napoléon cũng đã thua trận vì mùa đông tuyết giá. Quân Pháp, rồi bây giờ quân Đức gần như không đánh mà tan. Tại Âu châu, Tướng Montgomery thắng lớn tại El Alamein. Sau đó ít lâu, Đồng minh đổ bộ lên Bắc Phi.

Riêng về phần Eric, anh tỏ ra thất vọng vì Đồng minh hình như không tận dụng những tin tức do anh cung cấp. Các xưởng lọc dầu tại Đức vẫn

chưa bị hỏi thăm. Mục tiêu quân sự ưu tiên ăn bom vẫn là các đường hỏa xa tiếp vận, các nhà máy kỹ nghệ tại các đô thị... Tới mùa hạ năm 1943, phi cơ Đồng minh lại thực hiện một cuộc oanh tạc trên Ploeshti. Người ta coi đây là một cuộc không tập đáng kể trong suốt thời gian chiến tranh: 177 chiếc B24 tham gia, bay thật thấp ngay trên những mục tiêu được súng phòng không bảo vệ chu đáo.

Thiệt hại quá lớn: 54 chiếc bị hạ, 32 phi công bị chết hoặc mất tích. Nhưng kết quả cũng thật là khả quan. Nhưng tin tức thâm lường sau khi chiến tranh đã kết thúc cho thấy hơn 40% những cơ sở lọc dầu ở Ploeshti bị hủy diệt. Eric được biết quân Đức tổ chức ngay lập tức những cơ sở khác, đồng thời tu bổ những nơi bị hư hại nhẹ. Chỉ có những cuộc oanh tạc liên tục mới quyết định số phận của các cơ sở lọc dầu. Tuy nhiên, đó chỉ là ý kiến riêng của Eric. Các nhà chức trách quân sự Đồng minh vẫn chưa nhìn ra tầm mức quan trọng trong chiến dịch phá hoại các cơ sở dầu nhớt, ét-xăng... của Đức.

Nói cho cùng, nếu họ tận dụng tin tức do Eric thâm lường, liệu Eric có thoát khỏi tay Gestapo và sống sót tận giờ để kể lại cuộc phiêu lưu của anh cho độc giả chúng ta đọc hay không?

Trực Giác Đàn Bà

Trong thời gian viếng thăm Đức quốc, Eric làm quen được hai người đàn bà, không kể những vụ ái tình lẻ. Người thứ nhất tên gọi là Lisa Weber, con gái một viên chức Gestapo cao cấp. Kể từ đầu năm 1942, anh vẫn thường lui tới ăn uống tại nhà cô gái, và thường mang theo những món quà vừa đắt giá vừa hiếm hoi, khó tìm thấy tại nước Đức: Thuốc lá, cà phê, vớ, áo vét bằng da... Tuy nhiên, tình cảm của cô gái Lisa đối với anh hình như không bắt nguồn từ những món quà tặng: Bằng trực giác của một cô gái thông minh, nàng nhìn thấy con tim gián điệp của anh.

Lisa là một cô gái cỡ chừng 21, 22 tuổi. Nhan sắc cũng như thân hình của nàng ở trên mức trung bình rất nhiều. Anh chàng Eric gián điệp tài tử của chúng ta mặc dù còn bận lo thu thập tin tức nhưng vẫn không quên nhận ra những nét đẹp quyến rũ của người con gái viên chức cao cấp Gestapo. Ngay lần đầu gặp gỡ, tuy bị choáng váng vì nhan sắc của Lisa, Eric vẫn còn nhận ra một điểm là: Trong một buổi nói chuyện, cô gái không phát biểu một câu nào chứng tỏ nàng khoái chế độ Quốc xã hoặc nàng là một kẻ yêu nước cực đoan kiểu Hitler, coi dân Đức như là *race des seigneurs* - giống dân cao quý nhất trên hoàn cầu. Tuy có cảm tình với nàng, Eric vẫn dè chừng, biết đâu đó là cạm bẫy mỹ nhân mà Hugo Weber đã giăng ra dành riêng cho anh?

Những lần lui tới sau đó, nhiều khi chỉ có hai người trong phòng khách. Họ uống rượu cocktail, nghe nhạc. Eric không quên nói gần nói xa về vợ anh, ra ý với cô gái đừng có quá trốn xa hơn tình bạn.

Một bữa, trong khi đang ngồi uống rượu, nghe nhạc, nhân nói tới chế độ Đức Quốc xã, cô gái tỏ vẻ ghê tởm nhóm Nazi. Nàng hỏi:

— Chắc là anh sẽ rất hài lòng khi thấy một ngày nào đó cuộc chém giết dã man vì mục đích xâm lăng toàn thế giới này chấm dứt?

Eric thận trọng trả lời:

— Vâng. Nhưng một đôi khi thiên hạ giết nhau chỉ vì cần thiết. Đức quốc càng mau thắng trận chừng nào, cuộc chém giết càng ngừng đi chừng đó.

— Anh đừng nói loanh quanh. Cuộc thắng trận thực sự của nước Đức chúng tôi chính là sự tan rã của chế độ Quốc xã hiện tại.

Eric làm bộ cau mày khó chịu:

— Lisa, cô nói nhảm rồi! Vì ích lợi của cô, tôi bỏ qua những lời đó. Thôi, chúng ta đổi đề tài nói chuyện đi! Cô có thể cho tôi hay bao nhiêu kẻ đã chết vì nhan sắc của cô rồi?

Cô gái đăm đăm nhìn anh. Trong cái nhìn đó chứa đựng một câu trả lời: “Thôi! Tôi biết tổng anh ra sao rồi! Đừng giả vờ”. Nhưng thay vì câu đó, nàng trả lời:

— Anh biết rõ trong đời tôi chỉ có một người.

— Ai thế?

— Thừa người đó là ông, ông Eric Erickson.

— Chắc là vì tôi già rồi, không được tích sự gì cho cô ưa tôi, phải vậy không?

Lisa mỉm cười. Nụ cười của nàng chứa đầy dịu dàng, êm ái. Nhìn nàng, Eric không tin cô gái đang đóng kịch. Tuy nhiên làm sao biết được trái tim đàn bà ở chỗ nào? Ở trong đầu hay ở giữa ngực? May mắn thay (rủi thay cũng nên!) lúc đó có một vài người khách tới. Eric bèn đánh trống lảng:

— Thôi, chúng ta ra gặp họ đi.

Trong bữa ăn, Lisa không ngừng đưa ánh mắt triu mến gửi tới anh. Eric cảm thấy bối rối. Cho tới nay, anh đã qua mặt được hầu hết những nhân vật Đức Quốc xã, kể cả Gestapo, vậy mà cô gái này lại nhìn ra bộ mặt thực của anh. Phải chăng nhờ con mắt ái tình? Yêu anh, muốn anh cũng

như mình, cho nên nàng đã nghĩ rằng anh không thể làm gì khác hơn là thù ghét Nazi phải vậy chăng? Đưa mắt nhìn Hugo Weber, anh thấy ông ta cũng trạc tuổi mình, già hơn một chút. Nếu Lisa ghét Nazi, điều đó chứng tỏ nàng không kính trọng cha nàng. Trong trường hợp đó, khi thấy anh giao thiệp với người Đức, Lisa phải ghét lây luôn cả anh. Tại sao lại có thái độ tréo cẳng ngỗng đó? Chỉ có một câu kết luận: Nàng biết anh là gián điệp Đồng minh.

Nghĩ đến đó, Eric cảm thấy sợ hãi. Làm sao bây giờ? Hay là nói cho cha nàng hay những ý tưởng “ngỗ nghịch” của nàng. Làm vậy cũng nguy hiểm. Trước tiên, Lisa sẽ thù ghét anh, tố cáo chính anh mới là người có những tư tưởng phản động. Sau nữa, nếu cha nàng quá yêu chế độ Hitler, sẽ bắt nàng bỏ tù. Kết quả đó cũng chẳng đẹp đẽ gì. Tốt hơn hết là im lặng. Im lặng trước tư tưởng ngỗ nghịch và bất động trước những biểu lộ tình cảm của nàng.

Khi tan tiệc, Lisa đích thân đưa anh ra tới trạm xe điện. Những lần sau cũng tương tự như vậy. Một lần, trong khi đang chờ xe, bỗng nhiên Lisa nói:

—Tôi có một chuyện quan trọng nhờ anh giúp dùm. Trước hết, xin anh hãy nghe tôi nói hết lời, đừng ngắt ngang.

— Sẵn sàng.

— Chuyện này khá nguy hiểm. Mong anh hết lòng giúp cho. Tôi muốn nhờ anh làm cách nào đưa một người ra khỏi nước Đức, người đó là một ông giáo sư của tôi. Ông ta đang bí mật hoàn thành một tác phẩm thật vĩ đại, thật quý báu cho nước Đức trong tương lai. Tuy nhiên, tin tức bị lộ, hình như đã đến tai Gestapo. Tính mạng của ông ta chỉ tính từng ngày. Nếu không có ai giúp đỡ cho ông ta trốn ra ngoại quốc, công trình đó kể như tiêu. Mặc dù tính mạng của ông cũng đáng kể nhưng tác phẩm của ông ta còn quan trọng gấp bội. Eric, xin anh hãy giúp dùm.

Nàng cho biết tên và địa chỉ của ông giáo sư. Eric chết sửng. Mặc dù anh tin rằng Lisa nói thực, nhưng đây là một vấn đề sinh tử. Không phải riêng cho anh mà cho cả mạng lưới gián điệp của anh. Giúp nàng là một cách giúp chỉ cho Gestapo biết: Lạ ông tôi ở bụi này. Nhưng nếu từ chối là

phải từ chối thẳng thừng. Để cho nàng hy vọng tức là châm ngòi một trái bom nổ chậm. Rủi Gestapo bắt được ông giáo sư, lập tức anh cũng bị liên lụy. Khi trở về Mỹ anh sẽ nhờ Tình báo Mỹ lo vụ này. Họ sẽ tìm cách đưa ông giáo sư ra ngoại quốc qua một mạng lưới gián điệp khác.

Eric trả lời:

— Lisa, thành thật xin lỗi cô. Tôi biết rằng cô rất tin tưởng vào tôi khi nói cho tôi hay chuyện này. Nhưng tôi không thể giúp cô được. Lập trường chính trị của cô và của tôi không giống nhau. Nhiều lần tôi đã chứng tỏ...

— Eric! Xin hãy cởi bỏ chiếc mặt nạ đó ra. Tại sao anh không tin tôi?

— Đừng nghĩ vớ vẩn, Lisa.

Trong bóng đêm, Eric không sao nhận ra khuôn mặt cùng là thái độ của nàng lúc đó. Tuy nhiên, anh có cảm tưởng nàng vẫn giữ nguyên lập trường. Một lúc sau, Eric nghe nàng thở dài:

— Tôi hiểu anh.

Qua câu nói, coi bộ Lisa đành chấp nhận thái độ cứng rắn của Eric. Vai trò gián điệp của anh quá nguy hiểm, không thể nào vì nàng mà anh phải hy sinh bao nhiêu người khác.

Eric đành phải an ủi nàng:

— Tôi không tin ông giáo sư của cô sẽ gặp nhiều nguy hiểm đến nỗi mất mạng đâu. Tác phẩm của ông ta, dù quan trọng đến mức nào, cũng không có ảnh hưởng trực tiếp tới chế độ Quốc xã hiện nay.

— Theo tôi, - cô nói, - tác phẩm đó là dành cho nước Đức tương lai.

— Tôi thành thật khuyên cô hãy tỏ ra thận trọng, đừng nói với bất cứ ai những ý nghĩ của cô về chế độ Quốc xã, về chuyện vừa qua. Không phải ai cũng xử sự như tôi.

Và anh kéo nàng sát vào người anh rồi đè nặng lên môi nàng. Anh cảm thấy người nàng run rẩy. Chỉ có cách này mới làm nàng quên đi trong giây lát những tư tưởng chính trị.

Một lát sau, hai người rời ra. Eric lên tiếng trước:

— Chào tạm biệt Lisa. *Heil Hitler!*

— Chào Eric.

Về đến phòng, Eric còn cảm thấy bồi hồi cảm động. Ngay giữa con tim chế độ Hitler vẫn còn có một người con gái vùng lên phản đối, mặc dù gia đình cũng như môi trường đã nuôi dưỡng nàng. Lần đầu tiên anh cảm thấy đỡ cô đơn. Nàng còn cô đơn hơn anh nhiều. Bên cạnh anh, còn có ông Hoàng cùng chia sẻ những nguy hiểm, còn có Ingrid vỗ về an ủi những khi anh cảm thấy mệt mỏi, chán nản. Lisa có ai đây để than thở.

Khi trở lại Thụy Điển, Eric báo cho Bowman biết nội vụ và nhờ ông ta tìm cách giúp đỡ ông giáo sư. Nhưng ông giáo sư, chúng ta sẽ biết sau này, không cần tới sự giúp đỡ đó.

Marianne

Người đàn bà thứ nhì giữ một vai trò quan trọng trong quãng đời gián điệp của Eric là Marianne Von Mollendorff. Eric không lo sợ gì về nàng, bởi vì cuộc gặp gỡ đầu tiên của hai người do Sở Tình báo tổ chức. Marianne cũng hành nghề gián điệp như anh.

Sau những vụ oanh tạc, người Đức hay viếng thăm kỹ nghệ dầu hỏa. Eric chỉ được lui tới một số địa điểm đã được chỉ định trước. Nhiều xưởng lọc dầu ở ngoài phạm vi đi lại của anh. Máy tay chuyên viên mật vụ bèn tìm cách mang đến cho Eric một công sự viên đặc biệt.

Một bữa, trước khi qua Đức, họ đưa cho Eric coi một tấm hình thiếu phụ, và nói Marianne, tên thiếu phụ đó sẽ tìm cách liên lạc với anh.

Nàng điện thoại cho Eric khi anh tới Berlin. Sau những mật hiệu, họ hẹn gặp nhau để trao đổi tin tức.

Nhìn bức hình ban đầu, Eric lặng lẽ ngắm nghía một hồi lâu người đàn bà tóc nâu đỏ. Nàng thật đẹp. Eric hỏi:

— Nàng là ai?

— Marianne thuộc một gia đình danh giá người Đức. - Anh chàng mật vụ Bowman trả lời, - nàng đã sống khá lâu ở Anh và Pháp. Cha nàng rất ghê tởm chế độ Nazi. Nàng làm việc cho chúng ta đã lâu, rất đáng tin cậy. Anh hãy nhìn kỹ bức hình rồi sau đó đốt bỏ. Nàng hay được đám sĩ quan và những nhân vật cao cấp trong chính quyền Nazi mời mọc, tiệc tùng. Nhờ vậy nàng được biết khá nhiều tin tức quan trọng, Một nàng Mata Hari của chúng ta đấy, chỉ có nàng biết một số hiểu biết liên quan tới kỹ thuật lọc dầu, nàng sẽ theo đó mà dò hỏi tụi đại gái kia. Ngoài ra, nàng cũng có thể

cho anh biết những nhân vật thù ghét tại Quốc xã trong kỹ nghệ dầu hỏa. Anh sẽ có thêm một người hợp tác.

— Vậy tốt lắm!

Tuân theo đúng những điều căn bản của ngành gián điệp - dù là một gián điệp bất đắc dĩ, làm gián điệp theo lời yêu cầu - Eric không hỏi thêm gì về Marianne. Tại sao nàng quen biết những người như Bowman, tại sao nàng lại thích một nghề nguy hiểm như vậy. Anh nhủ thầm, nếu có dịp, anh sẽ hỏi ngay chính đương sự.

— Alo! Ai đó?

— Anh Eric yêu quý ơi! Em rất mừng thấy anh trở lại Berlin. Người tình yêu quý của tôi ơi.

Tiếng một người đàn bà bên kia đầu dây điện thoại. Eric đã biết rõ câu nói trên. Và câu trả lời:

— Nghe giọng nói của em, anh mừng quá! Anh mong được gặp em càng sớm càng tốt.

— Chiều thứ Tư gặp nhau nghe? Tại chỗ tại mình vẫn thường gặp nhau, chịu không?

— Chịu lắm!

Nơi vẫn thường gặp, theo chỉ dẫn của Bowman là một góc phố tại trung tâm Berlin. Eric tới đó trước 10 giờ đêm một chút, anh đã cẩn thận kiểm soát coi có bị theo dõi hay không. Anh đi vô một quán rượu, kêu một ly và ngồi nhâm nhi chờ đợi.

Một giọng nói êm ái cất lên sau lưng anh:

— Có phải anh đó không, con chim đại bàng hùng dũng của em?

— Đúng vậy, con chim bồ câu xinh xắn của anh ơi!

Sau những nụ hôn say đắm theo đúng thường lệ, Marianne đưa anh về căn phòng nàng đang ở. Đó là một khu nhà cho mượn. Mỗi người một căn riêng biệt. Marianne sau khi đã đóng cửa, nàng bèn kiểm soát căn phòng thật tỉ mỉ, và cho vặn radio che lấp tiếng nói của hai người.

Nàng ngồi trên chiếc ghế dựa, còn Eric ngồi tại ghế dài nhìn nàng, Eric thấy người thật nguyên bản - đẹp hơn tấm hình và linh động hấp dẫn hơn nhiều. Mớ tóc bông bênh như sương khói phản chiếu lấp lánh dưới ánh

đèn trông như mặt hồ nạm bạc. Trán nàng thật cao, cặp mắt đen láy biểu lộ sự thông minh. Eric nghĩ thầm: Đến bây giờ anh mới tìm thấy một cộng sự viên lý tưởng.

Để làm lễ ra mắt, Marianne kể cho Eric một vài tin tức về những mưu đồ quân sự sắp tới của quân Đức, tiềm năng chiến tranh của họ. Eric ngồi nghe và cố gắng cất kỹ những tin tức đó vào trong óc anh. Chỉ có chỗ đó là chắc ăn.

Rồi thế theo lời yêu cầu của anh, Marianne kể lại một số những tay chuyên môn trong kỹ nghệ dầu hỏa, những người này theo Marianne, có tinh thần chống đối Hitler. Nàng nói:

— Tôi không chắc họ bằng lòng hoạt động cho ta, nhưng tôi dám dờ đầu ra đảm bảo họ không bao giờ tố cáo chúng ta.

Eric mỉm cười trả lời:

— Để coi! Nếu đúng như vậy, tôi cũng mang đầu ra để bảo đảm. Bởi vì đầu của tôi cũng như đầu của cô.

Biết nàng có chồng, Eric cố gắng cư xử thật đứng đắn đối với nàng. Tuy nhiên, bề ngoài, họ làm đủ mọi cách ngụy tạo những lần gặp gỡ của họ như một cuộc ngoại tình, phòng ngừa Gestapo truy ra sự quen biết giữa hai người. Cẩn thận, Marianne dặn Eric:

— Tôi có một cái sẹo ở bụng, đó là “di tích” một vụ mổ ruột thừa. Nhớ nghe! Lỡ Gestapo có hỏi người tình của ông mắt mũi ra sao thì có cách mà trả lời.

Eric cười nói:

— Cô chu đáo thật. Về phần tôi, một nhúm lông mọc lộn xộn ở trên ngực, và một cái sẹo thật mờ ở phía bên trên đầu gối bên phải. Cô không nhận ra đâu.

— Chắc không? Tôi có tài quan sát từ nhỏ. Cái sẹo đó dài ngắn ra sao?

— Đây này. Đó là kỷ niệm một chú ngựa muốn chứng tỏ nó mạnh hơn tôi.

— Tội nghiệp cho chú ngựa, chắc là sau đó Anh cho ông chủ nhà hàng thịt săn sóc con ngựa thay vì cho gọi bác sĩ tới săn sóc cho anh! Phải vậy không?

—Ồ! Thì cũng đại khái như vậy.

Họ cảm mến nhau dần dần. Sự nguy hiểm thường trực của công việc họ đang theo đuổi cũng là nguyên nhân đẩy họ sát lại gần nhau thêm hơn lên. Mỗi lần gặp nhau, cả hai đều quên hết tất cả những nỗi phập phồng, sợ sệt. Ngoài những tin tức trao đổi, họ kể cho nhau nghe về cuộc sống riêng tư của mỗi người. Nói đại, nếu Gestapo khám phá thấy, cả hai người đều không lo thiếu chứng cứ để chứng minh mỗi tình lớn lao của họ.

Những Nỗi Băn Khoản Của Máy Ông Tướng

Đầu năm 1944, nhận thấy Đồng minh quá ơ hờ, gần như quên hẳn những tin tức do anh thu thập, nhìn lại cuộc đời gián điệp “thế theo lời yêu cầu” của anh, Eric cảm thấy chán ngán vô cùng. Anh mất tất cả, và bù lại anh không nhận được gì, kể cả lòng yêu nước thiêng liêng. Đối với tất cả mọi người thân cũng như sơ, anh là một người phản quốc, một kẻ bị quê hương ruồng bỏ, giống nòi khinh.

Đến nỗi, một bữa quá thất vọng, anh kêu to lên khi đang ngồi trước mặt Marianne:

— Phi cơ Đồng minh gần như không hề oanh tạc những xưởng lọc dầu. Chúng ta thật đúng là “những con dã tràng”.

Cũng thời gian đó, các vị tướng lãnh Đồng minh cũng đang đứng trước một vấn đề tương tự như vậy. Họ đang sửa soạn những cuộc tập mở màn cho chiến dịch mệnh danh là: “Opération Overlord” (sau này mọi người đều biết đó là cuộc đổ bộ lên Normandie). Máy vị Tướng lãnh Đồng minh bàn cãi không biết có nên lôi mớ tin tức của Eric từ đáy ngăn kéo ra để “thi hành” (cộng thêm vào đó là mớ tài liệu không ảnh), hay cứ để cho chúng yên ngủ và làm bạn với lũ bụi bặm?

Nếu Đại tướng Spaatz, Chỉ huy trưởng Phi vụ chiến thuật Hoa Kỳ, không tỏ ra cương quyết. Nếu Đại tướng Eisenhower Tổng Tham mưu trưởng lực lượng Đồng minh, không tỏ ra mềm dẻo. Nếu Đại tướng “Hap” Arnold, Chỉ huy trưởng Trung tâm hành quân không lực Hoa Kỳ, không cùng chia sẻ quan điểm với Đại tướng Spaatz. Nếu như thế tất cả những tin tức của Eric đều kể như “có cũng như không” và Eric chắc sẽ buồn lắm

(anh buồn đến nỗi không thềm kể lại câu chuyện phiêu lưu mạo hiểm của anh cho tui mình nghe. Có “chó” gì đâu mà kể?

Đại tướng Eisenhower quyết định dành tất cả mọi phi vụ cho những công tác thật quan trọng nhằm sửa soạn cuộc đổ bộ, những mục tiêu như thiết lộ cần phải oanh tạc trước tiên để tiêu hủy mọi phương tiện chuyển quân, tiếp tế đạn dược của quân Đức. Ý kiến của một số tướng lĩnh người Anh, người Mỹ lại cho rằng phải tiêu diệt khả năng không chiến của phi cơ Đức, để làm chủ vùng trời trên khu vực sắp đổ bộ.

Chính vì những lý do thứ nhì ở trên mà các tướng lĩnh lại nghĩ đến vấn đề phá hủy các xưởng lọc dầu, không có ét-xăng phi cơ Đức kể như què giò. Khoảng tháng Hai 1944, hội nghị sĩ quan cao cấp Đồng minh thuộc Sở Tình báo đã đi tới quyết định trên. Ngày 5-3-1944, Đại tướng Spaatz đệ trình lên Đại tướng Eisenhower một số những đề nghị liên quan tới việc phá hủy mọi cơ sở lọc dầu của Đức. Anh chàng Eric của chúng ta nếu được đọc tờ trình kể trên, chắc là thích thú lắm! Theo tờ trình đó, có hai phương pháp để cầm chân Không lực Đức, hoặc oanh tạc các phi trường phá hủy những chiếc Luftwaffe của Đức. Phương pháp này không hiệu quả cho lắm, bởi vì hệ thống phòng không của Đức và hơn nữa, các phi cơ Luftwaffe không lẽ cứ nằm yên chịu trận ở dưới mặt đất? Ngoài ra, Goering cũng đã ra chỉ thị bắt buộc Không lực Đức phải cấp tốc sửa chữa những thiệt hại do phe Đồng minh gây nên.

Thành ra chỉ có một cách hữu hiệu nhất để vô hiệu hóa Không lực Đức đó là tiêu diệt nguồn ét-xăng của họ. Không những phi cơ Đức bị nằm ụ, mà tất cả các hoạt động chiến tranh của họ cũng bị tê liệt theo. Cuộc đổ bộ nhờ thế sẽ dễ dàng hơn nhiều.

Trong tờ trình còn nêu rõ con số: Nếu cứ để cho ngành dầu hỏa của Đức hoạt động tự do, trong sáu tháng, con số ét-xăng được sản xuất là 8.500.000 tấn, khả đủ để cung cấp cho tất cả các chiến tuyến hiện hữu của Đức chống cự lại Đồng minh. Phi đội Thứ tám và Thứ mười lăm của Hoa Kỳ, với sự trợ giúp của Không lực Anh, có thể biến con số sản xuất ét-xăng ở trên trở thành nhỏ nhoi khiêm tốn hơn. Ý kiến của Đại tướng Spaatz cũng là ý kiến của Eric.

Tùy Đại tướng Eisenhower quyết định.

Ngày 25-3-1944, Đại tướng Eisenhower gạt bỏ ý kiến của Đại tướng Spaatz và ra lệnh mục tiêu ưu tiên được hân hạnh ăn bom là hệ thống xe hỏa, thiết lộ của Đức theo đúng quyết định của nhóm tướng lãnh người Anh. May mắn thay, quyết định trên vẫn có thể “tùy theo nhu cầu chiến tranh mà thay đổi”. Đại tướng Spaatz nhân sơ, đề nghị một số cơ sở dầu hỏa quan trọng “nên oanh tạc để thí nghiệm”. Đại tướng Eisenhower coi bộ không phản đối, nhưng chỉ thị, chỉ nên coi đó là những phi vụ “phụ trội” làm thêm, xen lẫn vào những phi vụ chính thức nhằm mục tiêu thiết lộ. Phi đội Thứ tám của Hoa Kỳ được lệnh thi hành những chuyến oanh tạc phụ này. Vị chỉ huy phi đội nói trên chỉ chấp nhận trên giấy tờ, nhưng từ chối thực hành quyết định. Ông ta không muốn các phi công của mình phải hy sinh thêm vì những mục tiêu phụ.

Spaatz và Arnold tìm đủ mọi cách để vượt qua trở ngại. Trên lý thuyết, phi đội 15 Hoa Kỳ, đặt tại Ý, được lệnh oanh tạc các xưởng dầu ở Ploeshti. Bởi vì Đại tướng Eisenhower đặt nặng mục tiêu hỏa xa cần phải thanh toán, tại sao không tiện thể oanh tạc thêm những xưởng lọc dầu ở ngay sát mục tiêu chính đó. Chẳng hạn, trong 10 trái bom dành cho thiết lộ, hãy chia cho mấy xưởng lọc dầu một hai trái. Tại Ploeshti ngoài những xưởng lọc dầu ra, còn có một số những nhà ga xe lửa nhằm tiếp tế mặt trận Nga Xô của Đức. Vẫn theo lý thuyết cứ 10 trái bom dành cho thiết lộ, thì có 1, 2 trái dành cho xưởng lọc dầu. Trên thực tế, các phi công được lời gửi gắm nên làm ngược lại, nghĩa là hãy săn sóc chiếu cố tận tình mấy xưởng lọc dầu.

Cuộc oanh tạc xảy ra ngày 5-4-1944. Đúng như kế hoạch, các trái bom đều “trượt” mục tiêu thiết lộ, và rớt vào mấy xưởng lọc dầu. Trong báo cáo, các phi công ghi nhận: “*Rất nhiều tiếng nổ phụ xảy ra.*”

Hai tướng Spaatz và Arnold, hân hoan vì kết quả trên, ra lệnh làm tiếp 1 vài phi vụ tương tự, nhưng khuyến cáo: nên xài loại bom cỡ lớn hơn. Ngày 15, 24-4 và 5-5 các phi vụ được thực hiện liên tiếp. Eric được mấy người quen ở Đức cho biết, thiệt hại rất là nặng nề. Mức sản xuất ét-xăng tại vùng Ploeshti kể như quá khiêm tốn sau mấy lần oanh tạc đó.

Ngày 17-4, Đại tướng Eisenhower ra quyết định, mục tiêu thiết lộ đưa xuống hàng nhì. Mục tiêu chính bây giờ là phá hủy phi cơ Luftwaffe của Không lực Đức “để cho cuộc đổ bộ sắp sửa xảy ra được dễ dàng hơn”. Spaatz lại tìm cách nài nỉ Eisenhower. Ông viện dẫn lý do bởi vì phi cơ Đức cần ét-xăng, hủy diệt các xưởng dầu tức là hủy diệt phi cơ. Đồng thời tránh được những trận không chiến rất dữ dội những khi oanh tạc các phi trường của địch. Đó là, bắn một phát tên mà hạ được hai con chim cùng một lúc.

Thấy hữu lý, ngày 19-1, Eisenhower ra lệnh cho Spaatz cứ thế mà thi hành. Phi đội thứ 8, dưới quyền chỉ huy của tướng Doolittle được chỉ thị hãy thực hiện những phi vụ lớn lao nhằm các mục tiêu dầu hỏa. Tuy nhiên, vẫn còn trở ngại: Các tướng lãnh người Anh khẳng khẳng bảo vệ ý kiến của họ, theo đó, cần phải oanh tạc hệ thống thiết lộ, nhằm cắt đứt mọi phương tiện chuyển quân về hướng bờ biển, có như thế, chiến dịch Overlord (chiến dịch đổ bộ xuống Normandie) mới hy vọng thành công.

Kết quả, Anh-Mỹ đi đến một quyết định hòa giải: Trong ba ngày đẹp trời, có thể phát xuất phi vụ oanh tạc, hãy dành cho dầu hỏa hai và dành cho đường sắt một.

Kết Quả

Tướng Doolittle - mặc dầu tên của ông, mỗi lần đọc, có nghĩa là: Hãy làm ít thôi! Do little! - nhưng trên thực tế, ông rất mau lẹ trong khi quyết định. Ngày 21-4, ông ta tính ném vào vòng chiến 804 oanh tạc cơ hạng nặng, 1.040 chiến đấu cơ. Tuy nhiên, vì lý do thời tiết, ông ta phải dời ngày xuất phát phi vụ kể trên.

Ba tuần lễ sau, ngày 12-5, cuộc oanh tạc vĩ đại nhất đã xảy ra, trong lịch sử công tác của Không lực Hoa Kỳ, các sĩ quan coi đó là: Cuộc oanh tạc thí nghiệm lớn lao nhất, quân Đức không bao giờ có thể ngờ phía bên địch dám đem ra thực hiện. Spaatz và Eric đều tiên đoán đúng: Phi đội Luftwaffe đành phải chấp nhận cuộc không chiến nếu họ không muốn các xưởng lọc dầu trở thành những miếng mồi ngon cho phi cơ Đồng minh mặc tình xâu xé oanh tạc.

“Vùng phụ cận Francfort... 150 tới 200 phi cơ địch xuất hiện”... Đài Radar báo cáo.

Vào khoảng hơn 800 oanh tạc cơ hạng nặng tới được mục tiêu chỉ định và thả 1.718 tấn bom xuống những xưởng chế tạo dầu hỏa hợp chế (synthétique) thuộc vùng Zwickau, Mersebourg-Lena, Brux, Lutzkendorf, Bohlen, Zeitj và nhiều khu vực khác nữa...

Phi đội thứ 8 Hoa Kỳ mất 46 chiếc oanh tạc cơ hạng nặng, 10 chiếc chiến đấu cơ không trở về căn cứ. Người ta ước lượng 190 chiếc phi cơ của Đức bị tiêu diệt trong những cuộc không chiến: Không lực của Đức đã cố gắng ngăn chặn những cuộc oanh tạc nhằm vào những khu vực dầu hỏa. Và kết quả, họ bị thiệt hại nặng nề cả trên trời lẫn dưới đất.

Trong báo cáo ghi lại hoạt động của không lực Hoa Kỳ hồi Đệ nhị thế chiến còn ghi thêm: <Kết quả vừa kể có một tầm mức thật quan trọng. Tất cả các mục tiêu chỉ định đều được chiếu cố tận tình, nhiều nơi hoàn toàn bị hủy diệt, bước đầu chiến dịch nhằm khóa chặt rô-bi-nê ét-xăng của Đức kể như thành công trên mức ước định.

Chỉ khi kết thúc cuộc chiến, mọi người mới hiểu rõ con số thiệt hại thực sự của cuộc oanh tạc: “Tại Mersebourg-Lena, những trái bom Đồng minh đã hủy diệt tòa nhà, nơi nghiên cứu việc sản xuất nước nặng (eau lourde) rất cần trong việc chế tạo bom nguyên tử”. Trong tờ trình sau khi chiến tranh kết thúc cho biết như vậy. Chính Đại tướng Eisenhower đã viết trong tờ *Croisade en Europe*: “Chúng tôi rất mong hủy diệt nền kỹ nghệ của Đức quốc nhất là kỹ nghệ dầu hỏa. Đại tướng Spaatz thuyết phục tôi rằng sự sút giảm số lượng dầu dự trữ là nguyên nhân chính đưa tới sự thất bại của phe Đức, chiến tranh càng thêm mau chóng kết thúc...”

Eric được cấp trên yêu cầu làm một bản danh sách những nhà máy, xếp theo thứ tự quan trọng nơi nào cần được ưu tiên oanh tạc, nơi nào đã bị phá hủy nhưng đã được thay thế, chỉnh trang... Trong vòng ba tuần lễ tiếp theo, cho tới ngày 6-6-1944 (Ngày đổ bộ Normandie), Không lực Đồng minh đã cày đi cày lại những khu vực dầu hỏa Ploeshti, Ruhland, Magdebourg, Zeitj, Politj và Mersebourg-Lena.

Kết quả khả quan đến nỗi, tại Mersebourg-Lena, chẳng hạn, chính Goebbels phải đích thân thăm viếng, vừa xem xét thiệt hại vừa đốc thúc dân công sửa chữa. Nhờ những cuộc nói chuyện cùng đám kỹ sư, và tin tức do những người cộng sự, Eric đã gửi tới lực lượng Đồng minh báo cáo tổn thất cùng thời gian tối đa quân Đức cần phải có để tu bổ những cơ sở lọc dầu.

Một viên Giám đốc nói với Eric:

— Thiệt hại thê thảm tới mức Speer, Giám đốc Chương trình sản xuất quân nhu đã phải chỉ định Edmund Geilenburg đại diện ông ta trong kế hoạch sản xuất dầu hỏa tổng hợp. Tuy nhiên khó mà tiến hành công chuyện...

Nơi nào cũng bị ăn bom hết trơn. Con số sản xuất dầu hỏa chỉ còn một nửa. Ngoài ra Đức quốc phải trưng dụng 120 ngàn người vào công cuộc tu bổ những nơi bị tàn phá. Nhà cầm quyền quân sự Đức chỉ cảm thấy hậu quả trên vào cuối mùa hạ. Eric càng sung sướng hơn nữa, sau này, khi anh được biết nhờ có anh mà Đồng minh đã tiết kiệm được rất nhiều nhân mạng: Phi cơ Đức Luftwaffe chỉ vì thiếu xăng nên đã bị cầm chân, không sao phản ứng trước cuộc đổ bộ lên bờ biển Normandie.

Đúng như Spaatz tiên đoán, phi cơ Đức chấp nhận cuộc không chiến, cố gắng ngăn chặn những phi vụ oanh tạc cơ sở lọc dầu, Trong tháng Năm, Đức mất 2.000 phi cơ chiến đấu trong những cuộc không chiến kể trên.

Vì đã biết trước cuộc đổ bộ thế nào cũng đã xảy ra, Goering di chuyển một số lớn phi cơ chiến đấu qua Pháp, sẵn sàng chờ đợi quân Đồng minh. Cuộc oanh tạc các cơ sở lọc dầu làm đảo ngược mọi dự tính. Hai tuần lễ trước ngày 5. Người Đức bắt buộc phải đưa Đệ tam phi đội trở về Đức nhằm ngăn chặn phi cơ Đồng minh phá hoại các cơ sở lọc dầu. Trong khoảng đầu tháng 6-1944, chưa bao giờ Không lực của Đức trên đất Pháp lại yếu kém như vậy, mặc dầu họ đoán trước cuộc đổ bộ sẽ xảy ra ngày một, ngày hai. Chester Wilmot, tác giả cuốn sách *La latte pour l'Europe*, đã viết: “Đồng minh tha hồ thao túng vùng trời trong vòng 48 giờ đầu tiên, khi cuộc đổ bộ đang xảy ra.”

Theo Rommel, thời gian kể trên rất quan trọng. Quân Đức có thể đẩy lui quân Đồng minh ra ngoài biển nếu làm chủ không phận trong thời gian kể trên. Nhưng họ đã không bao giờ có được sự may mắn đó.

Ngày 8-6-1944, trong lúc chiến trận trên đất Pháp đang dữ dội, Đại tướng Spaatz được phép tuyên bố công khai: Mục tiêu hàng đầu của không lực Hoa Kỳ là tiêu hủy kho ét-xăng dự trữ của địch. Ngoài Eric và ông Hoàng Charles ra, không ai đặc biệt chú ý đến lời tuyên bố được phát biểu trong một cuộc họp báo: *Dầu hỏa, ét-xăng luôn luôn là mục tiêu oanh tạc số một.*

Speer và Geilenburg cố gắng chạy đua với Không lực Hoa Kỳ trong nỗ lực tái lập và sửa chữa những cơ sở lọc dầu bị oanh tạc. Phải oanh tạc thường trực, mạnh mẽ cho tới khi chiến tranh kết thúc, đó là quyết định của

các tướng lĩnh Đồng minh. Hàng đoàn phi cơ Hoa Kỳ và Anh quốc thi nhau thả cỡ chùng trên 20 ngàn tấn bom xuống các khu vực dầu hỏa và kỹ nghệ của Đức: Hambourg, Vienne, Brême, Misburg, Buerseholfen, Osterneoor, Madgebourg, Ruhland, Moosbierbaum, Florisdorff, Poliz .v.v... Tháng Sáu 1944, số lượng sản xuất ét-xăng dành cho phi cơ giảm xuống chỉ còn 1/3 so với hồi tháng Tư, số lượng dầu hỏa chỉ còn một nửa: Con số tổn thất chính xác do không ảnh và những tin tức của Erickson đem lại.

Nhưng một sơ xuất đã xảy ra, Eric là người lãnh đủ. Theo nguyên tắc, những con số báo cáo tổn thất phải được giữ bí mật, để bảo vệ mạng lưới gián điệp sẵn tin. Một vị tướng Không lực Hoa Kỳ quá say sưa và kiêu hãnh vì thành quả do Không lực Hoa Kỳ gặt hái được trong một cuộc họp báo, đã đưa ra con số chính thức, khi được các phóng viên phỏng vấn. Lẽ tự nhiên Gestapo không thể bỏ qua sơ hở này. Người bỏ qua chi tiết đó lại chính là anh chàng gián điệp thể theo lời yêu cầu *espion sur commande* - tức là Eric Erickson. Người ta cũng quên thông báo cho anh.

Theo báo cáo của Đức, số lượng sản xuất ét-xăng phi cơ hồi cuối tháng Sáu chỉ còn 632 tấn một ngày, tức là 10% số lượng sản xuất hồi tháng Tư. Ngày 30-6, Speer gửi điện văn cho Hitler, trong đó nhấn mạnh, cơ sở sản xuất dầu hỏa, ét-xăng, cần phải được tái lập và bảo vệ che dấu cẩn thận nhằm chống phi cơ Đồng minh, nếu không, mọi sự kể như tiêu. Hitler và Goering đành phải ra lệnh di chuyển một số phi cơ từ mặt trận Normandie trở về phòng thủ các cơ sở lọc dầu. Kết quả là ba phần năm tổng số khu trục cơ Đức được tập trung tại Đức, chỉ còn 2/5 tại chiến tuyến. Nhờ vậy, các phi cơ Đồng minh “tha hồ quần thảo dọc theo vùng trời đất Pháp và vùng Pays-Bas, mặc tình thao túng, gieo kinh hoàng lên đầu quân sĩ Đức, tàn phá các trục giao thông, từ cầu cống, đường xe lửa cho tới tàu bè chuyên chở...” (G. Milmot, *la lutte pour l'Europe*) liên lạc giữa hậu phương với tiền tuyến bị chậm trễ, trắc trở, sức mạnh quân Đức càng ngày càng trở nên yếu kém, so với lực lượng Đồng minh. Cuộc chiến xe tăng là một thí dụ cụ thể: Đức quốc sản xuất quá nhiều xe tăng so với nhu cầu, mặc dù những tổn thất tại mặt trận, nhưng không làm cách nào để chuyên chở

những chiếc mới sản xuất tới mặt trận được. Hệ thống đường sắt kể như vô dụng dưới lưỡi bom Đồng minh. Trong cuốn lịch sử Không lực Hoa Kỳ (L'histoire officielle de l'aviation Américaine) ghi rõ: *“Ngay tại mặt trận, vì thiếu ét-xăng, quân Đức đã phải cho chiến xa nằm ụ, coi đó như một pháo đài bất động, thay vì di động. Cuối mùa hạ, họ đã vứt bỏ những đồng sắt vô dụng là xe hơi, chiến xa... và chạy bộ, chỉ còn đủ sức bảo vệ bộ quân phục, và cây súng cá nhân!”*

Quân đội Quốc xã, trong “hy vọng còn nước còn tát” cố gắng quật ngược thế cờ, tại mặt trận cũng như tại hậu phương Speer huy động 350 ngàn người thợ - phần lớn là người ngoại quốc - vào công cuộc tái thiết các cơ sở lọc dầu. Ông ta hy vọng phi cơ Đồng minh không kiếm thấy những cơ sở mới đó. Và Eric có nhiệm vụ chứng tỏ ngược lại. Không hiểu Gestapo có tha thứ cho anh chàng hay không?

Thay Đổi Chiến Thuật

Khoảng giữa năm 1944 số lượng sản xuất ét-xăng tổng hợp của Đức sút giảm trầm trọng.

Eric lo ngại người Đức sẽ từ chối mọi áp phe xuất cảng ét-xăng của anh. Nếu không có những lý do hợp pháp đó, anh hết còn hy vọng qua lại nước Đức. Cũng thời gian đó, Bowman, nhân viên OSS, mời Eric và ông Hoàng tới một biệt thự tại Grev Magnegatan để đàm luận. Trong cuộc họp còn có Mansfield và Bradley cùng tham dự.

Bowman nói:

— Này bạn Eric, nhiều trận đánh lớn sắp diễn ra trên toàn thế lục địa Âu châu. Nhiệm vụ của chúng ta là bằng đủ mọi cách, đẩy mạnh công tác phá hoại nguồn ét-xăng của địch. Phi cơ trinh sát của ta lo phần trên không, còn bạn lo phần dưới đất, Có nhiều cơ sở tại Đức nguy trang quá kỹ lưỡng, phi cơ không sao kiểm ra. Nhiệm vụ của bạn tuy rất khó khăn nhưng cũng rất cần thiết.

— Tôi hiểu. Nhưng có lẽ tôi không còn được phép qua lại nước Đức nữa. Speer chắc sẽ cấm chỉ mọi áp phe xuất cảng dầu hỏa, ét-xăng.

— Bởi vậy cho nên bạn càng phải hành động thật gấp trước khi xảy ra vụ đó.

Bradley đưa ra ý kiến:

— Không chắc người Đức hủy bỏ tất cả mọi áp phe buôn bán của bạn đâu. Số lượng xuất cảng quá nhỏ nhoi, hơn nữa làm như vậy tức là thú nhận tình trạng nguy kịch của họ.

— Giả dụ tôi vẫn còn được phép đi lại trên đất Đức. Trong một thời gian quá ngắn ngủi, tôi làm sao thân thiết được nhiều tin tức quan trọng như vậy?

Bradley nói:

— Hay là bạn thử đưa ý kiến nhượng lại cho Đức tất cả mọi cơ sở hiện có của bạn, đổi lấy một chức vụ quan trọng nào đó. Nhờ chức vụ này, bạn có thể qua lại nước Đức một cách hợp pháp?

Bowman nói:

— Không được. Quân Đức đang ở thế yếu. Làm vậy Gestapo sẽ nghi ngờ ngay.

— Còn những cộng sự viên người Đức của bạn thì sao? Liệu có người nào giữ một chức vụ quan trọng cho phép người đó đi lại, thăm viếng mọi cơ sở lọc dầu hay không?

Eric ngẫm nghĩ, rồi trả lời:

— Chắc không. Đa số đều giữ chức vụ bất động. Những người khác thì lại không phải là chuyên viên. May ra chỉ có Oldenburg nhưng ông ta chỉ đi lại giữa Hambourg và Berlin. Để tôi thử hỏi ông ta ra sao? Tuy nhiên chắc là không hy vọng.

Bradley bỗng la lên:

— Eric, bạn còn nhớ nhân vật bạn dự định đề nghị làm cộng sự viên ngay từ hồi đầu, nhưng ngần ngại, vì lúc đó Đức còn quá mạnh. Bây giờ, có lẽ được đó.

— Werner Olbricht?

— Đúng rồi!

— Có thể được. Lần tới qua Đức, tôi sẽ thử liên lạc với ông ta. Khó là, ông ta có thể cho chúng ta biết địa điểm những cơ sở mới, nhưng làm sao ông ta biết được những kế hoạch nguy trang những cơ sở đó?

— Để bàn tính lại coi.

Họ bàn tính trong vòng hơn tiếng đồng hồ nữa, nhưng không ai còn một ý kiến hay ho nào khác.

Ngày hôm sau, ông Hoàng Charles tới ăn cơm tại nhà vợ chồng Eric. Cả hai loay hoay bàn tán một hồi nhưng cũng không tới một kết quả cụ thể

nào. Bất chợt, một tia sáng loé lên trong đầu Eric. Anh kêu to:

— Đúng rồi! Thay vì vào trong hang hùm chúng ta hãy làm ngược lại, nghĩa là giữ mỗi dụ hùm ra ngoài hang.

Ông Hoàng mở to mắt:

— Ông bạn nói sao?

— Đây này, từ trước tới giờ chúng ta bàn áp phe với người Đức trên căn bản, họ bán dầu cho chúng ta lấy tiền mua đồ dùng cần thiết. Bây giờ, bởi vì họ đang thiếu dầu, ta cung cấp dầu cho họ.

— Nhưng chúng ta lấy mỏ dầu ở đâu?

— Ở Thụy Điển. Ở đây.

— Thụy Điển làm gì có mỏ dầu?

— Không, tôi muốn nói dầu tổng hợp. Để tôi nói rõ cho ngài hiểu. Chúng ta sẽ đề nghị với người Đức thành lập những xưởng chế tạo dầu hỏa tại Thụy Điển. Chắc chắn người Đức sẽ bằng lòng. Bởi vì Thụy Điển là nước trung lập, họ không sợ phi cơ Đồng minh tới oanh tạc, phá hủy nhà máy dầu. Thứ hai, nếu chẳng may người Đức thất trận, họ sẽ có thể kéo qua Thụy Điển tạm trú.

Ông Hoàng la to:

— Hay lắm! Kế hoạch của ông thật là tuyệt diệu. Chúng ta sẽ tha hồ thăm viếng các nhà máy dầu trên đất Đức, với một lý do hết sức chính đáng: Để trao đổi kỹ thuật, nghiên cứu phương pháp chế tạo dầu hỏa, nhằm sản xuất một loại dầu hỏa tuyệt hảo.

— Đúng thế, thưa ông Hoàng. Viện cố cần phải nhìn tận mắt phương pháp chế tạo mức độ sản xuất dầu tại Đức, tôi sẽ mặc sức thăm các cơ sở của họ.

— Hay thiệt! Đúng là một kế hoạch mang tên gãi đúng vào chỗ ngứa của ông bạn địch thủ thân mến người Đức của chúng ta.

— Thú thiệt! Tội mình sẽ kêu gọi mấy anh tư bản người Đức đầu tư. Để cho thêm phần long trọng. Hà Hà! Tôi chắc chắn mấy tay gộc Quốc xã cũng không ngần ngại bỏ tiền ra mua cổ phần. Lỡ một ngày nào Quốc xã thua trận, họ sẽ còn có chút tiền tiêu xài trong lúc lưu vong tại xứ Thụy Điển. Đồng minh thắng trận, các nhà máy sản xuất dầu của họ tại đây vẫn

tiếp tục hoạt động. Tụi mình sẽ “gạ” họ xây cất một nhà máy thật vĩ đại. Với số tiền lời, mấy me xừ Himmler, Goering sẽ tha hồ vung vít, ăn nhậu: “Để nhớ lại thời vàng son đã qua, khi họ còn làm mưa làm gió trên toàn thế hoàn cầu”.

Và Eric mỉm cười pha trò:

— Để tôi đánh điện mời họ tới bàn luận. Chúng ta sẽ xây cất một nhà máy “ma” thật là to lớn, vĩ đại.

Người Đàn Bà Định Mệnh

Sau khi bàn luận với mấy nhân viên mật vụ, OSS của Hoa Kỳ, ông Hoàng và Eric bèn soạn thảo “Chương trình trình diễn”, hay nói nôm na, họ bắt đầu tung ra “chiến dịch trái ba lông”. Gọi là chiến dịch ba lông bởi vì, với chương trình xây cất nhà máy “ma” ở trên, ngoài chuyện họ tha hồ hít gió, phần người Đức được hưởng chỉ là những trái bom của phi cơ Đồng minh.

Với sự giúp đỡ của Tòa Đại sứ Hoa Kỳ, cả hai soạn thảo những hồ sơ liên quan đến việc xây cất nhà máy ma. Theo đúng nhu cầu, kế hoạch phải được hỗ trợ của những tay tư bản Thụy Điển, trong số đó có những người quan trọng như: Lars Thulin, Giám đốc nhà băng Phát triển Nông thôn; Axel Edmar Phó Giám đốc Liên đoàn Công nhân Mỏ dầu. Cả hai còn “chế tạo” ra một lá thư của một nhân vật quan trọng thuộc nhà băng Quốc gia Thụy Điển, theo đó, Ngân hàng Quốc gia Thụy Điển sẽ bảo trợ hết mình một kế hoạch “hậu chiến” quan trọng như thế.

Để cho “y như thật” họ còn sản xuất những phúc trình liên quan tới những buổi họp “tưởng tượng” giữa những tay áp phe to lớn người Thụy Điển bàn về dự án hấp dẫn đó. Phúc trình nhấn mạnh: Cần phải giữ bí mật “tối đa” dự án, để tránh phản ứng của dân chúng về chuyện người Đức Nazi cũng có quyền đầu tư. Chính quyền Thụy Điển chỉ chấp nhận dự án vào phút chót, khi mà mọi việc kể như xong.

Công việc ngụy tạo hồ sơ xong xuôi, Eric và ông Hoàng quyết định không nên tới văn phòng Kortner để trình bày dự án. Bởi vì, Kortner sẽ mời Ulrich cùng nghiên cứu. Chắc chắn, Ulrich sẽ cho chìm xuống nội vụ. Và cả hai chấp nhận sử dụng phương pháp cổ điển: Kortner sẽ là thượng khách

độc nhất trong một cuộc ăn chơi cuối tuần tại miền quê, chẳng hạn vậy. Khó khăn nhất, vẫn là làm cách nào gạt Ulrich ra khỏi cuộc ăn chơi đó?

Ông Hoàng đưa ra ý kiến:

— Trong kế hoạch dự định này, cần phải có một người đàn bà. Một người đàn bà “định mệnh” xuất hiện đúng lúc để giơ tay dìu dắt Ulrich. Đi chơi với người đẹp chắc là thú hơn đi chơi với Kortner nhiều.

— Ý kiến đó hay lắm! Mặc dầu tôi rất lấy làm ân hận cho người đàn bà định mệnh đó.

— Vấn đề làm sao tìm thấy nàng?

Không thể giao việc này cho một em gái làng chơi được, vì tính chất quan trọng của vấn đề. Cả hai đã tính bỏ kế hoạch trên, may mắn sao, nhân một chuyến nghỉ cuối tuần có cả Kortner và Ulrich cùng tham dự, vào phút chót Ulrich điện thoại cho ông Hoàng xin phép vắng mặt, vì “bận việc”.

Ông Hoàng kết luận:

— Vậy là xong! Chúng ta chỉ còn có một việc là cầu chúc cho Ulrich được hưởng một đêm thật hoàn toàn hạnh phúc.

Đúng như dự đoán, Kortner nhảy ngay vô trong rọ. Trong chốc lát, Kortner đã vẽ xong một tương lai hậu chiến huy hoàng trong đó có hẳn ta. Và để tạm kết luận, Kortner thầm nghĩ: đến lúc đó, mình sẽ xin nhập quốc tịch Thụy Điển.

Sau khi nghe Eric giải đáp tất cả mọi thắc mắc, Kortner mừng rỡ reo to:

— Anh bạn giỏi thật! Dự án này thật quan trọng. Cấp trên của tôi chắc là sẽ không phản đối.

(Người kể chuyện quên một chi tiết: Kortner trong khi say sưa men tương lai, đã dùng chữ “Dự án của chúng ta” để cho thêm phần thân mật)

Tuy nhiên, tới thứ Ba, Kortner điện thoại cho Eric yêu cầu anh tới văn phòng gặp hẳn ta.

— Ông bạn đồng sự Ulrich của tôi coi bộ không tán thành dự án của chúng ta.

— Tôi nghĩ rằng ông nên trình bày và cố gắng thuyết phục người bạn khó tính đó.

Ulrich đưa ra một số lập luận chống đối: “Thứ nhất, một công trình lớn lao như thế đòi hỏi một thời gian khá dài. Ngoài ra, còn vô số những rắc rối bên cạnh, khó thực hiện nổi dự án”. Ulrich còn nhả nhủ Kortner: “Không nên dính vô áp phe đó. Thành công chưa thấy đâu ,nếu thất bại, ông sẽ lãnh đủ. Tiền mất tật mang (Ulrich ám chỉ số tiền đầu tư của riêng Kortner, cấp trên Kortner sẽ không tha thứ cho hẳn).

Kortner lại phải trở tài ăn nói để thuyết phục Ulrich, con người nhiều tham vọng và biết lo xa. Nào là dự án coi như xong rồi, chỉ chờ người Đức bật đèn xanh là khởi sự. Mọi rắc rối gì gì đi nữa cũng sẽ được giải quyết dễ dàng, vân vân và vân vân...

Kết quả là thái độ giận dữ của Ulrich. Gã nhảy lên khỏi ghế ngồi:

— Thưa các ngài, thảo luận mãi vô ích! Tôi không muốn dính vô chuyện này. Tuy nhiên, ông bạn của tôi có quyền hành động theo ý riêng của ông ta. Trách nhiệm ông ta gánh lấy một mình. Thôi chào! *Heil Hitler!*

Và hẳn bỏ ra về.

Vào phút chót, có hai vali ngoại giao được chuyển về Đức từ Thụy Điển. Một của Kortner, được chuyển thẳng tới Tổng hành dinh của Gestapo, và một của Ulrich, tới Bộ trưởng Ngoại giao. Tờ trình của Kortner, ngoài lời thỉnh nguyện xin đặc biệt cứu xét dự án còn kèm thêm một bản tóm lược công trình xây cất nhà máy ma của Eric. Còn Ulrich thì yêu cầu Bộ Ngoại giao nên can thiệp chấm dứt một câu chuyện không tưởng, tránh cho bao nhiêu người khỏi mất thì giờ vì nó.

Cơ quan Gestapo vẫn thường dẫm chân lên mọi cơ quan khác. Eric đoán trước, mặc dù Bộ Ngoại giao phản đối nhưng cuối cùng Gestapo nghĩa là Himmler mới là kẻ quyết định.

Một tuần lễ sau, Bá tước Von Nordhog cho Eric biết ông ta đang để ý tới dự án của Eric và muốn được bàn bạc thêm với anh về một số chi tiết. Eric bèn đáp phi cơ đi Berlin, với tất cả những đồ án xây cất nhà máy vĩ đại. Tại thủ đô nước Đức, Eric say sưa trình bày, giải thích từng chi tiết liên quan tới nhà máy ma của mình. Thính giả của anh gồm có Von Nordhog, và một số nhân viên cao cấp Gestapo. Tất cả đều đặc biệt chú ý đến công trình kể trên. Sau hết, Von Nordhog nói:

— Được lắm, Eric! Bây giờ ông bạn hãy tiếp xúc với Werner Olbricht coi phản ứng của ông ta ra sao.

Eric mừng thầm. Anh vẫn mong được gặp W. Olbricht. Lần gặp gỡ đầu tiên, hồi năm 1941, tuy anh có cảm tưởng ông ta không ưa chế độ Nazi nhưng bằng một trực giác bén nhạy, Eric tự bảo mình chớ nên thổ lộ công tác bí mật của anh: Người đàn ông thế lực này chưa đủ “chín” để đóng vai phản bội Quốc xã.

Hoàn cảnh đã thay đổi. Đế quốc Nazi sắp sửa tan rã. Một người khôn ngoan như Olbricht chắc chắn sẽ lưu tâm tới đề nghị của anh.

Lần gặp này, anh phải nghiên cứu cẩn thận. Chắc chắn Olbricht sẽ đưa ra nhiều câu hỏi hóc búa, nếu anh không giải đáp thỏa đáng, ông ta sẽ yêu cầu anh mang dự án về Thụy Điển nghiên cứu lại, cho nó hoàn bị hơn. Tốt nhất là vào đề ngay: Anh sẽ đề nghị một số lợi lộc Olbricht được hưởng nếu ông ta chấp thuận dự án. Tương lai của ông ta tại Thụy Điển một khi Đức quốc thua trận, đại khái như vậy.

Và Eric đã không ngần ngại gì khi cho Olbricht biết rõ nội vụ. Ông ta phản ứng thật dè dặt. Sau khi cặn kẽ nghiên cứu từng chi tiết một, Olbricht bằng lòng hợp tác. Ông ta sẽ chấp thuận kế hoạch xây cất nhà máy dầu ở Thụy Điển, đổi lấy một số tiền khá lớn lao và an ninh cho toàn thể gia đình của ông ta một khi Đồng minh thắng trận, về những tin tức liên quan tới các cơ sở dầu hỏa tại Đức, ông ta chỉ bằng lòng trao lại cho nhân viên Tòa Đại sứ Hoa Kỳ, thay vì giao cho Eric. Anh đề nghị ông ta tìm cách qua thăm Thụy Điển, lấy cơ quan sát địa điểm đặt nhà máy nhân đó nói chuyện thẳng với Tòa Đại sứ Hoa Kỳ tại Stockholm.

Chiều hôm sau, Eric, Von Nordhog và Dr. Teichmann - một nhân viên Gestapo khá quan trọng - tới dự tiệc tại nhà Olbricht. Eric dùng tiền của Sở Mật vụ để lo cho bữa tiệc. Ngoài mấy người nói trên còn rất nhiều nhân vật Gestapo khác, và một số viên chức trong ngành dầu hỏa. Nordhog công khai tuyên bố dự án của Eric. Tất cả đều hân hoan đón nhận tương lai mới cho “Chương trình sản xuất dầu” Dr. Teichmann hứa sẽ đứng ra xin phép cho Olbricht qua Thụy Điển xúc tiến dự án. Trong bữa tiệc, Todt, một nhân vật cao cấp bên cạnh Speer, Giám đốc Kế hoạch sản xuất dầu hỏa tổng hợp

tại Đức, đã vui miệng kể cho Eric nghe về một số nhà máy dầu mới được thành lập: “Lần này chúng tôi xây cất ở dưới mặt đất. Phi cơ Đồng minh hết cách oanh tạc”.

Sau bữa tiệc, Eric được phép qua lại Đức quốc, để “nghiên cứu, trao đổi phương pháp kỹ thuật nhằm phát triển công tác sản xuất dầu hỏa”. Nhờ vậy anh thu thập một số tin tức do các cộng sự viên đem lại. Ngoài ra, anh dành nhiều thì giờ gặp gỡ Marianne. Người đàn bà xinh đẹp đó đã giúp đỡ anh rất nhiều trong thời gian lưu trú trên đất Đức.

Một Viên Đá Nhỏ Có Thể Làm Hỏng Cả Một Bộ Máy

Trở về Stockholm, Eric kể lại tất cả diễn tiến câu chuyện cho nhân viên Tòa Đại sứ Hoa Kỳ, cộng thêm những tin tức tình báo do mạng lưới gián điệp của anh thu lượm được, Eric cũng không quên thông báo cho Kortner biết dự án nói trên được hân hoan đón nhận tại Đức. Bây giờ chỉ còn có việc chờ đợi kết quả.

Hai tuần lễ trôi qua, không có tin tức gì từ Berlin tới Eric đã cảm thấy nóng ruột. Một bữa Kortner gọi điện thoại cho anh:

— Eric, mạnh khỏe không ông bạn?

— Cảm ơn, tôi vẫn như thường. Wilhelm, có chuyện chi vậy?

— Có tin này muốn cho ông bạn hay: Chắc bạn còn nhớ anh anh Holtz, người mà bạn đã giao thiệp áp phe, buôn bán ở Hambourg. Hắn ta vừa mới chết bữa qua. Chết vì bệnh.

— Ủa, vậy hả?

Sau khi gác máy điện thoại, Eric mới nhận ra tầm quan trọng khủng khiếp của tin trên. Tờ chứng nhận do anh ký - bản án tử hình của anh. Lưỡi gươm Democlès, sau bao nhiêu ngày tháng treo lơ lửng trên đầu Eric, nay đã rút xuống. Trong óc Eric hiện ra khuôn mặt Nazi của thằng nhỏ Hans, vẻ đẹp lạnh giá chết người của Klara, vợ Holtz. Phải làm sao bây giờ? Sau khi chôn cất người chồng họ sẽ nghiên cứu giấy tờ của kẻ đã chết, và kiếm thấy tờ chứng nhận quái ác kia. Cả một mạng lưới gián điệp sẽ tan tành.

Trở qua Đức tìm cách ngăn chặn. Phải kiểm tra tờ giấy trước khi Klara tìm thấy. Nhưng nếu họ đã tìm thấy, trở qua Đức tức là chui đầu vào chiếc thòng lọng đã giăng sẵn, chỉ còn chờ thắt lại. Nếu không đi Đức là hủy bỏ toàn bộ kế hoạch nhà máy ma. Eric tự mắng mình có sao lại ngu muội đến nỗi không hỏi coi Holtz cất giữ mảnh giấy tại chỗ nào. Tình trạng của anh lúc này chẳng khác gì một gã sát nhân sau khi thực hiện án mạng tuyệt hảo, về đến nhà rồi mới nhớ ra bỏ quên cây dù có khắc tên mình bên cạnh nạn nhân.

Chỉ có Ingrid là tỏ ra khoan khoái:

— Vậy là xong! Sự nghiệp gián điệp của mình kể như kết liễu. Em khỏi phải lo lắng sợ sệt mỗi khi mình qua bên Đức nữa.

— Đâu được! Kế hoạch xây cất nhà máy diễn tiến rất tốt đẹp. Và chẳng chắc gì vợ Holtz tìm thấy mảnh giấy. May ra anh còn đủ thì giờ qua bên đó tiêu hủy tang chứng nguy hiểm trước khi cô ta hiểu rõ mảnh giấy nói gì.

— Nhưng biết đâu cô ta tìm thấy rồi!

— Đành phải chấp nhận nguy hiểm. Chỉ còn có một lối thoát đó là trở qua Hambourg càng sớm càng tốt.

Gạt qua những lời phản đối của vợ, Eric tìm gặp Bowman, Bradley và Mansfield nói rõ nội vụ.

— Tôi sẽ qua đó nói dối bà vợ của Holtz, khi còn sống ông chồng cô ta và tôi dự tính chung lưng thực hiện một áp phe thật quan trọng, tiền lời thu về rất lớn lao. Nhân đó tôi sẽ giúp cô ta thu xếp, nghiên cứu giấy tờ, hồ sơ của chồng cô ta để lại... Hơn nữa, bà vợ Holtz hình như cũng không tỏ vẻ thù ghét một người Thụy Điển như tôi. Hy vọng, may ra...

Bowman thận trọng khuyên:

— Kế hoạch coi bộ cũng được. Tuy nhiên không ai đoán trước hậu quả sẽ ra sao, bởi vì vấn đề quan trọng vẫn là: Bà vợ Holtz đã tìm thấy hay chưa mảnh giấy giết người kia. Cho tới nay, anh đã giúp chúng tôi rất nhiều rồi. Nếu anh bỏ cuộc, không ai trách cứ gì anh hết. Nên nhớ anh chỉ là một gián điệp tự nguyện.

— Trong việc này không phải chuyện tự nguyện, yêu cầu hay bắt buộc. Lương tâm tôi bảo tôi phải đi cho tới cùng, cho tới giờ này ông thần may mắn vẫn còn mỉm cười đối với tôi.

— Vậy tùy anh. Tuy nhiên hãy hết sức cẩn thận. Trong khi chưa kiểm tra mảnh giấy, chớ tìm gặp bất cứ một người cộng sự nào. Chúng ta phải tính cả trường hợp Gestapo đã biết rõ nhưng vẫn thả lỏng cho bạn được tự do để bắt trọn ồ.

Bowman chỉ cho Eric tên và địa chỉ hai điệp viên, một ở Hambourg, một ở Berlin trong trường hợp bị lộ, cần phải trốn khỏi nước Đức gấp, họ sẽ giúp đỡ anh phương tiện.

Họ bắt tay từ giã. Ngày hôm sau, Eric điện thoại cho Kortner xin phép qua Đức dự đám tang anh bạn Otto Holtz.

Anh cũng dặn vợ:

— Ingrid, lần này em đừng đưa anh ra sân bay làm gì. Nhìn mặt em, chắc chắn tụi nó sẽ nghi ngờ.

Và anh bỗng nhiên nhìn quanh căn phòng một lượt làm như đây là lần chót còn được nhìn thấy nhưng đồ vật quen thuộc đó.

Nhà Tù Moabit

Giống như những lần đi trước, khi máy bay ngừng, cánh cửa mở ra, Eric nhìn thấy mấy gã SD đang đứng đợi anh. Anh tự hỏi không hiểu lần này, bọn chúng sẽ đón tiếp anh như thế nào, nếu chiếc mặt nạ của anh đã rớt xuống?

Không có gì lạ xảy ra. Mấy gã SD lái xe đưa anh tới khách sạn Eden như thường lệ. Trước khi ra về, một người bảo anh: “Weber Hugo - Cha của Lisa - sẽ điện thoại báo tin cho anh hay khi nào anh được phép đáp xe lửa đi Hambourg.” Trong khi chờ đợi Eric kêu người gửi dùm anh một điện tín chia buồn tới bà vợ Holtz.

Nửa giờ sau, Ban Giám đốc khách sạn mời anh xuống phòng khách, Eric ngạc nhiên nhìn thấy Weber Hugo, bộ mặt của ông ta coi bộ không mấy thiện cảm. Chuyện gì nữa đây? Eric nhủ thầm.

Weber lịch sự chào hỏi anh:

— Tình cờ tôi qua đây, tôi ghé vô hỏi thăm anh. Mấy người nhân viên của tôi đang lo giấy tờ cho anh đi Hambourg. Trong lúc chờ đợi, xin anh vui lòng cùng tôi đi loanh quanh nói chuyện chơi.

Vừa nói ông ta vừa đi ra phía cửa, Eric đi theo. Bỗng nhiên anh nhận ra tính cách bất thường của câu chuyện, và anh ngừng lại:

— Này ông Hugo, tôi cần phải đi Hambourg gấp. Hay là ông cho phép tôi ngồi đây chờ cú điện thoại của nhân viên phòng ông gọi lại.

— Không sao đâu. Anh đừng lo lỡ chuyến xe. Chúng tôi đã tính toán trước cả rồi.

“Đã tính toán trước cả rồi” Eric cố gắng tìm hiểu ý nghĩa của câu nói trong khi kín đáo dò xét khuôn mặt Weber. Bộ gã này muốn chơi trò “Khôi hài đen” với mình hay sao đây?

Anh lấy giọng hết sức tự nhiên:

— Ông tính đưa tôi đi đâu bây giờ đây?

—Ồ! Chút xíu nữa anh biết liền hà.

Một chiếc xe Limousine màu đen đang chờ đợi hai người ngay trước cửa khách sạn. Viên sĩ quan SD giơ tay chào theo kiểu Hitler, rồi mở cửa xe. Eric vừa mới thò đầu vô đã thấy một đôi giày bóng loáng đang chờ đợi anh. Một gã sĩ quan SD nữa.

Eric ngồi giữa hai viên sĩ quan, anh tự hỏi chắc là Weber sẽ lên ngồi với tài xế. Đúng lúc đó, Weber nghiêng người xuống gã vừa nói vừa đóng cửa xe lại:

— Eric, hãy đi cùng với họ. Lát nữa gặp lại.

Chiếc xe vọt đi. Eric tự nhủ thế là hết!

Anh cố gắng nói một cách thật thản nhiên:

— Chúng ta đi đâu?

Một gã sĩ quan SD lên tiếng:

— Chúng tôi được lệnh đưa ông tới nhà giam Moabit.

Hết giữ nổi bình tĩnh anh kêu lên:

— Nhà giam Moabit? Nhưng tại sao? Chuyện gì xảy ra?

— Chúng tôi không rõ.

Nhà giam Moabit là một trong số những nơi giam giữ, tra hỏi những người làm gián điệp. Những người nào đã vô đó đều ít có hy vọng trở ra. Eric thở hắt ra. Vậy là xong. Chắc là Klara đã tìm thấy mảnh giấy và báo cho Gestapo hay. Anh nhìn ngang. Xe chạy nhanh quá, làm sao nhảy xuống được. Lại còn hai ông hộ pháp SD nữa. Thôi đành phó mặc cho may rủi.

Cuộc xe không lâu. Đến nơi, Eric được dẫn vô một căn phòng. Vẫn không một lời giải thích. Từ căn phòng anh có thể nhìn ra sân nhà tù. Trong phòng để hàng dãy ghế. Hình như đây là một căn phòng họp. Chắc sắp tới là màn tra tấn, hỏi cung? Ánh mặt trời chiếu lấp lánh trên súng liên thanh phía chân tường trước mặt. Nòng súng chĩa vào mặt tường. Ngay lúc đó,

một viên trung sĩ tới bên cây súng lắp vô một băng đạn. Lại có màn xử bắn nữa. Không hiểu nạn nhân là ai. Hay là chính anh cũng nên.

Đồng hồ Eric chỉ 12 giờ thiếu 8 phút khi hai người gác cửa bước vô phòng anh.

— Hãy đi theo chúng tôi.

Eric lặng lẽ bước ra, anh hết sức bình thản. Ra tới sân, anh nhận thấy Weber Hugo, Dr. Teichmann, Aner và một vài người anh đã gặp gỡ trong bữa tiệc nhân dự án thiết lập nhà máy của anh. Bộ mặt người nào cũng tỏ ra nghiêm nghị. Teichmann mỉm cười nhìn anh, một nụ thật khó khăn. Tất cả đều chăm chú nhìn hai người lính đứng bên cạnh cây súng liên thanh.

Vài phút sau khi Eric tới một cánh cửa phía cuối sân mở ra, và một đám tù nhân cùng những người lính gác lần lượt tiến vào trong sân. Đến lúc này, Eric mới hiểu tại sao anh có mặt ở đây. Họ muốn anh chứng kiến quang cảnh xử bắn những gián điệp.

Đám tù nhân đi ngay gần chỗ mọi người đang đứng và Eric rụng rời chân tay khi nhìn thấy Marianne ở trong đám người đó. Đúng là nàng.

Marianne đi không nói. Một người bạn tù phải dìu nàng. Đầu tóc rũ rượi, cặp mắt thất thần, nàng cũng không nhìn ra có Eric đang đứng giữa đám người trong sân. Khi đi ngang đám người đó Marianne cố gắng đi thật thẳng, với dáng điệu cao kỳ cố hữu của lớp người thuộc dòng dõi quyền quý. Hình như nàng cố gắng chứng tỏ, dù bị tra tấn đến đâu chăng nữa, nàng vẫn là nàng. Đó là cách thức hay tỏ thái độ khinh bỉ đối với đám khán giả đứng coi xử bắn.

Eric cảm thấy cơn giận bùng nổ trong người anh. Giận vì thấy bất lực đứng nhìn không thể nào can thiệp. Trong một thoáng, anh đã tính liều nhảy ra, nhưng biết là vô ích nên dằn lại kịp. Và lại, chỉ một cử chỉ vô ý của anh lúc này là hồng cả. Bọn họ đưa anh đến đây chỉ vì muốn anh phản bội chính anh. Giả dụ Gestapo đã biết những cuộc gặp gỡ giữa anh và Marianne, thái độ coi như không quen biết của anh cũng nguy hiểm. Nếu nhận là quen nàng, cái đó còn nguy hiểm hơn nữa. Biết làm sao bây giờ?

Một người dừng gần anh bỗng lên tiếng:

— *Warum machen sie schon nicht schuell?* (Tại sao họ không kết thúc đi cho rồi?)

Chỉ nghe giọng nói, anh biết ngay đây không phải là một người Đức. Một người ngoại quốc như anh. À, thì ra họ bắt tất cả những người ngoại quốc du nhập nước Đức phải tới đây dự cuộc xử bắn: một hình thức khủng bố tinh thần, dò xét tâm lý.

Đám tù nhân đứng sắp hàng sát vô chân tường. Những tên lính cũng không để ý đến chuyện dán một tấm băng che mắt nạn nhân, tránh cho họ phải chứng kiến giờ phút đau khổ. Có tất cả 11 nạn nhân. Sau tiếng hô to của viên sĩ quan chỉ huy, mấy người lính chĩnh lại tầm súng. Biết là giờ phút cuối cùng đã điểm, Marianne kiêu ngạo ngừng đầu lên, nhìn thẳng về phía trước mặt.

— *Bắn!*

Eric chết sững. Anh có cảm tưởng trong số những viên đạn, có một viên bắn thẳng vào người anh. Marianne oằn xuống vì sức mạnh của viên đạn đập vào, nét mặt nàng tỏ vẻ đau đớn cùng cực, nhưng vẫn không một tiếng kêu thoát ra khỏi cổ họng. Eric chợt thấy mắt nàng sáng lên trong giờ phút cuối cùng của đời nàng, hình như nàng đã nhận ra sự hiện diện của Eric. Và nàng chết, với một lời nhắn nhủ âm thầm anh hãy trả thù cho nàng.

Có tiếng người oang oang cất lên:

— *Tất cả các du khách nghe đây! Hy vọng mọi người hay coi đó làm gương. Nhưng kẻ có mưu toan hành động phá hoại nước Đức đều chịu chung một hậu quả như vậy! Heil Hitler!*

Ít phút sau, đám người lần lượt giải tán. Eric nhìn thấy Weber tiến lại gần anh.

— Ông bạn đi theo tôi, giấy tờ của ông bạn xong xuôi cả rồi. Chắc chắn ông bạn có đủ thời giờ đáp chuyến xe lửa đi Hambourg.

Tại Tổng hành dinh Gestapo, viên thư ký trao cho anh mọi giấy tờ cần thiết. Tiễn Eric ra tận cửa, Weber nói:

— Chúc ông thượng lộ bình an! Rất tiếc phải để cho ông chứng kiến cảnh tượng vừa rồi. Nhưng đó là lệnh trên.

Cơn giận của Eric lại bùng lên. Anh cố nén để khỏi lộ một cử chỉ gì có thể coi như nguy hiểm. “Tôi cũng rất tiếc phải trả thù cho những người vô tội bị các người giết oan. Đó cũng là lệnh trên”.

Nhưng làm sao Weber có thể nghe được câu trả lời chỉ nằm ở trong đầu của Eric.

Bà Chủ Nhà Xinh Đẹp Với Đứa Con Trai Tinh Quái

Trước khi gặp Klara bà vợ trẻ của Holtz, Eric đã điện thoại với dụng ý gửi lời chia buồn để dò coi có chuyện gì bất thường hay không. Nghe giọng nói vui vẻ của Klara, Eric cảm thấy rất nhiều hy vọng. Thứ nhất: Cô ta trẻ, đẹp, vui vẻ, như vậy chứng tỏ cái chết của chồng không ảnh hưởng gì tới đời sống tình cảm của cô ta. Thứ hai: Với tư tưởng Quốc xã, nếu cô ta kiếm thấy lá thư rồi, chắc chắn cô ta không thể giữ được giọng nói bình thản như khi trả lời điện thoại.

Tóm lại ông thần may mắn vẫn chưa bỏ rơi người bạn gián điệp tài tử của chúng ta.

Eric bèn tắm rửa sạch sẽ, ăn mặc thật điệu bộ, sau đó thùng thảng tiến tới căn nhà hò hẹn.

Klara vui vẻ chào đón anh. Chiếc áo tang không đủ kín đáo để che dấu hết những nét đẹp vừa quyến rũ vừa lộ liễu (một cách cố ý) của người góa phụ còn trẻ. Mái tóc của nàng vẫn bông bênh, lả lướt như những lần gặp gỡ trước. Chỉ thiếu có Holtz anh chồng xấu số. Chắc Holtz cũng không thể ngờ anh ta chiến thắng Hitler trước cả phe Đồng minh.

Vào đến phòng khách Eric, giật mình khi nhìn thấy một tên lính Quốc xã choai choai trong bộ đồ binh phục: Hans! Gần 2 năm không gặp, anh thấy thằng bé lớn hơn trước rất nhiều, đã có thể ra trận, nếu cần! Tuy nhiên, vì còn trong tuổi đi học, nó được đưa về vùng quê cùng những đứa trẻ con

thành phố khác, để tránh bom Đồng minh. Nó mới được phép trở về nhà dự đám tang người bố:

— Chào Hans! - Eric vừa nói vừa bước lại gần chú lính. - Thành thật chia buồn cùng cậu.

Thằng nhỏ bắt tay Eric một cách khinh khi ra mặt. Mấy lần trước, mỗi khi tới nhà Holtz, lần nào Eric cũng không quên mua kẹo bánh cho thằng nhỏ. Tuy nhiên trẻ con thường rất tinh khôn. Bằng trực giác chúng cảm thấy liền kẻ nào không ưa chúng. Thành thử, quà thì quà bánh mặc bánh, nó lúc nào cũng gờm nhìn lên Eric. “Thằng cha này khó chơi thiệt!” Cả hai: Eric và Hans - cùng âm thầm giữ miếng.

Ngược lại, cảm tình của bà mẹ Hans đối với Eric coi bộ mỗi lúc một tăng thêm lên. Ngồi trong phòng khách Klara say sưa nghe Eric kể lại thời gian vừa qua, công việc làm ăn của anh tại Thụy Điển cũng như tại Berlin. Trong khi đó, Hans ngồi thu lu trong một chiếc ghế bành, lặng thinh quan sát hai người, lâu lâu lại tháo cặp kính cận xuống để lau đi, lau lại. Để nhìn cho rõ! Coi thằng cha tính giở trò gì với bà mẹ của mình.

Eric thấy cũng nên nhắc cho chú bé một chút, để gây thêm một chút thiện cảm:

— Này Klara, hồi trước tôi thấy Hans nhỏ xíu. Mới có hai năm, trẻ con mau lớn thiệt!

— Vâng, thằng bé chóng lớn thiệt! Nó cũng dễ bảo lắm!

— Này Hans, cháu có gặp lại Le Fuhrer lần nào nữa không?

Thằng nhỏ bướng bỉnh trả lời:

— Không! Le Fuhrer bận lắm đâu có thì giờ để ý đến những chuyện nhỏ mọn như vậy.

Nghe giọng nói của thằng bé Eric chỉ muốn đá cho nó một cái. Nói chuyện lảng nhãng một hồi, cảm thấy đã khuya, Klara lên tiếng bảo Hans đi ngủ, nhưng thằng nhỏ khẳng khẳng đòi ngồi lại trong khi đưa mắt nhìn Eric, ra ý bảo mẹ: “Bao giờ thằng cha này về, con mới chịu đi ngủ”.

Bà mẹ cố gắng dỗ:

— Thôi, đi ngủ, giờ này trễ rồi! Hãy đứng lên chào khách rồi đi lên phòng.

Thằng bé bắt buộc phải đứng lên. Nó lừ lừ nhìn Eric không thềm chào hỏi gì cho mất công, và đi ra khỏi phòng khách.

Eric thấy cần phải đưa ra nhận xét:

— Coi bộ Hans không ưa tôi mấy!

—Ồ! Chắc là nó còn bị ám ảnh vì cái chết của cha nó. Nhưng thôi, bỏ qua chuyện đó đi. Mấy bữa nay tôi mệt lử người đi vì mấy người bà con bên họ nhà chồng, Nhiều người khăng khăng đòi ở lại đây để an ủi tôi và săn sóc thằng bé. Ôi chao! Họ chỉ làm tôi thêm bực mình. Eric uống chút gì nghe? Mấy chai rượu anh mang cho kỳ trước tôi vẫn chưa uống hết.

— Cảm ơn chị!

Rượu làm đôi má người góa phụ thêm ửng hồng, chắc không phải cô ta xấu hổ vì ngồi hỏi chuyện một mình với đàn ông trong khi đêm đã khuya và chồng vừa mới chết. Eric cần thấy phải đóng trọn vai trò gián điệp (ấy chết quên, vai trò tán gái) của mình. Tuy nhiên, chỉ nên tán tỉnh xa xôi bằng lời nói văn hoa... Những cái hôn, hãy để lần sau: Chớ nên đốt cháy giai đoạn.

Nhờ hơi rượu, câu chuyện mỗi lúc một thêm vui vẻ. Sau cùng Eric thấy đã đến lúc nên vào đề:

— Trời đất, khuya quá rồi! Thật bậy quá. Đáng lý phải để cho chị đi ngủ sớm.

—Ồ! Nói chuyện với anh vui lắm? nhờ có anh, tôi cảm thấy đỡ mệt hơn nhiều.

— Tôi cũng sung sướng lắm vì được hầu chuyện chị. Nhưng một giờ sáng rồi. Tôi phải từ giã.

— Anh có thể ngủ tại đây, như mấy lần trước...

—Ồ! Không được đâu. Để sáng mai, tôi lại tới thăm chị. Tiện thể, tôi muốn hỏi chị điều này. Giấy tờ của Holtz để lại, chị đã sắp xếp gì chưa?

— Tôi chưa có thì giờ để ý tới. Vả lại luật sư của anh ấy có điện thoại hỏi về vụ đó. Nhưng tôi quyết định hãy thư thả.

— Nếu vậy, tôi sẽ xin được giúp chị một tay?

— Cảm ơn anh lắm!

— Khi còn sống, Holtz và tôi có chung nhau lo một áp phe. Tôi có viết cho anh ta một vài tờ giấy... Nay anh ấy rui qua đời, nếu chị bằng lòng, chúng ta sẽ lại tiếp tục áp phe bỏ dở đó.

— Ô! Nếu vậy tốt quá! Sáng mai xin anh lại sớm, chúng tư cùng bàn.

— Vâng! Xin chào chị!

Ngày hôm sau Eric dự đám tang cùng với Klara, Hans và một số người thân nhân, bè bạn của Holtz. Eric thấy tội nghiệp cho người đã chết. Holtz thật không may. Hắn ta chết trước khi được hưởng số tiền thù lao lớn do Đồng minh tưởng thưởng, hiện đã được ký thác tại nhà băng Thụy Điển. Vậy là, sau khi chiến tranh kết thúc, chính Klara, Hans, những người thân của Holtz vốn thù ghét phe Đồng minh lại được hưởng số tiền đó. Thật là tức cười.

Sau những nghi thức lôi thôi, cuối cùng tất cả mọi người đều ra về. Viện cố đã có Eric, bạn thân lúc sinh thời của Holtz đứng ra lo lắng công chuyện, Klara từ khước mọi sự có mặt của những thân nhân, bạn bè của Holtz. Trái ngược với thái độ đêm qua, sáng hôm sau, Hans tỏ ra rất lịch sự đối với Eric. Khi bà mẹ bảo hắn lên phòng lo việc học hành Hans vâng lời liền.

Sau bữa ăn trưa, Eric với tư cách cố vấn, bèn bắt tay vào việc giúp Klara thu xếp giấy tờ, hồ sơ Holtz để lại. Để củng cố lòng tin của Klara, anh yêu cầu nàng có mặt luôn luôn trong lúc anh soạn thảo giấy tờ. Kết quả sau cùng. Không tìm thấy tờ giấy chết người. Tuy nhiên, Eric không nản lòng. Một người cẩn thận như Holtz chắc chắn không khi nào dám để tờ giấy ở hờ nơi bàn giấy. Klara cho anh hay Holtz còn có một chiếc két sắt, Eric đề nghị kêu điện thoại tới cửa hàng chế tạo loại tủ sắt. Kết quả cửa hàng đã dọn tất cả đồ đạc về vùng quê để tránh bom. Eric lại đề nghị kêu thợ tới. Tuy nhiên cửa hàng hiện tại chỉ có một người thợ, sáng hôm sau người đó mới trở lại làm. Đến lượt Klara đề nghị Eric hãy qua đêm tại phòng cũ của Holtz, trong khi chờ đợi.

Eric bằng lòng. Ngoài việc chờ đợi ra, anh đâu biết làm gì bây giờ?

Trước khi đi ngủ, Klara thân hành mang cà phê tới tận phòng anh. Nhân tiện Eric đề nghị sẽ chuyển một số tiền của Holtz qua Thụy Điển đầu

tư vào cơ sở làm ăn của anh. Với số tiền lời hàng tháng, Klara và Hans cũng sắm sửa thêm được nhiều món đồ dùng. Thay vì cảm ơn, thiếu phụ cúi xuống hôn nhẹ lên môi anh. Tiện tay, anh kéo nàng xuống, giờ này chắc Hans đã ngủ. Nếu nó còn thức, mặc kệ nó.

Như chúng ta đã biết, trong giao kèo ký kết giữa Holtz và Eric, làm gì có cái khoản vừa kể. Nhưng hãy tha thứ cho Eric. Nghề của anh nguy hiểm quá.

Sáng hôm sau, người thợ tới vào khoảng 8 giờ 30. Eric nghĩ rằng công việc mở kết sắt phải tốn ít ra một nửa buổi, tuy nhiên chỉ nửa giờ sau, người thợ đã làm xong công chuyện. Klara bận việc ở dưới bếp, nhưng Hans không lúc nào quên quần bên chân Eric. Thật khổ với “thằng quỷ” này! Ngay khi cánh cửa mở ra “thằng quỷ” đã đẩy vội người thợ qua một bên và thò đầu vô trong coi có gì. Giật mình, Eric kéo vai Hans ra bên ngoài.

— Này Hans! Cháu còn nhỏ, chưa hiểu những giấy tờ này nói gì. Hãy để đó cho tôi.

Và Eric ôm lấy cả đồng hồ sơ, mang vô văn phòng rồi đóng cửa lại, mặt tình Hans tức giận đứng bên ngoài. Anh thất vọng vô cùng khi không tìm ra tờ giấy nguy hiểm. Vậy thì Holtz để mảnh giấy ở đâu? Chẳng lẽ hẳn ta mang luôn xuống mồ?

Gặp lại Klara, Eric than thở:

— Tôi không thấy tờ giấy giao kèo đâu cả.

— Hay là Holtz để tại văn phòng ở ngoài phố?

— Không có đâu! Tôi đã xem xét tất cả rồi. Không biết Holtz có còn nơi nào cất giữ giấy tờ ngoài chiếc kết sắt này không?

Klara tính trả lời không nhưng đột nhiên mắt nàng sáng lên:

— Ồ! Còn một nơi nữa. Đầu giường ngủ Holtz có một chiếc hộp sắt nhỏ, để vô trong tường.

Cả hai bèn đi lên phòng ngủ. Trong khi lên thang lầu nhắm lung lục tinh thần Klara, Eric hôn nàng liên tiếp.

Khi đi xuống, Eric cầm trong tay một chiếc hộp nhỏ bằng sắt. Klara đưa tới một chùm chìa khóa nhưng không có cái nào mở được, có thể dùng con dao nhỏ nhưng làm sao cho Klara đi chỗ khác.

— Hay là để em đi kiểm cây vít?

— Ồ! Phải đó.

Klara vừa ra khỏi là anh dùng dao nhỏ bật nắp hộp. Chiếc hộp sắp mở bung ra thì Klara trở lại với cây vít. Eric đành phải dùng kế hoãn binh:

— Em làm ơn cho tôi xin một ly cà phê.

Nắp hộp mở tung ra ngay khi Klara ra khỏi căn phòng. Trong không có gì, ngoài một vài đồ nữ trang cổ và một vài chiếc chìa khóa. Không có một mảnh giấy nào hết.

Những tại sao Holtz lại phải cất kỹ một vài chiếc chìa khóa vô trong hộp sắt này? Chắc chắn những chiếc chìa khóa dùng để mở những ngăn kéo đặc biệt nơi Holtz cất giấu giấy tờ cần thiết. Hay là một hộp thư tại nhà bưu điện? Không chắc. Có lẽ một két sắt tại nhà băng. Đúng rồi! Eric cũng có một chiếc chìa khóa tương tự do nhà băng của anh trao lại. Trước khi Klara mang cà phê tới Eric tính bỏ chiếc chìa khóa vào túi. Nhưng nghĩ lại, anh thấy nguy hiểm. Không báo cho Klara biết, ngộ nhỡ nhà băng, sau một thời gian không thấy Holtz, sẽ báo tin cho gia đình người chết về tình trạng chiếc két sắt. Chi bằng cứ báo cho Klara biết nàng sẽ tìm cách liên lạc với nhà băng. Mọi việc khác sẽ tính sau.

Klara nói ngay:

— Em biết nhà băng Holtz vẫn thường giao thiệp, viên Phó Giám đốc, Max Eckhoff là bạn thân của anh ấy. Để em điện thoại hỏi coi.

Eckhoff tỏ ra rất dễ chịu. Ông ta mời Klara tới nhà băng chiều hôm đó với những giấy tờ cần thiết. Viện cố phải coi nhà, Klara yêu cầu Eckhoff để cho Eric thay thế nàng. Eckhoff lúc đầu từ chối, nhưng Klara năn nỉ một hồi rút cuộc ông ta đành chấp thuận.

Eric tưởng như vậy là xong. Bất ngờ chiều hôm đó, Hans nhất định đòi đi theo. Thằng bé dám nói Eric tính ăn trộm một món đồ gì của ba nó, nếu không, tại sao anh chỉ muốn đi một mình? Eric đành phải cho Hans đi theo. Sự hiện diện của Hans làm phiền cho anh rất nhiều. Làm cách nào hủy bỏ tờ giấy nếu có Hans ở bên cạnh? Thôi đành, đến đó hãy hay.

Đến nhà băng, thằng bé đòi vô tận bên trong. Eric bắt buộc phải chiều theo. Sau khi đã mở két sắt ra, đúng như sự dự đoán của anh, bên trong

Holtz để một chiếc cặp da nhỏ chứa đầy giấy tờ. Và Eric cầm chiếc cặp, Hans đi kế bên, cả hai đi ra khỏi nhà băng.

Eric đề nghị:

— Chúng ta đi chơi một vòng nhé!

Đi đường, Eric tính mọi cách bỏ rơi thằng bé. Anh tìm những khu phố thật đông người, nhưng Hans quá tinh ranh không để cho Eric có thì giờ thực hiện ý định. Nó luôn luôn nắm chặt lấy tay Eric.

Thế rồi, nhân lúc Eric đang loay hoay tính kế, thằng bé giật mạnh chiếc cặp và chạy đi. Hoảng hồn Eric la to: Hans! Nhưng bóng dáng thằng bé đã biến mất sau lớp xe cộ. Eric chạy vội theo, may mắn thay, Eric nhìn thấy Hans đang ở hè đường phía bên kia. Đứng trước Hans có mấy người lớn đang đi lại. Nhanh trí anh la to:

— Bắt dùm thằng bé lại!

Một người đàn ông ngừng lên nhìn. Hans vừa chạy tới, người đó bèn chặn lại. Hans cố dăng ra nhưng không thoát. Vừa lúc đó, Eric chạy tới. Anh giật lấy chiếc cặp. Người đàn ông hỏi anh:

— Nó ăn cắp chiếc cặp của ông hả?

Eric lắc đầu:

— Không đâu! Thằng bé đi cùng với tôi. Nhưng nó tính đùa dờn bằng cách cầm chiếc cặp da bỏ chạy. Trong chiếc cặp có khá nhiều giấy tờ quan trọng. Tôi chỉ sợ nó làm mất.

— Ôi chao! Đúng là thằng quý. Mà nó mạnh thật! Chút xíu nữa tôi giữ không nổi.

— Vâng! Thằng bé ngoan ngoan lắm. Nhưng chỉ ngoan trong khi ngủ mà thôi.

Eric nói đùa để phá tan không khí nặng nề. Anh không muốn mọi người tò mò xúm quanh lại coi chuyện gì xảy ra.

Và kéo vai Hans dẫn đi, anh bảo thằng bé:

— Thôi nghe! Đừng giở trò nghịch ngợm như thế nữa.

Đi ngang một tiệm ăn lớn, chợt nảy ra ý kiến hay ho, anh kéo Hans:

— Vô đây kiếm đồ uống!

Vào đến bên trong tiệm, thừa lúc người bồi đứng chắn đường, cản Hans lại phía sau, Eric chạy thẳng vô phòng toilet. Anh vừa khép cửa cầu tiêu lại đã nghe tiếng Hans đập cửa la ới ới bên ngoài:

— Herr Erickson! Cho cháu vô với!

— Chờ một chút.

Và Eric lẹ làng mở chiếc cặp, lấy ra một mớ phong bì cái thứ nhất, không phải. Giấy nợ! Cái thứ nhì, đây rồi: “*Tôi ký tên dưới đây chứng nhận Otto Holtz...*” và chữ ký của anh ở dưới.

Bật vội que diêm, Eric đốt cháy bức thư, luôn cả chiếc phong bì. Chờ cho tất cả đã cháy thành tro, anh dội nước cho chảy mất tiêu. Bấy giờ anh mới từ từ mở cửa, một tay giả vờ cài nút quần:

— Xong rồi! Đến lượt Hans.

Nhưng thằng bé chỉ chăm chú nhìn chiếc cặp xem có bị gì không. Ra bàn ngồi, Eric thở phào sung sướng. Anh tự thưởng cho mình một ly nước giải khát thật đầy và cho Hans ly cà rem. Chưa bao giờ anh cảm thấy yêu đời như lúc đó.

Về tới nhà Hans là kẻ được vinh dự tự tay mở chiếc cặp da.

— Không thấy tờ giấy giao kèo đâu cả! Có lẽ Holtz để đâu mất rồi! Bây giờ tôi phải trở về Berlin. Chị và cháu Hans đừng ngại gì cả. Tôi đã cố gắng can thiệp để chị lãnh được số tiền lời của Holtz trong áp phe trên.

Klara coi bộ thất vọng vì Eric vội vàng đi ngay. Nàng muốn giữ Eric lại tới sáng mai, nhưng Eric tỏ vẻ cương quyết, hơn nữa Hans vẫn còn đứng đó, thằng bé đưa mắt trách móc người mẹ, sau cùng Klara đành chịu thua.

Thần may mắn vẫn còn mỉm cười với Eric.

Himmler Căn Phải Mồi

Ericksen rời Hambourg trở về Berlin ngay chiều hôm đó. Anh cũng nhận vụ Holtz thông báo tất cả mọi công sự viên trong trường hợp không may gặp trường hợp tương tự như Holtz, phải tìm cách tiêu hủy, hoặc giao phó tờ giấy cho một người thân tín cũng cùng một chí hướng như mình.

Tại Berlin Von Nordhog và Dr. Feichmann cho Eric biết vụ nhà máy vẫn chưa có tin tức gì mới mẻ cả. Eric bèn đáp phi cơ trở về Stockholm. Cuộc đi vừa rồi của anh thật đúng là một cuộc chạy đua với tử thần.

Tám ngày sau, Kortner kêu Eric tới văn phòng gặp gã, vừa gặp Eric, Kortner vui vẻ loan tin:

— Này Eric, có tin mừng! Le Reichsfuhrer Himmler tỏ ra rất chú ý đến dự án của anh. Ngài muốn gặp anh để thảo luận và yêu cầu chuyển lời mời anh tới Berlin vào chiều mai.

— Tuyệt diệu!

Tuy nhiên, Eric vừa mừng, vừa lo. Tất cả những vấn đề liên quan tới nhà máy, Gestapo đều đã cho điều tra cặn kẽ. Hồ sơ đầy đủ hiện nằm trong tay Himmler. Cớ sao gã còn cần phải gặp anh? Hoặc là gã nghĩ thấy chuyện bất thường?

Cuộc gặp gỡ kể như thật quan trọng đối với cuộc đời gián điệp của Eric. Himmler cánh tay mặt của Hitler, kẻ nắm giữ sinh mệnh của không biết bao nhiêu con người... Hung thần Gestapo muốn gặp mặt Eric, để bàn luận.

Ngày hôm sau, tại phi trường Bromma, Eric ngần ngại khi nhìn thấy Ulrich cũng tới để ban chỉ thị cho một nhân viên cùng đáp phi cơ đi Berlin

với anh. Có thể chỉ là ngẫu nhiên, nhưng Eric vẫn cảm thấy hơi bối rối khi gã tùy viên Sứ quán Đức tiến lại chào anh.

— Chúc mừng ông thành công trong kế hoạch xây cất nhà máy sản xuất dầu xăng.

— Cảm ơn ngài.

— Tôi cũng thành thật cho ông hay. Riêng cá nhân tôi, tôi hoàn toàn chống đối dự án đó. Hy vọng là tôi đã lầm. Tất cả là để phục vụ Đức quốc. *Auf Wiederschen.*

Gã gõ hai gót giày đánh cách một tiếng rồi bỏ đi.

Thái độ hòa hoãn của Ulrich càng làm cho Eric lo ngại, Tuy nhiên, đến phút này, như một mũi tên đã lao đi, anh không có quyền ngừng lại. Anh lặng lẽ bước lên phi cơ.

Khi bước xuống Tempelhof, Eric nhận thấy sự kiện anh là khách mời của Reichsfuhrer quả thật quan trọng. Nhiều con mắt e dè nhìn anh từ xa. Bá tước Von Nordhog và Dr. Teichmann đều có mặt chờ đợi anh. Cả hai đưa anh tới khách sạn Bsplanade, nơi có phòng dành sẵn cho Eric. Anh đưa tay nhận điều thuốc lá và ly rượu do hai người tiếp, trong lòng anh thầm nghĩ có phải đây là những đặc ân cuối cùng họ dành cho một người tử tội trước khi lên đoạn đầu đài. Không lực Đồng minh tỏ ra rất lịch sự vì Eric, thành phố Berlin đêm nay không bị ăn bom.

Sáng hôm sau, 2 viên sĩ quan SD đến mời anh tới Tổng hành dinh Gestapo. Những lính gác trong bộ đồ màu đen kiểm soát thật kỹ càng giấy tờ của Eric, họ lục soát coi anh có mang theo khí giới hay không. Sau cùng một nhân viên đi báo tin cho viên cận vệ của Himmler về sự có mặt của Eric.

Một sĩ quan SS sau đó dẫn Eric về phòng đợi. Anh chờ độ 15 phút thì viên thư ký của Himmler cùng Von Nordhog ra mời anh vô diện kiến Reichsfuhrer. Với nụ cười của một chuyên viên ngoại giao, một tay áp phe tự tin, hiểu nghề, Eric bước vô văn phòng của ông chúa trùm Gestapo.

Đó là một căn phòng khá rộng, trần thật cao, chung quanh tường can gỗ “sên” bóng loáng. Trên tường gắn một bức hình Hitler, lớn bằng người thật ở ngoài đời. Trong một góc phòng, đằng sau bàn giấy trên có đề một

bức tượng Fuhrer bằng đồng đối xứng với bức tượng một gã chơi trống bằng thạch cao, Himmler đang ngồi nói chuyện cùng mấy người sĩ quan tùy viên: Gọn gàng trong bộ quân phục Waffen SS, trên ngực gắn đầy huy chương, ông thần Gestapo coi bộ nhỏ bé so với căn phòng quá rộng. Gã thân mật chào Eric:

— Rất mừng được gặp anh, Herr Erickson. - Gã nói bằng một giọng hơi nhấn mạnh. - Tôi nghe nói rất nhiều về anh.

Sau đó Himmler quay qua Von Nordhog và Weber:

— Chúng ta sẽ cùng nhau thảo luận sau. Bây giờ hãy để tôi nói chuyện riêng với ông bạn đây. Nếu cần, tôi sẽ cho người gọi.

Cả hai đứng dậy lui ra ngoài. Eric nghĩ thầm giờ phút quan trọng đã tới. Những dấu hiệu vừa qua chứng tỏ mọi việc trôi chảy. Một cuộc nói chuyện tay đôi bao giờ cũng hữu ích trong khi chờ đợi Himmler nghiêu cứu một lần chót hồ sơ dự án. Eric im lặng lặng ngắm nghía căn phòng, cố tìm coi có đề tài nào khả dĩ lợi dụng được để tâng bốc cá nhân ông trùm Gestapo. Ngài rất có óc thẩm mỹ, thí dụ vậy! Mấy bức tượng tuy hơi nặng nề nhưng nét chạm trổ rất đẹp, trên sàn nhà có trải một tấm thảm Đông phương với những hình múa lạ mắt. Trên chiếc bàn lớn dùng trong việc thuyết trình một thanh gươm nhỏ đặt nằm trong chiếc vỏ bằng bạc. Bên cạnh thanh gươm có một chiếc bình hoa lan đặt trước một khung ảnh trong có hình một thiếu nữ cỡ chừng 15, 16 tuổi. Chắc là con gái viên tướng Gestapo. Eric tính lại gần nhưng anh chợt nhớ, mặc dù ly dị vợ Himmler hiện đang sống với một người đàn bà khác, và bà này đem lại cho ông ta 2 người con trai. Tốt hơn hết không nên dính dáng tới đời tư của ngài.

Trên tường có treo rất nhiều huy chương. Đủ các triều đại Đức từ khi lập quốc tới nay. Eric còn nhìn thấy trên mặt bàn có một số hình ảnh các giống ngựa. Eric rất thạo về ngựa, anh cũng có một Collection các giống ngựa quý trên thế giới. Eric đã tính mở đầu bằng những lời tâng bốc Himmler về tài xem tướng ngựa của ông ta, nhưng anh chợt nhớ một buổi nói chuyện với Weber vào dịp Hitler tuyên bố Nga Sô đã hoàn toàn thua trận, Webe kể lại câu chuyện Himmler ra lệnh cho một viên thú y nổi tiếng phải pha giống ngựa của Nga Sô để tạo nên một loại thần mã, nhân khi đám

SS đang hoành hành khắp vùng Sibérie và Á châu thuộc Nga. Weber đã nói chuyện trên bằng một giọng hơi lộ vẻ chế diễu, hình như gã ngụ ý chê bai ý định viễn vông của ông sếp. Tình hình hiện tại cũng đã thay đổi. Quân Đức đang thảm bại trên chiến trường Nga Xô. Tốt hơn hết, chớ có chọc giận ông ta bằng cách xem tướng ngựa! Tỏ ra cũng biết. Vậy là chỉ còn đề tài huy chương.

Vào lúc đó, mấy sĩ quan tùy viên cũng đứng dậy lui ra ngoài. Thấy Eric đang chú ý đến một anh kỵ mã với tấm khiên trên vẽ đầy huy hiệu Himmler bèn lên tiếng:

— Herr Erickson, anh cũng chú ý đến đề tài đó ư?

— Tôi không rành lắm, - vừa nói Eric vừa đi lại bàn ngồi. - Tuy nhiên anh kỵ mã đó trông thật đẹp. Ở bảo tàng viện Stockholm cũng có một vài bức tượng giống như vậy.

— Thật vậy ư? - Giọng Himmler đầy vẻ lịch sự. - Huy chương này xưa lắm rồi. Tôi vẫn thường lấy cảm hứng từ những thời đại oai hùng của Đức quốc trong giai đoạn lập quốc.

— Theo tôi nghĩ, những hình vẽ huy hoàng như vậy chỉ có thể đặt vào trong một khung cảnh sống động như gian phòng này. Để tại bảo tàng viện, chúng có vẻ như những hình nộm.

— Anh nói đúng lắm! Và đó cũng là mệnh lệnh của Le Fuhrer. Hãy gạt bỏ những nhơ nhớp của nền văn minh hiện đại, muốn vinh quang phải tìm lại dòng máu tinh khiết, cao cả của dân Đức miền Bắc ngày xưa.

Eric gật gù ra vẻ kính trọng những luận điệu Quốc xã cuồng tín đó.

— Anh nên nghiên cứu thêm về lịch sử để hiểu rõ thêm về nước Đức chúng tôi.

— Cảm ơn ngài. Xin lĩnh ý. Herr Reichsfuhrer.

— Nào, bây giờ hãy nói về đề nghị của anh, Herr Erickson

Himmler mở một cặp hồ sơ, Eric nhìn thấy bên trong chứa đựng dự án của anh kèm theo rất nhiều giấy tờ khác nữa. Chắc là những tờ trình, báo cáo của những nhân vật được giao phó nghiên cứu dự án của anh. Himmler vừa lật coi vừa mỉm cười. Và ông ta đích thân ngồi vẽ hình một con tàu chuyên chở vàng đen từ Thụy Điển vượt biển hướng về Đức quốc.

— Mấy nhân viên dưới quyền tôi cho rằng đề nghị của anh rất hấp dẫn. Tuy nhiên cần rất nhiều điểm quan trọng cần phải bàn bạc kỹ lưỡng.

Cả hai bắt đầu thảo luận. Eric biết rõ Himmler vẫn thường tỏ ra tự hào về trí nhớ dai dẳng của gã, cho nên trong câu chuyện nếu có dịp là anh chêm vô những lời thật êm tai như: “Chắc chắn là ngài vẫn còn nhớ rõ... ngài làm sao quên được...” Ngoài những ích lợi chung mà chế độ Quốc xã dành được nếu dự án thành công, Eric còn ám chỉ tới con số lời to tát của riêng ngài Reichsfuhrer trong áp phe này: số tiền hoa hồng đặc biệt của ngài, số cổ phần đặc biệt dành riêng cho ngài v.v...

Himmler ngồi ngả người dựa lên chiếc ghế, chân bắt chéo mắt lim dim thưởng thức câu chuyện. Thỉnh thoảng ông ta cũng đưa ra một vài ý kiến, một vài câu hỏi, nhất là về phương diện kỹ thuật. Eric cũng phải ngạc nhiên về sự hiểu biết của viên trùm Gestapo.

Trong khi bàn luận, rất nhiều cú điện thoại làm ngưng câu chuyện. Một lần, Himmler yêu cầu Eric ra bàn ngoài ngòi, để ông ta trả lời người gọi. Mỗi lần có điện thoại là Eric cảm thấy câu chuyện của anh mất đi một phần may mắn. Tuy nhiên, Himmler quả là có một trí nhớ thật tốt, ông ta nhắc lại đúng chỗ vừa mới bị bỏ dở.

Sau cùng Himmler gục gặc cái đầu:

— Theo tôi nghĩ, một dự án như thế này, nói về nó không đủ, còn phải đem nó ra thực hiện, về mặt tuyên truyền, vụ này tốt lắm. Nó chứng tỏ Đức quốc chắc chắn sẽ toàn thắng. Một cuộc thắng trận không những cần thiết riêng cho Đức quốc mà cho toàn thể thế giới. Chúng ta sẽ thắng bởi vì chúng ta sẽ thắng.

Càng nói ông ta càng say sưa:

— Đúng như thế, chúng ta sẽ thắng. Tôi đã sửa soạn chu đáo cho cái ngày vinh quang sắp tới đó. Đây là một chi tiết nho nhỏ (Gã giơ tay chỉ bày ngựa trong hình). Chính tôi đã kiếm ra cách cấu tạo một giống ngựa đặc biệt dùng để di chuyển trong xứ lạnh. Ngựa này dành cho những quân nhân Đức có nhiệm vụ kiểm soát những vùng đất lạnh giá như ở Sibérie. Chính những con ngựa này còn cung cấp cho những người lính của chúng ta sữa, pho mát... Đích thân tôi đã nghiên cứu từng giống ngựa. Đây này, giống

ngựa kia từ Arable Sadouite, rất thông minh. Giống Clydesdale lại rất khỏe. Giống kia từ Mỹ quốc, nó dẻo dai gần như lạc đà...

Eric thấy cần phải đưa ra vài nhận xét của mình:

— Vâng, thưa ngài, mỗi giống ngựa có một đặc biệt. Chẳng hạn giống Mustangs (anh chỉ một bức hình) rất dai sức. Còn giống Ả Rập có bộ ngực thật rộng, chiều cao của cặp giò cân xứng. Đẹp thiệt!

— Ủa, vậy ra anh cũng rành về ngựa? - Trong giọng nói của Himmler có đôi chút nghi ngờ tài năng của anh chàng con buôn dầu hỏa Eric.

Eric trầm nghĩ, không hiểu Himmler vốn tự coi mình như một thiên tài về ngựa, ông ta sẽ tức tối, khó chịu khi thấy một gã hiểu biết về ngựa như ông ta? Anh vội vã trả lời:

— Vâng, tôi cũng có nuôi ngựa. Tuy nhiên tôi chỉ biết qua loa về một vài giống ngựa thông thường mà thôi.

— Vậy hả? - Giọng nói của Himmler trở lại bình thường. - Theo tôi. Phải luôn luôn trực tiếp liên lạc với đất, phải yêu đất, nguồn lợi thiên nhiên thuần khiết của con người. Chương trình của tôi đề ra là: Bắt buộc những nhà kinh doanh, những kỹ sư, trí thức... phải có trại, phải về đồng quê để liên lạc trực tiếp với đất! Riêng tôi, mỗi lần trở về quê là tôi cảm thấy có thêm một số sức mạnh mới mẻ nó giúp cho tôi làm việc trong suốt cả tuần lễ.

Rồi ông ta lại trở về đề tài ngựa. Tiện thể ông ta nói tới một giống ngựa thật tinh ranh, thật nguyên chất... Và theo đà đó ông ta trở về với những luận điệu Nazi với chiến thắng sau cùng của giống dân xứng đáng là người giỏi nhất trên thế giới. Eric có cảm tưởng Himmler đang lên đồng. Anh chỉ mong ông ta tỉnh cơn điên và trở về với dự án nhà máy sản xuất dầu xăng của anh.

Đúng lúc đó, một chuyện kỳ cục xảy ra. Đang nói, bỗng nhiên Himmler trùng hấn lại, rồi câm luôn, ông ta cứ đứng yên một chỗ, đầu hơi nghiêng về phía trước, như thể đang bàn bạc với một bóng ma chiến thắng ông vẫn hằng kéo theo cùng với ông ta, để bè bạn. Rồi từ từ, Himmler đưa tay ra vuốt ve cây gươm đặt trên mặt bàn. Nhận thấy sự yên lặng quá nặng

nề đôi khi biến thành kết quả tai hại, Eric vội vàng nối liền những mơ ước thăng trận của Himmler với dự án nhà máy dầu lửa của anh:

— Herr Reichsfuhrer, ngài đã tiên liệu tất cả, từ một chi tiết nhỏ nhất nhất cho đến những việc to lớn vĩ đại. Theo tôi nghĩ dự án về nhà máy sản xuất dầu hỏa tại Thụy Điển cũng nằm trong chương trình vừa kể. Đức quốc có mặt ở khắp mọi nơi.

— Đúng như vậy! Dự án của anh rất hợp ý tôi. Tuy nhiên, Ribbentrop chắc là sẽ lên tiếng phản đối. Đúng là một lũ ngoại giao ngu đần. Không thể tin cậy vào tụi nó được.

Eric mừng rơn. Vậy là kể như xong. Tuy nhiên, theo kinh nghiệm riêng của anh, sau mỗi áp phe quan trọng, thế nào địch thủ cũng lợi dụng đúng lúc mình đang hớn hở vì thành công không đề phòng cẩn mật, để quật ngược trở lại.

— Này anh Eric, tại sao một người Mỹ như anh lại theo chúng tôi?

Nếu không đề phòng trước, một câu hỏi đột ngột như vậy thế nào cũng làm cho địch thủ lúng túng. Eric từ tốn trả lời:

— Trước hết, tôi xin phép sửa lại câu hỏi của ngài: Tôi là một người Thụy Điển sinh đẻ tại Mỹ. Ngoài ra, trước khi được đọc hay được nghe những triết lý, chương trình do Fuhrer đề ra, tôi đã ở về phía các ngài rồi.

— Anh nói sao?

— Tôi luôn luôn nghĩ rằng thế giới phải được cai trị bởi những loại người có đầu óc phi thường, có sức mạnh dẻo dai. Những người hèn yếu sinh ra chỉ để phục tùng. Dù họ đông đảo cách mấy đi chăng nữa.

— Tại sao anh qua Thụy Điển?

Eric biết rõ Gestapo đã điều tra rất kỹ về anh.

— Ồ! Đó chỉ là một trường hợp ngẫu nhiên. Tôi qua chơi Thụy Điển, sau đó tôi nhận thấy dù sao một quốc gia trung lập vẫn còn hơn một xứ sở như đất Mỹ, nơi mà những người Do Thái có quá nhiều quyền lợi. Trong khi chờ đợi một chế độ đẹp đẽ hơn, ta hãy tạm hăng lòng với những điều kiện sẵn có. Chính vì vậy mà tôi có ý định biến Thụy Điển thành một kho tàng dự trữ dành riêng cho Đức quốc.

Himmler nhìn tập hồ sơ:

— Dự án của anh rất tốt.

— Còn một vấn đề này nữa. Tôi rất quan tâm tới phẩm chất của ét-xăng tổng hợp. Về phương diện này, tôi lại không được rành lắm. Chúng ta phải làm sao kiếm ra một loại ét-xăng tuyệt hảo, hơn cả loại ét-xăng thiên nhiên. Quan niệm của tôi về ét-xăng cũng tương tự như những ý kiến đặc biệt của ngài về các giống ngựa.

— Đừng lo ngại chuyện đó. Những chuyên viên của tôi sẽ giúp anh.

— Lẽ tự nhiên. Nhưng tôi rất muốn được đích thân lo lắng tới vấn đề này. Những chuyên viên chỉ có thể đưa ra những chi tiết kỹ thuật. Quan trọng là vấn đề lựa chọn. Hơn nữa, còn những người bỏ tiền đầu tư, những tay tư bản Thụy Điển... Họ chỉ tin tưởng ở nơi tôi. Nhà máy tương lai phải là nơi sản xuất thứ ét-xăng tốt nhất từ xưa tới nay.

— Tùy ý anh! Nhưng chớ kéo dài thời gian chọn lựa. Dự án phải được xúc tiến ngay từ bây giờ.

— Đúng như ý ngài muốn! Tôi sẵn sàng bắt đầu kể từ giờ phút này.

— Herr Erickson! Tôi thích những người hoạt động lạnh lẽo như anh. Không khác gì người Đức chúng tôi một chút nào. Có lẽ trong giòng họ của anh có một người Đức.

— Đó là một lời khen tặng quý báu nhất mà tôi hân hạnh được nghe lần thứ nhất trong đời. Cảm ơn ngài, Reichsfuhrer.

Và thừa dịp Eric tấn công ngay:

— Trong những giấy tờ cho phép tôi được đi lại quan sát tại chỗ cách thức sản xuất dầu lửa, xin ngài chớ nhắc tới dự án thành lập nhà máy vôi. Chúng ta nên giữ bí mật tới phút chót.

— Anh nói phải lắm.

Himmler cho gọi Von Nordhog, và bảo ông này sửa soạn một số giấy tờ cho phép Eric đi lại trên toàn thể Đức quốc, kể cả những xứ hiện đang sống dưới quyền kiểm soát của quân đội Đức “vì quyền lợi của Reich, nay cho phép Eric Erickson...”

Ngoài ra Eric còn có quyền được cấp phát mọi phương tiện di chuyển, tùy theo nhu cầu. Một vài chiếc xe hơi, với một xấp thẻ tiếp tế ét-xăng được dành sẵn cho Eric.

Khi ra khỏi tòa nhà Gestapo, Eric có cảm tưởng mình đang bay bổng ở trên mây từng mây. Anh đã đánh lừa được cả quý sứ.

Lộ Tây

Vì quyền lợi của Reich, Eric được cấp phát mọi phương tiện di chuyển cần thiết: Gestapo còn gửi thêm cho anh một người bạn đường: với một chút xíu cẩn thận “đặc biệt”, Eric biết ngay có kẻ theo dõi anh từng bước.

Vì bị theo dõi, Eric phải thay đổi tất cả mọi cách thức liên lạc với các cộng sự viên. Eric còn nhờ cậy các điệp viên trong tổ chức OSS bảo đảm con đường rút lui ra khỏi nước Đức, một khi anh bị bại lộ. Eric có cảm tưởng không những Gestapo, vì muốn tránh tất cả mọi rắc rối cho nên đã cho người theo dõi anh, ngoài những nhân viên Gestapo ra, còn có những nhân viên Sở Phán gián trực thuộc Bộ Ngoại giao cũng được lệnh bám riết Eric thành thử Eric bị thường trực theo dõi. Đến thành phố nào, địa điểm nào anh cũng thấy có người lảng vảng phía đằng sau. Nhiều lần Eric phải bỏ rơi một cuộc hẹn với cộng sự viên chỉ vì không thể đánh lạc hướng kẻ đang theo dõi anh. Khó khăn nhất là làm sao vẫn gặp được kẻ đưa tin mà không làm cho kẻ theo dõi nghi ngờ. Bỏ rơi gã bám gót Eric rất dễ, nhưng gã sẽ làm báo cáo và cấp trên của gã sẽ tự hỏi một người chuyên môn làm áp phe dầu lửa như Eric, có sao lại giỏi nghề gián điệp như vậy?

Thành thử những cuộc gặp gỡ của anh phải được hết sức tự nhiên, và thường diễn ra ở trong mấy tiệm ăn, sau một cú điện thoại với những câu “mật ước” đã được định sẵn từ trước.

Bữa đó, Eric tới Leipzig thăm viếng mấy xưởng lọc dầu đặt tại ngoại ô thành phố. Buổi chiều sau khi xong việc, anh đóng vai du khách dạo chơi phố này qua phố khác. Khi màn đêm đã buông xuống. Dưới ánh trăng sáng lấp lánh, Eric một mình lang thang trên hè phố. Thành phố này là nơi Bach,

Goethe, Wagner, Schiller... đã sinh trưởng. Ngày mai anh có thể đến viếng căn nhà của Leibniz... Mãi tưởng tượng bỗng nhiên anh va mạnh vào một người đang từ phía trước mặt đi lại. Cả hai đều đưa mắt nhìn nhau. Eric đang tính lựa lời xin lỗi, nhưng anh bỗng nhiên cứng đờ người...

— Eric, anh làm gì ở đây?

— Ủa, Frank Schroeder!

Nhìn gã Đức to lớn đang đứng trước mặt, Eric hiểu rằng cuộc đời gián điệp của anh kể như chấm dứt. Lần này, ông thần may mắn đã không mỉm cười với Eric.

Schroeder và Eric quen nhau từ khi Hitler chưa phát động cuộc chiến. Hồi đó Schroeder đã tỏ ra là một gã Quốc xã cuồng tín. Gã thù ghét Eric không những vì thái độ ghét Nazi của anh, ngoài ra, Eric và người bạn Do Thái còn chơi gã một võ thật đau: cả hai đã tìm cách gạt Schroeder ra khỏi một kế ước thương mại với người Anh. Trước khi bỏ đi Schroeder đã thề sẽ trả thù, theo gã nếu một khi Hitler làm chủ thế giới, ngày đó, Eric sẽ không có đất mà chôn. Eric đã cười vào mũi hăn ta. Không bao giờ Eric nghĩ rằng trên đường anh đang đi, lại có ác quỷ Schroeder nhảy ra chặn ngang:

— Nghe nói anh ở Téheran bên Mỹ, buôn bán dầu lửa cho Anh và Hoa Kỳ. Tại sao anh lại có mặt ở trên đất Đức của chúng tôi?

Hăn ta dẫn mạnh mấy chữ “của chúng tôi”.

Eric vội vàng trả lời lấp liếm:

— Ô! Hiện nay tôi đang phục vụ cho quyền lợi của Fuhrer. Câu chuyện khá dài. Chúng ta hãy tìm quán nào ngồi uống giải khát.

— Đồng ý! Nghe anh nói, tôi hết sức ngạc nhiên.

Họ vào quán ngồi. Trong khi bồi bàn sửa soạn đồ uống, Eric loay hoay tìm đủ mọi cách để đánh lừa Schroeder. Theo lời Schroeder hiện nay gã đương cai quản một số xưởng lọc dầu và có mặt thường xuyên ở Leipzig. Trong mấy lần săn tin trước đó, Eric chưa hề đặt chân tới đây. Lần này, kể như anh không may.

Eric bèn lựa lời nói:

— Này anh Schroeder, đối với tôi công việc là công việc ngay sau khi nhận thấy những ý nghĩ của tôi về nước Đức hiện tại không sát với thực tế, tôi bèn thay đổi thái độ. May mắn thay, tôi vẫn còn đủ thời giờ.

— Tôi biết! Anh lúc nào cũng tỏ ra một con người khôn khéo, biết xoay xở.

Schroeder nói với một giọng khinh miệt. Eric làm như không chú ý tới thái độ của gã. Anh nói thêm về một hai công việc hiện đang theo đuổi, và nhấn mạnh, chính vì những áp phe với Đức quốc mà tên anh hiện có trong bảng đen của Đồng minh. Schroeder tỏ vẻ chấp nhận những lời giải thích đó. Gã hỏi:

— Nhưng tại sao anh có mặt tại đây?

Eric bèn kể cho gã nghe về những liên lạc của anh với Von Nordhog, và cuộc hội kiến vừa qua với Reichsfuhrer.

Schroeder lộ vẻ nghi ngờ:

— Anh không tính bịp tôi đấy chứ? Có giấy tờ gì chứng minh điều anh vừa nói hay không?

Eric liền rút trong túi ra tờ giấy phép đặc biệt:

— Đây này! Giấy này do chính Reichsfuhrer ký tên. Nếu anh nghi ngờ giấy giả, xin cứ việc cho hỏi lại các nhà chức trách ở Berlin.

Schroeder cầm tờ giấy đọc đi đọc lại. Nét mặt gã từ kinh ngạc đổi qua ghen tức, kính nể. Sau cùng gã đưa giấy cho Eric.

— Thành thật khen ngợi anh. Này Eric, nếu có gì hay ho, xin anh cho tôi biết với.

— Rất sẵn sàng! Thế nào tôi cũng phải cần tới sự giúp đỡ của anh.

Sau đó, họ nói chuyện lảng nhãng một hồi rồi từ biệt. Khi ra khỏi tiệm cà phê. Eric biết ngay mình đã thất bại. Schroeder bề ngoài tỏ ra tin tưởng, nhưng Eric chắc chắn một điều, ngay sau khi anh đi khuất, gã sẽ chạy tới trạm điện thoại gần đó để báo tin cho Gestapo. Theo như anh được biết, Schroeder có rất nhiều người quen làm lớn tại Gestapo.

Giết Hoặc Bị Giết

Khách sạn Eric ở cách ở tiệm cà phê chừng mấy chục thước. Anh giơ tay chào Schroeder rồi xăm xăm đi về hướng khách sạn. Nhưng qua một khúc queo, Eric dừng lại và rón rén đi trở lui về tiệm cà phê. Lúc này anh đã cố tình bỏ quên chiếc mũ. Anh trở vô tiệm lấy chiếc nón và trở ra bằng cửa sau. Trước khi hành động. Anh cần phải bỏ rơi gã nhân viên được lệnh theo dõi anh.

Một chiếc taxi đang đậu gần đó, Eric nhảy ngay lên, kêu tài xế chạy về hướng Schroeder đang đi. Xe chạy được một hồi, anh nhận ra bóng dáng to lớn của Schroeder trên hè phố. Anh để cho tài xế chạy quá lên trên một quãng rồi kêu ngừng lại. Mở cửa xe, Eric chạy vội vào hiên một căn nhà, rồi đứng yên trong bóng tối, chờ đợi Schroeder đi qua. Anh thấy gã tiến tới một trạm điện thoại gần đó. Eric rời khỏi chỗ nấp, men theo bờ tường tiến lại gần trạm điện thoại. Gã Schroeder vội vàng đến nỗi không kịp khép chặt cửa Cabine, cảm thấy cơ hội đã tới. Eric từ từ rút một con dao vẫn mang theo và rón rén cúi đầu lao tới. Khi mũi dao đâm ngập vào bụng Schroeder, gã này còn cố nói tiếp:

—... Có một tên gián điệp...

Eric một tay bịt miệng gã, tay còn lại cứ thế đâm sâu lưỡi dao vô thân thể Schroeder. Gã ú ớ một hồi rồi lịm dần. Thân hình nặng nề của gã rũ xuống người Eric.

— Chuyện gì vậy?

Một tiếng nói vang lên từ bên ngoài phòng điện thoại. Tim Eric như ngừng lại. Anh nhìn ra, thấy một viên cảnh sát già đứng cách phòng điện

thoại chừng vài bước, đang tò mò nhìn vô bên trong. Tối quá, chắc gã chưa nhìn thấy gì. Eric bèn làm ra vẻ đang nói chuyện với người bên kia đầu giây.

— Alo, Gerda! Chờ một chút...

Và anh quay ra nói với viên cảnh sát:

— Không có chuyện chi đâu! Anh bạn tôi đây hơi quá chén, thành thử tôi phải gọi điện thoại báo tin cho bà vợ anh ấy.

— Vậy hả? Ông bạn có cần tôi giúp đỡ một tay không?

— Cảm ơn, tôi có thể lo cho anh ta được mà. Bạn nhậu với nhau.

— Nếu vậy tôi xin kiếu.

Vừa nói gã quay lưng đi, Eric cũng buông tay để cho thân hình Schroeder té xuống. Đứng thờ một hồi cho đỡ mệt. Sau đó, Eric chùi sạch lưỡi dao vào quần áo nạn nhân và cất vào túi quần. Công việc cấp bách cần phải làm, đó là tìm mọi cách chuồn khỏi Leipzig, càng sớm càng tốt.

Trở lại Berlin, Eric tới gặp Von Oldenburg. Nhìn mặt ông ta, Eric hiểu rằng có chuyện bất thường.

— Có tin buồn: Reissner bị bắt rồi!

— Thật sao?

Reissner là một cộng sự viên đặc lực của anh. Gã giữ chức Phó Giám đốc một công ty dầu hỏa. Eric thầm nghĩ, Reissner gần như chưa bao giờ trao cho anh một tin tức quan trọng, lý do là gã chỉ ngồi tại Berlin, ít khi xê dịch. Tại sao gã bị bắt?

Anh bảo Von Oldenburg:

— Tôi nghĩ gã bị bắt vì một chuyện khác cũng nên. Hoặc đây là một đòn gió của phe Ulrich. Tuy nhiên, chúng ta cũng phải đề phòng. Tôi mong rời nước Đức càng sớm càng tốt. Về phần anh chắc không sao bởi vì Reissner chỉ biết có mình tôi thôi.

Eric đi taxi tới tòa nhà Gestapo. Anh phúc trình mọi công tác với Von Nordhog, Teichmann và Hugo. Sau đó, Himmler cho người gọi anh. Gã muốn đích thân nghe anh trình bày mọi việc.

Sau khi kể những gì đã làm, Eric nói:

— Bây giờ, xin ngài cho phép tôi trở về Stockholm càng sớm càng tốt. Tôi muốn trình bày cho các nhà tư bản người Thụy Điển biết sự chấp thuận của ngài.

—Ồ! Khoan đã! Tôi mời anh ở lại dự dạ tiệc do tôi tổ chức vào tối mai. Tôi sẽ giới thiệu cho anh một số nhà tư bản người Đức.

Mặc dầu muốn rời khỏi Berlin ngay lập tức, nhưng Eric cảm thấy khó mà từ chối lời mời của Himmler, anh đành cúi đầu tỏ vẻ cảm ơn:

— Thật hân hạnh cho tôi...

Trong lúc đi ra khỏi tòa nhà Gestapo, Eric nghĩ tới số phận trở trêu của mình: Nếu Reissner không chịu nổi sự tra tấn và khai anh là gián điệp: bữa tiệc trở thành một bữa cơm cuối cùng của tử tội. Lại còn cái chết của Schroeder không hiểu cảnh sát Leipzig đang làm gì? Liệu họ có phăng đầu mới tới anh hay không? Thôi đành chờ coi.

Trong khi chờ đợi, Eric gửi cho ông Hoàng Charles một bức điện tín “báo động đỏ”. Đối với Gestapo, bức điện văn chỉ có giá trị như mọi bức văn khác: “*Trở lại cỡ hai ba ngày sau. Công chuyện làm ăn tốt đẹp. Erickson*”. Nhưng ông Hoàng Charles khi đọc xong chắc là sẽ hoảng hồn lo ngại và tìm đủ mọi cách gỡ rối cho Eric.

Suốt ngày hôm đó, Eric như ngồi trên lò lửa. Anh đã tính nhờ điệp viên OSS lo rút dù dùm anh, và rời bỏ cuộc tiếp tân do Himmler tổ chức. Nhưng làm như vậy là hủy bỏ tất cả, chưa biết chừng còn làm cho bao nhiêu người khác bị bắt.

Đến trưa, có người đập cửa phòng anh:

— Herr Erickson, có điện tín.

Eric ngạc nhiên. Bức điện của anh gửi đi hồi sáng chắc chắn hiện giờ vẫn còn nằm tại phòng kiểm duyệt, chưa được phép chuyển đi. Tại sao lại có người điện tín cho anh?

“*Vợ đau nặng. Trở về càng sớm càng tốt. Bác sĩ G. Peterson*”.

Eric nhảy lên vì mừng rỡ. Chuyện này ngoài sự tưởng tượng của anh. Nếu nói may mắn, bức điện tín còn hơn cả sự may mắn. Nó đúng là phép lạ.

Anh vội điện thoại cho Von Nordhog ông ta đã biết tin đó trước cả anh:

— Văn phòng tôi cũng nhận được bản sao bức điện tín lỗi chừng nửa giờ. Thành thật cầu chúc bà nhà mau khỏe trở lại.

—Ồ! Cảm ơn ngài. Nếu có thể xin ngài can thiệp cho tôi đáp chuyến phi cơ sớm nhất và chuyển dùm tôi lời cáo lỗi lên ngài Reichsfuhrer về bữa dạ tiệc tối nay.

— Được rồi, để tôi lo cho.

Một giờ sau, Eric đang ngồi trước mặt Von Nordhog với tấm vé máy bay cầm trong tay. Như vậy là Himmler đã không nghi ngờ gì anh. Không biết số phận Reissner hiện giờ ra sao. Một điều Eric chắc chắn, đó là Reissner đã không khai gì cả.

Tại sân bay Eric gặp cả Lisa trong số người đưa tiễn anh. Ngạc nhiên, anh tiến lại gần nàng.

Lisa nói nhỏ:

— Thấy anh không lại nhà, tôi hỏi ba tôi mới hay anh phải về Stockholm gấp.

— Nhưng chuyện chi vậy?

— Vẫn chuyện tôi đã tính nhờ anh lần trước. Lần này câu chuyện hơi thay đổi: vị giáo sư tôi nói chuyện với anh bữa đó, ông ta đã chết rồi. Tôi nhờ anh mang dùm tập bản thảo của ông ta ra ngoại quốc.

Nhìn vẻ mặt Lisa, Eric đã tính nhận lời. Nhưng đột nhiên anh thay đổi quyết định. Không được, một chút sơ hở có thể làm tiêu tan tất cả mọi hy vọng. Nếu SS khám xét anh, chắc chắn anh sẽ bị giữ lại.

— Lisa, thành thật xin lỗi, tôi không thể nào giúp cô việc đó. Không có gì chứng tỏ hành lý của tôi không bị kiểm soát.

Và anh vội bỏ đi, bởi vì sợ rằng, nếu đứng lại, bắt buộc anh lại thay đổi thái độ một lần nữa, khi Eric bước lên phi cơ, anh quay lại phía Lisa thì nàng đã biến mất từ lâu.

Kết Quả

- *Annendorf*: nhà máy sản xuất dầu hỏa tổng hợp, được xây cất sau khi phi cơ Đồng minh oanh tạc nhà máy Lenna, thuộc Halle. Vị trí: Cách thị trấn Annendorf 15 km về phía Bắc trên đường Halle-Annendorf.
- *Lenna, Mersebourg*: Hai nơi này bị hư hại 75% do những chuyến oanh tạc trước.
- *Lutzkendorf*: 60.000 tấn dầu xăng bị thiêu, hủy. Nhà máy hư hại hoàn toàn.
- *Sigmaringen*: Địa điểm trú đông của phái đoàn Chính phủ Pháp theo Đức. Laval và Pétain hiện đang ở tại một lâu đài của Bá tước Hohenjollern (ông này bị bắt giam sau vụ Hitler chết hụt 20-7).
- *Berchesgrend*: Không có ghi trên bản đồ. Vị trí thực sự: ở giữa Berlin và Jutterborg. Nơi sản xuất những turboréacteurs rất cần cho một loại máy bay phản lực mới. Xưởng máy ở giữa rừng, chung quanh rào kẽm gai.

Nhờ báo cáo này, Đồng minh đã kịp thời hủy diệt số lượng máy móc cần thiết đã trang bị cho hàng loạt phi cơ phản lực của Đức. Nếu không bị Eric “cản mũi kỳ đà”, chắc chắn bộ mặt chiến trường 1944 đã đổi khác rất nhiều, Đồng minh tuy có thắng nhưng thế nào cũng phải đổ thêm nhiều mồ hôi và máu trong những trận lịch sử Normandie, Ardennes...

Sau khi chuyển tin tức đi, Eric càng phải cẩn thận hơn. Anh vẫn tới thăm Kortner như thường lệ. Theo tin của Oldenburg, hồ sơ của anh tại Đức vẫn còn trắng toát: Himmler vẫn không tỏ vẻ nghi ngờ gì anh, mặc dù cái chết của Schroeder và Reissner. Chuyện này thật quái dị. Có thể nhà

chức trách Đức tại Leipzig đã không nghi ngờ tới một du khách là thủ phạm giết chết Schroeder. Đối với viên cảnh sát già, án mạng Schroeder có thể được coi như một án mạng vì tình. Cho tới phút này, ông thần may mắn vẫn không chịu “bỏ rơi” viên gián điệp tài tử. Người xưa nói “Thánh nhân đãi kẻ khù khờ” là vậy.

Tuy nhiên, để phòng ngừa, Eric quyết định sẽ không trở lại hang hùm làm gì nữa.

Tháng 10-1944, sau chuyến đi dưới sự bảo trợ của Gestapo, Eric không còn nghi ngờ gì về những tin tức của anh không được sử dụng đúng mức nữa: Từ tháng 11-1944, Không lực Hoa Kỳ, có cả Không lực Hoàng gia Anh tiếp sức, đã được lệnh “ưu tiên” oanh tạc các xưởng lọc dầu. Mức độ oanh tạc được mô tả là “dữ dội” khác xa so với mọi tháng trước.

Đại tướng Eisenhower, trong cuốn *Croisade en Europe*, đã thú nhận, lúc đầu ông tính sử dụng vào việc oanh tạc các cây cầu trên sông Rhin, nhưng sau khi cân nhắc lợi hại, kết quả phúc trình của Eric đã làm ông thay đổi quyết định.

Sau những thất bại liên tiếp, Hitler đặt mọi hy vọng vào cuộc phản công chót: Trận đánh chiến xa Ardennes, lưới bom bay V tàn phá Anh quốc, và một lô khí giới bí mật khác nữa như tàu ngầm điện tử. Những viên tướng Đức như Von Rundstedt, Model đã trình lên Hitler tình trạng thiếu xăng sẽ làm hỏng tất cả mọi dự tính, nhưng Hitler không thèm để ý tới. Quả nhiên, vì thiếu ét-xăng, kể từ 16 tháng Chạp 1944, cùng với lệnh phản công của Hitler, là một cuộc đình công toàn diện của các xe chuyên chở các chiến xa. Lữ đoàn thiết giáp của Đức coi như tê liệt hoàn toàn. Tại Diraant đoàn tiền quân của đoàn II Panzer, bị “nằm ụ” trong 36 tiếng đồng hồ. Tại miền Đông Rochefort, quân Hoa Kỳ tiến thật nhanh gần như không gặp một sự kháng cự nào của quân Đức, mặc dù Hitler đã ra lệnh cho họ phải chiếm cho được Alsace và Meuse. Thấy nguy hiểm, Himmler đích thân can thiệp, gã cầm đầu một toán quân quyết vượt chiến tuyến đầu miền sông Rhin, nhưng cuối cùng bị chặn lại tại Strassbourg. Tại khắp các mặt trận quân Đức đều bị đánh gục, hàng ngũ bắt đầu tan rã. Trong khi đó Eisenhower vẫn không ngừng ra lệnh tiếp tục oanh tạc các kho dầu của

Đức. Bộ trưởng Quân nhu của Đức là Speer cố gắng di chuyển các nhà máy dầu tới vùng Sibérie, ở ngoài tầm oanh tạc của phi cơ Đồng minh. Nhưng quân Nga cũng đang phản công chiếm lại những vùng đất đã mất.

Ngày 27-1-1945, Hitler ra lệnh mang quân trở về miền Tây. Nhưng vì thiếu xăng, quân Đức phải sử dụng thiết lộ, nhưng hệ thống xe lửa cũng bị hư hỏng: Quân Đức tiến đến đâu, sửa sang đường sắt tới đó. Cuộc chuyển quân mất đúng 8 tuần lễ.

Tác giả Chester Wilmot, trong cuốn *La Bataille Pour L'Europe* ghi lại: *Mười hai sư đoàn thiết giáp Đức tại Pologne và Prusse-Orientale chỉ vì thiếu ét-xăng nên đành chịu chết, không sao phản công, và biến thành những pháo đài bất động. Chiến tuyến vùng đó kể như bị thủng lỗ chỗ không làm sao rào kín lại được.*

Đồng thời quân Nga chiếm lại Sibérie, bao nhiêu cơ sở dầu xăng vừa mới thành lập của Speer đều lọt vào tay Nga Xô. Ông này thú nhận: *Vùng Haute-Silésie mau lẹ rơi vào tay địch đã là nguyên do khiến 1.200 chiến xa quy tụ tại chiến tuyến Baranov đành chịu bất lực không sao hỗ trợ quân Đức chống lại sự phản công của quân Nga.*

Trong cuốn *Histoire officielle de l'aviation américaine* - Lịch sử Không lực Hoa Kỳ có ghi lại sự kiện: *Cuối 1944, quân Đức chỉ vì thiếu ét-xăng, nên đã huy động người, ngựa vào việc chuyên chở quân nhu, đạn dược. Kết quả, vận tốc tối đa của quân Đức là 28 cây số giờ. Cuối tháng Ba năm 1945 đám quân của Model gồm có 250 ngàn lính, 400 ngàn pháo binh tập trung tại vùng Ruhr ngoài là vòng rào quân Đồng minh do các tướng Patton, Collins, Hodges chỉ huy, giá như các cơ sở dầu lửa tại vùng Ruhr không bị phi cơ Đồng minh phá hủy, chắc chắn là Model đã gây nên một cuộc bắn phá thật dữ dội với 100 ngàn pháo binh ở trong tay. Tuy nhiên chỉ vì thiếu ét-xăng, đạn dược cho nên viên tướng Đức đành thúc thủ. Ngay cả việc biến Ruhr thành một pháo đài chết Model cũng không làm được. Cuối cùng ông ta đành phải hy sinh 325 ngàn người lính. Cuộc bỏ súng đầu hàng kể trên được coi là lớn lao nhất, hơn cả trận Stalingrad.*

Ba tuần lễ sau, ngày 7-5-1945, Đức quốc đầu hàng vô điều kiện.

Chúng ta cùng nên nhắc lại cuộc gặp gỡ đầu tiên vào 1939 giữa Đại sứ Lunrence Steinhardt và Eric, ông Đại sứ đã nói với anh như sau:

— Tôi nghĩ rằng ông bạn sẽ giúp ích cho mọi người rất nhiều! Nhiều đến nỗi chính ông bạn cũng không thể tưởng tượng nổi.

Trong trò chơi gián điệp tài tử của Eric, thử hỏi bao nhiêu mạng người đã sống sót nhờ Eric đã bít chặt chiếc vòi ét-xăng của quân đội Đức?

Trái Bom Chót

Ông Hoàng Charles và Eric cố gắng thực hiện một cú tuyệt mầu chót: Tìm mọi cách kéo Werner Olbricht qua Thụy Điển. Gã này chỉ chịu bàn chuyện gián điệp với các nhân viên Tòa Đại sứ Hoa Kỳ.

Tới tháng Hai, cuộc du hành của Olbricht được chấp thuận. Ông ta sẽ tới Thụy Điển vào cuối tháng đó. Nhưng đúng lúc đó, một trái bom nổ tung trong làng báo Stockholm. Một nhật báo Thụy Điển đăng ngay trên trang đầu tin tức liên quan tới dự án lọc dầu của Eric và ông Hoàng. Tờ báo tấn công hai người và luôn cả một số những tư bản Thụy Điển dính vô vụ đó. Theo cuộc điều tra, một phó bản của dự án đã bị đánh cắp. Dư luận không ai nghi ngờ một “sự thực” lớn lao như vậy. Eric bắt buộc phải ngậm bồ hòn làm ngọt, giả câm như thóc, từ chối mọi cuộc phỏng vấn của báo chí.

Vài ngày sau, Olbricht tới Thụy Điển. Gã không đòi hỏi tiền bạc chỉ xin Đồng minh bảo vệ nhân mạng tài sản của dòng họ gã tại Đức. Sau vụ xì căng đan báo chí vừa kể, Olbricht mất hết tinh thần, chỉ sợ gián điệp Đức nghi ngờ nhảy vô. Ngoài một số tin tức về sự thiệt hại của Đức trong vụ oanh tạc nhà máy dầu, Olbricht kể cho Đồng minh về công thức chế tạo Benzol, một chất thay thế cho dầu hỏa và được dùng trong việc chế tạo bom bay.

Mặc dù lấy ra từ ét-xăng nhưng Đức quốc đã tìm ra cách chế tạo benzol từ những nơi có mỏ anthracite. Những vùng mỏ này từ trước tới nay chưa bị phi cơ Đồng minh chiếu cố. Nhờ tin tức quý báu của Olbricht, Đồng minh đã kịp thời khóa luôn mạch benzol của Đức.

Olbricht, trở về Berlin ngay bữa đó ngày 5 tháng Ba. Tối 9 tháng Ba, Eric và ông Hoàng đã thấy báo chí loan tin những nhà máy đồ sộ chế tạo benzol (rất dễ nhận ra vì những ống khói vĩ đại, theo Olbricht) và những vùng mỏ sản xuất anthracite đã bị phi cơ Hoa Kỳ oanh tạc, thiệt hại nặng nề.

Ngày 24 tháng Tư chiến tranh kết thúc, Hitler tự tử. Himmler cho tới phút chót vẫn còn tin tưởng ở Eric và ông Hoàng Charles. Ông trùm Gestapo cho tới Bá tước Folke Bernadotte, một ông chủ của ông Hoàng Charles, vốn là Hoàng đế nước Belgique, được Himmler cho mời tới để bàn luận về một kế hoạch hòa bình giữa Đồng minh Tây phương (Âu châu) và... Himmler. Lẽ tự nhiên kế hoạch hòa bình trên đã không được thực hiện. Himmler đành phải kết liễu đời mình bằng một viên độc dược Cyanure. Cho đến phút chót trước khi từ gia cõi đời, ông trùm Gestapo vẫn không nghĩ rằng Eric và ông Hoàng đã đánh lừa mình.

Nhưng dư luận dân chúng Thụy Điển cũng như gia đình họ hàng Eric đã may mắn hơn Himmler nhiều. Báo chí Thụy Điển đã vội vàng vồ lấy tin tức sốt dẻo trên. Câu chuyện về Eric tuy được vẽ vời thêm lên nhưng thực tế có khi còn vĩ đại hơn thế nữa cũng nên: *Eric Erickson, người đã đánh lừa được cả ác quỷ Himmler!*

Khi còn đi học, Eric đã được bè bạn ban cho cái tên Eric Số đỏ (Eric Le Rouge) Độc giả chúng ta chắc cũng phải công nhận anh chàng Eric gặp quá nhiều may mắn. Tuy nhiên khi chấp nhận vai trò gián điệp tài tử, Eric đâu có bao giờ nghĩ rằng anh ta “hên” đến như thế.

Ngoài Eric ra, còn có hai người nữa, kể như cũng được hên: Đó là Klara, và thằng con trai khoái Hitler tên là Hans của nàng. Khi nhận được thư cảm ơn của Đồng minh và số tiền thưởng to lớn, cả hai đã ngỡ ngàng đến nỗi không biết nên cười vì cái may mắn bất ngờ của mình hay nên khóc vì ân hận ngày trước có dịp lột mặt nạ của gã gián điệp Eric Erickson vậy mà lại bỏ qua.

Chỉ tội nghiệp nàng Lisa. Một tuần lễ trước khi Hitler đầu hàng, Lisa bị bắt và bị xử bắn vì tội âm mưu nổi loạn chống lại chế độ Đức Quốc xã.

HẾT

Table of Contents

PHẦN I

Lời Tựa

Lời Tác Giả

§1

§2

§3

§4

§5

§6

§7

§8

§9

§10

§11

§12

§13

Phần Kết

PHẦN II

Lời Tựa

§1

§2

§3

§4

§5

§6

§7

§8

§9

§10

[§11](#)

[§12](#)

[§13](#)

[§14](#)

[§15](#)

[§16](#)

[§17](#)

[§18](#)

[§19](#)

[§20](#)

[§21](#)

[§22](#)

[§23](#)

[§24](#)

[§25](#)

[§26](#)

[§27](#)